

Di Li



Chuyện

Làng Văn

PHUONGDONG



vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Table of Contents

THÔNG TIN EBOOK

THỬ THÁCH MỘT SÁCH - 2015

Người đã đặt bút danh cho tôi

Nhà văn Kim Lân - Văn thế nào người thế ấy

Hỏi chuyện "ông đế mèn"

Nhà thơ Trần Hòa Bình - Người đi hết một chặng đường

Tình yêu trong ngôi nhà của búp bê

Nỗi buồn thơ kiêu hãnh

Lang bạt xứ người

Ngôi nhà mới của nhà văn Phạm Ngọc Tiến

Con nợ của nhân gian

Nhà thơ Trần Đăng Khoa làm bố như thế nào

Dị hương - Hoạt - Phiêu - Thỏa

Nhà văn đại gia

Lê Anh Hoài - Kẻ ham vui có lý trí

Phim truyền hình - Trăm người trăm ý

Dịch giả Nguyễn Lệ Chi - Đa tài, đa nghệ

Người kể những câu chuyện trong bóng đêm

Người giáp dần lên tiếng

Nhà văn Phong Điệp: Tôi chọn kiểu số đông thứ nhất

Nhà văn Xuân Thủy với "Sát thủ Online"

Phiên bản = Bạo lực + Sex?

Trong nụ cười lạnh lẽ

Tôi sẽ chọn tình yêu

Nhà thơ Lê Thiếu Nhơn - Giải nổi giải

Bạn văn

Giấu được thủ phạm đến phút cuối cùng

Sex trong văn học, thế nào là đủ?

Các nhà văn và PR

Nhà văn Carrie Ryan - Sự lãng mạn có thể tồn tại ở bất cứ đâu

Rừng Răng Tay - Một thế giới kỳ lạ

Nhà văn Paolo Giordano - Tất cả các nghệ sĩ đều yêu sự cô đơn

Việt Nam toàn là những người khác thường

Nhà báo Valerio Pellizzari - Tôi tự hào là đồng hương của Marco Polo

Kỳ diệu chuyến tàu cổ tích Andersen

Văn học Việt - Cái nhìn từ bên ngoài

Hãy nhìn bằng con mắt của người Châu Á

Nhà văn Jan Cornall - Chúng ta biết về nhau ít quá

Nhà văn Didier Daenickx - Tiểu thuyết trinh thám cũng phải có chất thơ

Tất cả mọi người đều phải đấu tranh với chính mình
Masatsugu Ono – Tôi không sống được bằng nghề văn

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :
Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Người đã đặt bút danh cho tôi

Cuối năm 2001, lần đầu tiên tôi đến báo Người Hà Nội. Người đã mời tôi đến bảo “Vào đây, để anh giới thiệu em với tổng biên tập”. Tôi leo đèo theo sau, vào căn phòng quây vách nhôm phía cuối ngôi nhà lớn. Có khá đông người trong đó, có lẽ vì người ta đang làm báo Tết nên khung cảnh rất nhộn nhịp. Tôi nhìn thấy một người đàn ông đứng tuổi nhỏ bé đang ngồi sau chiếc bàn lớn, khói thuốc mù mịt bao quanh khuôn mặt không cười nhưng tươi tắn.

- Đây là anh Bế Kiến Quốc, tổng biên tập.

Tôi đồng dạc đầy kính nể:

- Cháu chào chú.

Người kia nhả mặt quay sang tôi nói nhỏ:

- Em gọi anh ấy bằng anh thôi.

Người kia giới thiệu tên và nghề nghiệp của tôi, rồi nói rằng tôi rất muốn cộng tác với báo Người Hà Nội. Tổng biên tập không bình luận gì, chỉ đưa cho tôi chiếc các vi dít, mà giờ tôi vẫn còn giữ lại. Sau đó hỏi rằng tôi có thể viết được thể loại gì, và có sẵn sàng viết ngay cho báo Tết được không. Tôi sốt sắng nhận lời, việc của tôi hôm nay đến đây cũng chỉ có như vậy. Ông bảo rằng đang cần hai bài, một bài phỏng vấn người tuổi Ngọ cho số báo Tết Nhâm Ngọ, và một bài viết về nhà văn Kim Lân. Lúc này ông mới cười, nụ cười phần khích như vừa chợt nghĩ ra một ý tưởng thú vị.

- Hay là em phỏng vấn nhà thơ Hữu Thỉnh nhé. Ông Hữu Thỉnh tuổi Ngọ đấy.

Tôi hỏi hạn nộp bài và nói rằng trong ngần ấy thời gian, tôi chỉ có thể làm được một bài. Cuối cùng, cả hai thỏa thuận rằng tôi sẽ viết bài chân dung nhà văn Kim Lân cho số Tết. Hạn nộp là năm ngày sau. Ông cung cấp cho tôi số điện thoại của nhà văn Kim Lân rồi tiếp tục công việc bận rộn của mình với các cộng tác viên khác đang vào ra tấp nập.

Tôi chỉ gặp nhà thơ Bế Kiến Quốc chừng đầu bốn, năm lần. Cũng không thể nói chính xác là bốn hay năm lần, nhưng lần nào cũng thấy ông với một điếu thuốc. Bế Kiến Quốc hút thuốc liên tục trong giờ làm việc, tôi không thể không nhận ra ngay điều ấy.

Đúng năm ngày sau, tôi trịnh trọng mang bài lên nộp cho tổng biên tập. Lúc ấy, tôi nhìn thấy sự gì đó hơi chững lại. Bế Kiến Quốc ngập ngừng thông báo rằng cũng đã có một phóng viên của báo đi viết bài này. Tôi ngờ ngác.

- Nhưng mà hôm đó anh đặt em viết bài này kia mà.

- Thì... tôi cứ tưởng là em không viết nữa.

Rồi ông bảo cứ để bài đấy xem sao. Tôi ra về, trong lòng đầy buồn bực. Sao lại thế được? Đây rõ ràng là một bài báo đã được đặt hàng, và tôi đã mất nhiều công sức để viết nó. Tôi nhận ra rằng tổng biên tập đã không tin tưởng tôi, một cộng tác viên mới toe. Lúc ấy ông đang trong tâm trạng vui vẻ nên đặt bài, sau nghĩ lại, không chắc tôi có nộp đúng hẹn không, không chắc tôi có viết ra nổi chân dung một con người mà dường như báo chí đã khai thác hết mọi khía cạnh đề tài, mới cử thêm người khác đi viết cho chắc chắn. Báo thường thì không sao, đây lại là báo Tết, mọi nguồn bài vớ cần hết sức chuẩn xác và chất lượng. Mà đây lại là một bài quan trọng, không nhà báo chuyên nghiệp thì cũng phải cộng tác viên “cây đa cây đề” đảm nhận.

Nhưng hai ngày sau, ông gọi điện thông báo bài viết của tôi đã được sử dụng, nhân tiện ông cũng đã kiếm được một tấm ảnh minh họa rất độc đáo của nhà văn Kim Lân. Tôi cười qua điện thoại. Đó là cảm giác sung sướng khi lần đầu tiên có một bài được in trên báo Tết. Ông cũng nói thêm rằng bài của tôi rất tốt, rằng “Chính tôi chơi thân với ông Kim Lân như thế mà cũng có nhiều chi tiết trong bài tôi chưa được biết”. Chẳng hiểu ông khen thật hay nói để động viên nhưng tôi thực sự hạnh phúc. Mãi sau này, tôi cũng vẫn luôn vô cùng cẩn trọng trong lời nhận xét đối với những người trẻ tuổi hơn mới bước vào nghề. Tôi hiểu được cảm giác thiếu tự tin và hồi hộp, lo lắng của những người bắt đầu cầm bút viết. Tôi đã luôn thiếu tự tin như thế, trong suốt một thời gian dài, và cho đến giờ phút này, tôi luôn biết ơn những người đã thấp lên

ngọn lửa đam mê sáng tác trong lòng tôi ngay từ những buổi ban đầu, thay vì phũ phàng dập tắt nó vì một vài sự vô tình.

Mặc dù chỉ tiếp xúc với nhà thơ có vài lần, trong một thời gian rất ngắn, nhưng tôi cảm nhận được thái độ nghiêm túc, tâm huyết và tận tụy của ông trong công việc cũng như sự chân thành, giản dị trong đối nhân xử thế. Tại thời điểm đó, báo Người Hà Nội đang là một ấn phẩm văn nghệ sang trọng và đáng mơ ước của nhiều cộng tác viên.

Báo Tết ra, bài viết của tôi chiếm trang rưỡi. Trước ấy, khi tôi gửi truyện ngắn “Chiếc vòng bạc” cho ông, nhà thơ có nói ý rằng tôi nên tìm lấy một bút danh, sẽ tốt hơn cái tên thật mà tôi đang dùng. Tôi bảo cũng đã nhiều người nhận xét thế nhưng tôi chưa tìm ra một cái tên nào khả dĩ và hỏi liệu ông có thể nghĩ giúp tôi một bút danh được không. Bế Kiến Quốc hẹn sẽ suy nghĩ và trả lời sau. Lần gặp sau đó, ông bảo:

- Tôi đã nghĩ cho em một cái tên rồi đấy... Di Li có được không?

Tôi giã nảy. Tên gì mà kỳ quái chết. Đọc lên nghe chẳng giống ai. Nhưng cũng chỉ dám nói rằng tôi không thích cái tên Li. Bế Kiến Quốc chững hờ, không nói gì thêm. Tôi áy ngại. Lúc ấy tôi có một suy nghĩ rất trẻ con, ấy là mình đã làm cho tổng biên tập không vui. Nếu ông không vui, nhờ đâu lại dám ghét, chẳng in truyện “Chiếc vòng bạc” cho tôi nữa. Cuối cùng tôi đành bảo:

- Thôi em dùng tên ấy cũng được, đọc đi đọc lại nghe cũng... thấy hay.

Tôi bung bảo da, bút danh gì cũng không có sao, miễn cái truyện của tôi được in trên tờ báo văn ấy là được, (Trước đó, tôi mới chỉ viết một cái truyện cho tuổi teen in trên Hoa học trò), in xong rồi thay bút danh cũng chẳng sao.

Cuối mùa xuân năm ấy, tôi có gọi điện cho nhà thơ về công việc. Ông bảo bài vở cứ đến gửi tòa soạn, ông sẽ xem sau, vì giờ còn đang phải nằm viện. Ông bảo ông ốm xoàng xoàng, nhưng cần phải nằm viện để kiểm tra, giọng rất vui vẻ. Tôi cũng tin thế và vẫn tin rằng ông sớm quay trở lại tòa soạn. Con người Bế Kiến Quốc có lẽ vẫn lạc quan cho đến giờ phút cuối cùng. Và thường thì người ta không bao giờ tin những người lạc quan một ngày nào đó sẽ vĩnh viễn tắt nụ cười. Tuy nhiên lúc ấy tôi nghĩ rằng nằm viện dài ngày thế ắt phải buồn lắm, nhất là vào mỗi buổi sáng, khi một ngày mới bắt đầu và người bệnh tự hỏi mình liệu hôm nay mọi chuyện có khá hơn không. Vậy là mỗi buổi sáng sớm, trước khi lên lớp, tôi thường gửi một tin nhắn đến cho nhà thơ với lời chúc mong ông chóng lành bệnh. Ông nói rằng rất vui khi nhận được một lời chào vào mỗi buổi sáng và trách tôi sao chẳng thấy dùng bút danh mới. Đó là những thông điệp cuối cùng tôi nhận được từ ông.

Mùa hè năm Nhâm Ngọ, tôi nghe tin dữ, kết quả của căn bệnh ung thư phổi. Tôi thường không mấy khi hối tiếc điều gì, nhưng trong khoảnh khắc ấy, tôi ước gì mình đã được chào ông một lần trong một buổi sáng khác, trước khi phải nói lời chào cuối cùng.

Và có thể nào nhà thơ đã hình dung được nỗi luyến tiếc của tất cả những người yêu quý ông để mà viết “Có thương tiếc cũng đừng thương tiếc quá”. Cũng thật tình cờ, đây lại là những câu thơ đầu tiên mà tôi đọc được, vì lúc sinh thời chưa lần nào nghe Bế Kiến Quốc nhắc đến thơ cả.

Tôi phải đi một ngày khi đã tận

Yêu đã xong, ân oán cũng xong rồi

Tôi tịch diệt giữa cõi trần bụi bặm

Ánh hào quang lìa hẳn cảnh luân hồi

Có thương tiếc cũng đừng thương tiếc quá

Buồn đủ buồn như mọi cuộc chia ly

Tôi để lại không mang theo gì cả

Thật nhẹ nhàng như gió lúc ra đi

Nhà văn Kim Lân - Văn thế nào người thế ấy

Tôi đến thăm ông vào một ngày cuối năm. Ngắt khỏi dòng người bộn bề xuôi ngược trên đường, tôi rẽ vào con ngõ nhỏ, nơi những người hàng xóm dù xa gần đều biết đến một cái tên rất đời quen thuộc, nhà văn Kim Lân.

Khác với tưởng tượng của tôi, căn hộ của nhà văn Kim Lân khá chật, phòng khách rất bé nhưng sau đó ông khoe rằng “Ấy, cái nhà này là của Chính phủ cho không tôi đấy. Tôi được cấp chứ có phải mất tiền mua đâu”. Nhà văn Kim Lân bảo năm nay vừa tròn 81 tuổi nhưng có lẽ ông tính thêm cả tuổi mụ vào vì trên thực tế ông sinh năm 1921.

Khi mới vào, tôi ngồi luôn xuống chiếc ghế bên tay phải nhưng ông lại mời tôi ngồi sang ghế đối diện, tôi hiểu rằng đây là vị trí dành riêng cho ông và chắc phải có lý do song cũng chưa biết vì lẽ gì. Ngay từ lúc đặt vấn đề, tôi có nói khéo là biết tiếng nhà văn nói chuyện vui lắm và bài viết của tôi lại phục vụ cho báo Tết nên... Ông tinh ý hiểu ngay song cũng thật thà từ chối “Bình thường thì tôi nói chuyện cũng tếu táo lắm đấy, nhưng người ta nói rằng phải lúc khỏe mới vui. Tôi đang ốm đau thế này thì vui sao được, huống hồ còn nói chuyện vui nữa... nên tôi nghĩ rằng yêu cầu của chị có lẽ hôm nay không thực hiện được đâu”. Ấy vậy nhưng cũng như khi ông khẳng định rằng mình đang mệt, không nói được nhiều song càng về sau những câu chuyện với cách nói tỉnh bơ của tác giả “Vợ nhặt” vẫn khiến người đối diện phải bật cười. Mới hay những điều người ta kể về ông là đúng, dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào bao giờ ông cũng rất Kim Lân.

Như có người để giải bày tâm sự, ông bày tỏ nỗi trăn trở của mình qua nhiều lần tham dự Hội nghị các nhà văn trẻ. Cứ mỗi mùa xuân đến, ông lại hay nghĩ tới những gì còn đang ở phía trước và nhìn lại những chuyện trong quá khứ. Đã một thời, chính ông cũng là một cây bút trẻ, cũng đem lòng nhiệt tình thả lửa vào trang viết. Ông cho rằng ở vào thời điểm nào, đã là nhà văn, là người cầm bút, ai mà chẳng mong muốn mình được trở nên nổi tiếng, những tác phẩm của mình để lại dấu ấn riêng biệt cho người xem. Song ông cũng thấy điều đó bây giờ sao khó quá. Mặc dù có rất nhiều nhà văn trẻ đầy triển vọng song rất ít phong cách, nếu có thì cũng quá mờ nhạt và một điều hiển nhiên nữa là khó có thể phân biệt văn phong của người này với người kia. Tôi đề nghị ông thử nhìn nhận nguyên nhân khách quan vì sao vậy? Ông lại nhớ về cái thời ngày xưa ấy, những năm tháng cùng cộng tác và sát cánh bên các đồng nghiệp thân thiết như Nguyên Hồng, Nguyễn Tuân, Nam Cao, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan... Ông cho rằng mình có cái may mắn được sống cùng thời với họ, lại có nhiều thời gian cùng làm việc để học hỏi họ nhiều thứ, từ văn chương, đến kinh nghiệm sống và những lĩnh vực khác nữa. Ông vẫn khiêm tốn là vậy, mặc cho những người am hiểu đánh giá, khen ngợi ông, nhà văn Kim Lân một mực khẳng định nhờ có họ mà ông hiểu ra nhiều điều lắm.

“Họ ngồi chồm chồm trên trang sách ấy. Mà đúng là văn thế nào người thế ấy. Chị cứ thử tưởng tượng khi đọc văn các ông ấy thế nào thì khi gặp đúng tính cách người ta như vậy thật. Ông Nguyễn Tuân thì cầu kỳ, khó tính, yêu cái đẹp, thích ăn ngon. Còn ăn nói hóm hỉnh, láu cá láu tôm, xỏ xiên mới đúng là Nguyễn Công Hoan. Anh Nguyên Hồng thì hay thương người, suốt ngày nước mắt ngấn nước mắt dài. Thú thực tôi phục lắm”. Và nói theo cách của ông thì họ và văn của họ “rất người ta”. Rồi ông lại quay trở về với cái bản thảo, day dứt “Bây giờ tại làm sao lại không thể được? Nguyễn Công Hoan là người mang đến cho văn học Việt Nam một thể loại riêng, thể loại văn chương hài hước, hóm hỉnh. Tại sao bây giờ thể loại châm biếm ấy không còn nữa?”. Theo quan điểm của nhà văn Kim Lân, người viết phải biết yêu ghét rõ ràng, phải có tấm lòng thương yêu nhân vật, phải coi ngôi bút là vũ khí và có cái riêng của mình, có thể văn chương mới sắc sảo được.

Ông có kể một kỷ niệm khi cùng nhà văn Nam Cao và một số người khác nữa đi thực tế sáng tác ở cây số 7, Tuyên Quang. Hồi ấy nhà văn Nam Cao rất hăng hái sáng tác. Sau khi hoàn thành xong một tác phẩm, nhà văn phấn khởi đọc cho mọi người. “Lúc đó tôi, anh Nguyên Hồng và anh Nguyễn Huy Tưởng ngồi nghe. Anh Nam Cao đọc hết chương một, thấy mọi người im lặng như tờ, đọc hết chương hai vẫn lặng im như tờ, đến hết chương ba thì đột nhiên, anh Nguyên

Hồng phá lên cười và... anh Nam Cao... từ từ xé bản thảo. Văn chương lạ lắm, nó lại không chê được nữa mới chết chứ. Và từ đó anh Nam Cao xin được về quê nhà để viết, viết một cách đầy trách nhiệm". Rồi ông chốt lại một câu "Bây giờ cũng có những cây bút tiêu biểu, nhưng mà ít lắm." Ông ngừng lại, nhấp rất nhanh một ngum nước trà chừng đã nguội lạnh vì những câu chuyện, rồi đột nhiên nói "Nào, chị có cần biết thêm gì nữa xin cứ việc hỏi?". Nhưng chưa kịp chờ tôi trả lời ông đã tiếp tục kể về cái thời còn tràn đầy sức sống, tràn đầy nghị lực và mơ ước sáng tác. Vừa nói ông vừa làm điệu bộ bằng đôi bàn tay thoáng trông còn rất nhanh nhẹn, nhưng nếu nhìn kỹ đã thấy hơi run rẩy vì tuổi tác. Đôi lúc kể đến đoạn thú vị mà chính chủ nhân cũng chẳng còn nhớ nổi mốc thời gian, ông lại bật cười hồn nhiên, cái cười trẻ trung làm sáng bừng cả gương mặt in dấu những nếp nhăn qua năm tháng. Đôi mắt ông mơ màng nhớ về những kỷ niệm bên các bạn văn đương thời, mà chính ông và họ đã cùng viết nên những trang lịch sử cho văn học nước nhà. "Tôi, anh Văn Cao và cụ Ngô Tất Tố vào Đảng cùng một ngày đấy. Tôi nhớ rõ lắm. Ngày mừng một tháng năm, năm bốn tám" ...

Nhà văn Kim Lân quê ở Từ Sơn, Bắc Ninh. Ông xuất thân trong một gia đình nhà nông. Cụ thân sinh ra ông đã lấy mẹ ông, một cô thợ cấy, về làm vợ ba, lý do vì người vợ đầu của cụ chẳng may mất sớm, người vợ thứ hai lại không có con. Thân phận ấy đã khiến ông cầm bút và cho ra đời tác phẩm đầu tay "Đứa con người vợ lẽ" và được đăng ngay trên tờ "Trung Bắc chủ nhật". Ông kể lại, hồi ấy thật thà ký luôn bút danh bằng tên thật là Nguyễn Văn Tài, nhưng sau lại bản khoản tự chất vấn "Tên anh là Văn Tài nhớ ra văn anh dở thì dở lắm?". Thế là ông lấy luôn bút danh Kim Lân theo nhân vật Đồng Kim Lân trong tích tuồng cổ Sơn Hậu mà ông rất mê, mặc cho nhiều người chọc rằng bút danh ấy giống tên con gái. Nhà văn Kim Lân chưa từng qua một trường lớp viết văn nào và theo như ông giải thích thì "Làm gì mà được học, tiền đâu ra mà học?". Tuy nhiên, khi còn niên thiếu ông đã mê truyện Tàu lắm. Ông nhớ hồi còn ở làng, có cụ lý Thêm nhà rất nhiều sách Tàu, ông hay sang đó đọc truyện Tam Quốc, Địch Thanh cho cụ nghe và nhân tiện cả mình nghe nữa. Rồi nhóm Tự Lực Văn Đoàn thời bấy giờ cũng ảnh hưởng nhiều đến nghiệp văn của ông sau này. Một lý do nữa khiến ông quyết theo con đường văn chương là vì hồi còn ở làng, thanh niên mà nhất là anh em ngụ cư quý ông lắm, song các cụ trong làng lại ghét và rất coi thường. Ông nghĩ rằng vì thân phận mình nghèo khó nên các cụ mới khinh thế, vậy thì ông phải phấn đấu để chứng tỏ mình không phải là anh bất tài. Thế nhưng ông vẫn nói thêm rằng niềm đam mê thủở ban đầu lại là hội họa, song theo đuổi mỹ thuật lắm cái khó, trước hết phải có tiền để lên Hà Nội học vài năm, mà gia đình ông lại nghèo. Nhưng dù sao cũng có cái may mắn là ông có bảy người con thì năm người theo ngành hội họa hết cả, họ đều thành đạt và hoàn thành cái ước nguyện của ông hồi còn trẻ. Người con trai mà ông vô cùng tự hào và hay nhắc đến trong câu chuyện có cái tên rất quen thuộc đối với công chúng, chính là họa sĩ Thành Chương.

Năm nay, nhà văn Kim Lân có một chuyện rất buồn, ấy là người vợ từng song hành cùng ông hơn nửa thế kỷ đã bỏ ông mà đi. Bà mất chưa được trăm ngày và ông những muốn treo hai chữ rất tâm đắc để tặng riêng cho bà: Hai chữ "tao khang" (tám cám) trích từ hai câu thơ Đường "Bần tiện chi giao mặc khả phong. Tao khang chi thể bất khả hạ đường". Nghĩa là khi còn nghèo hèn chơi với nhau thì không thể quên nhau, người vợ một thời cùng ăn tám cám với nhau không thể đuổi xuống nhà ngang được. Hai chữ đó thể hiện lòng biết ơn của ông đối với bà, và ông vẫn nói "Phải có hai người như vậy mới thành một cuộc đời". Ông còn mở tủ cho tôi xem cả những di vật bà để lại, rất nhiều túi to túi nhỏ khác nhau mà lúc sinh thời bà thường treo lúc lỉu trên tường. Đây là thế giới của riêng bà mà cả đời ông không bao giờ đụng vào. Đến khi bà mất, mở ra ông mới thấy ở đó cả tâm hồn bà, và cho tới lúc ấy ông mới thực sự hiểu tấm lòng của người vợ hăng sớm hôm kề cận bên ông. Trong túi, ngoài những tem phiếu thời bao cấp, các bài thuốc quý, huân chương mà ông vớt lung tung, còn có cả một bản kê khai rất đặc biệt, kê khai những nghề mà gia đình ông đã từng làm như buôn mạn, khoai môn, buôn cám, buôn nón, đan len, gói bánh chưng bán... Những nghề ấy đã đánh dấu từng chặng thời gian trong cuộc đời ông. Ví như nghề buôn mạn làm ông nhớ lại hồi ông bà mới quen nhau, biết ông thích ăn mạn, bà hay mang đến cho ông. Rồi cái thời buôn cám thì ông và bà cũng phải người kéo người đẩy cái xe, giống hệt cảnh anh Tràng trong "Vợ nhặt". Hay thời buôn nón là quãng thời gian gia đình ông sống cùng nhà văn Nguyễn Huy Tưởng và Nguyên Hồng... Ông nói rằng dự định sẽ viết một câu chuyện dựa vào "bản kê khai nghề nghiệp" ấy nhưng mục đích không phải

để in, mà chỉ để trả nghĩa cho bà. Tính ông rất nóng, hồi bà còn sống, ông hay gắt bà, bà tốt nhìn thường không nói gì, được thể ông càng gắt. “Giờ không có ai để gắt cũng thấy thiếu. Là thế chứ.”, ông cười buồn. Rồi ông nhận xét cứ như thể bà đang còn sống và ngồi bên cạnh vậy “Tôi thấy bà này lạ thật đấy. Trước nay cứ im im như vậy, nhưng mãi cho tới khi mở các túi của bà ấy ra tôi mới thấy hoá ra người ta cũng tinh tế ra phết. Thế mà mình cứ tưởng bà ấy không biết gì”. Ông hồn nhiên kể tiếp “Tính bà ấy thì tiết kiệm lắm. Đến nỗi có lần tôi đi ngang qua nhà hàng xóm thấy nhà người ta ăn cơm ngon thế, mà nhà nào cũng vậy. Sau tôi có hỏi thì người ta bảo rằng vì gạo nhà tôi vào loại kém nhất. Tôi mới về bảo bà nhà tôi rằng: Bà phải mua gạo ngon như nhà người ta, chứ gạo bà cho tôi ăn hằng ngày khô, tôi nuốt không nổi. Bà ấy nghe lời tôi mua gạo ngon về, nhưng lại trộn gạo nọ với gạo kia. Nhưng sau khi bà ấy mất, tôi mới hiểu nếu không làm thế thì với đồng lương hưu của tôi chắc chắn sẽ không xoay xở nổi”. Tôi có hỏi vui sao ông không hay viết những chuyện tình cảm, thì nhà văn Kim Lân lại thật thà thanh minh rằng mặt mũi từ trước đến nay vẫn vậy, thậm chí ngày xưa còn xấu xí hơn nhiều, chuyện tình cảm làm gì có đâu mà viết. “Có mỗi bà nhà tôi trước hay cho bận chứ làm gì còn ai. Mà bận Bắc Kạn ngon ghê lắm cơ.”, ông nói rất tự nhiên và cười thoải mái như đang nghĩ đến hương vị của những quả bận chua mà bà mang đến tặng ông ngày trước.

Trước khi ra về, tôi ngắm thật kỹ ngôi nhà mà nhà văn Kim Lân đã rất phấn khởi khi nhận được nó, mặc dù ông có phàn nàn vì chỗ ở chật chội và mười mấy hộ chung nhau một cái nhà xí. Không khí và cách bài trí nội thất trong nhà khiến ta cho rằng chủ nhân dường như đang muốn níu giữ một hoài niệm xưa cũ, giữa dòng đời hiện đại đầy sôi động đang cuộn cuộn chảy. Trên tường treo rất nhiều tranh do các con ông vẽ, cùng vô số ảnh lưu niệm gia đình. Trong đó có một bức tranh rất to đối diện chỗ tôi ngồi, chụp ông và một vị quan chức cấp cao. Giờ tôi mới hiểu lý do vì sao mà mới đầu ông lại mời tôi ngồi phía bên ấy. Thứ nhất là vì ẩm và phích nước nằm ngay tay phải nên gia chủ phải ngồi ở đó để tiện pha trà. Lý do thứ hai thì ông cũng thật thà rằng “Tôi phải treo bức ảnh ở đấy để các bác tổ trưởng tổ dân phố có vào nhìn cho oai. Như là tôi để ông hộ pháp ấy mà. Nhưng mà nay ông ấy (chỉ người trong tranh) không còn làm nữa thì tôi cũng vẫn cứ để. Giờ mình treo là để cảm ơn người ta chứ”.

Nguồn: Người Hà Nội (Xuân Nhâm Ngọ)

PHÒNG VĂN NHANH XUÂN NHÂM NGỌ

Thưa nhà văn Kim Lân, nhiều người cho rằng “thời thế tạo anh hùng”, từ trước Cách mạng Tháng Tám rồi sang đến giai đoạn kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, các nhà văn có nhiều đề tài nên dễ dàng thành công hơn thế hệ trẻ ngày nay. Ông nghĩ thế nào về ý kiến đó?

Nhà văn Kim Lân: Tôi cho rằng thời nào mà chẳng có chuyện để viết. Trong xã hội có rất nhiều chuyện mà khi đó nhà văn phải là người dám viết thật những điều mình nghĩ thì nhân vật của anh nó mới sống động, văn chương mới sắc sảo được. Người viết thời nào cũng phải biết yêu ghét rõ ràng, có trách nhiệm nói cái riêng, cái của mình và coi ngòi bút là một thứ vũ khí.

Có nghĩa ông cho rằng những cây bút thế hệ bây giờ không còn những tên tuổi tiêu biểu nữa?

Nhà văn Kim Lân: Có nhưng mà ít lắm. Trần Đăng Khoa cũng là một ví dụ, rất giỏi và rất có phong cách.

Những nhân vật của ông rất điển hình, chỉ qua vài nét phát họa mà chân dung một ông lão nông dân, mục chủ nhà hay một chị gái quê... hiện lên rõ mồn một.

Nhà văn Kim Lân: Đúng, tôi thường viết về những chuyện hàng ngày mắt thấy tai nghe, tuy nhiên phải thay đổi cho nó phù hợp với văn chương. Hồi còn ở làng tôi rất thân với anh em ngụ cư nên hiểu được tính cách và cuộc sống của họ, hay như hồi tôi và nhà tôi mới lấy nhau thì cũng có một bà mẹ giống hệt bà mẹ trong “Vợ nhặt”. Có thời gia đình tôi đi buôn cám thì chúng tôi cũng phải người kéo, người đẩy cái xe giống như cảnh vợ chồng anh Tràng, chỉ có cách nói chuyện là khác nhau.

Nhưng chuyện tình cảm thì không?

Nhà văn Kim Lân: Thì chuyện “Vợ nhặt” chả tình cảm đấy là gì (cười). Nhưng mình ở trong hoàn cảnh nào thì viết về hoàn cảnh ấy.

Ông đã rất thành công trong lĩnh vực văn chương và lĩnh vực điện ảnh cũng gặt hái được nhiều kết quả. Gần chục vai diễn từ Pu Pàng (Vợ chồng A Phủ) cho đến Lão Hạc, đều khiến người xem kinh ngạc. Như vậy ông coi mình là nhà văn – diễn viên hay diễn viên – nhà văn?

Nhà văn Kim Lân: Trước đây tôi đã từng ở trong Ban Kịch Hà Nội cùng với Hoàng Cầm và Hoàng Tích Linh đấy chứ. Nhưng không phải vai nào tôi cũng diễn được. Chỉ những vai tôi thực sự thấy hợp, còn vai diễn mà khác với đời sống của mình thì diễn không đạt được. Diễn xong cứ sượng hết cả mặt không dám nhìn lên vô tuyến mà xem mình nữa. Thấy nó vô duyên lắm.

Được biết rằng vai diễn mà ông ưng nhất qua nhiều lần đóng phim là vai lão Hạc. Và cảnh mà người xem không thể nào quên mặc dù rất ngắn là khi lão Hạc đi trên con đê với dáng vẻ liêu xiêu tuyệt vọng, chỉ nội cảnh đó thôi cũng thấy cả một tâm trạng, một kiếp người. Bình thường có khi nào ông đi như vậy không?

Nhà văn Kim Lân: Không, đấy là do tôi diễn.

Ông có biệt tài phân tích tâm lý nhân vật và điều đó có góp phần làm cho các vai diễn của ông thành công hơn?

Nhà văn Kim Lân: Có, ví dụ như khi tôi vào vai lão Hạc, có hai cảnh tôi đề xuất ý kiến với anh đạo diễn cho được làm theo ý mình. Thứ nhất là như chị nói, lúc lão Hạc cầm gói bả đi liêu xiêu trên con đê. Con đê dốc và bóng lão Hạc cũng đổ xuống. Cảnh đó tôi thấy nhiều người thích. Thứ hai là cảnh lão Hạc nói chuyện với Bá Kiến. Đạo diễn bảo tôi phải run rẩy sợ hãi nhưng tôi không đồng ý, nói rằng việc gì phải thế. Tâm lý lão Hạc lúc đó là chẳng còn gì để mất nên cứ việc ngẩng cao đầu.

Và một câu hỏi cuối cùng nữa thưa nhà văn Kim Lân, có ngày Tết năm nào mà gia đình ông cho là đáng nhớ nhất?

Nhà văn Kim Lân: À có, ấy là cái dạo gia đình tôi ở trên đồi Non Túra. Hồi đó thiếu nước nên anh Chương nhà tôi (họa sĩ Thành Chương) trước khi đi bộ đội đã đào một cái giếng và vẽ giúp hợp tác xã chăn nuôi lợn một tranh cổ động rồi được họ tặng cho một con lợn. Tết năm đó lạnh lắm, rét hơn bây giờ nhiều. Đêm ấy gia đình tôi chuẩn bị gói bánh chưng thì đột nhiên có tiếng gọi “anh Chương” ở dưới chân đồi. Con gái tôi chạy xuống xem ai và reo lên “A, Văn Dương Thành”, giờ cô ấy là họa sĩ, thì ra là khách đến tiễn thẳng Chương nhà tôi đi bộ đội. Cô bạn anh Chương vào nhà và thả ra hai con thỏ trắng. Thỏ đẹp ghê lắm cơ. Chúng chạy quanh nhà. Đấy là cái Tết mà tôi không thể nào quên được, một ngày Tết kháng chiến ở nơi xa xôi mà lại có cô gái đến thăm mang theo hai con thỏ trắng. Không khí khi ấy rất vui.

Chúc ông một năm mới thật mạnh khỏe. Xin cảm ơn ông.

Nguồn: Phụ nữ Thủ đô (2001)

Lời tác giả:

Tôi còn nhớ hồi luyện thi đại học, thầy giáo có ra đề văn phân tích tác phẩm “Vợ nhặt”. Làm xong nộp thầy, khi trả bài thấy được 3,5/5 (tương đương điểm 7). Thầy có phê “Câu văn trong sáng, giàu cảm xúc”. Không ngờ 7 năm sau được đối diện với tác giả “Vợ nhặt”. Cho đến giờ tôi vẫn không thể quên được cảm giác hồi hộp khi quay số điện thoại “Xin lỗi, đây có phải nhà riêng của nhà văn Kim Lân?”. Năm đó nhà văn Kim Lân được tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật (2001). Ông là người hồn hậu đến hồn nhiên. Có thể nói rất hăng say về chuyện bếp núc sáng tác của mình mặc dù trong phút chốc quên biến đi mất tên nhân vật chính “Đấy, cái hồi tôi viết Con chó xấu xí mà có anh nhân vật chính là... là...”. – “Nhược Dự ạ.”, tôi nhắc. – “À ờ, Nhược Dự”.

Hỏi chuyện "ông đế mèn"

Trong làng văn, nhà văn Tô Hoài nổi tiếng là người viết khỏe. Chẳng thế mà đồng nghiệp của ông, nhà văn Kim Lân đã phải thốt lên “Ông Tô Hoài ở trong bệnh viện, đến khi ra viện đã xong một tác phẩm”. Nhà văn Tô Hoài viết nhiều thể loại, ngoại bát thập vẫn thấy tên ông xuất hiện đều đặn trên báo qua những bài tản văn. Nhưng trong cuộc phỏng vấn này, câu chuyện chủ yếu xoay quanh lĩnh vực truyện thiếu nhi, là một điểm sáng trong các tác phẩm của nhà văn Tô Hoài. Bên cạnh đó, nhà văn cũng bộc lộ một số quan điểm về cách làm việc của những nhà báo, nhà văn, nhà thơ trẻ hiện nay.

Thưa nhà văn Tô Hoài, là người đi tiên phong trong lĩnh vực truyện thiếu nhi, hiện nay ông vẫn viết cho các cháu chứ?

Tôi đã hoàn thành xong tập truyện cho các cháu với nhan đề “100 truyện ngày xưa”. Thực ra đây là những câu chuyện kể đã quen thuộc đối với các cháu như Thánh Gióng, Tấm Cám... và tôi đã sáng tác lại dựa trên những cốt truyện cũ. Những truyện hay thời Hán Nôm, Quốc Ngữ đã được cụ Nguyễn Đồng Chi, Nguyễn Văn Ngọc sưu tầm và biên soạn, song chỉ là kể lại thôi.

Hiểu hôm na là những câu chuyện đó được ông sáng tác lại theo kiểu Andersen?

Đúng rồi, và NXB Kim Đồng đã cho in dần dần 20 truyện một, đến nay đã in hết cả. Chúng tôi đã dự tính in lại thành một quyển dày 100 trang. NXB Giáo dục cũng đang in truyện của tôi, cứ một tháng lại một cuốn tranh truyện mang tên chung là “Câu chuyện hôm nay” với đề tài loài vật. Chữ thì của tôi, còn tranh của các họa sĩ khác, truyện rất nhiều tranh và mỗi cuốn dày 40 trang.

Thể loại truyện thiếu nhi và chuyện loài vật là sở trường của ông, dường như đối với ông, đó là một đề tài không bao giờ cạn?

Chủ yếu là vì các cháu bây giờ ít biết về các loài vật nên tôi hay hướng các cháu vào chủ đề đó, ví dụ như “Ta không phải quan tiểu hổ”, “Mẹ gà con vịt”...

Thưa nhà văn Tô Hoài, chắc ông cũng biết một đạo báo chí xôn xao về bộ truyện do NXB Kim Đồng phát hành - “Những truyện kỳ bí” của nhà văn Mỹ R. L. Stine, người được mệnh danh là Stephen King của văn học thiếu nhi. Hiện nay serie này đã được tái bản, hơn nữa còn được dịch thêm một số truyện. Cũng như khá nhiều cuốn truyện tranh nước ngoài khác bị dư luận phê phán. Là một người có chuyên môn, ông đánh giá như thế nào về vấn đề này?

Phải nói rằng truyện của nhà văn R. L. Stine viết rất giỏi, rất khoa học chứ không phải truyện ma. Bộ truyện tranh Đô rê môn cũng hơn truyện thiếu nhi của ta một điều là họ luôn đi sát hai mặt: Vừa cho trẻ trí tưởng tượng phong phú, lại vừa đáp ứng nhu cầu của các cháu là thích những truyện năng động trong thời đại khoa học kỹ thuật.

Hiện nay số lượng phát hành truyện thiếu nhi của các tác giả Việt Nam tuy đã cải thiện song còn khá khiêm tốn, chủ yếu là tái bản những đầu sách đã có tiếng vang. Thưa nhà văn Tô Hoài, liệu có phải người viết ngại đi vào lĩnh vực này vì sáng tác cho người lớn dễ nổi tiếng hơn?

Thực ra hiện nay cũng có những nhà văn viết truyện thiếu nhi rất giỏi như Nguyễn Nhật Ánh chẳng hạn, nhưng theo tôi chủ yếu là do cách tổ chức. Nên có những cuộc thảo luận, trao đổi về hướng đi cụ thể như phải Việt Nam hóa những câu chuyện cho phù hợp tính thời đại vì nhận thức của mỗi thế hệ một khác. Các cháu bây giờ thích nhanh, hoạt để thích ứng hiện đại mà cháu nào cũng có nhu cầu đọc sách như ăn cơm, bên cạnh đó có một số cháu bộc lộ khuynh hướng văn học. Hơn nữa cần khuyến khích người viết bằng cách nâng nhuận bút lên, chứ bây giờ nhuận bút thấp quá. Không riêng gì truyện thiếu nhi mà gần đây NXB Công an Nhân dân có in một cuốn truyện của tôi dày 300 trang, tôi được trả triệu hai, sau người ta thấy tôi viết công phu quá có nâng thêm mấy chục phần trăm thì được khoảng triệu tư. Mà một bài báo có lẽ cũng được gần bằng thế, vì vậy nếu được nâng mức nhuận bút lên thì tôi nghĩ rằng chẳng ai ngại đâu. Ngoài ra việc quản lý phát hành truyện thiếu nhi không phải do Hội Nhà văn đứng ra mà chức năng chủ yếu bên Bộ Giáo dục, có lẽ bên ấy họ còn phải lo nhiều chuyện khác hơn.

Được biết ông vẫn đều đặn viết báo, theo ông văn và báo có hỗ trợ cho nhau?

Có người cho rằng viết báo sẽ làm hỏng văn của mình đi, hay viết văn không hợp với cách làm báo nhưng theo tôi thì ngược lại. Nghề báo đi vào thực tế, phải điều tra, nghiên cứu mà nghề viết văn cũng phải tưởng tượng dựa trên gợi ý của thực tế, nên vừa viết văn, vừa viết báo sẽ hỗ trợ cho nhau rất nhiều. Chỉ có điều giờ nhiều người không phân biệt được đâu là một bài báo, đâu là một truyện ngắn và đâu là tiểu thuyết, đâu là phóng sự.

Hiện nay có nhiều dư luận về chất lượng và đầu ra của sinh viên báo chí, ý kiến của ông, một người làm báo, nghĩ sao về vấn đề này?

Đây là tại vì người ta đào tạo nhiều quá mà nghề này không chấp nhận việc sản xuất hàng loạt. Đành rằng viết văn, viết báo cần phải có năng khiếu nhưng chủ yếu là do rèn luyện và học hỏi. Ví dụ anh Trần Đăng Khoa trước là một thần đồng và “làm thơ từ thuở chưa biết làm thơ” nhưng nếu không có sự lăn lộn và đi sâu vào thực tế thì chắc chắn không thể có được chỗ đứng như ngày hôm nay. Cũng như học sinh của trường viết văn Nguyễn Du cũng vậy. Theo tôi viết văn không phải là một nghề, mà là sự tổng hợp của nhiều nghề khác. Người viết phải có hiểu biết đầy đủ về mọi mặt.

Nhưng cho đến giờ thì điều đó được coi như sự đã rồi, thưa nhà văn Tô Hoài, ông có lời khuyên nào đối với thế hệ sinh viên chuẩn bị bước vào nghề?

Đành vớ được nghề nào thì làm nghề ấy thôi vậy, coi như sự rủi may, còn nếu muốn tiếp tục theo nghề chắc chắn phải có sự rèn luyện một cách cụ thể chứ không phải rèn luyện mơ màng, đặc biệt phải viết cho thật chính xác.

Trong số các bạn văn đương thời của ông, giờ còn có nhà văn Kim Lân. Độc giả tò mò muốn biết, ông và tác giả “Vợ nhặt” có hay bàn luận chuyện văn chương chữ nghĩa?

Uống bia thì nhiều hơn chứ chả có văn chương chữ nghĩa gì cả. (cười)

Từ trước đến giờ bà có ủng hộ ông trong việc viết lách?

Có lần tôi hỏi vợ tôi rằng sao cứ không chịu đọc của tôi thì bà ấy trả lời “Tôi có cả ông rồi còn đọc của ông làm gì nữa”, nhưng bà ấy vẫn rất ủng hộ.

Và dự định sắp tới của ông?

Tôi đã bắt đầu viết tập truyện về các phong tục và mỗi phong tục Việt Nam lại được lồng với một truyện ngắn. Truyện “Lấy chồng làng khác” của tôi cũng mới được đăng trên tờ Lao Động.

Rất cảm ơn nhà văn Tô Hoài.

Nguồn: Phụ nữ Thủ đô (2002)

Lời tác giả

Thực ra tôi kiếm có phỏng vấn nhà văn Tô Hoài để có dịp được gặp gỡ một nhân vật mà mình rất ngưỡng mộ. Khác với văn phong hài hước trong nhiều tác phẩm, nhà văn Tô Hoài có vẻ ngoài điềm tĩnh, nghiêm trang chứ không thân thiện, hồn nhiên như cố nhà văn Kim Lân. Khi tôi thực hiện bài phỏng vấn này, nhà văn đã 82 tuổi. Tuy nhiên tôi kinh ngạc vì cách nói chuyện của ông không như tôi vẫn hình dung về những người cùng độ tuổi ấy, những người mà tôi cho rằng đã bắt đầu xa rời thế sự, xa rời thực tế. Hỏi đến chuyện gì ông đều đáp lại một cách chi tiết, chứng tỏ một sự sâu sát với đời sống đương đại. Con mắt quan sát của một cây bút gạo cội chưa bao giờ biết mệt mỏi. Vì vậy, câu cuối cùng, thay vì chúc ông khỏe mạnh, tôi lại buột miệng hỏi về những dự định sắp tới, giống như quán tính lặp lại câu hỏi muôn thuở đối với những cây bút trẻ.

Nhà thơ Trần Hòa Bình - Người đi hết một chặng đường

Sáng chủ nhật, như thường lệ, tôi lên mạng để check mail và tin nhắn. Tôi nhìn thấy những dòng đầu tiên của entry blog Huy Bom (nhà báo Huy Minh- báo Thể thao & Văn hóa) hiện lên trong homepage. Chỉ thoáng thấy chữ Trần Hòa Bình và Xuất huyết não, tôi đã giật mình. Vẫn biết kết quả của một vụ xuất huyết não là thế nào, song lúc đó tôi không hề mảy may nghĩ đến tin dữ, tôi chỉ cho rằng Trần Hòa Bình phải đi cấp cứu. Tôi click vào blog của Huy Bom để xem chi tiết, chắc thế nào chủ blog cũng ghi rõ anh đang nằm bệnh viện nào thì tôi sẽ đến thăm, tôi còn đang tính như thế. Mạng chạy khá chậm, song vẫn hiện lên entry mới của Huy Bom, tôi đọc lướt và thực sự kinh ngạc.

Vô cùng kinh ngạc.

Tôi đọc lại lần nữa, đọc câu cuối cùng của chủ blog, người từng là học trò cũ của thầy Trần Hòa Bình, “... Và phải viết một bản tin cuối về thầy nữa. Vừa viết vừa khóc.”

Cùng lúc đó, từ chiếc điện thoại mới bật của tôi, hàng loạt tin nhắn hiện ra. Đó là những tin nhắn không như những tin nhắn bình thường của những ngày bình thường khác.

Trần Hòa Bình mất xa nhà. Theo đúng thói quen của anh, cứ thứ bảy là xách chiếc ba lô bạc màu to lù xù, đội mũ lưỡi trai, áo pull, quần jean cũng bạc màu, xỏ chân vào đôi giày thể thao và lên đường. Trần Hòa Bình độc thân, con gái đã lớn, anh thường nói rằng cứ cuối tuần là phải tránh xa khỏi Hà Nội. Ngày thường công việc nhiều, khách ra khách vào tấp nập (Anh từng là Phó tổng biên tập tạp chí Gia đình, sau chuyển sang tạp chí Trí Tuệ), nên lúc nào khuôn mặt anh cũng vui phơi phới, nhưng ngày nghỉ cuối tuần, ngày lễ Tết, thời khắc mà người đời trông đợi nhất để mong được nghỉ ngơi, quần tụ cùng gia đình thì anh lại lấy đó làm điều sợ hãi. Anh nói rằng anh sợ phải đối diện với nỗi cô đơn. Vì thế ngày nghỉ anh thường lang thang đến các thành phố khác. Ở đâu Trần Hòa Bình cũng có bạn, những người bạn sẵn sàng đón rước anh linh đình.

Trần Hòa Bình xuất hiện trên vài chục tờ báo, luôn luôn với những bức chân dung mang vẻ phong trần (anh thích thế) và luôn luôn kêu ca rằng tôi cô đơn lắm, rằng “anh nào chưa nếm trải nỗi cô đơn tận cùng thì sẽ thấy đời rất nhạt”. Và các báo thường có một lời bình luận giống nhau về một Tầm Thư độc thân (Trần Hòa Bình giữ chuyên mục Tầm Thư trên báo Tiền phong): một con người cô đơn. Tuy nhiên, khi gặp anh, người ta dường như không tin vào điều đó. Trần Hòa Bình lúc nào cũng vui vẻ (ngoài mặt). Khuôn mặt anh không bao giờ thiếu vắng nụ cười, với bất kể ai. Và tôi đồ rằng ngay cả một giây trước khi bước vào cõi vĩnh hằng, người ta cũng không thể nhìn thấy Trần Hòa Bình với một “khuôn mặt buồn”, hay một “khuôn mặt cô đơn”.

Tôi hiếm gặp một người như Trần Hòa Bình. Vì khi gặp bất kỳ ai biết anh, tôi đều thấy họ bày tỏ một lòng quý mến. Khó người nào có thể ghét anh cho được. Có lần tôi đến tòa soạn của anh và cùng lúc có vài người vào nói chuyện. Ngay khi người đó ra khỏi phòng, tôi buột miệng “Có một điều này em định hỏi anh từ lâu nhưng nhân tiện đây mới nhớ ra. Làm thế nào mà anh có thể kiên nhẫn tiếp chuyện được với những người tẻ nhạt như thế? Kiên nhẫn lắng nghe? Kiên nhẫn cười?”. Trần Hòa Bình cười “Ừ, cũng có nhiều người hỏi anh thế đấy”, song không nói gì thêm. Tôi biết Trần Hòa Bình rất bận, anh làm giảng viên bên Phân viện báo chí Tuyên truyền, rồi phụ trách một tờ báo, rồi cộng tác việc này việc nọ với nhiều đơn vị khác. Nhưng ngay cả nếu không có những công việc này thì anh cũng đã vô cùng bận rộn với rất nhiều mối quan hệ: bạn bè, rồi đồng nghiệp, những người rất thú vị khi thù tiếp. Tuy nhiên, không phải chỉ một lần tôi chứng kiến Trần Hòa Bình kiên nhẫn lắng nghe những người mà tôi biết anh cũng chẳng thấy thú vị gì khi phải tiếp đón, nghe họ trình bày đủ thứ chuyện vớ vẩn trên đời. Anh trả lời những câu hỏi của họ, hoặc bình luận những điều họ vừa kể, để rồi người đó hoàn toàn thỏa mãn sau khi được nói chuyện với anh. Anh không có nhiệm vụ phải lắng nghe người khác nói, song vẫn cứ lắng nghe. Liệu có phải đó là thói quen của một người làm công việc Tầm Thư hay vì có khả năng lắng nghe mà anh mới trở thành Tầm Thư.

Trần Hòa Bình tính cả nể, rất khó từ chối lời thỉnh cầu của người khác và vì thế, những người

được anh giúp đỡ việc này việc nọ không phải là ít. Hễ cứ giúp được ai là giúp nhiệt tình, để rồi sau đó không bao giờ nhắc lại việc đó nữa. Trong tất cả những lần ngồi nói chuyện với Trần Hòa Bình, tôi chưa thấy anh nhận xét xấu về ai bao giờ. Dường như đối với anh, người đời đều là tốt đẹp cả. Mà có lẽ cũng đúng thế thật, đứng trước anh, người ta khó mà có thể cư xử không đẹp.

Tôi biết Trần Hòa Bình từ năm 2000, song mãi một năm sau đó mới biết anh là nhà thơ, và cũng phải một năm sau mới biết anh là tác giả của bài thơ “Thêm một”. Vốn tế nhị, biết tôi không thích thơ, Trần Hòa Bình chưa nhắc đến chủ đề thơ trước mặt tôi bao giờ. Cũng không bao giờ tặng sách thơ, không bao giờ đọc thơ, không bao giờ khoe về một bài thơ mới. Mãi đến hồi năm ngoái, tôi nói rằng tôi vừa nhìn thấy một bài thơ của anh nằm trong tuyển tập thơ tình nhiều thể kỷ ở kho sách lưu, trong đó in cả thơ của Nguyễn Trãi và Lý Thường Kiệt. Anh nói cái “phát hiện” của tôi rõ là “chán phèo”. Tôi mới thú thật là đã được đọc tập thơ hoàn chỉnh nào của anh đâu, tình cờ vớ được bài nào thì đọc thôi. Anh mới rút từ trong tủ sách ra một tập thơ và phóng vấn in cách đó một hai năm rồi thì phải, rồi loay hoay đề tặng.

Tuy nhiên, tôi cũng từng chứng kiến ngay cả khi đứng trong những đám đông “không ghét thơ”, thì anh cũng chẳng nhắc đến chuyện thi ca bao giờ, thi ca của mình lại càng không. Song những bài thơ của anh tuyệt đẹp. Lời thơ luôn dịu dàng như giọng nói thì thâm đầy tha thiết “Mùa thu bay ngang trời/ Khe khẽ trắng/ Như dải ruy băng thời thiếu nữ/ Ta từng mơ trên mái tóc em.... Gọi em trong gió/ Buồn hơn sông dài/ Sớm nay một mình ra ngõ/ Chạm những gương mặt người xa lạ hơn em.”

Trần Hòa Bình sợ thời gian. Càng ngày, nỗi sợ đó càng được nhân lên và Trần Hòa Bình tìm cách tránh né nó bằng những cuộc vui nâng chén với những người bạn tri kỷ rải rác khắp mọi miền đất nước. Nhưng nỗi sợ của anh đã thành sự thực. Nó đã rón rén đến một cách bất ngờ khiến không ai kịp trở tay. Nhưng tôi chắc rằng, vào thời khắc cuối cùng trên cõi trần gian đây cô độc này, linh hồn anh không cô đơn. Xung quanh anh có đầy đủ những người bạn yêu mến anh cũng như anh hằng yêu mến họ.

Tôi vẫn luôn hứa rằng sẽ viết một bài về anh, một bài khác hàng trăm chân dung khác về Trần Hòa Bình. Anh cũng nói rằng anh luôn chờ đợi bài báo đó. Nhưng vì cơn lốc thời gian, cũng lại là thời gian, đã cuốn tôi vào trăm nghìn công việc lớn nhỏ mà tôi luôn thất hẹn với anh. Khi tôi viết bài này, Trần Hòa Bình đã không còn đọc được nữa rồi.

Nhưng,

Anh đã làm được một điều mà bất kỳ người nào đang dao bước trên quãng đường đời đều mong muốn: Người đời vẫn luôn nhớ về anh ngay cả khi anh đã về với tro bụi.

Và,

Anh đã đi hết một chặng dài cô độc nhưng ở tận nơi cuối đường, bạn bè vẫn luôn mỉm cười với anh.

(Viết trong ngày mất của Trần Hòa Bình)

Nguồn: Công an Nhân dân (2008)

Lời tác giả

Trần Hòa Bình là người cầu thị, những người tài năng thường biết lắng nghe và cầu thị, tôi cảm giác như vậy. Có bạn tôi hào hứng kể về lời miêu tả rất cao tay của một nhà báo người Mỹ nói về sự phát triển của Dubai mà tôi đọc được trên tạp chí nước ngoài (khi ấy tôi mới ra trường). Anh bảo tôi về chép lại nguyên gốc cho anh cái đoạn trích ấy. Tôi ngạc nhiên hỏi để làm gì. Anh bảo để anh làm ví dụ cho sinh viên học.

Một lần tôi xin được 10 cuốn sách của một tác giả để làm giải thưởng cho mục đồ vui của Tạp chí Gia đình. Sau báo ra tôi đề nghị anh ký tặng vào đó cho tác giả. Anh loay hoay một lúc rồi

ngẩng lên hỏi “Thế bây giờ anh ký tặng ông ấy là nhà văn, nhà thơ, nhà báo hay nhà gì? Khổ quá, lại lắm chức danh thế này”. (Vì tập sách mà tôi xin được có đầy đủ các hạng mục trên). Tôi nhìn mặt rằng bây giờ nhiều người thích “danh”. Trần Hòa Bình gạt phắt “Ai mà chẳng háo danh. Mình cũng thế chứ sao”. Nhà thơ vẫn hay nói thẳng thế, nhưng cho đến tận ngày cuối cùng, tác giả của “Thêm một” vẫn chưa có một tập thơ riêng nào. Thơ của anh vẫn chỉ “đành” được truyền tay nhau qua những cuốn sổ thơ chép tay của bao thế hệ người hâm mộ.

Tình yêu trong ngôi nhà của búp bê

Trong quãng thời gian ngắn ngủi lưu lại Đà Lạt, tôi có kế hoạch đến thăm nhà thơ Bùi Minh Quốc. Tôi đi bằng xe máy thuê của khách sạn, qua hàng chục con phố quanh co tĩnh lặng đến ngã tư gần khu nhà thờ Domain de Marie, xuôi một đoạn dốc ngắn rồi lại lên dốc với những ngôi biệt thự yên tĩnh. Trước khi đi, biết tôi khó tìm đường, ông chỉ dẫn rất kỹ và dặn đi dặn lại rằng cứ nhìn thấy tiệm Búp bê Hiền Thục là đến nơi. Mới đầu nghĩ rằng nhà ông gần tiệm búp bê, sau thấy nhà thơ xuất hiện từ sau tấm biển hiệu búp bê mới ngạc nhiên “Không lẽ ông đã chuyển sang nghề búp bê”. Khuôn viên của nhà thơ Bùi Minh Quốc rộng rãi giống hệt những căn biệt thự xung quanh, dù cách thiết kế khiêm tốn hơn. Tôi lên những bậc thang bằng gỗ, hết chiếu nghỉ hành lang đã nhìn thấy một tủ kính búp bê, bước vào nhà thấy đầy ắp những con búp bê len. Búp bê trên tường, trên bàn, trên giá trưng bày. Thật kỳ lạ. Thành phố Đà Lạt đã vô cùng êm đềm, sang trọng và thơ mộng, vậy mà đến con phố yên tĩnh này, vào căn nhà yên tĩnh này lại thấy toàn búp bê, khác nào lạc vào một thế giới cổ tích. Mới hay, chủ nhân của những con búp bê vận trang phục của 54 dân tộc Việt Nam là người vẫn ngày ngày cận kề bên nhà thơ: nghệ nhân Hiền Thục. Thật không may mắn bà mới gặp một tai nạn xe máy nên đang phải dưỡng sức trên giường bệnh. Nhà thơ Bùi Minh Quốc buồn bã “Đôi bàn tay vàng mà giờ không cử động được nữa”. Một lát, ông xin lỗi tôi rồi đứng lên bê thuốc vào phòng cho bà uống. Người vợ hiền thực của nhà thơ có khuôn mặt đúng như nghệ danh của bà: quý phái, tri thức và dịu dàng, một vẻ đẹp mơ hồ hệt như thành phố Đà Lạt.

Bà Nguyễn Thị Thục người gốc Hà Nội nhưng sinh ra và lớn lên tại Đà Lạt. Bà từng có 18 năm làm phóng viên, biên tập viên của Đài phát thanh – Truyền hình tỉnh Lâm Đồng. Năm 1993, bà nghỉ mất sức và như nhiều phụ nữ khác ở Đà Lạt, nơi được coi là xứ sở của len, bà quay về với công việc đan móc và bắt đầu truyền thụ lại nghề thủ công này. Bà từng dạy nữ công cho học sinh phổ thông tại trường Hermann Gemeiner Đà Lạt, cho trẻ em mồ côi tại Làng SOS Lâm Đồng, cho trẻ em khiếm thính tại Trung tâm người khuyết tật Đồng Nai. Trong một lần tình cờ nhận được món quà là một con búp bê mặc trang phục dân tộc (của nước ngoài), bà nảy ra ý định thực hiện những con búp bê Made in Vietnam. Bà nhớ lại những hình ảnh trang phục dân tộc trong các chuyến công tác trước đây và một ý tưởng được thành hình. Thiên hướng nghệ thuật và bàn tay tài hoa của nghệ nhân Hiền Thục đã cho ra đời những con búp bê đầu tiên có trang phục và hoa văn tinh xảo y hệt những bản gốc của chị em Ê Đê, Ba Na, Cơ Ho, Gia Rai, M'Nông. Những sản phẩm này đã từng giành được 3 giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi sáng tạo sản phẩm thủ công mỹ nghệ phục vụ du lịch của tỉnh Lâm Đồng. Nhà thiết kế Sĩ Hoàng được tỉnh mời tham gia ban giám khảo, anh đặc biệt chú ý tới những con búp bê len. Anh khuyến khích tác giả của chúng mở một gallery trưng bày và đồng thời tìm cho bà nhiều tài liệu hướng dẫn cách làm búp bê. Nhưng cũng phải mất một hành trình dài tới 15 năm, những con búp bê mới được hoàn thiện một cách chuyên nghiệp và điêu luyện. Công việc khó khăn không chỉ từ việc cố định những mũi đan, móc trên các hoa văn li ti mà còn ở quá trình nghiên cứu và đi tìm tư liệu hình ảnh, để rồi chỉ với chất liệu len bình thường và cốt gỗ, người sáng tạo đã thổi hồn vào những con búp bê khiến họa tiết lung linh một vẻ đẹp mang đậm nét lịch sử và văn hóa dân tộc Việt. Những chất liệu không phải hàng cao cấp, đắt tiền, nhưng việc chế tạo ra sản phẩm vô cùng phức tạp và tỉ mỉ với đầy đủ vòng, khuy áo, dây chuyền. Mỗi con búp bê có mặt trên giá thường phải mất thời gian 1 tuần nằm lại trong xưởng. Vì thế giá thành của sản phẩm rất cao, thường lên tới vài trăm ngàn và có con tới vài triệu. Có thể nhiều người sẽ phân vân về giá cả, nhưng đối với khách ngoại quốc thì họ không lạ, vì ở phương Tây, đồ lưu niệm thuộc loại hàng handmade (thủ công mỹ nghệ chế tác bằng tay) thường có giá thành cực đắt.

Cuối năm 2008, sau 3 năm chuẩn bị, tác giả của những con búp bê xinh xắn và tinh xảo đã có cuộc triển lãm đầu tiên tại gallery Ý Ngọc – Sĩ Hoàng, trưng bày gần 500 mẫu búp bê, trong đó đặc biệt nhất là một bộ gồm 108 búp bê khoác trên mình trang phục của 54 dân tộc. Cuộc triển lãm này đã tiêu tốn của tác giả đến hàng trăm triệu đồng. Tôi tần mẩn ngắm những con búp bê mang dáng hình thiếu nữ Dao, H'Mong, Thái, Mường, Tày... xúng xính váy áo rực rỡ như trong một phiên chợ ngày Tết đang đứng kìn kìn giữa căn phòng lát gỗ của cặp vợ chồng nghệ sĩ Bùi

Minh Quốc – Hiền Thục. Khác với búp bê mặt sứ của Trung Quốc và búp bê mặt vải của Nhật Bản, những khuôn mặt bằng len trông sinh động hơn, tinh xảo hơn, mang đậm hồn Việt, hồn tài hoa của những người con người Đà Lạt thân thiện, nhưng cũng vì thế mà quá trình làm ra nó cũng công phu hơn rất nhiều. Nhà thơ Bùi Minh Quốc dường như hết lòng vì sự nghiệp búp bê của vợ. Vừa ngồi chưa ấm chỗ, nhà thơ chẳng nói mấy về văn thơ chữ nghĩa, chỉ mê mải giới thiệu búp bê. Ngoài việc giúp đỡ vợ tìm tư liệu ảnh về màu sắc và hoa văn của các trang phục dân tộc, ông còn hàng ngày đi bỏ mỗi búp bê lên ở các quầy bán đồ lưu niệm và tự tay tham gia vào quá trình sản xuất. Không đan len được thì ông giúp vợ làm cốt gỗ. Là một cựu sinh viên văn khoa Sài Gòn, nghệ nhân Hiền Thục hẳn đã vô cùng xúc động về bài thơ cổ vũ tinh thần được sáng tác dành riêng cho bà.

Em ngồi đó quên cả ngày tàn quên đêm khuya khoắt

Mười ngón tay lan một thế giới dịu hiền

Những búp bê len muôn màu hồn nhiên ánh mắt

Em lặng lặng đẩy lùi cơn bão dập đời anh

Trong suốt quá trình nằm trên giường dưỡng bệnh, bà được sự chăm sóc đủ đầy của người chồng tận tụy. Ông pha thuốc, dọn dẹp, làm búp bê, check mail giúp vợ và đặc biệt là nấu cơm ngày hai bữa, một việc mà ông nói đùa rằng cũng kinh dị không khác nào cuốn tiểu thuyết kinh dị của tôi.

Nghệ nhân Hiền Thục nói với tôi rằng cuộc sống của hai người vẫn còn rất vất vả về kinh tế nên nhiều mong muốn chưa thực hiện được. Tuy nhiên, sự sang trọng tinh tế vẫn toát lên từ ngôi nhà giản dị đông đầy tình yêu thương qua những đôi mắt búp bê len. Bà đang có kế hoạch biến tiệm búp bê Hiền Thục và xưởng sản xuất của mình thành địa điểm tham quan cho du khách, vừa góp phần bảo tồn di sản văn hóa dân tộc khi mà những tiêu bản trang phục gốc đang dần mai một, vừa đóng góp cho sự phát triển du lịch của Đà Lạt. Tôi cũng cho rằng đó là một ý tưởng thú vị và khả thi, bởi một người lần đầu tiên đặt chân đến thành phố hoa như tôi thấy may mắn khi tình cờ có thêm một kỷ niệm nữa về văn hóa và con người Đà Lạt, từ lúc bắt đầu đặt chân vào ngôi nhà của búp bê.

Nguồn: Tiền phong (2009)

Lời tác giả

Tôi gặp nhà thơ Bùi Minh Quốc tại Hội nghị Những người viết văn trẻ toàn quốc lần thứ VII tại Hội An hồi năm 2006. Sau đó ông hay “trao đổi sách” với tôi qua đường bưu điện, thỉnh thoảng còn gửi những bài viết cũng qua đường bưu điện, với sự rất cẩn thận của một người có tuổi. Khi dự trại sáng tác ở Đà Lạt, tôi liên lạc với nhà thơ và đề nghị đến thăm ông. Hẹn giờ đến thăm nhưng rồi tôi bận gì đó mãi hôm sau mới liên lạc lại, xin lỗi vì đã thất hẹn và giờ nếu ông có mặt ở nhà thì tôi chuẩn bị đi xe máy đến. Tôi không thể quên được giọng nói rầu rầu của ông khi ấy “Hôm qua chú thấy cháu không đến mà chẳng gọi lại, chú tưởng cháu sợ nên không dám đến”. Tôi cuống quýt thanh minh rằng không phải thế, nào tôi có sợ hãi gì đâu, chỉ vì hôm qua còn mải phóng xe lên mạn Đồi Mộng Mơ để mua dâu tây nên khi về thì đã quá muộn. Trước đó tôi có nghe loáng thoáng về những tai ách liên quan đến chính trị gì đó của nhà thơ, nên đêm giờ ông cứ bị ám bởi cái ý nghĩ rằng ai gặp ông cũng sợ bị liên lụy.

Nỗi buồn thơ kiều hãnh

Như không ít những người được gọi là trẻ, tôi cũng mắc một căn bệnh là ngại thân thiết với người có tuổi. Thậm chí trong chừng mực nào đó, tôi còn hay trốn những cuộc giao tế xã giao với họ. Tôi không muốn bị xét nét bằng cái nhìn nghiêm khắc thường thấy của một bậc bề trên đối với những người luôn bị coi là chưa trưởng thành, cần tiếp thu ý kiến và kinh nghiệm. Và tôi cũng không muốn chịu trận các câu chuyện liên tu bất tận của những người đã bước vào ngưỡng cửa “sự nói nhiều”. Người phụ nữ có tuổi, tức thì tôi liên tưởng đến hình ảnh nhàm chán và tẻ nhạt của việc sắm sanh đi lễ chùa, dậy sớm tập dưỡng sinh và các chuyện kể hàng giờ không dứt về đứa cháu nội, về bà hàng xóm, về bệnh mỡ máu, cao huyết áp, thấp khớp và công thức mới cho bát canh thập đậu bổ dưỡng. Nhìn họ, tôi thấy vừa xa lạ, vừa bị ám ảnh bởi hình dung nhãn tiền của mình sau 30 năm nữa.

Song nhà thơ Phan Thị Thanh Nhàn là một người phụ nữ đặc biệt. Và hình ảnh bà luôn có mặt trong những phiếm đàm đầy ngưỡng mộ của tôi khi nhắc tới những nhân vật đời ưa thích. Lần ấy tôi dự Hội nghị quốc tế quảng bá văn học Việt Nam được tổ chức tại Tuần Châu. Đêm thơ quốc tế. Một người phụ nữ ăn vận lịch lãm ở hàng ghế trên quay xuống hỏi rằng liệu tôi có thể dịch giúp bài thơ này sang tiếng Anh và lên sân khấu diễn phần dịch khi bà đã đọc xong khúc thơ gốc, nhân tiện thì dịch cả lời giới thiệu rằng đó là bài thơ tình đầu tay của bà. Chẳng có lý do gì để từ chối khi lời đề nghị ấy là từ tác giả của “Hương thầm” và cả “Làm anh” mà tôi thuộc lòng từ thuở chưa cắp sách đến trường. Tôi dịch rất nhanh những câu thơ da diết, hờn dỗi và đầy kiều hãnh của một cô gái 20 tuổi.

Nếu anh đi với người yêu

Chỉ mong anh nhớ một điều, nhỏ thôi:

Con đường ta đã dạo chơi

Xin đừng đi với một người khác em

(Trích đoạn bài thơ “Con đường”)

Tôi dịch thành:

If you go for a walk with your darling,

I wish you'd remember a small thing:

The road we walked on

Please, ever be there with a girl, not me

Lúc trở về chỗ, rồi cho đến tận ngày hôm sau, nhà thơ Phan Thị Thanh Nhàn vẫn nhiệt tình cảm ơn đến mức tôi phát ngại. Sau này, khi đã trở nên thân thiết, thấy nhà thơ nhiều lần như thế, cứ thích “trả ơn” những người khác vì một sự rất nhỏ. Chỉ thoáng thế ấy, tôi đã đoán biết ngoài sự trước sau và lịch lãm của một người có gốc Hà Nội từ nhiều đời, còn là định mệnh sinh ra một con người với tính cách dễ bị tổn thương. Phàm là người luôn cảm động vì tấm thịnh tình của người khác (dù chuyện nhỏ xiu), ắt nhiều phần đề cao tình cảm và tình nghĩa. Thế rồi khi đã hết lòng với đời, hết tình với người, mà sự đáp lại chẳng như mong muốn, hẳn sinh tủi lòng vì nỗi bạc bẽo của người đời. Mà Phật pháp thì dạy: Con người ta sinh ra vốn dĩ đã vô ơn.

Lần đầu tiên đến thăm nhà thơ Phan Thị Thanh Nhàn, tôi nhìn thấy trong phòng khách tấm ảnh thờ nhà thơ Thi Nhi, người chồng quá cố của bà. Tác giả của những vần thơ “Cửa sổ hai nhà cuối phố, không hiểu vì sao không khép bao giờ” đã từng trả lời trong một bài phỏng vấn rằng “Ông xã, có thể nói, là một phần mơ mộng tuổi trẻ của tôi. Nhưng chúng tôi chỉ cùng sống được 12 năm thì anh bệnh nặng và qua đời, khi tôi mới ngoài 30. Sau khi nhà tôi mất, cho đến

bây giờ là hơn 30 năm, tôi đã... thử yêu và không ngừng thất vọng.” Nhiều lần nhà thơ vẫn bảo những cô gái trẻ chưa chịu lấy chồng rằng tìm đâu ra một người hoàn hảo bây giờ, mà bản thân mình đâu có phải người hoàn hảo, tương đối thôi... Ấy là nói thế, nhưng người đã thất vọng tới hơn 30 năm tới giờ cũng vẫn chưa tìm thấy đâu một người lòng thực sự ngưỡng mộ mà lại đền đáp trọn vẹn tấm chân tình của nhà thơ. Nhiều phần tôi nghĩ, người sáng tạo mà chỉ mưu cầu một sự “tương đối” là khó lắm, bởi tính duy mỹ và vị cảm là điều không thể thiếu đối với những người làm nghệ thuật luôn muốn vươn đến chân-thiện-mỹ và cả đời đi tìm sự hoàn hảo.

Phòng khách của nhà thơ trong căn hộ nằm trên khu chung cư đường Lê Văn Lương có vẻ như quá rộng, có lẽ vì lớn quá so với nhân khẩu hai người một mẹ một con. Nhưng lúc ấy tôi không dám nhận xét thế, chỉ đến khi bà chuyển nhà sang khu mới trên đường Bưởi, một căn hộ chung cư hạng sang với hành lang bóng lộn như khách sạn năm sao, nội thất gỗ tinh xảo và không gian ấm áp, tôi mới nức nở khen sự lựa chọn này thật vô cùng phù hợp. Ngôi nhà mới xinh xắn hơn, nhỏ nhắn hơn và vì thế cũng đầm ấm hơn. Không hiểu sao, tôi luôn bị thu hút bởi những người sống lặng lẽ, đặc biệt là khi họ lại là nghệ sĩ. Tôi cảm thấy từng đồ đạc, từng vật dụng nhỏ của nữ nhà thơ, từ chiếc giường một gối, chiếc máy tính để bàn hàng ngày làm việc, những cuốn sách trên giá, lọ hoa tươi và cả bát đĩa trong chạn đều toát lên chút gì đó giản dị mà cô đơn, một nỗi cô đơn kiêu hãnh của người mang những câu thơ tình đến sổ tay từng cặp đôi lứa đang yêu. Tuy nhiên, chỉ duy nhất có một lần nhà thơ Phan Thị Thanh Nhân nói rằng “Phải bao giờ đến tuổi cô cháu mới cảm được nỗi cô đơn khi phải sống một mình”. Còn phần nhiều, người bạn nhà thơ lớn tuổi của tôi thường chỉ gọi điện rủ đi ăn món gì đó ngon lành, đi du lịch xa hay dancing sáng chủ nhật. Riêng điều này mới là cái sự khiến tôi kinh ngạc về vẻ thanh xuân và sức sống của một người phụ nữ dường như không có tuổi. Một tuần có 7 ngày sống thì phần nhiều thời gian nhà thơ dành cho tennis, bơi lội, dancing và đôi khi cả massage thẩm mỹ. Tất cả sự di chuyển đến các CLB thể thao đều vù vù bằng xe gắn máy. Bà nhảy tango rất cừ, và cả Viennese Valse (Valse xoay) là điệu mà tôi chưa bao giờ dám thử vì mắc bệnh chóng mặt. Hễ đi đâu thì bà hay đòi đi bộ, bảo gần như thế có chi phải cần leo lên xe, trong khi tôi uể oải đòi gọi taxi. Và khi được hỏi về một căn bệnh kinh niên mãn tính nào đó thì bà nghĩ một lúc rồi bảo “Có, cách đây một tháng cô cũng bị... đau lưng mất cả buổi tối, rồi từ bữa ấy đến giờ chưa thấy bị lại nữa”. Rõ là nhà thơ Phan Thị Thanh Nhân đã khiến tôi giảm bớt nỗi ám ảnh kinh hãi của “những bài tập dưỡng sinh và canh thập đậu bổ dưỡng” cũng như lạc quan hơn về một tương lai mà bất cứ người phụ nữ nào cũng phải chạm tới.

Hồi đầu không biết, tôi hay mời nhà thơ nữ đi ăn cơm chay, nghĩ chắc bà phải thích lắm, sau thấy khách mời giãy nảy lên “Ấy không, không, bà già này chỉ thích hải sản thôi, không ăn cơm chay”. Phòng khách xinh xắn của bà cũng là nơi tiếp nhiều bạn bè thân như nhà thơ Nguyễn Thị Hồng Ngát, Bảo Chân, nhà văn Trần Thị Trường... Những người trẻ như tôi cũng yêu quý “cô Nhân”, yêu quý con người luôn lạc quan và hài hước. Nhiều người đàn ông quý mến, trân trọng nhà thơ, có người ở rất xa cũng hay gọi điện thăm hỏi. Bà hài hước bảo lúc nhắc máy nghe ông ấy “A nô” tức mình lắm, mà chính mãi không được. Sau người bạn kia sợ quá, cứ mỗi lần gọi cho nữ thi sĩ, thay vì bảo “Tôi sắp ra Hà Nội” thì lại ấp úng “Tôi sắp ra... Thủ đô”, để tránh vắn N.

Người ham thích thể thao, trong lòng ắt vui tươi và thêm được hoạt động. Phan Thị Thanh Nhân cũng là người thích du lịch. Chỉ cần có một người đồng cảm, chung sở thích và một điểm đến, vậy là bà sẵn sàng lên đường, với nhiệt huyết và nụ cười khó lòng nguôi tắt. Năm nào bà cũng tiêu tốn vô khối tiền vào những chuyến đi cả trong và ngoài nước. Nhiều lần tôi thở dài “Khi nào cháu bằng tuổi cô, chắc chẳng được một phần thế này. Giờ đã nhiều phần theo không kịp...”. Điều ấy không phải tôi khen nịnh, mà rõ ràng tôi không đủ sức theo đuổi một môn thể thao hạng nặng như tennis, không đủ kiên trì tập luyện hàng tuần như bà đã làm từ mấy chục năm nay, và vài thập niên sau, cũng đủ hình dung mình không thể giữ nổi vóc dáng thon gọn, thanh thoát như bậc tiền bối. Có lần, “phê bình” sự mệt mỏi ngay khi tuổi còn đang trẻ của tôi,

Phan Thị Thanh Nhàn bảo “Ngày xưa hồi yêu nhau, lúc ấy là năm 67, đang còn chiến tranh, cô với chồng chưa cưới còn đùa nhau bằng xe đạp về quê anh ở Thái Bình, cũng ngót 200 cây. Đi suốt một đêm, vừa đi vừa ríu rít trò chuyện và cô đã viết bài thơ Đêm Thái Bình sau chuyến đi đầy kỷ niệm ấy.”

Nhà thơ Phan Thị Thanh Nhàn càng ngày càng gọn gàng, nhanh nhẹn, và sự trẻ trung đến từ sức sống đang tỏa ra hàng ngày chứ không phải bằng cách người ta đo đếm những nếp nhăn trên gương mặt người, cho dù bà có lần đã thắng thốt viết một cách vừa hài hước vừa cay đắng thế này:

*Như chớp mắt như chiêm bao
Vừa thơ ngây đã chóng vào già nua
Mắt đeo kính, tóc rụng thưa
Gặp người yêu cũ muốn vờ rằng quên*

Và cả:

*Ôi người yêu thuở hoa niên
Đâu còn cái tuổi mắt nhìn toàn hoa
Trẻ trung thời ấy đã xa
Cuộc đời thực với dưa cà cần lao*

Nhiều bài thơ tự trào, âu cũng là càng khẳng định lòng người vẫn sôi nổi và tìm người vẫn đa đoan. “Có đôi lúc buồn, tôi đã định tự tử” vì “Sống làm chi khi bè bạn bon chen”, “Sống làm chi khi người yêu thành người lạ”, “Sống làm chi khi mọi tượng thần đều sụp đổ. Người ta tin yêu lại hóa tầm thường” nhưng cuối cùng thì “Vây mà tôi vẫn sống nhơn nhơn... Vẫn hy vọng kiếm được một ông chồng đáng mến... Và tôi hiểu ra trong thăm thăm niềm đau. Tôi vẫn còn yêu đời quá.” (Trích “Yêu đời”). Những khoảnh khắc cô đơn khi đối diện với nỗi ám ảnh vừa trở đến của thời gian, đối diện với niềm tin sụp đổ trong hành trình đi tìm chân thiện mỹ vẫn không áp đảo được trái tim yêu đời đầy kiêu hãnh của người đàn bà quên tuổi.

Ngoài những hoạt động thể thao, giải trí thì đến giờ bà vẫn viết đều đặn, tần suất bài xuất hiện trên các báo không phải là ít. Mới hồi năm ngoái bà cũng vừa cho ra mắt tập chân dung văn học “Sự cực đoan đáng yêu” mà ngoài những giai thoại văn học thú vị thì còn là một nguồn tư liệu quý cho những người khảo cứu văn học sử sau này. Tập sách gồm nhiều mẩu chuyện về những tên tuổi lớn đương thời như Nguyễn Tuân, Nguyễn Đình Thi, Tế Hanh, Tô Hoài, Lâm Thị Mỹ Dạ, Dương Thị Xuân Quý, Đoàn Thị Lam Luyện, Xuân Quỳnh... Trong đó, cá tính và đời sống của người viết cũng hiện lên rất rõ. Nhiều đoạn có nhắc đến người chồng thân thương của nhà thơ, khi ông nói với người vợ trẻ rằng “Em trẻ con lắm. Cái thằng xách nước cho em tắm, lau nhà giặt quần áo cho em thì em không xúc động, lại xúc động thằng cha nhặng nhít tặng bông hoa cứt lợn hả?”. Riêng điều này, nỗi tiếc nuối cứ day dứt mãi không nguôi trong thơ Phan Thị Thanh Nhàn: “Một người mang đi hết. Bao nhiêu là thông minh. Chẳng còn ai hóm hỉnh. Ai cũng đều nhạt tênh. Tắm vón nằm chông chênh. Sao rơi như nước mắt. Lòng em nghiêng về anh. Để tháng ngày lặng ngắt”. Nỗi thất vọng hơn 30 năm vì bao nhiêu khao khát ở đời đã bị “một người mang đi hết”. Nhưng tôi cũng tìm thấy trong số rất nhiều bài thơ tình của bà có những câu thơ viết ở giai đoạn sau này, khi chồng bà đã mất một thời gian:

*Sáng sớm anh dậy trước
Lệ làng như con ong
Thối cơm rồi đun nước
Cho em nằm ngủ thêm*

Anh đóng gạo mua dầu
Việc nặng giành làm cả
Mỗi chiều đi làm về
Thương dáng anh tất tả

Người phụ nữ, khi có bàn tay đàn ông “xách nước” hay “đun nước” âu đều là hạnh phúc ở đời. Tôi băn khoăn lắm điều này và đã hỏi tác giả, liệu bà có khát khe quá không với những gì đã qua, và nhà thơ Phan Thị Thanh Nhàn “thú nhận” rằng trong quãng thời gian “thử yêu”, cũng có một mối tình đẹp mà bà không muốn thổ lộ, vì ...cuộc đời thường "ko hiểu vì sao"...

Nhà thơ Phan Thị Thanh Nhàn tự nhận mình là người không bon chen, điều ấy thoáng qua tôi biết, cho dù bà đã lên đến đỉnh cao của thi ca khi người người, nhà nhà đều thuộc lòng chỉ ít một đoạn dài trong “Hương thầm”. Tâm trong sáng, không cạnh tranh, không hận thù, những câu thơ của bà cũng trong sáng, không hiểu sao tôi cứ cảm thấy thế, trong sáng ngay cả trong lời thơ buồn với nỗi đời viết khi tuổi đã không còn trẻ: “Lòng không hề xúc động, dẫu mùa thu heo may. Lòng đứng đưng chai sạn, dẫu nắng hè đắm say. Ăn qua loa xong bữa. Đi làm cho gặp ngày. Chẳng còn thân ai nữa. Có chút gì đắng cay” (Trích “Mùa xuân”).

Nhiều bạn đi đâu, gặp ai, tôi cũng chìa tay hơn hở “Đây là tác giả của Hương thầm”. Nhà thơ nhả mặt, hàm ý rằng nhớ đâu người ta chẳng biết Hương thầm là gì, mình giới thiệu thế người ta ngỡ ngác rồi không khí lại nặng nề. Nhưng tôi chưa lần nào bị “hẫng” như thế, vì từ anh cán bộ trẻ cho đến cựu nhân viên khiếm thị đều à lên đọc một mạch vài câu. “Hương thầm” được nhạc sĩ Vũ Hoàng phổ nhạc năm 1984, sau khi bài thơ được giải nhì cuộc thi thơ của Tuần báo Văn nghệ năm 1969. Những thi phẩm được phổ nhạc, phần nhiều không mấy ai nhớ đến tác giả ca từ, nhưng với “Hương thầm”, người ta gắn liền nó với nhà thơ Phan Thị Thanh Nhàn. Hoa bưởi (chứ chẳng phải hoa hồng) từ ấy cũng đậm thoảng hương vị tình yêu, thay vì chỉ mang đi ướp chè và mía nướng. Nhà thơ sinh ra ở Tứ Liên, nơi đất đai rộng rãi để trồng hoa, để ươm gió trời và ngoài sân nhà thì có cây hoa bưởi. Yêu hoa bưởi, thương em trai, bà viết bài thơ ấy tặng em, để rồi sau đó người em ra trận và vĩnh viễn không trở về.

Giờ nhiều cô gái bảo “Yêu thì sáp dô chứ làm chi phải khổ mà ngồi im không biết nói năng chi, rồi anh không dám xin cô gái chẳng dám trao”. Nhiều nhà thơ nữ đương đại cũng phát biểu đại ý rằng: Nếu tôi yêu thì tôi sẽ đến gặp người tôi yêu và tỏ tình chứ nhất định không chịu “giấu một chùm hoa trong chiếc khăn tay, cô gái ngập ngừng sang nhà hàng xóm”, vì thế thơ của tôi cũng sẽ khác. Lời tỏ tình có thể khác nhau ở cách biểu hiện, nhưng tình yêu và thi ca thì bất tử. Người ta có thể “sáp dô” ở thế kỷ 21 nhưng vẫn không thôi chậm rãi những câu thơ “Hương thầm”. Hương thầm, tôi thấy giống như bức ảnh “Nụ hôn” chụp trên Quảng trường Thời đại (Mỹ) vào ngày quân đồng minh chiến thắng phát xít Nhật rồi sau đó được đăng tải trên tạp chí Life. Trong ảnh, anh lính thủy vô danh đã ôm chầm lấy cô y tá mà hôn. Người ta vẫn hôn nhau hàng giờ, hàng ngày, hôn mọi nơi, mọi lúc, mọi thời và mọi kiểu cách khác nhau. Nhưng “Nụ hôn” của nhiếp ảnh gia Alfred Eisenstaedt đã trở thành bất tử. “Hương thầm” cũng đã ghi dấu một khoảnh khắc lịch sử như thế. Đã từng có biết bao người lính và cô gái chia tay người ra trận như trong bài thơ? Chắc chỉ còn biết hỏi hương bưởi mà thôi. Và đã gần nửa thế kỷ trôi qua, hương bưởi vẫn ngan ngát thoảng đưa bất cứ khi nào lời thơ được cất lên.

Mấy bữa nay, tôi chưa thăm lại nhà mới của nhà thơ Phan Thị Thanh Nhàn để ngó xem cây bưởi con trên ban công nhà cũ đã được chuyển đến nơi ở mới hay chưa?

Nguồn: An ninh thế giới (2011)

Lang bạt xứ người

Tôi đọc truyện ngắn của nhà văn Nguyễn Văn Thọ lần đầu tiên cách đây 5 năm. Ấy là khi tôi có một truyện in chung trong tập truyện ngắn 2006. Tôi tìm thấy “Quyên” ở trong đó, và tôi cũng chỉ đọc mỗi “Quyên”, đọc như bị những con chữ ám vào người mà lôi đi giữa bộn bề công việc hối hả quay cuồng dường như ngày nào cũng thế. Đọc mà không hề biết mặt tác giả, cũng không biết rằng truyện ngắn “Quyên” là chương đầu tiên của cuốn tiểu thuyết sẽ được giải thưởng của Hội Nhà văn 5 năm sau đó. Tình cờ một lần đến NXB Hội Nhà văn, người ta giới thiệu với tôi “Còn đây là nhà văn Nguyễn Văn Thọ”. Tôi nhìn người đàn ông nhỏ bé có cái đầu trọc lốc, mặc áo sơ mi xanh, tươi cười ngồi ôm chiếc cặp to đùng trước ngực. Tôi bày tỏ lòng ngưỡng mộ sâu sắc đối với “Quyên”, rồi chợt buột miệng rằng thì là tôi hình dung tác giả của “Quyên” khác cơ, chứ không phải như thế này. Nhà văn Nguyễn Văn Thọ có vẻ chạnh lòng, nụ cười hơi nhạt đi, nhưng vẫn hỏi lại một câu mà người hỏi đã biết rõ câu trả lời “Thế cô hình dung tôi như thế nào?”

Nhà văn hạnh phúc nhất thế gian

Khi hẹn gặp tôi để tặng cuốn tiểu thuyết mới ra lò ở một quán cà phê nằm trên nóc khu phố sách Đinh Lễ, tác giả của “Quyên” bị một người đàn ông bán sách chặn lại một cách tôn kính “Chào bác. Sách của bác hồi này vẫn bán chạy lắm đấy ạ”. Nguyễn Văn Thọ mỉm cười gật gật. Nụ cười khiêm nhường, nhã nhặn rất đặc trưng của... một ngôi sao. Tôi hỏi Nguyễn Văn Thọ rằng anh quen ông ta hay sao. Nguyễn Văn Thọ lắc đầu bảo chắc hẳn nhận ra mình nhờ cái đầu trọc trên ảnh. Sau vừa ngồi chưa nóng chỗ, tay còn đang lật thực đơn, cậu bồi bàn có khuôn mặt trẻ măng cúi xuống nói nhỏ “Dạ thưa... chú có phải nhà văn Nguyễn Văn Thọ”. Lại vẫn nụ cười của một ngôi sao. “Cháu đã đọc Quyên rồi. Cháu rất thích ạ.”

Ôi chao, tôi nhìn Nguyễn Văn Thọ bằng đôi mắt kinh ngạc. Trong vòng 5 phút có hai người xa lạ xuất hiện bày tỏ lòng ngưỡng mộ. Nếu không tận mắt chứng kiến cái cảnh đáng ghen tị ấy mà nghe Nguyễn Văn Thọ kể lại khéo tôi bảo nhà văn lại sáng tác để tự nâng mình lên. Thời đại này, văn chương ở xứ này sao mà được trọng vọng nhường ấy. Sau khi thấy cậu phục vụ có vẻ nhiệt tình hơn với ly cốc ở bàn của nhà văn, tôi bảo Nguyễn Văn Thọ quả là người hạnh phúc nhất thế gian.

Nguyễn Văn Thọ hạnh phúc thật, tiểu thuyết “Quyên” vừa ra mắt, giải thưởng đâu chưa thấy đã nhìn ra sách lậu trên các sạp. Các công ty sách đều bảo “Bán Quyên sướng lắm”. Dân kinh doanh, cho dù là kinh doanh một sản phẩm tri thức như sách thì vẫn mang tôn chỉ hàng đầu là lợi nhuận, và sự tôn thờ của họ dành cho các nhà văn có sách bán chạy là rõ rệt, dấu biết rằng sự tôn thờ ấy sẽ bay biến như gió thoảng nếu ngày mai lượng ấn bản của nhà văn bị sụt giảm thảm hại. Nhưng hai năm trôi qua, “Quyên” vẫn giữ vị trí đầu bảng và công ty sách nào có “Quyên” đều được các bạn hàng coi là may mắn. Không những “Quyên” được bán rất chạy trên thị trường sách trong nước mà năm nào nhà văn Việt kiều Nguyễn Văn Thọ trở về Đức cũng mang theo “một bao tải Quyên” theo yêu cầu của bà con trong cộng đồng người Việt châu Âu. Thế rồi “Quyên” được đón nhận và mua hết sạch. Nhà văn có lần kể rằng “Một chị ở cách nhà tôi vài trăm cây số đã tìm tới, chỉ cuốn sách trên tay, nghen ngào kể: Cuộc đời em cũng khốn khổ như chị Quyên của anh. Anh đã nói thay em. Em đã ba lần bị hãm hiếp khi vượt biên từ Nga sang Đức...”. Mỗi cuốn sách có giá từ 15-20 Euro nhưng nhiều phần độc giả thường đồng cảm, không chỉ đồng cảm với nhân vật trong sách, mà còn đồng cảm với cuộc sống của tác giả bên trời Âu, cũng bon chen, vất vả kém chi cuộc sống của mình, mới dúi vào tay nhà văn cả 50 Euro. Khi ấy con người dễ xúc động của nhà văn (mà ông tự gọi mình là người thợ khách viết văn) muốn bật khóc, bởi tác giả lại đồng cảm ngược với độc giả “Tôi biết ở Đức không phải ai cũng giàu. Đứng dưới trời tuyết có ngày ế trống ế tro, chỉ mong đủ tiền mua xăng về nhà, có người cả 10 năm không có tiền mua vé máy bay về thăm mẹ... Tiền ai lại chả thích. Song 50 euro có khi là cả ngày chợ của hai vợ chồng và hai đứa con.”

Cho đến giờ, chỉ trong vòng hai năm, “Quyên” đã thu được hơn 400 triệu, từ tiền bản quyền tiểu thuyết, nhuận bút in truyện nhiều lần trên các báo, giải thưởng, tiền bán sách rồi bản

quyền làm phim. Mới đây hãng phim BHD cũng đã chính thức ký hợp đồng mua bản quyền phim “Quyên”. Nhà văn Nguyễn Văn Thọ rất phấn khởi. Ông hồ hởi kể về các “khoản thu” của “Quyên”. Tôi biết đó là niềm tự hào của bất kỳ nhà văn nào, khi mà thu nhập từ nghề viết đã phần nào đại diện cho thành công của cuốn sách, đã chứng minh công sức lao động và tâm huyết mồ hôi nước mắt của người sáng tạo bỏ ra cho đứa con tinh thần của mình không phải đổ xuống sông xuống bể. Nhà văn Nguyễn Văn Thọ ít nhiều mang tính cách sòng phẳng đặc trưng của người Đức, rất không thích nhắc đến chuyện người ta xin không sách của mình hoặc in truyện của mình mà lại trả nhuận bút thấp. Và với cá tính thẳng thắn của mình, nhiều lần ông đã tuyên bố công khai rằng ông không thích cách đối xử kiểu tem phiếu này đối với sản phẩm nghệ thuật của người viết.

Nửa tỷ đồng cho một cuốn sách viết bất quá cũng chỉ vài năm trời, kèm theo linh đình dư luận trong ngoài nước, rồi giải thưởng và bản quyền phim. Người ngoài trông vào dễ tưởng đâu tiền bạc và danh tiếng đến với nghề văn dễ lắm, ấy là do tự dung Trời sinh ra một nhà văn thiên bẩm, rồi ẩn ngòi bút vào tay anh ta. Nhưng những người biết rõ cuộc đời của Nguyễn Văn Thọ, như nhà thơ Trần Đăng Khoa từng gọi ông là một “pho cổ tích thời hiện đại”, thì hiểu rằng: Quyên, thực sự là kết tinh của máu, mồ hôi và nước mắt, đúng theo nghĩa đen của từ này.

Pho cổ tích thời hiện đại

Nguyễn Văn Thọ là người quyết liệt và dữ dội, như những gì người ta nói: “văn là người”. Sau này có lần ông cũng nhắc lại lời nhận xét rõ vô duyên của tôi lúc mới gặp “tướng tác giả của Quyên phải khác cơ”. Cái điều khiến con người nhà văn trở nên quyết liệt đến thế, ngoài tính cách bẩm sinh, còn phần nhiều bộc phát từ hoàn cảnh. Nguyễn Văn Thọ từng miêu tả một câu rất hài hước và bi kịch về cuộc đời mình thế này: “Làm quan thì nửa chừng, làm dân thì trôi nổi, làm tình thì hai lần dang dở, còn làm văn thì muộn màng.”

Năm 1965, Nguyễn Văn Thọ nhập ngũ, khi mới chỉ là một chàng trai 17 tuổi. Thuộc binh chủng pháo phòng không, lên đến trung đội trưởng, lăn lộn đủ binh chủng khác, gùi thổ, trình sát, bộ binh... khắp các chiến trường Quảng Trị, Trường Sơn, Tây Nguyên, Lào..., tham gia hơn 500 trận đánh, rồi giải ngũ năm 1976, người thanh niên 28 tuổi hiến 11 năm tuổi xuân cho bom đạn, điều bình thường nhất là tình yêu cũng chưa hề được biết, khi quay về thành phố mang tâm trạng háo hức của một người anh hùng trở về từ mặt trận. Cho dù lúc ấy chỉ đủ tiền mua một liều thuốc chén nước ba người chia nhau thì vẫn cứ hớn hởi một niềm tin ngây thơ cho rằng cả Hà Nội sẽ chào đón mình. Nhưng khi bước xuống ga tàu, không một người nào để ý đến ba người lính đang lầm lũi bước đi. Từ ấy, Nguyễn Văn Thọ hiểu rằng sự vinh danh đối với người lính chỉ có giới hạn. Giờ khắc vai trò của người lính đã chấm dứt, phải lập tức quay trở lại đời thường thôi. Nguyễn Văn Thọ viết 16 lá đơn để xin ra khỏi quân ngũ. Nhưng lúc này, cơn sốt thứ hai lại đến. Nguyễn Văn Thọ thất nghiệp. Trong suốt một năm trời, người lính giải ngũ long tong đi tìm việc, chỉ cần một chân bảo vệ trong nhà máy sản xuất khăn mặt thôi cũng không xong. Cuối cùng thì cũng kiếm được một chân thu dọn vệ sinh trong một công ty buôn bán cấp I. Cơ cực, đói khát, hiểm nguy trăm bề thời chiến cũng chưa bằng nổi nhọc nhãi của một gã trai còn vẹn nguyên tâm hồn thi ca mơ mộng đi dọn những nhà vệ sinh công cộng. Không chịu nổi, cuối cùng Nguyễn Văn Thọ xin đi học, tại chức cũng được. Ông nghĩ, bao giờ, thời nào cũng cần tri thức, mà mình không có tri thức đâu phải lỗi tại mình. Rồi trong 5 năm, từ một nhân viên quèn đã nhanh chóng trở thành thư ký giám đốc, rồi trưởng phòng.

Có một tác phẩm của Nguyễn Văn Thọ mà tôi rất thích, ấy là “Nhà ba hộ”. Những câu chuyện tưởng chừng vụn vặt xoay quanh ba gia đình là lời kể rì rầm về cả một giai đoạn lịch sử của đất nước. “Nhà ba hộ” đồng thời cũng là một phần đời đầy cay đắng của tác giả. Lương nhà nước không đủ để nuôi vợ con, Nguyễn Văn Thọ kiêm thêm đủ nghề khác để bằng mọi con đường kiếm được đồng tiền một cách chân chính: Chụp ảnh đám cưới, mua đài, xe đạp từ nước ngoài về bán. Việc gì cũng thức thời làm. Rồi khi đang ở chức trưởng phòng, thu nhập đã ổn định, Nguyễn Văn Thọ lại xin từ chức ra đi, ấy là “làm quan thì nửa chừng”. Sang xứ người, dường như ông thẳng thốt chạy trốn một sự thật đang dần tan vỡ trong gia đình. Cái câu tự miêu tả số mệnh mình một cách kỳ quặc chính là như thế: “làm tình thì hai lần dang dở”. Nguyễn Văn Thọ

cay đắng “Con người đã gắn bó với mình nhường ấy, đã tưởng chừng cùng nhau vượt qua tất cả, vậy mà còn không tin tưởng nhau thì liệu trên đời có tồn tại tình yêu hay không, hay tất cả chỉ là sự giả tạm.”

Sang Đức năm 1988, làm đội trưởng đội điện tử. Chưa đầy hai năm bức tường Berlin sụp đổ. Dường như những cú sốc cứ luôn đeo đẳng cuộc đời người đàn ông có vóc dáng nhỏ bé và đôi mắt đầy sức sống này. “Làm dân thì trôi nổi” - Kiếp nạn trôi nổi lại đẩy Nguyễn Văn Thọ vào công việc thu dọn vệ sinh lần thứ hai, nhưng lần này là dọn dẹp trên xứ người. Khi ấy hàng triệu người thất nghiệp. Các nhà máy đóng cửa. Người “thợ khách” xin được một chân dọn vệ sinh trong chính cái nhà máy trước đây làm việc. Trong suốt 6 tháng trời, ông phải làm việc 10 tiếng một ngày, trưa có 30 phút để nghỉ ngơi. Những chiếc máy đánh bóng sàn, hút bụi có công suất lớn, khiến có lần vóc dáng không lấy gì làm to lớn của người cầm bút đã bị máy đánh bóng đẩy bật, ngã lăn ra đến khốn khổ. Nhưng lúc ấy vẫn chưa thấy nuốt nước mắt bằng khi một người đàn bà Đức trẻ đẹp làm cùng nhà máy tình cờ gặp đồng nghiệp người Việt đang thu dọn vệ sinh mới hỏi “Anh vẫn ở đây à?”. Sự nhạy cảm khiến ông hiểu hàm ý của câu hỏi ấy. Nhiều người hỏi Nguyễn Văn Thọ tại sao không trở về, tôi cũng hỏi thế. Ông nói rằng đó là một cơ hội để chứng kiến “thế giới phía bên kia” xem có đúng như nhận thức của mình không. Nhưng rồi tất cả đã vỡ òa. “Lúc ấy tôi luôn tự đặt ra một câu hỏi: Sao người ta sướng thế mà dân tộc mình khổ thế?”. Trước những thay đổi dữ dội ở châu Âu cả về đời sống chính trị và xã hội, tâm tính đầy nhạy cảm của một người có khả năng sáng tạo thiên bẩm cũng trở nên biến đổi kỳ lạ. Ông triền miên mất ngủ. Có lần về nước Nguyễn Văn Thọ bỏ nhà đi lang thang cả đêm ngoài đường không biết lối trở về nhà. Đận ấy đúng dịp Tết, Nguyễn Văn Thọ suýt phải nhập viện. Nhưng ngày qua ngày, Nguyễn Văn Thọ cứ nghe cha đánh đàn, thế rồi sự an ủi sâu lắng từ tâm hồn của một người cha đã khiến căn bệnh bột phát tự chấm dứt. Ông cù vốn học Cao đẳng Mỹ thuật Đồng Dương khóa 3, tiếp thu cả Hán Nôm và Tây học đã khuyên con trai rằng “Con đừng thức mà không làm gì cả”.

“Làm văn thì muộn màng”

“Đừng thức mà không làm gì cả”. Nguyễn Văn Thọ hiểu hàm ý của người cha uyên bác. Những đêm mất ngủ đã trở thành cơ hội để những bài thơ xuất hiện. Nguyễn Văn Thọ đã viết được gần 1000 bài thơ mà phần lớn ra đời trong những đêm đối diện với bốn bức tường trắng lạnh lẽo của phòng ngủ, ngăn cách với lớp lớp tuyết dày đang buông trắng bên ngoài. Ban ngày dầm tuyết bán hàng 13, 14 tiếng, đêm thức dậy từ 3 giờ sáng để viết. Lịch trình ấy đã song hành cùng nhà văn suốt 18 năm nay. Viết là một cách để lý giải những gì mình chứng kiến, viết cũng là một cách để giải tỏa nỗi cô đơn. Nguyễn Văn Thọ có lần kể rằng “Ban ngày đi bán hàng phải nói chuyện với cái cây”. Chẳng hiểu chuyện ấy là thật hay đùa, nhưng nhân vật Kumar trong “Quyên” cũng đứng nói chuyện với cái cây. Trò chuyện với cái cây ư? Tôi từng xem một bộ phim về nhân vật bị dạt lên đảo hoang do Tom Hanks đóng. Anh ta vẽ hình mặt người lên quả bóng rồi hàng ngày trò chuyện với hình nộm ấy giữa mênh mang bao quanh là nước biển. Nhưng sống giữa một thành phố vài triệu dân giữa trung tâm của châu Âu mà phải nói chuyện với cái cây, âu là nỗi cô đơn đã được đẩy lên đến tận cùng. Không ai tự tạo ra số mệnh cho mình, cũng không ai vẽ nên được bi kịch riêng, nhưng biết đâu, những gì mà nhà văn Nguyễn Văn Thọ nhìn thấy, cảm thấy trong suốt cuộc đời gắn liền với nhiều mốc lịch sử, những gì khiến ông trở nên ám ảnh đến độ thời gian không thể xóa đi những giọt nước mắt hể mỗi lần hồi ức quay trở lại, tôi cho rằng âu cũng là một sự may mắn đối với người viết.

Nguyễn Văn Thọ bước vào nghề văn muộn màng, cho dù năm 1972 đã bắt đầu viết. Khi ấy Mặt trận Tây Nguyên tổ chức hội diễn. Tiểu đoàn thấy Nguyễn Văn Thọ hay nói chuyện văn chương mới đề nghị anh trung đội trưởng trẻ tuổi tham gia. Nguyễn Văn Thọ viết hai bản nhạc cho tốp ca đoạt giải nhất toàn mặt trận và một vở kịch. Hồi ấy nhà văn Khuất Quang Thụy cũng cùng ở quân đoàn, viết một vở kịch chèo được giải nhất, làm thơ rất hay, nổi tiếng khắp mặt trận, nên họ kết bạn từ thuở đó. Nhưng mãi đến năm 1984, sau khi xem một bộ phim truyền hình nói về người lính ngoài mặt trận, Nguyễn Văn Thọ bảo “thấy giả lắm”, mới tức thì viết truyện ngắn “Rồi chúng con sẽ trở lại quê hương”, được in ngay trên báo Văn nghệ. Sau đó đến truyện ngắn “Sương đêm” rồi “Muối mặn” viết về thời kỳ sau đổi mới được Lưu Quang Vũ dựng thành vở kịch chèo “Muối mặn đời em” giải nhất Liên hoan sân khấu chèo toàn quốc

1986. Trong lúc sự nghiệp văn chương đang phát triển, Nguyễn Văn Thọ ngừng viết, chỉ vì “cảm thấy trở thành cái đuôi của các nhà văn lớn”.

“Quyên” được khai bút từ năm 2001, là kết tinh của quãng thời gian đắng đót trên xứ người. Khó ai có thể phủ nhận tính hấp dẫn của “Quyên”, điều thường vắng bóng trong các tiểu thuyết Việt Nam. Kết cấu tiểu thuyết chặt chẽ, cốt truyện lạ và hiện thực những con người tha hương đã khiến “Quyên” giành được giải B cuộc thi tiểu thuyết lần thứ 3 của Hội Nhà văn VN. Ở “Quyên” có một điều đặc biệt, nếu ngắt hầu hết các chương ra thì đều có thể đứng riêng thành những truyện ngắn độc lập. Cuộc đời chìm nổi của người phụ nữ tên Quyên chỉ là cái cớ để nhà văn miêu tả và phân tích hỉ nộ ái ố của những người Việt tha hương. Có những đoạn văn hài hước, và cũng có cả những câu chuyện đắng cay. Tôi thích hình tượng những con người “vô tâm tích”, lần đầu tiên được đề cập đến trong văn học. Có những con người tự làm cho mình vô tâm tích dù còn đang hiện diện như nhân vật Hùng. Và cũng có những người trở thành vô tâm tích thực sự trên xứ người như Dũng. Cả tính địa phương chủ nghĩa kim hãm sự phát triển chung của cộng đồng cũng được nhắc tới trong tác phẩm thông qua trải nghiệm thực sự của nhà văn. Cuộc sống mưu sinh trên tuyết là giành giật, là được và mất, là thành công và tay trắng. Nguyễn Văn Thọ thấm thía điều ấy. Năm 2003, Nguyễn Văn Thọ và người vợ sau này của ông rút số vốn dành dụm được trong suốt quá trình kiếm sống trên xứ người là 50.000 Euro, vay mượn thêm 30.000 Euro đầu tư cửa hàng, rồi mất trắng, chỉ trong vài tháng. Lên đến đỉnh cao hoặc chìm kiệt xuống đáy, đâu cũng là sự tận cùng. Trong số hơn 3 triệu kiều bào ở nước ngoài, không ít người viết văn, nhưng chưa có cuốn tiểu thuyết nào lột tả đến cùng bi kịch tha hương như “Quyên”.

Nguyễn Văn Thọ có giọng nói sang sảng, sẵn sàng phản pháo một cách ngoa ngoắt với kẻ nào xúc phạm hoặc chơi xấu mình. Ai cũng dễ phải vía con người nhỏ bé ấy. Nhưng ẩn sau vẻ ngoài dữ dội và sự sòng phẳng đến lạnh lùng là một bản năng dễ xúc động trước thân phận con người, dễ rơi nước mắt, mà tôi đồ rằng cũng logic thôi, nếu thiếu sự rung cảm ấy, sao tác phẩm có thể ra đời, hoặc ra đời nhưng sẽ chỉ đứng vào hàng phế phẩm. Thỉnh thoảng Nguyễn Văn Thọ gọi điện từ Berlin, nói rất nhiều, nói rất lâu, nói một cách tốc độ về chuyện văn chương trong ngoài nước rồi như vừa chợt liếc qua đồng hồ lại vội vàng cúp máy một cách... tốc độ “Thôi nhá, thôi nhá, anh có việc phải làm”. Tôi không biết tất nói nhiều của Nguyễn Văn Thọ có phải nảy sinh từ lúc “nói chuyện với cây” hay không nhưng rõ ràng là ông thêm tiếng người, tiếng của những người đồng bào ở trên chính quê hương mình.

Nguồn: Văn nghệ (2011)

Lời tác giả:

Nhà văn Nguyễn Văn Thọ là người rất đặc biệt. Nói năng ngoa ngoắt, tốc độ và dứt khoát, hành động quyết liệt. Không ai dám cãi nhau. Thế nên thấy có nhà phê bình X nói câu gì đó đụng chạm trên mạng, bị tác giả của “Quyên” dọa kiện, nhà phê bình X bình thường cũng ngoa ngoắt không kém, ấy thế mà phải vội vàng xin lỗi. Song Nguyễn Văn Thọ cũng hơi tí là khóc. Mới đầu tôi chưa biết tật này. Khi gửi bản thảo bài viết cho nhà văn đọc duyệt trước khi in, ông gọi lại cho tôi, nghẹn ngào mãi không nói nên lời, bảo đọc những điều tôi viết thấy ứa nước mắt. Tôi hình dung đầu dây bên kia nước mắt ngấn dài cứ thi nhau nhỏ xuống bàn phím mà nếu là thời cách đây 30 năm thì chắc cái bản thảo bút mực đã bị ướt nhòe nhoet. Còn đầu dây bên này tôi cứ ngấn tò te bên cục a lô. Sau tôi xúc động kể lại thì nhiều người bảo “À không sao, Nguyễn Văn Thọ khóc mấy lần trước mặt anh rồi”. Ôi chao là nước mắt đàn ông. Có ai ngờ đâu cái ông ngoa ngoắt là thế mà lại cứ đụng tí khóc.

Ngôi nhà mới của nhà văn Phạm Ngọc Tiến

Mấy bận đầu gặp nhà văn Phạm Ngọc Tiến, tôi cứ gãi đầu gãi tai hoài. Chả là nhốt cái lại có người tiến đến gọi anh là bố. Rồi bố con trao đổi công việc gì đó có vẻ rất quan trọng chứ không chút nào bốn cột. Con cái, người nào người ấy to lớn kèn kèn, mặt mũi già nua có phần gần bằng bố. Biết ý, Phạm Ngọc Tiến giới thiệu “Con nuôi của anh đấy”. Ra thế, tôi thờ phào áng chừng hiểu. Nhưng con nuôi nhiều quá, lại toàn con nổi tiếng, trong ấy có nhà thơ Bình Nguyên Trang, nhà văn Nguyễn Quỳnh Trang... rồi cả Nguyễn Anh Vũ biên tập viên NXB Văn học, số cân ngót tạ, có thể nhắc bổng bố nuôi lên trời vẫn cung cúc một điều bố hai điều con. Kể ngộ miệng bảo Phạm Ngọc Tiến như mẹ mìn, không biết bày trò gì mà lăm con nuôi đến thế. Có bận tôi đề nghị nếu có thể thì cho tôi... tham gia đội con nuôi với. Phạm Ngọc Tiến trợn mắt, ý chừng con cái đã đông, không phải người nào cũng dễ dàng có suất, và dứt khoát không muốn thu nhận thêm đứa con nào nữa, nhất là một kẻ như tôi.

Người mới gặp dễ chọn trước vẻ dữ tợn và lạnh nhạt ban đầu của ông bố lăm con này. Có lẽ chỉ khi nào đã thực sự trở thành bạn thân, Phạm Ngọc Tiến mới bộc lộ hết sự hài hước, chân thành và đầy tình cảm của mình. Trước sau, tôi vẫn luôn coi Phạm Ngọc Tiến là một người thầy trong nghề nghiệp, chỉ đơn giản bởi một điều, thuở ban đầu, anh là người đầu tiên bỏ công đọc và tỉ mỉ sửa từng từ các truyện ngắn của tôi lúc còn bản thảo. Phạm Ngọc Tiến đọc rất kỹ, đọc xong gửi mail lại, đóng mở ngoặc những chỗ sửa, đôi lúc chỉ là: Theo anh chỗ này nên dùng từ “ngờ ngạc” thay cho từ “ngớ ngẩn”... hoặc Câu này hơi phi logic, em xem lại thế nào. Thậm chí có lần tôi kinh ngạc nhìn thấy trên đứa con tinh thần của mình một đoạn ba bốn dòng mới toe, đọc nhang nhác giọng văn của tôi nhưng rõ là không phải của tôi, đọc tiếp mới thấy mở ngoặc: Hai đoạn này em viết tắt quá không có điểm nổi nên sợ rằng đọc giả khó hiểu, thôi anh viết thêm một đoạn nữa cho nhanh, chứ giải thích thì còn lâu hơn. Tôi cười ngất, tất nhiên vẫn cứ sửa lại theo ý mình. Sau mới thấy có nhà văn trẻ cũng kể lại rằng Phạm Ngọc Tiến vẫn hay làm thế, đọc sửa tiểu thuyết cho người khác rồi tự viết thêm một đoạn... cho nhanh, lại có cái tài là dựa trên đúng giọng văn của tác giả. Sau này, thi thoảng tôi vẫn gửi bản thảo mới cho Phạm Ngọc Tiến nhờ góp ý. Nhà văn reply lại, giọng nghe đã hơi chanh lòng “Thôi, em đã tự đứng, tự đi được, tự biết thế nào là đúng, không cần phải góp ý nữa”. Tâm lý này tôi hiểu, giống như người thầy nửa mừng vui, lại đôi chút thoáng buồn khi thấy những trò mình nâng đỡ thuở ban đầu giờ đã đủ lông đủ cánh bay trên khung trời rộng. Điều mà tôi biết ơn hơn cả ở Phạm Ngọc Tiến, điều khiến tôi dùng từ “thầy” với anh, ấy là sau khi đọc một truyện ngắn, anh đã nói với tác giả của nó rằng “Truyện ngắn này còn nhiều điều phải bàn, nhưng em có trường lực tốt, anh tin rằng em sẽ tiến xa”. Tôi không biết lúc ấy thực lòng anh có tin rằng tôi sẽ “tiến xa” hay không nhưng chắc chắn chính nhà văn cũng không hề biết rằng câu nói ấy quan trọng với tôi đến thế nào. Và sau đó anh nói thêm “Tặng em hợp với tiểu thuyết, năm nay em phải viết tiểu thuyết”.

Nhà văn Phạm Ngọc Tiến viết không nhiều nhưng rất lắm giải: Tập truyện ngắn “Họ đã trở thành đàn ông” đoạt giải B giải thưởng Hội nhà văn VN, tiểu thuyết chiến tranh “Tàn đèn đóm đỏ” giải A Hội nhà văn Hà Nội, truyện dài “Đợi mặt trời” giải A Nhà xuất bản Kim Đồng. Anh vẫn nói “Nghề văn đã nuôi tôi, đúng nghĩa đen.” và hay kể về những khoản tiền giải thưởng đã giúp anh mua được xe máy như thế nào. Phạm Ngọc Tiến có một điều ngộ nghĩnh là trí tưởng tượng bẩm sinh của một nhà văn khiến anh rất hay liên tưởng đến một câu chuyện qua những hiện tượng rất nhỏ. Nhiều bận Phạm Ngọc Tiến kể say sưa trầm bổng về một câu chuyện có đầu, có kết, có thoại, có chi tiết gay cấn đàng hoàng. Riết rồi tôi hỏi truyện ấy in trong tập nào thì người kể chuyện bảo chỉ vừa mới nghĩ ra đây thôi, nói đoạn lại “Anh cho em cái cốt truyện ấy đây, tha hồ mà viết”. Phạm Ngọc Tiến dặt lửng vô số cốt truyện và thỉnh thoảng lại đem... cho. Cho chẳng biết có ai nhận không nhưng nhiều cốt truyện hay cứ treo lơ lửng ở những quán bia mà chính chủ cho đến giờ vẫn chưa thềm viết. Nhiều tác phẩm của Phạm Ngọc Tiến gây kích thích ở cách lật ngược vấn đề, nhân vật truyền hình cũng mang nhiều nét đặc trưng hóm hỉnh của tác giả kịch bản như Quên, Tòng, Khuếch, Ló, Dỏ... Văn là người. Nhớ có lần đúng đợt cúm gà, anh bảo mình vừa đi thăm trại gà về xong. Tôi giật nảy mình theo phản xạ hơi lùi ra xa,

nhăn mặt kêu nhõ đầu lầy cúm từ gà thì sao. Anh bảo “Có mà chủ trại nó sợ anh lầy cúm sang gà của nó ấy. Khi vào bắt anh mặc quần áo bảo hộ kín từ đầu đến chân cho đỡ dấy bẩn trại gà”.

Năm rồi gia đình anh xây nhà mới. Ròng rã gần năm trời Phạm Ngọc Tiến thuê một căn nhà cấp bốn để lấy chỗ vừa đặt laptop viết kịch bản truyền hình vừa trông công trình. Hỏi thăm hôm nay anh có đi làm hay không thì nhà văn kêu lên “Làm gì có... quần mà đi làm”. Là vì nóng nực nên anh chỉ bận xà lỏn để chỉ đạo việc xây dựng cho tiện, suốt tháng như thế, quần áo chắc vứt lộn xộn đi đàng nào mất. Mùa hè có hôm nóng đến 39oC, lại còn nghe tin chủ công trình vừa bị ngã gãy chân, tôi hình dung nhà văn quay ra quay vào trong túp lều không máy lạnh mới phàn nàn rằng sao anh không mua căn hộ chung cư mà ở cho tiện, có gì phải trông nom gạch vữa khổ thế. Phạm Ngọc Tiến bảo không, chung cư nào mà được ở ven hồ thế này, một mình một cõi rộng thênh thang, rồi ngôi nhà này sẽ có phòng làm việc riêng hoành tráng, cả bể sục nữa, khác gì biệt thự. Rồi trong lúc mơ về ngôi nhà tương lai, Phạm Ngọc Tiến căn nhắc, mà tôi hình dung ở đầu dãy bên kia anh đang vã mồ hôi trong căn hộ thuê tối om và ẩm thấp “Đây này, giờ mà có gã nào già rồi còn bỏ vợ đi lấy vợ hai thì cũng chỉ đến ở trong cái nhà thế này thôi. Vợ trẻ con thơ, khổ, rồi lại xách nước đi rửa dĩa cho con”. Tôi lại cười ngất, không biết vì cơn có gì mà anh lại có ngay một sự liên tưởng kỳ quặc như thế. Cổ lẽ đâu anh đang tự hình dung ra mình, lỡ có yêu cô gái trẻ, bị vợ đuổi ra khỏi căn biệt thự trong mơ ven hồ, rồi đeo bông vợ mọn con thơ trong ngôi nhà cấp bốn tạm bợ, quay trở lại thời kỳ kinh hoàng của chỗ ở chật hẹp thiếu điện thiếu nước thời bao cấp. Phạm Ngọc Tiến dường bị ám ảnh bởi điều ấy, thời ấy, và tôi có thể đọc thấy nó trong những tác phẩm của anh. Thời gian gần đây, anh viết ít đi vì bao nhiêu thời gian dồn hết cho kịch bản phim truyền hình. Người ta biết nhiều đến anh lại qua cái tên xuất hiện trên màn ảnh nhỏ của “Chuyện làng Nhô”, “Đất và người”, “Ma làng”, “Gió làng Kinh”, “Chuyện phố phường”... Có lẽ giống như nhiều nhà văn khác, sự mưu sinh đã khiến anh phải “kìm hãm” niềm đam mê sáng tác lại.

Cách đây nhiều năm, Phạm Ngọc Tiến hay nhắc đến chuyện ô tô. Anh chăm chỉ đi học lái xe, thi lấy bằng, rồi cũng mua được xe. Xe xin hăn hơi. Anh yêu chiếc xe lắm, âu yếm chăm chút như bà mẹ mới sinh con so, thấy vết bẩn chim trên cốp cũng phải lau chùi cho sạch. Phạm Ngọc Tiến đi xe máy hay gặp tai nạn, cũng là vì những cuộc nhậu triền miên khiến anh không còn phân biệt được đâu là đất đâu là trời. Đến khi có xe hơi, trong cốp xe luôn để sẵn can rượu, hà có gì mà không va quệt cho được. Đi xe máy va quệt thì tự mình gãy chân, xe hơi va quệt chân tay không sao nhưng mỗi lần cho “con cưng” vào bệnh viện xe hơi cũng mất ngót chục triệu, lại có bữa cán người như chơi. Thỉnh thoảng lại nghe Phạm Ngọc Tiến gọi điện giọng buồn sò, thông báo hôm qua anh vừa bị quệt xe. Riết rồi thấy anh đi... xe đạp, bảo luyện tập cho khỏe người, nhưng tôi ngờ rằng anh tông xe nhiều quá đâm sợ, xe quảng cho vợ đi, bốn bánh thay thế bằng hai bánh đạp chân. Bận ấy chúng tôi có cuộc tọa đàm, cuối buổi liên hoan mạn Hồ Tây, Phạm Ngọc Tiến báo đi trước. Lát sau ngang qua khu chợ Hàng Da, tôi và nhà văn Đặng Thiều Quang phóng xe máy vù vù, thấy tác giả của “Tàn đen đốm đỏ” đội mũ tai bèo, túi dẹt bắt chéo đang guồng chân đạp xe phía đằng sau. Chẳng ai dám cười, phóng xe đi trước thì áy náy, mà cứ tà tà đi song song với ông đội mũ tai bèo giữa lúc phố phường đang nghẽn tắc cũng chẳng ra làm sao. Phạm Ngọc Tiến phẩy tay, giọng đã theo nhịp đạp “Đi trước... đi trước đi”.

Hai năm sau khi tậu xe hơi thì Phạm Ngọc Tiến báo xây nhà. Anh thông báo tiến độ thi công một cách hào hứng, cầu thang thế nào, bồn tắm ra sao. Tôi biết ngôi nhà là tâm huyết và mơ ước của nhà văn. Bữa ấy tôi đến thăm quan sau khi nhà khánh thành đã lâu. Ngôi nhà nằm ven bờ nước, rộng thênh thang với phòng khách có cửa sổ trắng to tướng trông ra hồ, nhạc Trịnh bật réo rất. Anh dẫn khách vào từng căn phòng, tầng thượng có bể sục Jacuzzi ngang khách sạn năm sao, phòng làm việc riêng trên tường treo chiếc bi đông nước bằng sắt đã tróc lở từ thời còn trong quân ngũ, buồng tắm để sẵn chiếc kính mà khi đeo lên mắt thì có hai ngọn đèn sáng quắc hai bên gọng, ấy là kính để đọc sách. Dường như lúc nào nhắc đến Phạm Ngọc Tiến thì tôi cũng muốn mỉm cười. Ngay cả đồ đạc trong nhà anh cũng hồn nhiên và ngộ nghĩnh như chủ nhân của nó vậy.

Thời hoàng kim của Phạm Ngọc Tiến (mà nhà văn Nguyễn Quang Lập gọi là “thời huy hoàng say” trong một bài viết chân dung cùng tựa đề về ông bạn vàng) có lẽ không khi nào không

thấy anh bên những tiệc rượu khi ngót giờ làm việc. Phạm Ngọc Tiến nhiều bạn thân, lại yêu rượu như bạn, bạn bè cũng yêu anh, rượu chắc cũng yêu anh, nên thể tất không thể không ghép hai thứ ấy lại với nhau. Chuyên say của Phạm Ngọc Tiến có nhiều giai thoại, thật như đùa, đùa như thật, khiến tôi không biết có nên tin hay không. Nhưng tôi biết nhiều năm, cứ đêm giao thừa Tết Tây là anh lại hay ra biển, với bạn hoặc một mình. Lúc ấy anh gọi điện, với những câu chuyện bất tận không đầu không cuối, sau vài lần kinh ngạc thì tôi quen tính, biết đầu dây bên kia sau vài ly rượu đang tưởng gió biển là gió quạt nhà mình, nếu có bận việc gì mà đặt máy đó để đằng kia tự độc thoại rồi nhắc lên nghe tiếp chắc cũng không sao. Trong những lúc say, bản tính thật của con người thường trỗi dậy nhiều nhất, ấy là lúc nhà văn quên mất cuộc đời không phải lúc nào cũng được phép hào phóng của mình, mới mở ví phân phát cho các cô phục vụ. Mỗi cô được một tờ bạc mệnh giá cao nhất, phát cho kỳ sạch ví mới thôi. Sáng sau hỏi bạn quái thật sao tiền để trong ví nhiều thế mà rơi đâu mất cả rồi. Nhưng thời gian sau này, thấy anh uống rượu thừa dần, chỉ còn dám uống rượu vang. Thì khắp văn giới đều biết Phạm Ngọc Tiến mắc bệnh tiểu đường. Ông Trời thường như thế, rất thích lấy đi của người ta những gì yêu thích nhất. Rượu lại là kẻ thù của căn bệnh chết người này. Trong hai thứ rất tệ thì đành chọn một phương án đỡ tệ hơn. Anh bắt đầu đi tập yoga, ngồi với bạn chỉ trò chuyện và uống cầm chừng. Nhưng nhìn bạn uống tí tí mà mình phải nhịn thì rõ là sinh lòng đổ kỵ. Phạm Ngọc Tiến chọn thêm phương án thứ ba: Quyết không gặp bạn nữa. Kiên cử tuyệt đối như thế, con người anh bỗng dung trở nên là lạ, khang khác với những người từng quen biết. Đến nơi làm việc của anh, giờ không còn thấy anh khoe các loại rượu thuốc, khoe cả với tôi - người chẳng đụng đến một giọt rượu bao giờ, mà chỉ còn nghi ngút mùi thuốc bắc. Đang nói chuyện qua điện thoại cũng nghe cuống quýt “Thôi nhá, anh phải đi tắt ấm thuốc bắc”, rồi cúp máy cái rụp. Có ai rủ đi ăn trưa thì bảo thôi tôi còn phải uống thuốc bắc cho đúng giờ. Từ bạn có nhà mới, dường như anh càng không muốn rời khỏi nhà. Anh bảo anh đang nghiên cứu đạo Phật, giờ đã tận diệt hết mọi ham muốn, chỉ còn mỗi... tham sân si thôi. Chẳng biết Phạm Ngọc Tiến đắc đạo đến chừng nào mà anh tiết lộ 5 năm nữa sẽ cho ra đời hai cuốn tiểu thuyết khủng, trong đó một cuốn sẽ là... “bom sex”. Hỏi tại sao không viết ngay, bảo còn phải nghiên cứu thêm triết lý nhà Phật. Nói chuyện với Phạm Ngọc Tiến thường là thế, không biết đâu là thật đâu là giả, cuối cùng chỉ còn lại nụ cười.

Phạm Ngọc Tiến từng nói rằng: “Tôi chỉ là nhà văn thuộc về số đông các nhà văn, nghĩa là hành nghề văn chương một cách chính đáng, yêu thích, có thể thuần túy hoặc trong các lĩnh vực lân cận, chứ không thuộc các nhà văn số ít. Họ là những người hiếm hoi có thể để lại dấu ấn trong nền văn học. Tôi cũng không đặt mục tiêu phải trở thành nhà văn lớn.” Nhưng tôi biết ám ảnh văn chương vẫn đeo đuổi anh hàng ngày, hàng giờ. Khả dĩ mất đi những niềm yêu thích là rượu và bạn rượu, có thể chẳng ầu cũng là điều may mắn. Để rồi trong ngôi nhà ven hồ, anh sẽ lại tiếp tục dồn tâm sức cho một trong những tình yêu lớn là văn học.

Phạm Ngọc Tiến luôn khát khao được... học giỏi tiếng Anh. Nhưng từ bận đầu lên cơ quan anh nhìn thấy chữ “Passport”, “Can you help me?” trên bảng trắng, mà anh giải thích rằng đang chăm chỉ tự học tiếng Anh để đi nước ngoài cho chủ động, năm sau đến vẫn thấy nguyên những chữ ấy trên bảng, chưa thêm được chữ nào. Tuần trước, anh nhờ tôi gọi điện giùm đến đại sứ quán để trao đổi vài câu với tùy viên về việc cấp thị thực sang châu Âu. Hẹn để đưa máy nói chuyện nhưng điện thoại của tôi sáng ấy lại trục trặc sao đó nên tôi cũng không gặp được anh. Khi đã liên lạc được, tôi áy náy quá bảo làm thế nào bây giờ. Anh lại phẩy tay qua điện thoại, chắc thế, “Anh tự gọi rồi, nói chuyện được rồi, nó hiểu”. Tôi kinh ngạc “Làm sao mà người ta hiểu được anh?”. Bảo “Anh tự giới thiệu: I am Phạm Ngọc Tiến. I am a writer.” – “Vâng, rồi sao nữa?” – “Nó à lên rồi nói tiếng Việt, hóa ra nó biết tiếng Việt”.

Ba hôm sau thì Phạm Ngọc Tiến bay sang Cộng hòa Séc. Giờ chắc anh đang nói chuyện rất rôm rả bằng một thứ ngôn ngữ riêng nào đó của Phạm Ngọc Tiến bên trời Âu. Còn tôi thì nhân ấy viết trộm những dòng này.

Nguồn: An ninh thế giới (2011)

Lời tác giả:

Lúc gửi bản thảo cho nhân vật đọc duyệt, Phạm Ngọc Tiến đang ở bên CH Séc, thấy reply lại rằng “Để hôm về anh kể cho em nghe chuyện: Tôi đã biết hết các màu tóc như thế nào. Đảm bảo đàn ông nước Việt đều phải ngả mũ”. Tôi hỏi lại: Chắc anh... vào cửa hàng tóc giả hử?

Con nợ của nhân gian

“Nhà phê bình cần tri thức và bản lĩnh. Tôi thấy mình có cả hai.” Phạm Xuân Nguyên đã nói một câu rất ngạo như thế.

Tôi từng cộng tác với nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên nhiều lần, nói nhờ vả thì đúng hơn, và lần nào cũng làm sự không thể không viết thành chuyện. Phạm Xuân Nguyên thì khối người nhờ vả, và cái tính cả nể của anh đâm thành giai thoại. Nhà văn Nguyễn Quang Lập có lần nói rằng Phạm Xuân Nguyên là người không thể nói “không”. Từ sáng chí tối, anh “được” vô số lời mời, mời hội thảo, mời tọa đàm, mời khai trương, mời ra mắt sách, cả mời tiệc tùng đình đám, và “bì” nhờ, nhờ viết bài cho báo, nhờ dịch sách, nhờ viết tiểu luận, phê bình, nhờ làm MC, nhờ đọc tham luận, nhờ nhận xét, nhờ đủ thứ nhờ. “Được” hay “Bì”, cái gì cũng không thể nói “không”. Thật bi kịch khi Thượng đế không cho Phạm Xuân Nguyên 48 tiếng một ngày nhưng lại ban cho cái đức luôn luôn nói “có”. Thế mới sinh ra chuyện.

Thoạt đầu tôi không biết điều ấy, mới nhờ Phạm Xuân Nguyên viết giùm cho một lời giới thiệu đầu sách. Là tôi được nhà xuất bản đề nghị đứng ra tuyển chọn một tập 18 tác giả trẻ. Lần đầu tiên làm việc này, tôi tâm huyết lắm. Và sau khi chọn chọn lựa lựa, tính tới tính lùi, tôi quả quyết rằng không ai khác có thể thực hiện được công việc rất quan trọng này giùm tôi ngoài Phạm Xuân Nguyên. Anh nhận lời ngay, một cái gật đầu rất sốt sắng (là lúc ấy tôi cảm thấy thế). Ngày hẹn trả bài đã đến, tôi gọi điện cho Phạm Xuân Nguyên. Anh bảo anh chưa xong, và nói bằng giọng nghiêm trọng như đang khảo cứu một công trình lớn “Anh biết cuốn này em mất nhiều công sức, anh đọc cũng thấy thế nên muốn viết cho thật kỹ”. Tôi cảm động lắm, lại cảm ơn rồi rít và hẹn ngày trả bài.

Cùng hôm ấy, tôi đến công ty phát hành đã đặt hàng tôi tập sách. Tôi khoe rằng cuốn sách sẽ rất oách, vì chính Phạm Xuân Nguyên đã nói rằng “Anh biết cuốn này...”. Chị giám đốc cười rõ “Ồi dào, ông ấy nói thế đấy. Đây này, vẫn còn nợ đây hai cuốn sách dịch hơn năm nay chưa trả được”. Gặp biên tập viên của NXB Phụ nữ, tôi lại khoe về cuốn sách tuyển chọn đầu tay, và để chứng minh cho chất lượng của nó, chẳng gì bằng trích dẫn lại lời của Phạm Xuân Nguyên “Anh biết cuốn này...”. Chị biên tập viên cười mím chỉ “Bác ấy nói vậy thôi, là lười chưa làm. Bác ấy vẫn còn nợ bên chị mấy việc đã xong đâu”. – “Không, nhưng mà anh Phạm Xuân Nguyên bảo đã đọc cuốn của em rất kỹ...”. Tôi chạnh lòng vì “công trình” của mình có vẻ bị phủ nhận, đành nói vớt vớt câu thế. “Thôi, có khi bác ấy còn chưa đọc đâu.”, chị biên tập phẩy tay rồi nói sang chuyện khác.

Đến chiều, nhà văn Nguyễn Quỳnh Trang, phóng viên báo Thể thao & Văn hóa gọi điện cho tôi có công chuyện. Quỳnh Trang cũng có một tác phẩm trong tập. Nhân tiện tôi báo cho cô biết tập sách đã hoàn thành, chỉ còn chờ lời bạt của Phạm Xuân Nguyên nữa là đưa vào máy in. Tôi nhắc lại “Phạm Xuân Nguyên đã bảo rằng...”. – “Ồi trời,” Quỳnh Trang cắt ngang lời, “thế thì chị chờ còn lâu. Phạm Xuân Nguyên không có thời gian để làm việc ấy đâu. Chị không biết rằng nếu Phạm Xuân Nguyên nhận lời hẹn với ai mà trên đường đi gặp một người khác là chú ấy rẽ ngang vào quên ngay cuộc hẹn thứ nhất à?”. Rồi Trang mắng tôi xơi xơi “Mà sao chị lại cứ nhờ ông ấy vào lúc này. Báo Tết bên em đang chờ bài của Phạm Xuân Nguyên, ngày in đến nơi rồi mà em phải giục suốt từ hôm nọ đến giờ. Thôi thôi, chị đừng nhờ vả gì nữa để chú ấy viết bài cho bọn em cho xong đi”.

Lần này thì tôi tổn thương ghê gớm. Tôi gọi điện ngay cho Phạm Xuân Nguyên với vẻ không hài lòng. Tôi trách rằng tại sao anh nợ nần nhiều như thế mà còn nhận lời viết cho tôi. Phạm Xuân Nguyên bảo yên trí, yên trí, nợ rồi sẽ lần lượt được trả hết.

Từ bữa đó, niềm tin trong tôi bị lung lay. Tôi bắt đầu ráo riết “thúc nợ”.

- Đây, đêm nay anh sẽ ngồi viết. Sáng mai em mở hộp thư ra sẽ thấy bài.

Tôi yên trí ngủ ngon.

Sáng sớm khắp khối mở máy tính, vào mailbox. Không thấy bài.

- Em chưa thấy bài? Anh gửi lại đi.

- Vậy à? Thế thì anh còn đoạn kết nữa, nhất định đêm nay sẽ hoàn thành nốt.

Tôi chờ ngót một tháng sau mới nhắc máy điện thoại nhắc nhở “đoạn kết”.

- Đúng 7 giờ sáng mai là em sẽ nhìn thấy bài. – Phạm Xuân Nguyên tuyên bố chắc nịch như thế.

Tất nhiên đến 7h tối hôm sau trong mailbox của tôi vẫn chỉ thấy toàn thư rác của Agoda, Airasia và Vietnamairline.

Trong khi đó, phía công ty sách liên tục giục già “Em ơi, hay là thôi mình cứ in đi nhé. Hoặc em nhờ người khác. Chị nói rồi. Bác ấy không viết đâu”.

Không. Tôi có thói quen đã làm việc gì là làm đến cùng, và cái việc thúc giục một “con nợ gan lì” như Phạm Xuân Nguyên cũng phải làm đến cùng.

Đúng đợt đó là Hội nghị quốc tế Văn học Việt Nam, tôi biết Phạm Xuân Nguyên đến đây sẽ “sa vào lưới” của vô số những bạn văn trong nước và quốc tế. Tôi gọi điện ộp và ngạc nhiên khi thấy đang giờ “hot” của hội nghị mà Phạm Xuân Nguyên lại ở nhà.

- Đây, tôi phải ở nhà để viết bài cho chị. Có dám đi đâu đâu. Ai gọi điện mời mọc tôi cũng từ chối hết.

Tôi lại cảm động lắm lắm. Sáng hôm sau gặp Phạm Xuân Nguyên tại hội nghị. Như một phản xạ có điều kiện, lập tức tôi gào lên từ “Bài” thay cho câu “Chào”.

- À, đúng chiều nay anh sẽ gửi.

- Sao lúc chiều qua anh bảo anh đang ngồi viết?

- Ừ thì... viết được nửa bài rồi thấy bí, đứng lên để đến đêm viết tiếp.

- Đêm viết tiếp thì bài đâu?

- Thì anh viết rồi thấy không ưng lại... xé đi viết lại.

Vẫn giọng nghiêm trang như đang đứng giữa hội thảo quốc tế. Trời đất quỷ thần ơi. Cứ thế này thì phát điên lên mất.

Tôi biết Phạm Xuân Nguyên chưa đụng bút được chữ nào. Lần cuối cùng gọi điện thúc giục, tôi nghe tiếng chuông đổ một cách giận dữ khác thường, tôi đồ rằng Phạm Xuân Nguyên sẽ “trốn nợ” mà không dám nhắc máy, ai ngờ nhắc ngay sau hồi thứ hai. Miệng tôi còn tròn vo chưa kịp trút hết nỗi điên tiết thì từ đầu dây bên kia, giọng xứ Nghệ đã đều đều cất lên, nghiêm trang và kính trọng:

- Dạ thưa chị, em đây ạ. Chị có điều gì chỉ bảo?

Khuôn miệng tròn vo lại kéo ngang đến mang tai. Vừa buồn cười vừa tức anh ách. Và tôi đồ rằng mình không phải là người duy nhất ở nước Nam này điên tiết với Phạm Xuân Nguyên như thế.

Sau bận ấy thì tôi giận thật. Phạm Xuân Nguyên đành nói cùn “Càng tốt. Càng đỡ bị nhờ vả”. – “Ừ, lần sau em cũng chẳng dám nhờ anh nữa”.

Nhưng rồi tôi vẫn cứ chờ bài. Nhưng rồi tôi vẫn phải nhờ vả Phạm Xuân Nguyên. Thiên hạ có tức thế nào thì tức, tức như phải đấm lần sau vẫn đành hạ giọng nhờ. Nhiều lần, nhà xuất bản tổ chức lễ ra mắt tác phẩm của tôi. Không thể nhờ ai khác ngoài Phạm Xuân Nguyên làm MC, dù rất không muốn nhún nhường năn nỉ một người mà mình đã tuyên bố “không thèm nhờ vả gì nữa”. Người có khả năng hoạt ngôn, mà lại hoạt ngôn trong lĩnh vực văn học dường như tìm không nổi người mà đếm trên đầu ngón tay. Có Phạm Xuân Nguyên, người ta yên tâm chương trình dù bị phát sinh rắc rối, dù có khuyết thiếu, dù xuất hiện thêm nhiều thành phần quá khích vẫn thành công trong tiếng cười hỉ hả. Phạm Xuân Nguyên hoạt ngôn cả trên bàn tiệc cũng như trước sân khấu lớn, trước công chúng trong nước cũng như quốc tế. Dường như anh có cái biệt tài thu tóm mọi đầu mối trong khán phòng để tung hứng với kho ngôn ngữ và chữ nghĩa lúc nào cũng đầy ắp. Thậm chí còn có thể biến một bài diễn văn rất dở và tẻ nhạt của một cử tọa thành điểm nhấn ấn tượng và hài hước. MC là viết tắt của từ Master of Ceremony

(Người làm chủ buổi lễ) và Phạm Xuân Nguyên luôn trở thành người chủ của mọi buổi lễ mà anh tham dự. Đám ra Phạm Xuân Nguyên thành rất “đắt sô”. Từ talk show của Hội đồng Anh, tọa đàm văn học của Hội nhà văn, họp báo ra mắt sách cho đến các hội thảo văn học lớn nhỏ đều không thể không mời MC tay ngang này. Có bạn một cháu bé lớp bốn khoe với chúng bạn rằng cái bác trên ti vi kia là bạn của bố tớ. Thế là nhân một sự kiện của nhà trường, “bố tớ” năn nỉ bạn quý Phạm Xuân Nguyên đến dẫn chương trình, giao lưu với các cháu. Nhà văn Trần Thanh Hà có lần bình luận rằng “Đến nói chuyện với các cháu lớp bốn, bác ấy còn nói được...”

Việc nước đã thế, đến việc tiệc tùng Phạm Xuân Nguyên cũng không thoát khỏi cảnh bị chèo kéo. Không biết có khi nào anh nghĩ rằng thiên hạ “giành giật” anh để nhờ vả hoặc chỉ để uống một ly rượu là sự khốn khổ hay hạnh phúc. Những bàn tiệc có anh không khi nào ngớt tiếng cười. Phạm Xuân Nguyên có một kho chuyện như cái nồi Thạch Sanh không bao giờ cạn. Hay có đôi khi, chỉ một cách chơi chữ, một từ phát kiến hoàn toàn mới cũng khiến cho những người cùng bàn phì cười bó tay trước kẻ mà sự phản ứng nhanh nhạy trong các nơ ron thần kinh dường như tỉ lệ thuận với tuổi tác. Phạm Xuân Nguyên có sự thông minh, hóm hỉnh và vừa khiêm nhường, vừa cao ngạo đặc thù của một ông đồ xứ Nghệ.

“Nhà phê bình cần tri thức và bản lĩnh. Tôi thấy mình có cả hai.” Phạm Xuân Nguyên đã nói một câu rất ngạo như thế. Ngạo mà không ai trách. Ngạo mà không ai ghét. Người ta thường có một câu nhận xét rất chung về Phạm Xuân Nguyên “Gã này cực kỳ thông minh”. Cho đến giờ này, Phạm Xuân Nguyên là người duy nhất ở Viện Văn học chỉ có bằng cử nhân, và là một trong số rất ít những người thuộc giới viết lách, phê bình chuyên nghiệp viết rất nhiều mà lại chưa in sách, chưa khi nào có ý gia nhập Hội Nhà văn Việt Nam. Phạm Xuân Nguyên chả lấy đó làm điều. Đi đâu còn phàn nàn rằng “Cũng là hạn chế đấy, vì nhiều trường đại học muốn mời tôi về giảng mà tôi chỉ có bằng cử nhân”. Chuyện này làm tôi nhớ đến nhà thơ Trần Hòa Bình, người chưa bao giờ in một tập thơ khi còn sống, chưa có chân trong Hội Nhà văn Việt Nam, và thấy loay hoay làm tiến sĩ một hồi rồi lại bỏ ngang, xách ba lô lên rừng xuống bể. Chỉ những người rất tự tin vào tri thức của mình, chỉ những người đã có danh tiếng, danh vị mà coi nó như thứ phù du mới có thể đứng giữa thiên hạ mà ngang như thế.

Có một điều khiến tôi rất nể Phạm Xuân Nguyên là anh có thể tự học được ngoại ngữ. Là người làm việc trong chuyên ngành ngoại ngữ, tôi biết học một ngôn ngữ thứ hai gian lao như thế nào và cần phải có những quy trình gì. Vậy mà Phạm Xuân Nguyên tự học. Nhập ngữ ba năm thì cũng ôm mấy cuốn tự học nhàu nát mà xong được tiếng Nga, tiếng Pháp. “Xong” ở đây là mang nghĩa thành dịch giả chuyên nghiệp. Với bút danh Ngân Xuyên, dịch giả tự học Phạm Xuân Nguyên đã chuyển ngữ được cả những cuốn của Milan Kundera, một trong những tác giả khó dịch nhất, và những tập lý luận phê bình nặng ký. Nhưng có một điều kỳ quặc mà có lần tôi gợi ý nếu anh gửi hồ sơ rất có thể sẽ có tên trong Guinness. Ấy là anh dịch thành thạo được cả Anh, Pháp, Nga nhưng chẳng nghe nói được câu nào, nửa chữ cũng không. Đi dự hội thảo quốc tế chỉ biết cười hì như người dốt thật. Vậy mà chẳng biết làm cách nào vẫn giao tiếp thân thiết được với Cao Hành Kiện và nhiều bậc danh gia khác. Có bạn tôi sang Bắc Kinh, trong quá trình công tác có làm việc với dịch giả Điền Tiểu Hoa. Tôi hỏi chị có biết nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên không. Điền Tiểu Hoa quay sang nhìn tôi ngạc nhiên “Sao lại không biết?” và nói rằng anh Nguyên là một người đáng kính trọng. Lần này tới Hà Nội, nếu ăn tối với chúng tôi, chị nhất định mong muốn được mời Phạm Xuân Nguyên đến tham dự.

Nhiều người biết Phạm Xuân Nguyên, lắm người quý mến anh, âu cũng là nỗi khổ. Nhà văn Phạm Ngọc Tiến có lần nói với ông bạn thân rằng “Phạm Xuân Nguyên yêu quý cả nhân loại. Kẻ yêu tất cả mọi người là kẻ không yêu ai cả”, rồi day nghiêng thêm “Ngày đi làm, tối đi nhậu, đọc vào lúc nào mà lại viết được, nói được lắm thế”. Tôi đem điều đó giấu lại Phạm Xuân Nguyên. Lần này thì anh có vẻ tổn thương. Anh bắt đầu cố gắng chứng minh rằng không phải anh “yêu” tất cả, rằng trong phê bình anh là người nghiêm túc, phê phán thẳng thừng, không yêu quý gì hết. Riêng điều này thì tôi công nhận, vì mặc dù là một “chủ nợ” khắc nghiệt, chưa khi nào tôi được “con nợ” ăn năn bằng cách khen ngợi “trả nợ” về tác phẩm của mình. Rõ là đối với Phạm Xuân Nguyên, nợ nào đi nợ đấy.

“Nỗi tổn thương” của nhà phê bình còn thể hiện ở một sự rất kỳ quặc và ngộ nghĩnh. Ấy là cái bạn tôi có một cuộc tọa đàm tác phẩm và đề nghị Phạm Xuân Nguyên viết tham luận. Sáng

trước ngày tọa đàm, anh gọi điện cho tôi bảo giờ anh đang đi công tác, chiều muộn mới về, sách anh chưa có, tôi cứ đến nhà anh mà gửi lại qua bà trông xe đạp xe máy ở khu tập thể, lúc nào về anh sẽ đọc. Tôi tá hỏa. Sáng mai đã phải có tham luận. Cuốn sách dày như thế, còn phải đọc, còn phải viết, còn phải ngâm nghĩ. Tất cả những việc ấy làm vào lúc nào. Tôi rầu rầu mà rằng “Nếu anh có nhận được sách của em thì cũng cố gắng đọc cho hết hai truyện nhé. Có 10 truyện tất cả nhưng đọc hai thôi cũng được”. Phạm Xuân Nguyên ngạc nhiên “Sao lại thế? Anh phải đọc hết chứ.”

Tôi cười méo mó qua điện thoại.

- Là vì em thấy mọi người bảo anh chỉ đọc một trang đầu, một trang giữa, và một trang cuối, thế là viết được thành một bài 10 trang giấy.

Tối hôm ấy, Phạm Xuân Nguyên gọi điện cho tôi, thông báo đã nhận được sách và giờ đang ngồi đọc. Anh nói rằng anh tìm thấy hai lỗi chính tả, lỗi thứ nhất là ở trang 15, dòng thứ 9 từ trên xuống, tôi viết nhầm tên nhà sư trụ trì với tên ngôi chùa, lỗi thứ hai là dòng đầu tiên ở trang 20, tôi gõ nhầm chữ “khai thác” thành “khai khác”.

- Vâng? – Tôi kiểm tra lại thông tin, xác nhận thế và chờ đợi.

- Ừ... thế thôi. – Nói xong nhà phê bình cúp máy.

Tôi ngơ ngác. Tôi tưởng có chuyện gì quan trọng trong phong cách nghệ thuật của tác phẩm. Mãi mới nghĩ ra, Phạm Xuân Nguyên vẫn còn rất ăm ức về chuyện bị vu oan rằng “không đọc gì mà vẫn viết được”. Nay anh chứng minh cho tôi thấy rằng anh đọc rất kỹ, kỹ đến mức tìm được cả hai lỗi chính tả nhỏ xíu.

Tuy nhiên, sáng hôm sau, tại buổi tọa đàm, Phạm Xuân Nguyên không cần đến một tờ giấy ghi chép mà vẫn có thể tham luận về tác phẩm, với những chú dẫn, dẫn giải tỉ mỉ ở từng chi tiết, một việc sẽ là bất khả thi ngay cả với người có đọc mà không kỹ. Sau đó tôi mới biết những gì người ta vẫn nói về Phạm Xuân Nguyên chỉ là giai thoại. Tất cả đều biết rằng một ngày của anh chỉ có 24 tiếng, anh luôn trở về nhà khi đã muộn và thường cắt thời gian ngủ ra để làm việc. Phạm Xuân Nguyên làm việc đêm, và làm việc rất nhanh, đọc rất nhanh, việc người khác làm cả tháng thì với anh chỉ bằng một phần nhỏ thời gian như thế. Đây là cái sự trời cho. Phạm Xuân Nguyên nói rằng anh thích làm việc đêm bởi vì những khi đối mặt với chiếc máy vi tính và công việc nợ nần ngập đầu, anh sẽ tạm quên đi bốn bức tường trống vắng ở bên trong thời khắc mà còn người dễ cô quạnh nhất. Ngày cuối năm, người ta bảo “vui như Tết” thì Phạm Xuân Nguyên nói “buồn như Tết”. Anh sợ những khoảnh khắc cô độc một mình của giao thừa, khi mà những gia đình đông đủ sẽ đầm ấm bên nhau, còn những người độc thân chỉ chờ từng giờ cho qua đi ba ngày Tết, để rồi sau đấy, ra Giêng, anh lại khoả lấp sống đời bằng những nợ nần của nhân gian.

Nguồn: VnExpress (Xuân Tân Mão)

Lời tác giả

Báo Tết vừa ra lò, Phạm Xuân Nguyên gọi điện cho tôi “Cảm ơn cô đã bêu riếu tôi trên báo”, và ngay sau đó ông Chủ tịch Hội nhà văn Hà Nội cũng đồng thời gửi “trả nợ” bài viết kia cho tôi. Chắc ông cũng sợ “tai tiếng” trước công chúng rằng nợ nần lâu quá.

Nhà thơ Trần Đăng Khoa làm bố như thế nào

Thần đồng Trần Đăng Khoa từng “lấy lừng” với những tin đồn thật có, giả có, nay nhiều người trong và ngoài giới văn nghệ lại rộ lên với cái tin “Một thần đồng mới xuất hiện trong ngôi nhà của Trần Đăng Khoa”. Trần Đăng Khoa luôn là một tên tuổi ‘hot’. Trần Đăng Khoa lấy vợ. Trần Đăng Khoa làm bố. Người hâm mộ lúc nào cũng quan tâm đến những chi tiết đời tư của nhân vật đã nổi tiếng từ lúc còn cắp sách đến trường. Trong bài phỏng vấn này, PV báo Phụ nữ Thủ đô đã kéo cả bà nội tướng của Trần Đăng Khoa vào cuộc.

Phỏng vấn nhanh ông bố nổi tiếng

Chào nhà thơ Trần Đăng Khoa, nghe tin anh mới sinh cháu. Độc giả tò mò muốn biết liệu có phải một thần đồng tí hon vừa mới xuất hiện không?

Cảm ơn bạn đã quan tâm đến cháu. Làm một thần đồng không hay ho gì đâu bạn à. Vì thần đồng là một đứa trẻ không bình thường. Tôi cầu mong con gái tôi không phải là thần đồng. Tôi sẽ đầu tư cho cháu học, dạy cho cháu thành một người tử tế...

Anh có thấy cuộc sống thay đổi khi đang từ chỗ một thân một mình lại có thêm “nhân khẩu” rồi lại “nhân khẩu” nữa không?

Có chứ, khi một người trưởng thành, xây dựng gia đình là một bước đột biến, khi có con, lại thêm một bước đột biến nữa. Khi đó anh ta không còn sống cho riêng mình nữa, mà sống cho vợ, cho con. Tôi rất tâm đắc một câu thơ của thi sĩ Thanh Thảo, khi ông cho rằng, ta nói yêu Tổ quốc, yêu nhân dân bao giờ cũng dễ dàng, đơn giản, vì ta được là người yêu nước, nhưng lại chẳng mất gì. Còn nói yêu vợ, yêu con, hay yêu một người bạn cụ thể nào đó thì vai ta đã phải gánh vác một trách nhiệm rất cụ thể.

Trong thời gian này, ai là “nội tướng” trong gia đình anh?

“Nội tướng” trong gia đình tôi chính là cô con gái bé bỏng của tôi. Có khi tôi vừa về, bà vợ đã truyền “lệnh”: Ôsin đâu, đi múc nước rửa dĩa cho vua nhé. Vua mà nhức đầu sổ mũi thì các quần thần, các Ôsin đủ các kích cỡ - là ông bà, bố mẹ chạy nháo nhào.

Anh có định thực hiện chỉ tiêu của nhà nước “Mỗi gia đình chỉ nên có từ một đến hai con” không? Hay giống luật “ưu đãi” của nhà nước Trung Quốc là nếu vợ chồng mà đều là tiến sĩ thì được phép có hai con thay vì con một như “phó thường dân”, thần đồng Trần Đăng Khoa cũng muốn “sản xuất” thêm hàng loạt thần đồng nữa.

Tốt nhất là chỉ nên có một đứa con và nuôi dạy nó cho thật đàng hoàng. Và nếu chỉ có một đứa con thì nên là con gái. Nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường vừa rồi bị tai biến mạch máu não, ông phải nằm liệt giường trong một khoảng thời gian khá dài. Ông chợt phát hiện ra rằng, ông là người may mắn, vì có những hai cô con gái. Chúng luôn túc trực bên giường ông, bón thức ăn cho ông. Nếu có con trai không khéo nằm trên giường bệnh rồi, lại còn phải nơm nớp lo nó đua xe máy. Có đứa con gái tử tế, mình lại có thêm một thằng con trai chồng nó nữa. Và bạn hãy cứ để ý mà xem, nếu Tết, chỉ có một chai rượu thì thế nào nó cũng mang đi biếu bố vợ trước, còn bố đẻ thì xì xằng thế nào cũng được. Con trai trọng “đối ngoại” hơn “đối nội” mà. Vì thế, có con gái là “lãi” lắm đấy.

Anh có ngại rằng khi thiên hạ biết bất kì một tin mới nào của anh, họ lại thổi phồng sự thật và kể lại thành một câu chuyện ly kỳ hoàn toàn khác?

Tôi quen với những chuyện ly kỳ rùng rợn ấy từ rất lâu rồi, nên không thấy có gì đáng sợ. Và

lại, tôi rất tin bạn đọc. Những người đọc tôi, hiểu đúng rất đông. Họ lại rất thông minh. Họ biết cái gì là thật, cái gì chỉ là những chuyện tầm phơ. Thế thì có gì mà phải sợ hãi.

Câu hỏi dành cho chị Trần Đăng Khoa

Có bao giờ chị đang bù đầu lên vì việc mà anh Khoa lại ngồi văn thơ chữ nghĩa không?

Không, về nhà tôi rất ít khi thấy anh ấy bàn chuyện văn chương. Chúng tôi chỉ quan tâm đến chuyện nuôi dưỡng bố mẹ già của hai bên nội ngoại và chăm sóc con cái. Chồng tôi chỉ viết từ bốn giờ sáng, có khi mới có hai giờ sáng, anh ấy đã ngồi vào bàn vì tính rồi, khi ấy cả tôi và cháu vẫn còn đang ngủ.

Anh Khoa là một nhân vật có nhiều người hâm mộ, và họ quý anh đến nỗi đôi lúc xuyên tạc sự thật theo tưởng tượng của mình cho hình ảnh thần tượng thêm gần gũi. Cảm giác của chị lúc đó thế nào? Có tức giận không?

Không, nói thật là tôi không đọc. Chỉ khi đến cơ quan, nghe bạn bè kể, tôi mới biết, và biết rồi thì chỉ thấy buồn cười. Nếu chỉ vì những chuyện nhăng nhảnh như thế mà tức giận thì tôi đã không dám lấy anh Khoa. Nhà văn họ thường có đầu óc tưởng tượng rất phong phú, họ dựng được chuyện thiên đường, chuyện địa ngục, chuyện ma quỷ thì làm sao họ không dựng được những nhân vật lập dị, dở người. Tôi nghĩ đấy là những nhân vật trong văn học. Ai lại đi đồng nhất ông chồng của mình với những nhân vật hư cấu, tưởng tượng của nhà văn. Nhà văn nhà báo họ cứ phải “đàn sáo” như thế thì mới hấp dẫn, mới có nhiều người xem, chứ bình thường thì người ta xem làm gì. Tôi chẳng bao giờ quan tâm đến những chuyện đó.

Có lần anh Khoa kể lại rằng anh ấy đưa cuốn sách cho chị đọc, nhưng chị lại úp lên mặt che cho khỏi sáng và...ngủ mất. Đặc biệt trong thời điểm bận rộn con cái như bây giờ điều đó càng hay xảy ra. Phản ứng của chồng chị lúc đó thế nào?

Anh ấy vui quá chứ sao. Vì như thế, tôi không phải uống thuốc ngủ. Anh ấy bảo uống thuốc ngủ rất không có lợi cho sức khỏe. Anh ấy rất sung sướng nếu tất cả bạn đọc của anh ấy cứ cầm lấy sách của anh ấy là buồn ngủ và ngủ ngon.

Người ta nói rằng nhà văn nhà thơ tâm hồn luôn gửi theo gió trăng cả về nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Nếu như, chỉ nếu thôi nhé, chồng chị vì chán cảnh vợ con đùm đề mà chạy theo niềm vui mới thì chị sẽ xử trí ra sao?

Tôi không phải băn khoăn lo “xử trí” gì, vì anh Khoa không có khả năng lang bạt giang hồ. Sống với anh ấy hai năm rồi, tôi thấy anh ấy chẳng có gì là “nhà thơ” hay “nhà văn” cả, mà chỉ là một người chĩnh chu, dung dị bình thường như rất nhiều những ông chồng khác của bạn bè tôi. Tôi chọn anh ấy cũng vì anh ấy là một người bình thường như thế, chứ không phải anh ấy là người nổi tiếng. Nhờ thế chúng tôi có được một gia đình bình thường, nhưng rất hạnh phúc, vợ chồng chưa từng nói nặng với nhau một lời nào cả.

Cảm ơn anh chị rất nhiều.

Nguồn: Đời sống gia đình (2002)

Lời tác giả

Khi tôi liên hệ với Trần Đăng Khoa qua điện thoại, anh yêu cầu tôi gửi câu hỏi qua e-mail để anh trả lời trên văn bản cho chính xác. Nghe có vẻ như nhà thơ đã đầy tinh thần cảnh giác về những bài chân dung kinh dị mà nhân vật là “hắn”, là “gã” rất ly kì. Mãi 8 năm sau, tôi mới được diện

kiến Trần Đăng Khoa. Anh không hề biết tôi đã từng phỏng vấn anh. Khi tôi nhắc lại chuyện ấy, anh thú thật rằng sợ lắm các nhà báo chỉ ngồi một lúc là lên được bài chân dung, phỏng vấn khiến lắm lúc nhân vật tự xem mình cũng thấy thất kinh.

Tôi nói với Trần Đăng Khoa rằng anh có một niềm hạnh phúc lớn, ấy là ở đâu người ta cũng biết đến tên Trần Đăng Khoa. Khi tôi hỏi sinh viên của mình về văn học Việt Nam thì các em chỉ kể được mỗi tên Trần Đăng Khoa. Cụ Kim Lân và cụ Tô Hoài cũng chỉ nhắc đến Trần Đăng Khoa. Tôi đùa “Nam phụ lão ấu đều biết đến anh. Dường như văn học Việt Nam đương đại người ta chỉ biết có Trần Đăng Khoa”. Anh chẳng cười theo tôi, bảo “Thế phát thanh viên truyền hình đi đâu người ta chẳng biết đến tên. Biết đến như thế nào mới là quan trọng chứ”.

Dị hương - Hoạt - Phiêu - Thỏa

Hồi đầu tháng 10, có cuộc ra mắt tập truyện ngắn “Dị hương” của nhà văn Sương Nguyệt Minh tại một quán cà phê ở trung tâm Hà Nội, khách tới dự đông tới hơn 100 người, trong đó có nhiều tên tuổi được biết đến như nhà văn Bảo Ninh, Võ Thị Hảo, Phạm Ngọc Tiến, Nguyễn Khắc Trường, Khuất Quang Thụy, Y Ban..., nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên, Nguyễn Đăng Điệp, Văn Giá... Nhiều nhà chuyên môn đã có lời phát biểu khiến cuộc tọa đàm giới thiệu sách bất ngờ gần như biến thành cuộc hội thảo, không khí trong khán phòng trở nên nhộn nhịp. Tàn cuộc, tác giả tập truyện ngắn của ngày hôm đó, nhà văn Sương Nguyệt Minh dường như không quan tâm lắm đến những lời phê bình mà chỉ bất ngờ vì khách đến đông quá. Anh bảo: “Chắc người ta thương mình”.

Quả thật, trong năm 2009, người ta gần như đã bão hòa bởi các cuộc tọa đàm, ra mắt sách liên tục tháng nào cũng vài ba cuộc, hơn nữa, việc ra mắt một tập truyện ngắn hay tiểu thuyết, cho dù là tác phẩm mang nhiều dấu ấn văn học cũng khó thu hút nhiều tên tuổi đến thể tham gia, vậy mà những người đến với Sương Nguyệt Minh dường như không phải chỉ tham dự cho vui, rất nhiều vị đã đọc hết tác phẩm từ trước đó. Tập truyện ngắn “Dị hương” xuất hiện được coi như là sự đổi mới hoàn toàn phong cách sáng tác của nhà văn. Trước nay, cái tên Sương Nguyệt Minh thường gắn liền với những câu chuyện viết về đề tài chiến tranh và nông thôn, nên việc ra đời những truyện ngắn ma mị, nhiều tính dục với bút pháp huyền ảo và giả tưởng trong tập “Dị hương” khiến nhiều người đọc lạ lẫm. Chính tác giả cũng nói rằng “Trước đây, tôi viết chân thật, dung dị, ám áp hay dữ dội, u ám, hoặc tôi kể những câu chuyện cảm động, ám ảnh... thì cũng đều bằng cảm quan bút pháp hiện thực và lãng mạn là chủ yếu. Tôi nghĩ nhà văn vượt qua chính mình cũng là điều quá khó khăn, khổ ải, nhọc nhằn. Và cho đến lúc này, tôi cảm nhận mình đã vượt qua được tôi của ngày hôm nay.”

Nhà văn Sương Nguyệt Minh viết sớm nhưng chính thức bước chân vào nghề văn muộn. Mới 10 tuổi, anh đã làm thơ tặng bạn gái cùng lớp chỉ vì cô bé bảo: “Tao toàn cho mày mượn thước kẻ, toàn cho mày bơm mực Cừu Long mà mày chỉ làm thơ tặng cô giáo, không làm thơ tặng tao.” Thế là anh viết bài thơ “Con Na thả bèo hoa dâu” khen cô bạn thả bèo hoa dâu giỏi, vớt bèo về cho lợn ăn tăng trọng và bán lợn nghĩa vụ cho các chú bộ đội.

Anh còn nhớ khi thầy giáo chủ nhiệm đi họp ở phòng giáo dục huyện về bảo có trò Trần Đăng Khoa mới 8 tuổi đã làm thơ. Thầy đọc “Sao không về Vàng ơi”, “Góc sân khoáng trời.” Sương Nguyệt Minh kể rằng, khi ấy anh bẽ bàng nhận ra thơ mình thật chẳng là gì so với người bạn đồng trang lứa, liền thôi không viết nữa. Sau này anh là đồng nghiệp cùng cơ quan với thần đồng Trần Đăng Khoa, mới nói đùa rằng: “May mà dạo ấy thầy giáo đọc thơ ông và tôi thấy thơ tôi dớ dẩn quá nên rẽ sang viết văn xuôi. Chứ không thì cứ làm thơ mãi giờ lại thành cái thang dở người dở ngợm”.

Năm 1992, Sương Nguyệt Minh mới in truyện ngắn đầu tiên ở Văn nghệ quân đội. Năm 1996 được giải thưởng Văn nghệ quân đội và một năm sau đó được mời về làm biên tập viên văn xuôi. Cái sự khiến anh bước chân vào nghề muộn cũng là vì anh khá lặn lội, gian truân thời trẻ trai. Năm 1974, Sương Nguyệt Minh có giấy gọi vào đại học, nhưng xả giữ lại không cho đi. Đầu năm 1975, Sương Nguyệt Minh nhập ngũ, rồi tham gia bảo vệ biên giới Tây Nam và lăn lộn trên chiến trường nước bạn Campuchia. Lặn lội mãi đến 10 năm sau mới quay về trường đại học, rồi ước mơ trở thành sinh viên tổng hợp văn cuối cùng cũng trở thành hiện thực.

Anh thường nói: “Từ đơn vị về Văn nghệ Quân đội như ao tù gặp đại dương mênh mông.” Có lẽ chỉ ở VNQĐ anh mới được sống với con người thật của mình, thỏa mãn đam mê văn chương. Suốt quãng thời gian tuổi trẻ, Sương Nguyệt Minh đi chiến đấu ở Mặt trận biên giới Tây Nam, rồi liền sau đó về đầu quân làm trợ lý Văn hóa văn nghệ ở Viện Quân Y 103 thuộc Học viện Quân Y. Khi đó anh còn độc thân, ở một mình trong căn phòng trên tầng hai hội trường gần nhà xác, ngày đêm chứng kiến cảnh bệnh tật, chết chóc và tiếng kèn đám ma. Anh vẫn bảo rằng sau những năm tháng chứng kiến cảnh chết chóc trên chiến trường và trong bệnh viện thì thấy cái chết chẳng có gì đáng sợ nữa. Nhưng dường như không phải thế, những nỗi đau trần thế ám

ảnh trong từng trang viết của Sương Nguyệt Minh, những đứa trẻ tật nguyền, những quái thai, dị dạng trong “Mười ba bến nước”, cô bộ đội Mây bị cụt một chân trong “Người ở bến sông Châu” luôn khiến người đọc phải day dứt. Anh đã truyền vẹn nguyên nỗi ám ảnh ấy cho độc giả bằng những bi kịch được đẩy lên đến tận cùng.

Đến nay, anh đã cho ra đời 7 tập truyện ngắn, một tập bút ký (mà điển hình là tập “Mười ba bến nước” với bút pháp huyền ảo và truyện ngắn cùng tên đã được chuyển thể thành phim truyện). Anh đã “gặt hái” được hơn chục giải thưởng văn chương trong những cuộc thi uy tín. Tuy nhiên, cái “đại dương mệnh mông” ấy dường như cũng chưa thỏa mãn khao khát của người đàn ông ngang tàng, quyết liệt. 10 năm sau ngày đầu quân về nhà số 4, anh đột ngột “bỏ ngang” công việc biên tập để xin sang Ban sáng tác. Một thời giới viết văn khắp trong Nam ngoài Bắc cứ ồn lên vì cái sự ông đại tá nhà văn bỏ chức Trưởng ban Văn xuôi mà đi tìm thú vui chỉ chuyên đọc sách, viết văn. Ai hỏi thì anh chỉ nói: “Đơn giản là làm biên tập chiếm mất nhiều thời gian, không có lúc nào mà sáng tác”. Thân hơn thì bảo: “Trước kia sáng tác, lúc nào cũng có một gã biên tập viên thấp thoáng đứng bên cạnh. Viết rất khó nhọc, vừa viết vừa biên tập, như kiểu cắt chân cho vừa giày.” Mỗi người nói thành một kiểu khác nhau nhưng những người thực sự hiểu anh thì chia sẻ. Người ta biết anh là kẻ không ham chức quyền, ngay từ lúc được giao trọng trách trưởng ban đã có ý từ chối. Hỏi cái được nhiều nhất trong quá trình làm biên tập thì anh bảo: “Cảm ơn những ngày làm biên tập vì nó cho mình nhiều bạn bè”. Và cái điều mà anh vẫn nhắc đi nhắc lại “Chắc người ta thương mình” cũng là hàm ý nay anh chỉ đơn thuần là người sáng tác, vậy mà bạn bè vẫn đến đông đủ. Sương Nguyệt Minh lúc nào cũng vậy, chỉ quan tâm đến việc “được bạn”.

Tuy nhiên, tại buổi ra mắt tập “Dị hương”, các đồng nghiệp vẫn khen chê thẳng thừng cho dù tác giả có lấy đó làm điều hay không. Cùng là một truyện ngắn, nhà văn Y Ban cho rằng cách khai thác đề tài bị lặp lại, không phải vùng đất mới, nhưng nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên lại khẳng định: tác giả đã đổi mới về tư duy nghệ thuật, dám bước vào phong cách mới. Nhà phê bình Văn Giá nhấn mạnh ba chữ về “Dị hương” là Hoạt – Phiêu – Thỏa. Thậm chí nhà văn Văn Chinh còn phát biểu rằng: Riêng viết về Nguyễn Ánh, thì Sương Nguyệt Minh với “Dị Hương” đã vượt qua Nguyễn Huy Thiệp về độ tươi tắn, hấp dẫn, sống động, “hiện sinh” và mộng tưởng phong phú... Bản thân tác giả thì cho rằng: “Nhà văn Nguyễn Huy Thiệp đã rất thành công khi viết về nhân vật lịch sử Nguyễn Ánh qua bộ ba thiên truyện ngắn: Kiểm sắc, Vàng lửa, Phẩm tiết. Tôi rất nể phục tài ông Nguyễn Huy Thiệp. Nhưng không có nghĩa là người đi sau nhìn thấy thành công xuất sắc của người đi trước là run rẩy, tránh né, chẳng dám cầm bút bởi “Thôi Hiệu đã có Hoàng Hạc Lâu”. Viết và cứ viết! Còn cái chuyện sáng tác có hay và thành công xuất sắc không lại là việc khác. Viết còn là nhu cầu bày tỏ, chia sẻ nữa. Vì vậy viết Dị hương, tôi muốn đưa ra một cái nhìn khác. Đó là cái đẹp chết tức tưởi bởi chiến tranh và nỗi khốn nạn của bậc kỳ tài sinh bất phùng thời, suốt đời đi tìm cái đẹp, suốt đời muốn phụng sự mà không tìm được minh chủ qua bộ ba Nguyễn Ánh – Công chúa Ngọc Bình – Trần Huy Sán.”

Riêng về tính “hiện sinh”, có lẽ không chỉ đậm nét trong truyện ngắn “Dị hương” mà còn rất ấn tượng trong “Đời con gái”, cũng là tác phẩm được đánh giá cao trong tập sách. Tính dục, như trong một số tác phẩm khác của Sương Nguyệt Minh, được miêu tả chân thực nhưng không trần trụi, vẫn đầy chất lãng mạn, gợi cảm, yêu thương và không kém phần huyền ảo.

Có thể thêm một tập truyện ngắn đối với nhà văn chuyên nghiệp không phải là điều gì đặc biệt, nhưng thêm một phong cách, thêm một quan điểm sống, một thái độ về cuộc sống đã là sự vượt qua chính mình - điều không phải duy nhất, nhưng tối cần thiết đối với người sáng tạo.

Nguồn: An ninh Thủ đô (2009)

Nhà văn đại gia

Nhà văn nữ Trần Thanh Hà xưa nay vốn rất mến mộ Bùi Anh Tấn. Hồi năm 2007, Trần Thanh Hà viết được cuốn tiểu thuyết trinh thám “Vũ điệu tử thần”, còn tôi... rục rịch viết trinh thám, mới bàn nhau sao không lập ra Hội nhà văn trinh thám cho giống nước ngoài. Trần Thanh Hà bảo phải, để chị kêu Bùi Anh Tấn rồi bầu ông ấy là trưởng hội. Tôi hỏi thế hội sẽ kêu gọi được mấy người, Hà bảo cả em nữa là... ba. Sau kể lại chuyện này cho Tấn, gã tưởng thật chối đây đây “Ấy chết, ở Việt Nam muốn thành lập hội hề gì là phải xin phép chính phủ đảng hoàng chứ không phải cứ thích mở hội là mở được đâu”.

Nhà văn của người đồng tính

Bùi Anh Tấn là nhà văn công an. Anh bắt đầu sáng tác từ những năm đầu thập niên 90, nhưng chỉ thực sự tiếng nổi như cồn kể từ sau “Một thế giới không có đàn bà” ra đời năm 1999. Hai năm sau đó cuốn tiểu thuyết lĩnh liền hai giải A của cuộc thi Tiểu thuyết năm 1999-2001 và Giải thưởng văn học 1995-2005 (Bộ Công an và Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức). Rồi thế giới không đàn bà của anh lại lên phim. Khán giả dán mắt vào ti vi xem loạt phim 10 tập về cảnh sát hình sự với những nhân vật gay chưa bao giờ được lột tả kỹ càng như thế trên màn bạc Việt Nam. Bùi Anh Tấn trở thành người đầu tiên trong làng văn học Việt đi sâu vào đề tài người đồng tính. Thành ra sau này người ta bảo anh dẫn đầu văn học đồng tính, nhà văn của giới đồng tính, rồi thì các diễn đàn của gay, của les thi nhau post tác phẩm, tin hot về Bùi Anh Tấn lên trang mạng của họ. Họ coi anh là nhà văn của họ. “Một thế giới không có đàn bà” bán ra cả vạn bản. Các cuốn sách sau này của Bùi Anh Tấn lúc nào cũng nằm trong danh mục sách bán chạy và có tới phân nửa là viết về người đồng tính như Vòng tay không đàn ông, Phương pháp của A.C Kinsey (tiểu thuyết), Cô đơn, Bướm đêm (tập truyện ngắn)... “Một thế giới không có đàn bà” thậm chí còn được đạo diễn Việt Kiều Canada Cường Ngô dựng lại thành phim truyện nhựa trong năm 2011 do chính tác giả viết kịch bản.

Bùi Anh Tấn viết khỏe, chỉ trong vòng 10 năm đã cho ra đời 3 tập truyện ngắn, 2 kịch bản truyền hình và một màn ảnh rộng, hơn chục cuốn tiểu thuyết mà cuốn nào đều thuộc loại “cục gạch”, dày muốn vỡ đầu. Bùi Anh Tấn dường như không thích viết chuyện... bình thường, không đồng tính thì cũng đề tài lịch sử (Nguyễn Trãi, Đàm đạo về Điều Ngự Giác Hoàng), tôn giáo (Không và sắc), chiến tranh cách mạng (Kế hoạch hậu chiến 72), tác phẩm biên soạn duy nhất của ngành công an viết về lực lượng CSDB – Việt Nam Cộng Hòa (Cảnh sát đặc biệt). Cuốn tiểu thuyết ăn khách về đời sống hiện đại Bước chân hoàn vũ thì lại được viết “ngược” từ kịch bản sang tiểu thuyết. Từ bận chuyển về NXB Công an Nhân dân làm biên tập rồi trưởng chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh, tranh thủ những giờ nghỉ Bùi Anh Tấn đóng cửa vui đầu vào viết. Ngày cuối tuần, sáng dậy sớm, ăn sáng, uống cà phê xong là bật máy lên viết. Viết thôi lui không cần chờ cảm hứng như công chức xách cặp đi làm. Viết nhiều đến mức... phát ghét, phát ghen tị. Mấy bận đến thăm chi nhánh của nhà xuất bản, tôi hỏi Trần Thanh Hà là đồng nghiệp cùng cơ quan anh: “Anh Tấn đang đóng cửa làm gì thế?”. Hà lắc đầu “Lại viết đấy mà. Chỉ viết thôi không thiết làm gì đâu”. Viết lắm, viết khỏe, sách dày, lại bán rõ chạy thì tiền kiếm được nhiều là lẽ đương nhiên rồi. Đám bạn bè trong giới gọi anh là “nhà văn đại gia”.

Nhà văn đại gia

Có bạn Trần Thanh Hà nửa đùa nửa thật liệt kê... gia sản của đồng nghiệp “Gã này giàu lắm. Mỗi phim đều kiếm được vài trăm triệu từ kịch bản, rồi còn tiền bán sách, tiền nhuận bút in báo, tiền... Gã đã mua được một cái nhà, nhưng cũng không cần ở, chỉ cho thuê, lại càng lắm tiền. Mà gã ở cùng bố mẹ, ăn cơm chung với bố mẹ, ngày thì ngồi im viết sách, có cần gì đến tiền đâu”. Nhớ có lần tôi và Trần Thanh Hà, Bùi Anh Tấn với một số người khác ngồi quán cà phê gần chi nhánh NXB. Giữa buổi tôi và Trần Thanh Hà mượn xe Tấn về trước. Chẳng hiểu loay hoay thế nào Hà đánh ket chìa khóa xe vào ổ khóa, xoay sang để nổ máy không được mà rút ra cũng chẳng xong. Khổ chủ chạy ra xem cũng chẳng hiểu ra thế nào. Năm sáu người xúm vào cái xe, người lôi kẻ kéo mà chìa như có phép thần, cứ ket cứng vào ổ. Cuối cùng đành phải

gọi điện cho một cậu thanh niên trai tráng từ NXB chạy sang để rước xe về. Bất lực vì không rút được chìa khóa, tất cả mới hề nhau mắng khỗ chủ “Anh Tấn giàu như thế, mua ô tô đi thôi, đi cái xe này nữa làm gì”. Tấn đã cho mượn xe, bị người đánh hỏng xe, nay còn bị mắng vì cái tội tiếc tiền mua xe, mới điên tiết kêu lên “Anh đi mãi có làm sao đâu. Là tại em... cấm nhằm chìa khóa vào đâu ấy chứ”. Hà rồi rít thanh minh “Em có cấm nhằm chìa đi đâu đâu, em chỉ cấm vào ổ khóa thôi chứ”.

Cứ hay đùa Tấn làm vậy chứ là người cùng nghề, tôi biết thu nhập kiếm được từ nghề viết dù có nhiều đến mấy cũng chỉ là để thỏa lòng rằng công sức lao động sáng tạo đã được đền đáp, chứ ăn thua chi so với thiên hạ. Bùi Anh Tấn cũng không đến nông nổi như bị vu cho là chỉ biết đóng cửa ngồi viết không cần tiêu đến tiền. Như đặc tính của nhiều người tuổi Ngựa khác, gã cũng thích rong ruổi khám phá, thích đàn đúm bạn bè và rất hào phóng. Mỗi lần ra Hà Nội, thường hay làm hai việc, ấy là tự đi du lịch và mời bạn bè thật đông đến để gặp gỡ, tiệc tùng. Khách từ xa vào Sài Gòn cũng được gã tiếp đón niềm nở như thế. Khuôn mặt tròn trịa của Bùi Anh Tấn có một nét rất đặc trưng, là lúc nào cũng cười, nụ cười tươi tắn như chẳng biết giận ai bao giờ. Hễ nghe đồn đại về xung đột, khúc mắc gì liên quan đến Tấn mà gọi điện hỏi thì y rằng gã xua đi “Thôi thôi chuyện không có gì đâu”, rồi lại cười tươi roi rói như thể sách vừa vào danh mục best-seller. Thế mà cũng có lần gã giận. Tôi nghe nhiều người nói từ lâu về chuyện Bùi Anh Tấn rút hồ sơ ra khỏi Hội Nhà văn. Ấy là cái chuyện lùm xùm quanh việc người ta đề xuất gã làm đơn rồi năm thứ nhất không duyệt, năm thứ hai lại có người đề nghị nhường lá phiếu, thế là xin rút. Giờ hỏi lại Tấn vẫn cười cười xem chừng rút cho đỡ rắc rối, cho thân phận mình đỡ bị nâng lên đặt xuống mà xét duyệt chứ nào có giận hờn chi đâu. Rút đơn đâm ra lại sang, giờ có nhiều người khuyên nộp đơn lại mà Bùi Anh Tấn cứ cười cười, cười như thể cuộc đời lúc nào cũng một màu hồng.

Nhà văn không... lấy vợ

Cũng vì trót lao vào vụ “đồng tính”, cũng vì trót bị hâm mộ quá đỗi mà fan hâm mộ tìm đến cũng không ít người thuộc về thế giới thứ ba, nhất là trót sống độc thân cho đến tận bây giờ nên bất cứ khi nào nhắc đến Bùi Anh Tấn, người ta hay mắt sáng lên, rồi hạ giọng thăm thì “Bùi Anh Tấn à, có phải gã...?”. Chuyện này đến tai Tấn, gã vẫn cười cười. Cười lúc này thì thực phát ghét lên. Cái người ta muốn biết bây giờ là sự thể thực ra thế nào, chứ cứ cười không là nghĩa làm sao. Sao cũng được. Gã chẳng thềm thanh minh, chẳng thềm khẳng định, có xếp gã vào giới nào trong 3 giới ấy hay thậm chí giới tính thứ tư đi chẳng nữa thì vẫn cứ được. Kệ.

Trước khi vào Sài Gòn để tham gia trại sáng tác ở Đà Lạt do NXB Công an Nhân dân tổ chức, biết tôi chuẩn bị gặp Bùi Anh Tấn, Trần Thanh Hà rủ tôi về câu chuyện đồn đại rất hot này. Gọi điện trước cho Bùi Anh Tấn rồi đứng im thít trước cửa chi nhánh để chờ gã ra đón, tôi nhìn thấy một khuôn mặt tươi cười tiến lại gần. Chào hỏi thì ít mà quan sát Tấn thì nhiều, sau này, tôi thường lên tiếng “bảo vệ” gã về cái vụ “thế giới thứ ba” hay thứ mấy ấy. Người có hỏi thì tôi hạ giọng về hiểu biết “Nhìn gã một giây là biết chứ sao. Tiếp xúc thêm một phút nữa thì càng biết gã bị oan”. Sau hay lấy câu chuyện này để đùa thì Bùi Anh Tấn cười to “À, Trần Thanh Hà vẫn giúp anh bằng cách ấy đấy mà. Để phụ nữ gặp anh đỡ phải cảnh giác”. Bùi Anh Tấn nghe chừng oan ức ghê gớm cho dù thi thoảng hành vi của gã có vẻ nữ tính. Ngoài quan tâm đến Phật giáo thì gã còn rất thích hoa. Trong những ngày lưu lại trại sáng tác Đà Lạt, có bạn vài người trong đoàn tổ chức đi xe Jeep lên đỉnh Langbian. Xe đỗ dưới chân núi, Bùi Anh Tấn chạy đi mua một lẵng hoa bất tử. Rồi chừng như thấy mình cầm lẵng hoa cũng bất tiện, Bùi Anh Tấn cho lại tôi. Nhà văn Phùng Thiên Tân (giờ là giám đốc NXB Công an Nhân dân) bảo “Em đừng ngạc nhiên. Bùi Anh Tấn đến nhà anh không bao giờ xách theo chai rượu mà toàn mang hoa đến thôi”. Riêng điều này gã đâm được tiếng thanh cảnh, chứ theo những gì tôi chứng kiến thì mỗi lần gặp bạn bè gã chỉ chúi đầu vào nhậu nhẹt, chẳng có hoa lá cảnh tí nào cả.

Năm nay Bùi Anh Tấn lại có hai tin mừng. Tin mừng thứ nhất là tiểu thuyết nhan đề “Tin mừng” đang được Giáo hội Công giáo thẩm định và hy vọng sách sẽ được ra mắt vào dịp lễ Phục sinh. Gã tâm sự đấy là mong muốn của mình, còn sách có in được hay không, nhất là những sách viết về tôn giáo là quả một quá trình gian nan. Vì gã đã từng có kinh nghiệm này

rồi sau tác phẩm viết về Phật giáo - Không và Sắc. Sách dày 400 trang, “Tin mừng” kể về những ngày đầu tiên đạo Thiên chúa vào Việt Nam hồi thế kỷ 16 ở Faifo (Hội An). Tin mừng thứ hai là gã sắp lấy vợ. Người quen biết gã tỏ vẻ tin này không lấy gì làm hot, bảo “Bùi Anh Tấn hô lấy vợ đến 13 lần rồi. Lần nào cũng khắp khởi đóng phong bì cho thật dày, chuẩn bị mua vé máy bay vào ăn mừng rồi lại bị chứng hừng.” Tôi thì mới chứng kiến cái sự báo tin vui của Bùi Anh Tấn lần đầu nên xem ra cũng vẫn lấy làm tò mò lắm lắm. Vợ chưa cưới của gã mới ngoài 30, là giám đốc chi nhánh một ngân hàng. Nghe đâu thiên hạ đồn rằng có lần gã vác một bao tải tiền đến ngân hàng gửi nên từ bận đó mới quen vợ chưa cưới bây giờ.

Nguồn: Văn nghệ trẻ (2011)

Lê Anh Hoài - Kể ham vui có lý trí

Hồi cuối năm 2007, cố nhà thơ Trần Hòa Bình có bảo tôi rằng “Em đã gặp Lê Anh Hoài bao giờ chưa? Gã này hay lắm đấy. Rất được.” Tôi gật gù không mấy tin tưởng vì trước nay biết tính Trần Hòa Bình lúc nào cũng chỉ nhận xét tốt về người khác. Mặc dù có vài công việc phải trao đổi qua điện thoại nhưng mãi sau tôi cũng chưa gặp Lê Anh Hoài, chỉ nhìn thấy gã qua blog. Một cái avatar chụp khuôn mặt râu ria cố tình làm méo hình và những entry giọng điệu chua ngoa, sắc sảo. Đâm tôi thấy hơi... sờ sờ. Đâm ngại gặp. Cái tâm lý ngại gặp này vốn dĩ là do tôi hay ngại ngại các đấng mày râu sắc sảo mà tôi thường gọi đùa là “đanh đá quá”. Lúc bấy giờ đọc truyện ngắn “Trình nữ Ma nơ canh” của Lê Anh Hoài trên Lao động cuối tuần, thấy giọng điệu quen quen, mới chợt nhớ ra cũng đã đọc một truyện gì đó liên quan đến những con manequin làm nhân vật chính được chọn vào một trong 10 truyện ngắn hay nhất Văn nghệ trẻ số Tết cũng với giọng điệu thế này. Sau hỏi lại thì chính xác là của cùng một tác giả. Thành thử cái tâm lý “ngại ngại”, “sờ sờ” càng tăng. Truyện của Hoài chưa kể đến những yếu tố khác, thì có một giọng văn rất riêng biệt, khiến cái tính “đanh đá” mà tôi đổ thừa cho gã càng đậm nét. Văn là người, cấm có sai, gã viết đanh đá, sắc sảo, gai góc thế, ngoài đời ắt ghê gớm. Tuy nhiên trong số bát ngàn những truyện ngắn in trên báo, tạp chí tôi đã từng đọc mà không mấy khi nhớ nổi nội dung thì “Trình nữ manequin” có một ấn tượng rõ rệt mà tôi sẽ nói ở phần sau. Quay trở lại câu chuyện là cuối cùng thì tôi cũng có dịp gặp gã, vẫn là một khuôn mặt râu ria như trong ảnh, song gã hiền khô, và điềm đạm. Chưa kịp áy náy về sự đổ thừa cho gã cái tính đanh đá ngay cả khi chưa gặp thì bấy lâu sau tôi đã lại phát hiện ra rằng gã chẳng “hiền khô” chút nào, chỉ ít thì cũng là kẻ rất khó bắt nạt và “khó nhằn”.

Lê Anh Hoài là một người cầm tinh con ngựa điển hình. Tôi chẳng mấy tin tưởng vào các nhà chiêm tinh học song cũng nhớ lảng máng rằng “Trong một bữa tiệc, nếu hỏi ra thì phần lớn những người tham dự cuộc vui ấy đều cầm tinh con ngựa”. Cái “bữa tiệc” này vừa mang nghĩa bóng vừa mang nghĩa đen. Ngoài cái sự ham vui và khó từ chối những lời mời mọc ở chỗ đồng người thì người tuổi ngựa còn rất xuất sắc trong chuyện tham công tiếc việc. Rõ là “cuộc vui nào cũng có mặt”, vì sau này tôi hay ngạc nhiên khi bắt gặp Lê Anh Hoài ở mọi nơi mọi chốn: từ lễ ra mắt tập thơ tuyển chọn mà gã cũng có tên trong mục lục cho đến triển lãm nghệ thuật thị giác, và cả truyện ngắn - tiểu thuyết là những sản phẩm tinh thần đương nhiên của gã. Thậm chí trong một lần hứng chí, tôi còn thao thao bất tuyệt về vài cái mẹo làm thế nào để nhà văn có thể qua mặt được biên tập viên. Sau mới gượng gạo xin lỗi rằng tự nhiên tôi lại quên mất gã là biên tập báo chí. Nói như vậy thực thiệt cho tôi quá. Gã an ủi rằng thì là không sao đâu, gã không để ý đến chuyện đó.

Cũng như một số người viết văn khác, Lê Anh Hoài không theo học chuyên ngành văn chương mà nguyên là sinh viên trường đại học An ninh (nay là Học viện An ninh) chuyên ngành điều tra. Sau khi ra trường, gã được phân về CA quận Đống Đa. Làm được hai năm, lên quân hàm trung úy thì Lê Anh Hoài xin ra, rồi từ đó lang bạt kỳ hồ làm báo chí. Thực tế ra thì một người như Lê Anh Hoài mà làm công việc liên quan đến tòa án và Viện kiểm sát thì rất khó tin. Tôi cũng biết khá nhiều người cầm tinh con “chân chạy” như Lê Anh Hoài đều phải xin ra khỏi biên chế của ngành công an vì không chịu nổi sự hà khắc và bó buộc của nghề. Mà Lê Anh Hoài thì dường như sinh ra để làm nghệ thuật và tự do sáng tạo. Ngay từ lúc còn trên giảng đường, Lê Anh Hoài đã tham gia vào ban nhạc của trường (trong nhóm thành viên có Huy MC). Ban nhạc có tay đàn ghi ta của gã cũng đi thi khối bạn và từng đoạt nhiều giải. Nhưng gã mê làm báo quá đi thôi, và ngay sau khi hưởng trợ cấp thôi việc của ngành công an, Lê Anh Hoài có ngay một chân ở báo Văn hóa Nghệ thuật (nay là báo Văn hóa). Rồi cái “chân chạy” khiến gã lưu lạc khắp các tờ báo. Hồi năm 1992 báo Thiếu niên tổ chức thi tuyển, gần bốn chục người lấy có ba. Lê Anh Hoài trúng tuyển cùng Lưu Quang Định (nay là TBT báo Nông thôn Ngày nay) và Nguyễn Trọng Văn (nay là trưởng ban văn hoá Đài Phát thanh Truyền hình HN). Được một thời gian, có vẻ những câu chuyện về con nít khiến cho gã mày râu cảm thấy tẻ nhạt nên lại “nhảy” tiếp, lần này là về Tuổi trẻ Thủ đô. Nhưng rồi cũng lại lần thứ hai gã cố thoát ra khỏi biên chế. Không chỗ nào đậu quá lâu, cuối cùng Lê Anh Hoài về báo Tiền phong từ năm 2004 cho đến tận bây

giờ. Gã sống được bằng nghề báo, dạy nghề báo trên giảng đường đại học (Khoa Lý luận - Sáng tác - Phê bình trường ĐH Văn hóa) song như kỳ mã rong ruổi trên thảo nguyên, gã không một mối dẫn bước theo những niềm đam mê nghệ thuật đã được nhen nhóm từ rất sớm.

Từ lúc còn thanh niên trai tráng say mê vẽ chi chít lên tường nhà, giờ Lê Anh Hoài đã có trong tay nhiều tác phẩm nghệ thuật thị giác được nhiều người biết đến như tác phẩm “Tôi là cột điện” – thể loại trình diễn (Performance Art) hồi tháng 6-2008; “Tiến lên” – thể loại sắp đặt (Installation Art) - 7/2009; và gần đây nhất (9/2009) là “Đồng Cu” thực hiện với hai nghệ sỹ khác. Đây là một tác phẩm tổng hợp giữa trình diễn (Performance Art), sắp đặt (Installation Art), vẽ trên cơ thể (Body Painting), trên nền chủ đạo là âm nhạc pha trộn giữa hát văn, nhạc vũ trường, nhạc bán cổ điển. Có thời gian, nhiều người tin rằng nhà văn Lê Anh Hoài đã chán chữ nghĩa mà đam ra nghĩ quẩn làm chuyện rùm beng giật gân. Những nghệ sỹ thị giác chỉ nội làm nghề của mình đã bị lăm nổi thị phi. Nay Lê Anh Hoài là tay chữ nghĩa đạo mạo, có sao đứng ra giữa vĩa hè làm cột điện, chẳng xì căng đan thì là gì. Ấy là nhiều người chưa biết trước giờ Lê Anh Hoài vẫn vẽ tranh. Nhưng vẽ tranh thôi thì có lẽ đỡ khổ, gã lại dấn thân vào một ngành nghệ thuật mới lạ mà thường các sản phẩm tinh thần luôn là cú sốc đối với công chúng và giới truyền thông. Người thân quen thì hiểu, gã mê tất cả những gì thuộc về nghệ thuật hậu hiện đại (cả văn chương và mỹ thuật), thứ mà tôi cũng chẳng hiểu rõ là gì.

Sau tập thơ “Những giấc mơ bên đường” (1999), tiểu thuyết “Chuyện tình mùa tạp kỹ” (xuất bản năm 2007, được vào vòng chung khảo giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam 2008 và tái bản năm 2010 dưới cái tên “@tình”), chấp bút hồi ký “Không lạc loài” (2008), Lê Anh Hoài lại tiếp tục ra mắt tập truyện ngắn “Tẩy sạch vết yêu” vào đầu năm 2010. Đọc văn Lê Anh Hoài, người yếu bóng vía dễ bị sốc. Có thể chẳng tôi cũng yếu bóng vía như vậy khi đọc “Tẩy sạch vết yêu”. Song có một điều tôi thích ở văn Lê Anh Hoài là nét đặc trưng tinh tế khi sử dụng lối nhân cách hóa. Những câu chuyện nhân cách hóa của Lê Anh Hoài khá hấp dẫn. Điều này, ngoài “Trình nữ Manequin” miêu tả những câu chuyện và khao khát đời thường bằng cách thể hiện đặc biệt, thì tôi cũng ấn tượng với những truyện ngắn “Trái tim trong WC” và “Cuộc đời khốn nạn của một bản thảo”. Nhân cách hóa là một thủ pháp văn chương không mới song cũng không quá phổ biến và đặc biệt rất khó có thể khiến cho tình tiết trở nên hấp dẫn. Tuy nhiên, người đọc hoàn toàn hồi hộp muốn xem tiếp diễn biến cuộc đời của những trái tim bằng phiến ở một nơi bẩn thỉu như WC, của một bản thảo bị bỏ rơi và những cô manequin tưởng chừng như vô hồn vô cảm trong một khuôn mặt mỹ miều. Cách lựa chọn đối tượng của Lê Anh Hoài cũng thật đặc biệt. Nó ngược lại với những gì mà người đọc đã hình dung lúc ban đầu.

Trong các tác phẩm của Lê Anh Hoài, nghệ thuật Giễu nhại, một thủ pháp quen thuộc của văn chương hậu hiện đại thường được tác giả sử dụng. Lê Anh Hoài cho rằng khi ta không còn tin tưởng vào những công thức và cả những thứ là cội nguồn của công thức ấy rồi, thì giễu nhại là cách hay ho và văn minh để mình chống lại cái quyền lực đáng ghét của thứ công thức ấy. “Đơn cử như người ta cứ nghĩ tình yêu phải ở nơi chốn thanh cao, lãng mạn, thì tôi mô tả một tình yêu của hai trái tim bằng phiến, nó là vật tẩy mùi trong W.C. Một tình yêu đẹp hẳn hoi.” Nhưng cũng như tác giả tự nhận xét thì cách đặt vấn đề đó chưa hẳn đã thuận tai thuận mắt số đông. Bằng chứng là truyện đó gửi vài báo chẳng nơi nào dám đăng. Đôi khi tôi cũng nghĩ Lê Anh Hoài thực khổ, viết cái gì, vẽ cái gì mà cứ bị thiên hạ phản đối cho rằng khác thường, chưa kể một vài kẻ ác miệng còn dùng chữ “không bình thường”. Nhưng một phần bản chất của nghệ thuật đôi khi cũng hàm nghĩa “chống chơi với số đông”. Chẳng phải người ta vẫn phủ định tính nghệ thuật của những người “chạy theo số đông” hay sao. “Chạy theo số đông” hay “Chống chơi với số đông” cũng là một cái tội. Vậy thì ta phải đứng trên phương diện nào trước “số đông”. Lê Anh Hoài chia sẻ “Trước tiên, tôi viết với một tâm thức đưa cái hài và cái thông tục vào văn chương, vì như nhiều người cũng nhận xét: Văn chương của ta nghiêm ngặt quá, đến phát chán. Cứ dạy dỗ, tìm mẫu hình, ngôn từ thì phải trau chuốt, sang, đẹp, vv và vv. Thật ra thì chỉ lừa mình và lừa nhau thôi. Vì đã là văn chương thì chẳng chuyện về con người, về cuộc đời nào mà ngoài nó cả. Mà cuộc đời thì có đủ cả chữ sao lại khoanh vào một khoanh rồi bắt văn chương nó phải ở trong cái vòng kim cô đó? Về ngôn từ và văn phong cũng thế, làm gì có từ nào đẹp hơn từ nào, cách diễn đạt nào chuẩn hơn cách nào. Nhìn trong dân gian mà xem, không thiếu gì cách nói năng, kể chuyện cực hay. Sao bảo đó là tục?”

Thật sự ra, chưa cần đọc, chỉ mới nhìn đến nhan đề sách của Lê Anh Hoài cũng đã đủ gây sốc. Chủ ý của tác giả là muốn tạo ra cái tên một cách rất vui vẻ. “Tẩy sạch vết yêu” cũng là một cái tên vui vẻ với dòng chữ vui vẻ “Tập sách này hân hạnh được Công ty chất tẩy rửa TASAVEYE tài trợ”. Tuy nhiên nội dung những câu chuyện cho dù có chất hài trong đó cũng không vui vẻ chút nào. Thay vào đó, nó mang chút gì cay đắng và bi kịch trong cái thế giới quan hậu hiện đại mà chúng ta phải chiêm ngưỡng hàng ngày.

Những cuộc vui của Lê Anh Hoài e rằng vẫn chưa kết thúc, vì gã rất nghiêm túc với nghệ thuật. Ai biết đâu còn có ý tưởng đặc biệt nào xuất hiện đằng sau khuôn mặt rất đặc trưng mà tôi tin rằng sẽ được các họa sỹ vẽ chân dung biếm họa ưa thích. Lao động nghệ thuật cật lực nhưng gã tuổi ngựa Lê Anh Hoài vẫn là một kẻ ham vui có lý trí. Tôi dành cụm từ “kẻ ham vui có lý trí” cho gã vì bên cạnh việc vẫn còn ham thích khuyên tai và hình xăm; không từ chối bất cứ trải nghiệm và học hỏi nào từ chuyện khổ sở luyện nhip trên sàn nhảy cổ điển cho đến đánh vật với cuốn sách tiếng Anh trên lớp; rồi lao ngay đến những chốn đông người vui vẻ nếu như có thể; Lê Anh Hoài luôn biết tìm cho mình một điểm dừng hợp lý để vẫn có thể “Sống vui vẻ” theo như gã nói. Bởi lẽ, mấy ai trên đời không biết, để sống được vui vẻ mới thật là khó lắm thay.

Nguồn: An ninh Thủ đô (2010)

Lời tác giả

Lê Anh Hoài là một gã luôn hài hước mọi nơi mọi lúc. Khi gọi điện thông báo rằng tôi sẽ viết một chân dung về gã với những lời thuyết phục hùng hồn rằng “Em rất cần trọng trong việc lựa chọn đối tượng viết chân dung. Trước nay em mới chỉ viết hai chân dung thôi, ấy là nhà văn Kim Lân và nhà thơ Trần Hòa Bình”, tự nhiên tôi thấy gã im bất. Tôi hình dung đầu dây bên kia Lê Anh Hoài đang gãi đầu gãi tai suy nghĩ rất lung. Mãi sau mới thấy gã ngập ngừng “À... ừ... nhưng mà... cả hai người đấy... đều mất cả rồi phải không em?”.

NHÀ VĂN LÊ ANH HOÀI: Cố gắng đặt mình vào vị trí người đồng tính

Thời gian vừa qua, nhiều cuốn sách về đồng tính cả ở thể loại hư cấu và phi hư cấu liên tiếp xuất hiện trên thị trường. Trong đó cuốn tự truyện “Không lạc loài” của nhà báo Thành Trung do nhà văn Lê Anh Hoài chấp bút đã gây xôn xao dư luận nhiều nhất. Một phần cũng là vì trước đó, “Không lạc loài” đã được nữ nhà văn Cấn Văn Khánh chấp bút được vài chương, sau đó do bất đồng quan điểm nên sự cộng tác giữa Thành Trung và Cấn Văn Khánh phải ngừng lại. Với lượt in đầu là 4000 ấn bản, “Không lạc loài” đã được coi là một cuốn sách ăn khách. Và dưới đây là cuộc trò chuyện với nhà văn Lê Anh Hoài.

Anh so sánh sức sáng tạo của một tiểu thuyết hư cấu và một cuốn sách người thật việc thật có gì khác nhau?

Trước đến nay, ở ta vẫn có một quan niệm phổ biến là: Văn học là hư cấu hay nói cách khác là phải hư cấu mới là văn học. Thật ra không phải thế, dòng văn học phi hư cấu (non fiction) là một dòng lớn trên thế giới. Nó có thể mạnh là đưa đến cho công chúng những câu chuyện thật của những con người có thật nên sức thuyết phục rất cao. Ngoài ra, những tác phẩm kiểu này còn có sự liên hệ rất mạnh đến những ngành khoa học xã hội như lịch sử, tâm lý học, xã hội học, gia phả học chính ở tính “người thật việc thật” của nó. Tôi không biết các tác giả khác thế nào nhưng với tôi viết cả hai thể loại đều khó. Đừng nghĩ là viết loại non fiction thì không phải tưởng tượng, và viết loại fiction thì không cần sự thực!

“Không lạc loài” là một cuốn sách gây nhiều dư luận trước khi ra sách vì trước đó nữ nhà văn Cấn Văn Khánh đã chấp bút một nửa. Anh có bị áp lực vì sự việc đó? Và phần đầu của cuốn sách liệu có tránh được sự trùng lặp so với người viết ban đầu?

Khánh có cách nhìn và cách viết của Khánh, tôi tôn trọng trên tinh thần đồng nghiệp và cả tinh thần anh em (ngoài đời tôi khá thân với Khánh). Tuy nhiên, cách viết này và có thể cả những vấn đề nào đó mà tôi không biết hết đã làm sự hợp tác giữa hai người chấm dứt. Tôi coi đó là chuyện riêng của hai người. Với tôi đây chỉ là một vấn đề nhỏ cần tham khảo. Còn về áp

lực? Tôi có cách tiếp cận vấn đề của tôi nên khá thoải mái khi viết và cũng không sợ trùng lặp gì với người viết ban đầu. Còn trong phần Khánh viết có một số sự việc, biến cố trong đời sống của Trung thì tôi cũng phải nhắc đến, nhưng xin nhắc lại là dưới cách nhìn khác, văn phong từ ngữ khác.

Sau “Bóng”, cuốn “Không lạc loài” được in với số lượng khá cao. Liệu đây có phải là tiền lệ để các nhân vật thuộc giới tính thứ ba sau này liên tục ra sách?

Tôi cũng không rõ, nhưng có lẽ không hẳn thế đâu, nhất là sự “liên tục” như chị nói. Bởi vượt qua sự kỳ thị, công khai giới tính thứ ba không phải là chuyện đơn giản. Không có nhiều người để “liên tục” đâu.

Anh nói rằng sau khi làm việc với Thành Trung về cuốn sách này, nhiều quan điểm của anh về giới tính thứ ba đã thay đổi. Cụ thể là thế nào? Và điều đó có thành yếu tố chủ quan trong quá trình anh viết cuốn sách?

Quan điểm chủ đạo trong xã hội hiện nay vẫn là xa lánh và kỳ thị với những người đồng tính. Trước khi làm việc với Trung, tôi không kỳ thị nhưng cũng chưa hiểu nhiều về giới này. Làm việc với Trung và gặp khá nhiều người trong giới, nghe những câu chuyện của họ, tìm hiểu các công việc của họ, tôi thấy họ cũng giống người dị tính luyện ái ở rất nhiều mặt cơ bản. Tất nhiên xu hướng luyện ái của họ không phải vấn đề nhỏ và gây cho họ rất nhiều nỗi khổ. Xã hội không nên khoét sâu thêm nỗi khổ này. Tôi tìm hiểu cuộc sống của Trung một cách bình tĩnh, cố gắng gạt bỏ hết những định kiến có sẵn để hiểu đằng sau những hành động có vẻ ngoài kỳ lạ kia là những tâm tình gì. Và tôi thấy một con người với đầy đủ thất tình lục dục khá thú vị. Xin nói thêm, tôi cho là viết tự truyện cho bất cứ một ai chứ không chỉ Thành Trung thì người viết cũng vẫn phải có những thao tác tâm lý như thế mới có thể hiểu được nhân vật mà viết được. Nói cách khác có vẻ hoa mỹ là “cố gắng đặt mình vào vị thế người ta”.

Anh dành thái độ đối với những nhân vật trong “Không lạc loài” như thế nào? Cụ thể là đối với nhân vật chính, ông thầy giáo đã lạm dụng tình dục học trò của mình (Thành Trung) và K. (người yêu đã tự sát của Thành Trung)?

Tôi cố gắng đi gần đến sự thật nhất có thể chứ không để những thái độ chủ quan chi phối. Tất nhiên cái nền chủ đạo nhất vẫn là nỗ lực thấu hiểu và thông cảm, kể cả nhân vật “phản diện” như ông thầy giáo. Tôi nghĩ ông ấy cũng thật thống khổ.

Chủ đề đồng tính nam, lại có nhiều chi tiết người thực việc thực, là một nhà văn nam, anh có gặp khó khăn trong việc miêu tả cảm xúc của nhân vật? Trong lúc viết, anh có sợ rằng ranh giới giữa trần tục và trần trụi sẽ rất gần nhau?

Tôi trao đổi với Trung khá nhiều và tôi nhận ra, khi người đồng tính yêu nhau mãnh liệt, thì có rất nhiều xúc cảm, thậm chí hành động giống như một đôi nam - nữ yêu nhau mãnh liệt. Có khác chẳng là một số biểu hiện đặc thù của giới họ mà thôi. Quan niệm về “trần tục” và “trần trụi” không phải ai cũng giống ai. Tuy nhiên, là người viết sách cho nhiều người đọc, tôi rất lưu ý đến vấn đề này và cũng đã rất tiết chế. Quan điểm của tôi là viết vừa đủ hiểu chứ không đi vào mô tả những chuyện sống sượng. Đời sống tình cảm, tâm lý của Thành Trung được tôi coi trọng hơn cả. Thế còn nhân vật của tôi có những khoảng thời gian sống buông thả, có rất nhiều bạn tình... thì để trung thực với người đọc và với nguyện vọng của chính Thành Trung, tôi phải viết ra thôi. Dù điều này làm không ít người sốc.

Nhiều người kỳ thị với thể loại tự truyện, cho rằng đó là loại sách thị trường, câu khách khi phô bày những chuyện cá nhân thầm kín và không có... văn. Một phần là vì nhiều khi nhân vật chính lại không có khả năng thể hiện văn chương và việc truyền tải ý đồ, cảm xúc lại phải qua một người khác chấp bút. Quan điểm của anh thế nào khi đối mặt với những lời thị phi này?

Như trên tôi đã nói, dòng văn chương phi hư cấu là một dòng lớn. Đằng sau việc một con người, (có thể là người rất bình thường chứ không nhất thiết phải là VIP) lên tiếng và phô bày cuộc sống cũng như thái độ sống của chính mình, là cả một tinh thần dân chủ. Tất nhiên còn phải xét khả năng của từng tác giả với từng tác phẩm cụ thể nữa. Chuyện có “văn” hay không là một chủ đề phức tạp, có lẽ xin không đi sâu vào ở đây. Tôi chỉ khẳng định là nếu viết tốt, thì một chuyện rất thật, nhìn bề ngoài có vẻ tầm thường vẫn có “văn” như thường. Còn viết kém, thì dù có núp bóng dưới những điều kỳ lạ, vĩ đại, cao thượng... tác phẩm vẫn cứ không ra gì.

Nguồn: Lao động cuối tuần (2009)

Phim truyền hình - Trăm người trăm ý

Bấy lâu nay, nhắc đến phim truyện truyền hình Việt Nam, người xem lại buông tiếng thở dài. Do đâu tồn tại thực tế đáng buồn này trong khi nhà nước vẫn khuyến khích cho phim truyền hình nội và truyền hình vẫn có một khối lượng khán giả không hề nhỏ. Chúng tôi có cuộc trò chuyện cùng một số nhân vật có liên quan đến lĩnh vực này: Nhà biên kịch Phạm Ngọc Tiến (tác giả kịch bản của những bộ phim truyền hình nổi tiếng như “Ma làng”, “Gió làng Kinh”, “Đất và người”, “Chuyện làng Nhỏ”), đạo diễn trẻ Hoàng Điệp (đạo diễn serie ăn khách “Bộ tứ 10A8” phát trên kênh VTV3), diễn viên Tuấn Quang (rất quen thuộc với khán giả qua loạt phim “Cảnh sát hình sự”) và nhà văn Trần Thanh Hà (người đầu tiên ở Việt Nam chuyển thể kịch bản phim thành tiểu thuyết trinh thám rất ăn khách “Vũ điệu tử thần”)

Thời gian ngồi xem phim truyền hình chiếm bao nhiêu phần trăm giải trí của quý vị?

Nhà văn Trần Thanh Hà: Tôi ít có thời gian xem ti ti, nhưng thỉnh thoảng cũng xem qua phim truyền hình, chủ yếu để biết tình hình phim ảnh thế nào. Tôi viết báo nên cần thông tin, phải mục sở thị để nếu viết cái gì liên quan thì không hồ đồ.

Nhà biên kịch Phạm Ngọc Tiến: Tôi không nhiều thời gian nên chỉ xem những bộ phim đáng chú ý có nhiều vấn đề xã hội. Phim truyền hình bây giờ nhiều quá, muốn xem hết cũng là điều bất khả thi. Tuy nhiên những phim do tôi viết kịch bản thì tôi phải xem hết từ lúc là bản nháp để xem có gì cần phải sửa đổi hay không. Thường thì không được như ý vì sản phẩm cuối cùng còn phải phụ thuộc vào đạo diễn nữa, chỉ giữ được đầy đủ nội dung, cốt truyện cũng đã là tốt lắm rồi.

Đạo diễn Hoàng Điệp: Không nhiều, tôi xem khi thấy cần phải tìm hiểu thông tin gì đó chứ không xem theo cách của các khán giả là chờ đến giờ phát sóng và xem tập hôm nay chờ đón tập ngày mai. Tất nhiên cũng có ngoại lệ, phim nào mình thích quá thì...cũng vẫn rình rình xem cho bằng được, dẫu không đầy đủ. Phim do mình làm thì không xem không được.

Diễn viên Tuấn Quang: Tôi có xem, tất nhiên không được nhiều, nhưng vẫn phải xem để không vấp vào khuyết điểm mà những phim, hoặc những vai diễn thường gặp phải.

Tuy nhiên, là người trong nghề, chắc quý vị có thể dễ dàng đánh giá được chất lượng phim truyền hình nội địa hiện nay?

DV Tuấn Quang: Muốn nói đến thực trạng phim truyện truyền hình hiện nay thì cũng cần phải nhắc đến nhận thức của người xem truyền hình. Họ chưa có cảm nhận cao về nghệ thuật nói chung. Cũng chính vì sự không cân bằng về nhận thức nên có rất nhiều ý kiến phản hồi tiêu cực về phim truyền hình nội. Mặt khác, sự quan tâm đầu tư cũng chưa thực sự đồng bộ, từ khâu kịch bản, biên kịch, đến các thành phần làm phim như đạo diễn, quay phim, diễn viên... vẫn đi theo một lối mòn mà những người đi trước đã đi. Thêm vào đó, còn một vài lý do tế nhị khác nữa, ví dụ như “nói thật quá” trong phim cũng không được vì sẽ ảnh hưởng tới một tổ chức, cơ quan hay bộ phận nào đó trong xã hội. Chính do các yếu tố đó mà những người thực hiện thường tìm những cách giải quyết “lành” nhất để đỡ cho những rắc rối sau này. Phim truyền hình bỗng dưng bị đóng khung, bị giới hạn, không thể đáp ứng sự mong mỏi của người xem được.

ĐD Hoàng Điệp: Tôi nghe được nhiều lời khen ngợi và thậm chí nói sao nhỉ, giống như các fan hâm mộ phim truyền hình Việt Nam vậy. Từ bác xe ôm vẫn hay chở tôi đi làm đến các bạn đồng nghiệp làm cùng cơ quan, họ thuộc lòng tên diễn viên, nhân vật, thuộc tính cách, câu thoại..., thậm chí họ còn tranh cãi rất gay gắt về chuyện đúng sai trên phim, tự an ủi động viên cho vai diễn mà mình yêu thích như thể đó là người hàng xóm nhà mình... Nếu thực sự phim truyền hình Việt Nam có quá nhiều nhược điểm thì tôi nghĩ cũng khó có được lớp khán giả tuyệt vời như thế. Khán giả bây giờ họ công tâm lắm, hay thì xem, dở là chuyển kênh, xem phim thấy thích nhưng vẫn rất tỉnh táo nhìn ra những khuyết điểm của người làm, họ giỏi bắt

lỗi còn hơn cả các nhà phê bình khó tính. Và như đã nói ở trên, lỗi có thể bỏ qua, họ sẽ bỏ qua, lỗi không thể bỏ qua, họ sẽ chuyển sang làm khán giả của một phim truyền hình khác. Làm phim đã khó mà làm phim để chinh phục được khán giả còn khó hơn.

NBK Phạm Ngọc Tiến: So với trước đây thì chất lượng phim truyền hình hiện nay khá hơn nhiều chứ. Khán giả cũng rất quan tâm đến phim nội địa nên họ xem rất nhiều. Tuy nhiên để nói về thực trạng phim truyền hình thì cũng lắm ý kiến lắm. Nhưng tôi biết có những người chẳng xem bao giờ, chẳng hề quan tâm đến điện ảnh nhưng lúc nào cũng phê bình rất kinh. Tôi ít khi quan tâm đến dư luận qua những phương tiện truyền thông báo chí, vì sau khi một bộ phim ra mắt, nhà báo đôi khi khen quá đà để quảng bá cho bộ phim, nhưng cũng lại có khi chê đến vùi dập. Tôi thích xem ý kiến của công chúng trên mạng hơn. Khi ấy có thể nào họ nói thật như thế. Sau khi bộ phim “Ma làng” ra mắt, tôi cũng nhận được rất nhiều ý kiến khen chê xác đáng từ trên các diễn đàn.

NV Trần Thanh Hà: Có một thông tin trên báo nói rằng, tính ra mỗi ngày ti vi phát ...8 tiếng phim truyền hình nội địa. Mỗi tập phim từ 30 đến 45 phút, vậy mỗi ngày công chúng sẽ phải xem 10,5 đến 16 tập phim. Viết kịch bản kiểu gì cũng thành phim, làm đạo diễn bây giờ dễ ai cũng làm được, đẽo đẹp một chút thì đi đóng phim... Xem phim thấy biệt thự hồ bơi người mẫu là biết phim phía Nam, đồng ruộng nông thôn, nghèo nghèo cũ cũ một chút là phim Hà Nội. Chưa bao giờ thấy phim truyền hình dễ dãi như bây giờ.

Dù thế nào cũng không thể phủ nhận được một điều rằng phim truyền hình của chúng ta vẫn còn nhiều hạn chế. Theo quý vị, những tồn tại này là do đâu?

NBK Phạm Ngọc Tiến: Nếu mà nhắc đến những hạn chế thì phải nói thật rằng ở đất nước ta lĩnh vực nào cũng có nhiều cái đáng phải bàn, từ văn học, điện ảnh, đến thể thao, du lịch, thứ gì cũng có những tồn tại riêng. Chất lượng phim truyền hình kém ngoài nhiều lý do như đạo diễn, kịch bản, diễn viên ... thì còn có một bộ phận làm phim chạy theo mục đích riêng, đó là lợi nhuận, là quảng cáo. Ngoài ra áp lực phát sóng 30% phim nội cũng là một vấn đề đáng phải bàn. Trước đây, một năm chúng tôi chỉ phải làm 100 tập phim thì còn có thời gian mà kén chọn kịch bản, kén chọn diễn viên. Nay áp lực phát sóng như vậy, diễn viên đang đóng phim này lại phải quay sang phim khác. Trước người ta đóng hai phim thôi giờ chạy sô đến bốn, năm phim. Riêng hạng mục biên kịch thì phải mở rộng ra thêm nhiều thành phần chung nhau viết kịch bản mới kịp tiến độ được. Rồi thì do áp lực quảng cáo nên phim ảnh bây giờ phải bắt mắt người xem, những đề tài chính luận, chiến tranh bị thu hẹp lại. Song nguyên nhân lớn nhất, mà tôi đã quan sát từ nhiều năm nay vẫn là yếu tố tài năng.

DV Tuấn Quang: Về kịch bản, như ở trên tôi cũng đã nói, có muốn hay cũng không hay được, sẽ bị động chạm rất nhiều. Diễn viên thì không đủ trình độ diễn xuất, đào tạo không đến nơi đến chốn, chưa kể các người mẫu, ca sỹ đều được đưa vào phim để tạo độ “hot”. Ngay cả bản thân tôi, có đào tạo học hành bài bản 3-4 năm, đến bây giờ đã làm nghề gần 20 năm, nhiều khi cũng còn chưa đóng nổi những vai khó, chưa nói đến những người không biết gì. Đạo diễn cũng vậy, đa số được đào tạo trong một môi trường bó hẹp, chất lượng đào tạo chưa được tốt, đi học nhưng vẫn phải lo nhiều cho cuộc sống mưu sinh hằng ngày, nên tâm trí ít nhiều bị phân tâm chứ.

NV Trần Thanh Hà: Ngoài các yếu tố về kịch bản, đạo diễn, diễn viên... thì tôi còn thấy một vấn đề nữa là áp lực quảng cáo. Khi các nhà làm phim, các hãng phim nhắm đến một mục đích khác ngoài phim, thì khó nói sẽ làm được phim hay.

ĐD Hoàng Điệp: 30% phim nội là động lực với những người làm phim và các hãng sản xuất phim, tôi không nghĩ đó là áp lực. Khi biết thông tin này thậm chí tôi còn gọi điện ngay cho bạn bè mình và gào ầm lên “Thời của bọn mình đã đến”. Tôi cũng không nghĩ rằng có đạo diễn nào lại coi nhẹ kịch bản văn học. Ai làm phim cũng muốn có kịch bản thật hay nên chẳng dại gì coi nhẹ nó. Vấn đề là ở chỗ có kịch bản hay hay không. Còn về khía cạnh diễn viên thì nói thật tôi lại thấy những diễn viên nghiệp dư rất thú vị. Bản thân tôi cũng thường xuyên làm việc với họ và rất quý trọng tài năng cũng như tinh thần làm việc của họ. Đạo diễn thì không phải ai cũng tài giỏi cả, lẽ đương nhiên như với mọi nghề nghiệp khác. Cái chính là mối duyên giữa diễn viên chuyên nghiệp, kịch bản hay, đạo diễn giỏi, kinh phí tốt, nhà sản xuất đầu óc không phải

bao giờ cũng có với mọi dự án phim. Mà tôi cũng chưa biết nếu có “đội hình chiến thuật trong mơ” như vừa nêu thì liệu phim có hay hay không nữa?

Và cuối cùng, một vài giải pháp giả định nếu quý vị là người có quyền quyết định trong việc cải tổ “cỗ máy phim truyền hình” hiện nay?

ĐD Hoàng Diệp: Tôi hay nghĩ rằng nếu đơn vị phát sóng có những màng lọc tốt thì chắc phim dở khó có thể lên sóng được. Cái sự hay, sự dở phải công tâm và phải có một đội ngũ chuyên gia uy tín, chứ không phải chỉ dừng lại ở một hội đồng duyệt phim như hiện nay. Nếu lên sóng truyền hình mà cũng như đi thi đại học thì hay. Học sinh thì luyện thi ngày đêm, làm phim cũng phải luyện cho phim nó đủ hay, ít nhất cũng không để bị điểm liệt mới có cơ hội lên sóng, mà lên sóng rồi phải thi tiếp để vào khung các giờ thật đẹp. Chà, làm được một bộ phim truyền hình mà được tuyển chọn và được phép chiếu vào giờ vàng hẳn đạo diễn, ekip sẽ tự hào lắm. Tự hào rồi sẽ cố gắng để phim sau phải hay hơn nữa. Cá nhân tôi thích các cuộc thi, nếu nó được tổ chức một cách chuyên nghiệp và bài bản, chất lượng lựa chọn từ nó sẽ rất đáng tin. Nếu các nhà đài tổ chức một cuộc thi mà phần thưởng cho ekip thắng cuộc là sẽ được đầu tư kinh phí để sản xuất một phim truyền hình và được truyền thông quảng cáo, được phát sóng trong khung giờ đẹp (tất nhiên phải rất công bằng và chuyên nghiệp), thì tôi sẽ là người đầu tiên nộp hồ sơ dự án phim để tham gia.

NV Trần Thanh Hà: Làm ít phim nội thôi, để công chúng xem phim ngoại hay còn hơn ép người ta xem phim nội dở. Nhà nước có thể phải tài trợ cho cả phim truyền hình để nâng cao chất lượng. Cũng phải kiểm soát đầu ra của phim nữa, anh thích thì anh cứ sản xuất đi, nhưng tôi là người kiểm duyệt, anh phải đạt được các tiêu chí của tôi thì tôi mới cho anh phát sóng, chứ đừng làm theo kiểu giáo dục đại học đã vào được ắt ra được dù chả có tí tri thức nào.

DV Tuấn Quang: Muốn thay đổi cần phải có quá trình và cả những cá nhân trong hệ thống quản lý nữa. Nếu có thể thì ta nên tạo ra một sân chơi làm phim truyền hình cho những đối tượng (được phép làm) để dành cho khán giả xem và bình chọn (không phát sóng) .

NV Phạm Ngọc Tiến: Có những tồn tại mà ta không thể khắc phục được, đó là tài năng. Riêng tài năng nghệ thuật thì đào tạo tốt chưa chắc đã được cho dù ta có đầu tư đến mấy. Hơn nữa, xã hội hiện nay có quá nhiều vấn đề làm băng hoại đến đạo đức và điều đó ảnh hưởng đến cả nghệ thuật. Chủ trương xã hội hóa là rất hay nhưng cũng không thể thả nổi được. Chúng ta không thể đánh đồng nghệ thuật và các giá trị phi vật thể với một sản phẩm hàng hóa được. Vẫn cần phải có đầu tư và quản lý. Như cá nhân tôi rất thích các đề tài phim chiến tranh nhưng không thể tìm đâu ra nguồn tài trợ để đầu tư làm phim. Vì dòng phim chính luận, chiến tranh không thể thu hút quảng cáo được. Đầu tư rồi cũng còn phải quản lý cho tốt nữa, vì như đại lễ 1000 năm Thăng Long, nhà nước đầu tư rất nhiều, khâu chuẩn bị kéo dài tới tận chục năm mà cũng chưa thấy bộ phim lịch sử nào thật xuất sắc.

Xin cảm ơn sự chia sẻ ý kiến của quý vị.

Nguồn: Tinh hoa Việt (2010)

Dịch giả Nguyễn Lệ Chi - Đa tài, đa nghệ

Dịch giả Nguyễn Lệ Chi không chỉ được biết đến với vai trò dịch thuật, hiện nay, chị còn là giám đốc của công ty Chibooks, một công ty in ấn và phát hành sách, là biên tập của báo Thanh niên, tham gia lĩnh vực phim ảnh, đang viết một cuốn tiểu thuyết. Như rất nhiều công dân đặc biệt của thế kỷ 21, Lệ Chi ham việc và làm việc gì cũng thành công. Chị có khuôn mặt cá tính và phong cách làm việc nhanh gọn, hiện đại. Trong một lần gặp tình cờ, người thực hiện bài này chứng kiến đạo diễn Đỗ Minh Tuấn nói với Lệ Chi rằng nếu chọn vai diễn, Lệ Chi chắc chắn được ông giao cho vai... bà chủ. Cho đến nay, chị đã dịch được 30 đầu sách tiếng Trung, một con số đáng nể đối với bất kỳ dịch giả nào.

Bắc nhịp cầu văn hóa

Chị đang làm việc trong ngành xuất bản, liệu có thể so sánh sức tiêu thụ của sách ngoại và sách Việt?

Tôi cũng có cái may mắn được làm việc trong ngành xuất bản một thời gian, tuy nhiên những nhận xét của tôi chỉ mang tính chủ quan và cảm tính. Nếu nói tới sức tiêu thụ của sách nước ngoài đã được mua bản quyền và dịch ra tiếng Việt so với mức tiêu thụ của sách do tác giả Việt Nam viết cũng rất khó so sánh vì mỗi ngành, mỗi thể loại sách có những đặc trưng riêng. Tuy nhiên về cảm quan bên ngoài nhìn vào thì có lẽ sách nước ngoài vẫn nhiều hơn, đa dạng về đề tài, bao quát ở tất cả các lĩnh vực văn học, đời sống, kinh tế, ngoại ngữ, nấu ăn, thiếu nhi, địa lý, chính trị... Với nhu cầu mở rộng kiến thức ngày càng nhiều như hiện nay, sức tiêu thụ của sách ngoại rất lớn, và đánh bật cả sách nội. Đó là điều không thể phủ nhận trong tình hình tiêu thụ sách ở nước ta trong thời gian vài năm trở lại đây.

Dịch thuật là một công việc thầm lặng, ý nghĩa nào mà chị tìm thấy khi thực hiện công việc này?

Tôi quan niệm dịch thuật cũng chỉ là một nghề, như bao nghề khác. Do đặc thù của nghề này là làm việc trong một môi trường kín, ít giao tiếp và khá độc lập nên người theo đuổi nghề dịch thuật đòi hỏi sự kiên nhẫn và thời gian tự mày mò với các câu chữ. Bản thân tôi thấy yêu thích công việc này vì cảm nhận được những nét đẹp văn hóa trong đời sống, sinh hoạt, câu chuyện... của những nước khác qua các bản dịch và chuyển tải lại chúng cho độc giả Việt Nam như một sự thưởng thức, cùng chia sẻ. Dịch thuật cũng là một ngành nghề góp phần bắc nhịp cầu văn hóa giữa các nước, các quốc gia, các dân tộc, giúp mọi người xích lại gần với nhau, hiểu nhau hơn.

“Tai nạn” của nghề dịch

Nhiều độc giả thông thạo tiếng nước ngoài đôi khi so sánh bản gốc và bản dịch của các tác phẩm đã phát hành, trên thực tế đã phát hiện ra nhiều lỗi truyền tải sai ý nghĩa. Công tác biên tập phần lớn không khắc phục được điều này. Chị nói gì về điều đó? Có bao giờ chị cảm thấy bất lực vì một ý nghĩa không thể truyền tải được sang tiếng Việt hoặc vì dịch sách số lượng lớn, thời gian quá gấp gáp mà “nhắm mắt cho xong” một vài chi tiết hay từ “khó nhằn”?

Đây được coi là những tai nạn nghề nghiệp trong nghề dịch thuật. Mà đã là tai nạn thì thường để lại hậu quả có thể lâu dài và đau đớn, tuy nhiên không ai muốn như vậy cả. Không có một dịch giả nào đúng trăm phần trăm khi mới bắt tay vào dịch sách, cũng không có dịch giả nào chuyển tải hoàn toàn nhuần nhuyễn tới mức hoàn hảo, không thể nào chê nổi dù đã dịch khá nhiều sách. Tất cả chỉ có thể ở một mức độ tối đa cho phép tùy theo khả năng ngoại ngữ, sự kiên nhẫn và tấm lòng của người dịch, người biên tập đối với tác phẩm đó. Chuyện bất lực trước một câu chữ, hoặc một đoạn văn mà mình hoàn toàn hiểu ở tiếng nước ngoài nhưng rất loay hoay không tìm ra được cách diễn đạt bằng tiếng mẹ đẻ thì tôi nghĩ, đối với dịch giả nào

cũng từng vấp phải. Tuy nhiên để tránh những trường hợp này, chỉ có cách lại kiên nhẫn mày mò, cứ dịch nhiều, chăm chỉ đọc nhiều sách vở báo chí, với nhiều ngành nghề khác để tự trang bị thêm vốn kiến thức xã hội và vốn từ vựng tiếng Việt, người dịch mới có thể tự tin hơn và tự chiến thắng được những tình huống đó. Có vậy, số lượng tai nạn nghề nghiệp mới dần giảm bớt và mất hẳn.

Chị sẽ phản ứng thế nào nếu vào một ngày đẹp trời, có một độc giả chỉ ra một vài “lỗi kỹ thuật” trong cuốn sách mà chị đã dịch?

Tôi không biết các dịch giả khác sẽ phản ứng ra sao, nhưng đối với tôi, nếu những góp ý đó là đúng đắn, tôi sẽ rất cảm ơn độc giả nhiệt thành đó và ghi chú lại ngay nếu sách được tái bản để kịp thời bổ sung sửa chữa. Đồng thời sẽ xem kĩ lại lỗi sai để sau này rút kinh nghiệm. Nếu lời góp ý đó chưa chính xác, tôi cũng vẫn cảm ơn họ vì họ có thực sự quan tâm tới tôi và có yêu thích bản dịch đó, họ mới chăm sóc và chú tâm đến tác phẩm kĩ đến vậy.

Trong công tác dịch thuật, điều gì là khó khăn nhất? Chị đã gặp “tai nạn nghề nghiệp” bao giờ chưa?

Trong quá trình dịch sách, tôi thấy khó khăn nhất là chiến thắng chính bản thân mình. Một cuốn sách nguyên tác dày ít nhất 300 trang, phải mất ít nhất 3 tháng mới dịch xong. Vì vậy nó đòi hỏi người dịch một sự kiên nhẫn kinh khủng. Làm sao để luôn giữ được nhiệt huyết với bản dịch, để các câu chữ dịch mỗi ngày phải liền mạch và sinh động. Chỉ cần lười bỏ dịch một vài hôm, mạch cảm xúc của bạn rất dễ bị ngắt đoạn. Tai nạn nghề nghiệp dễ gặp nhất trong khi dịch sách tiếng Hoa là các từ tiếng Anh luôn được dịch giả Trung Quốc phiên âm ra tiếng Hoa không theo một quy tắc gì, khiến khi chuyển ngữ lại sang tiếng Việt rất khó khăn và dễ nhầm.

Chưa bao giờ nghĩ dịch sách để “rinh” giải

Chị ấn tượng nhất với cuốn sách nào?

Trong tất cả các sách đã dịch, tôi thích nhất cuốn “Hoa bên bờ” của nhà văn An Ni Bảo Bối vì đầy chất điện ảnh và cách miêu tả tâm trạng con người rất tinh tế.

Chị có mơ ước nhận được giải thưởng dịch thuật của Hội Nhà văn Việt Nam cho những cuốn sách dịch của mình?

Thú thật là từ trước tới giờ tôi chưa nghĩ đến chuyện dịch sách vì mong muốn có giải thưởng dịch thuật của Hội nhà văn Việt Nam. Với tôi, dịch sách đơn thuần chỉ là một niềm đam mê, không nghĩ ngợi nhiều.

Tiếp xúc nhiều với các bản dịch cũng như nhiều đầu sách trong nước, chị thấy điều gì mà các tác giả Việt Nam còn thiếu để sách nội có thể xâm nhập thị trường hải ngoại?

Qua nhiều bản dịch nước ngoài, tôi nhận thấy các đề tài của họ khá hiện đại, gần gũi với đời sống đương đại, các nhân vật rất bình dị, như thấp thoáng đâu đó xung quanh chúng ta, nhưng ý nghĩa truyền tải của cuốn sách lại vô cùng sâu sắc, khiến người đọc phải rung động. Trong khi đó sách nội lại khá khan hiếm những cuốn sách thực sự có vấn đề, văn phong lạ và mang tầm thời đại, làm sống động cả tâm hồn, tâm linh của một thế hệ trong một khoảng thời gian nào đó. Hiếm có cuốn nào lại phơi bày được hết một quãng lịch sử, xã hội, bối cảnh sống, nền văn hóa... một cách tinh tế làm phong, làm nền cho câu chuyện được kể. Có lẽ chính vì điều đó mà sách nội chúng ta còn chưa thuyết phục được nhiều dịch giả nước ngoài khó tính chăng?

Nguồn: Khoa học & Đời sống (2009)

Người kể những câu chuyện trong bóng đêm

Sau khi một thời gian dài phát sóng chương trình “Bạn hãy nói với chúng tôi” (BHNVT), biên tập viên Phạm Trung Tuyền đã tập hợp những câu chuyện có thật của thính giả Đài Tiếng nói Việt Nam tâm sự với chương trình để hình thành nên cuốn sách với nhan đề “Những câu chuyện trong đêm” (Ghi chép từ studio của một biên tập viên mất ngủ). Phạm Trung Tuyền sinh năm 1974, tốt nghiệp khoa Báo chí, ĐH Tổng hợp Hà Nội, hiện là biên tập viên của Kênh giao thông FM91mhz – Đài TNVN.

Tại sao anh lại có ý định chọn gần 100 “câu chuyện được chia sẻ trong bóng đêm” để tập hợp thành một cuốn sách?

Khi nhận nhiệm vụ thực hiện chương trình phát thanh BHNVT, ban đầu, thực sự tôi đã rất băn khoăn. Nhớ lại, khi bước chân vào nghề báo, hơn 10 năm trước, ước mơ lớn nhất của tôi là có điều kiện đi khắp nơi và kể lại những trải nghiệm cuộc sống của mình. Trong 10 năm ấy, đúng là tôi đã đi rất nhiều, không có một huyện nào trên đất nước này mà tôi chưa từng đặt chân đến, trừ huyện đảo Hoàng Sa của Đà Nẵng. Nhưng các chuyến đi chỉ đem đến cho tôi những cảm nhận hời hợt bởi phần lớn thời gian phải dành cho tác nghiệp báo chí. Nhận làm một chương trình phát thanh tương tác, hàng ngày đến phòng thu trò chuyện cùng thính giả, tôi sẽ không còn nhiều cơ hội để đi, để cảm nhận cuộc sống và thực hiện ước mơ của mình... Tôi đã băn khoăn về điều đó. Tuy nhiên, nỗi băn khoăn đó nhanh chóng qua đi khi tôi nhận được rất nhiều sự tin tưởng của thính giả. Họ viết thư, gọi điện chia sẻ với tôi những câu chuyện mà bản thân họ đã giấu kín trong suốt cuộc đời mình. Đó là những câu chuyện mà người ta rất khó nói khi trực tiếp gặp mặt. Hơn thế, mỗi câu chuyện khi phát sóng đều nhận được rất nhiều sự chia sẻ của thính giả khắp nơi, và qua cảm quan của mỗi người, các câu chuyện đó hiện lên những sắc màu khác nhau, sống động vô cùng. Sau chừng 4 hoặc 5 tháng, tôi bắt đầu nghĩ đến việc ghi chép lại những câu chuyện đó, với cảm nhận riêng của mình, như một thính giả. Và “Những câu chuyện trong đêm” hình thành. Khi cầm tập bản thảo gồm gần 100 câu chuyện đó, tôi biết mình đã phần nào thực hiện được mơ ước thủa hoa niên. Tôi xuất bản cuốn sách với một ý niệm: Tri ân những thính giả đã đồng hành cùng chương trình BHNVT.

Câu chuyện nào khiến những cảm xúc riêng tư của anh bị ảnh hưởng?

Tôi vẫn muốn cuộc sống của mình có những trải nghiệm thật dữ dội. Nhưng đêm đêm, ngồi trong phòng thu, đeo tai nghe và lắng nghe những tiếng đời vọng về thì tôi cảm nhận được rõ ràng cảm xúc của mình. Những câu chuyện khiến tôi xúc động, thậm chí choáng váng đều không có những tình tiết dữ dội. Ngược lại, những bi kịch không có một lý do rõ rệt như chuyện người con trai chỉ vì một lời oán trách vô tình mà dẫn đến cái chết của cha mình, hay chuyện một người đàn ông dẫn vợ mình suốt cuộc hôn nhân chỉ vì một sự hồ nghi không rõ ràng, hoặc những nỗi đau xuất phát từ lòng tốt chẳng hạn... đó là những câu chuyện đã khiến tôi mất ngủ với ý nghĩ rằng hầu hết bi kịch thực sự trong cuộc đời này chính là sự vô lý.

Có câu chuyện nào trùng hợp với những gì anh đã trải qua?

Thật khó nói về điều này. Tôi là một người có đời sống tình cảm khá phong phú, và cũng trải nghiệm tương đối nhiều tình huống trong cuộc đời. Có điều, thường thì tôi để mọi việc đi qua và cố gắng không nhìn lại. Đến khi nghe những câu chuyện của thính giả, ký ức của tôi thức dậy và tôi thường nhìn thấy mình trong rất nhiều câu chuyện...

Câu chuyện khiến anh ấn tượng nhất?

Có lẽ câu chuyện khiến tôi ấn tượng nhất là chuyện “Hàng rào thừa”. Đó là chuyện của một người đàn ông băn khoăn về chuyện tình cảm của cô em vợ. Anh ta lo lắng cho đời sống tình cảm của cô em, lo lắng cho danh dự của gia đình, nhưng sự lo lắng ấy bị bao phủ bởi nỗi đố kỵ của anh ta đối với những người tình của cô em.

Còn câu chuyện nào khiến anh không thích nhưng vẫn cho vào cuốn sách để hình thành một bức tranh trọn vẹn?

Có một nguyên tắc nghề nghiệp: Tôi luôn cố gắng không nghĩ đến ý thích của mình khi tác nghiệp để giữ được sự khách quan.

Có trường hợp nào anh trở thành bạn của một nhân vật nào đó trong chuyện?

Một trong những điều quan trọng nhất khiến thánh giả sẵn lòng trải lòng mình cùng tôi chính là việc tôi thực sự coi mình là một người bạn của thánh giả. Một người bạn mà có thể sẽ không bao giờ gặp trong cuộc đời thực, nhưng luôn sẵn sàng lắng nghe. Tôi nghĩ tất cả những nhân vật trong các câu chuyện đều cảm nhận được tình bạn đặc biệt ấy của tôi. Trong đó có những người trở thành bạn thân của tôi ở ngoài đời, như nhân vật trong câu chuyện “Thông dịch viên” chẳng hạn.

Có khi nào vì “bệnh nghề nghiệp” mà anh muốn kể chính những câu chuyện của mình lên sóng?

Không phải là bệnh nghề nghiệp, mà tôi thực sự kể những câu chuyện mà mình đã trải nghiệm mỗi khi có điều kiện. Đây là khi những trải nghiệm đó liên quan đến những tâm sự của thánh giả, khi mà câu chuyện của tôi có thể giúp thánh giả đó có thêm một ví dụ để tham chiếu, để tìm ra giải pháp cho vấn đề của mình.

Tại sao anh lại cho thêm một dòng trong ngoặc “Ghi chép từ studio của một biên tập viên mất ngủ”? Liệu có phải những câu chuyện đó đã làm cho anh mất ngủ?

Đúng là tôi đã mất ngủ từ khi làm chương trình phát thanh này. Mất ngủ vì những sự vô lý của kiếp người, mất ngủ vì cảm giác mang nợ sự chân thành của thánh giả, khi tâm sự với tôi câu chuyện của đời mình, nhiều người đã kỳ vọng nhiều hơn chỉ là những lời chia sẻ... mà tôi không đủ sức, không đủ cả sự can đảm, cũng như nhiệt tình để đáp lại.

Theo anh chương trình này (cuốn sách này) đã giúp được gì cho cộng đồng và chính những người trong cuộc?

Tôi không dám chủ quan áp đặt cảm nhận của mình với người khác. Nhưng tôi cũng là một người trong cuộc, chương trình BHNVT đã đem lại cho tôi rất nhiều. Quan trọng nhất, qua chương trình này tôi đã nhận thấy, đã có đủ niềm tin rằng trong cuộc đời này còn rất nhiều người tốt. Bạn có thể cảm nhận được điều đó khi nghe thấy những lời chia sẻ chân thành mà thánh giả dành cho nhân vật trong các câu chuyện. Họ lắng nghe, suy nghĩ, và gọi điện đến chương trình hàng đêm để hy vọng mình có thể giúp được một chút gì đó cho những nhân vật, những người mà họ chưa từng quen, thậm chí không bao giờ có cơ hội gặp gỡ một lần. Khi xây dựng chương trình, tôi hy vọng mình sẽ góp phần tác động đến thánh giả, nhưng ngược lại, chính thánh giả đã tác động đến tôi nhiều hơn, tạo cho tôi một áp lực phải sống tốt hơn để không phụ tình cảm của cộng đồng dành cho mình.

Anh nói cuốn sách này được viết theo phong cách báo chí chứ ít văn, nhưng tôi đọc thấy trong đó chất “văn” nhiều hơn “báo”. Liệu có khi nào lời bình luận mang tính chủ quan của tác giả ảnh hưởng tới cốt truyện hoặc cuộc sống của chính người trong cuộc không?

Văn nhiều hay báo nhiều còn tùy thuộc vào cảm nhận của người đọc. Nhưng về cơ bản tôi muốn diễn đạt một cách chân thực những câu chuyện nghe được từ studio. Một vài lời bình luận là cảm nhận cá nhân, có thể nó sẽ tác động tới người trong cuộc nếu như nó xuất hiện khi câu chuyện được phát sóng. Tuy nhiên, tôi chỉ đưa ra những cảm nhận đó khi mọi việc đã qua, đó là lúc tôi lắng lòng mình, khi trước mắt tôi không còn sắc đỏ của ngọn đèn on-air của phòng thu.

Lời tác giả

Có một điều mà những đồng nghiệp thường nói về anh là “Gã này thông minh lắm”. Phạm Trung Tuyến giàu ý tưởng và ngôn từ, nhanh nhạy với thời cuộc, đằng sau vẻ ngoài dường như chậm rãi. Anh là người, mà theo tôi, có rất nhiều bi kịch. Có lần tôi bình luận rằng anh không nên lắng nghe quá nhiều những câu chuyện bi kịch của thiên hạ, rồi chia sẻ, khuyên nhủ người ta, thế nào nó cũng vụn vào người là phải rồi. Phạm Trung Tuyến vẫn nói những câu ít lời như thường ngày “Anh không cho đấy là bi kịch mà chỉ là trải nghiệm và chứng kiến những điều đó sớm hơn người khác mà thôi.”

Người giáp dần lên tiếng

Người phương Tây xem chiêm tinh học theo vòng hoàng đạo. Trong 12 cung, Sư tử được coi là cung chúa tể. Người sinh vào cung Sư tử sẽ mang đầy đủ đặc tính của chúa sơn lâm. Còn người Trung Quốc và Việt Nam quan niệm hổ là một con giáp đặc biệt. Người mang con giáp này thường có đặc tính tương ứng chẳng? Chúng tôi có cuộc trò chuyện với 4 người nổi tiếng sinh năm Giáp Dần: Nhà văn Nguyễn Đình Tú, Nhạc sĩ Nguyễn Vĩnh Tiến, Ca sĩ Tấn Minh và Nhà thơ Trang Thanh. Họ sẽ chia sẻ những câu chuyện về cá tính và cuộc sống của mình.

Làm thế nào để phân biệt được người Giáp dần với những con giáp khác?

Nhà văn NĐT: Có lẽ những người chuyên nghiên cứu về tử vi tướng số sẽ thoả mãn được câu hỏi này chỉ trong vòng vài giây. Còn tôi, tôi tự phân biệt mình với mọi người rằng, tôi cao 1m68, nặng 68 kg, mắt hai mí, mặt quả lê và bụng thì đã bắt đầu phình ra mà không kiểm soát được...

Nhạc sĩ NVT: Nói chung đặc trưng về tuổi Giáp dần có lẽ là ở yếu tố hay “bắt nạt” hoặc “át vía” người khác. Có màu sắc của thiếu dân chủ nhưng bù lại có thể có những quyết định chính xác. Tài lẻ của người tuổi Dần (trong trường hợp của tôi), đó là khi không kiểm được môi, lơ mơ trong đám cỏ tranh thì bắt ngờ... sáng tác nhạc.

Ca sĩ TM: Chắc khác biệt lớn nhất là đây là con hổ, chứ không phải con mèo hay con chuột (cười). Nhưng theo chiêm nghiệm của tôi, thông qua cả những người bạn thì những người Giáp dần, dù là hổ vườn hay hổ rừng đều có phong cách rất đàng hoàng, giữ chữ tín, khái tính và ưa sự thẳng thắn.

Nhà thơ TT: Con giáp có lẽ chỉ là sự tượng trưng ước lệ, chưa hẳn là căn cứ để phân biệt người này với người khác. Hơn nữa trong giao tiếp thông thường, người ta ít khi đem tuổi ra để dựa vào đó mà tìm kiếm sự giống hay khác nhau giữa mọi người, thậm chí hỏi tuổi nhau còn được xem là điều tế nhị. Giống hay khác nhau là ở cá tính, quan niệm sống, sở thích... Một cặp song sinh được cho là giống nhau như hai giọt nước thì vẫn có điểm khác nhau từ ngoại hình đến tính cách, phẩm chất. Hai người cùng “Giáp dần” có thể có những điểm gần nhau ở tính cách, sở thích nhưng khó có số phận giống nhau. Tôi cho rằng nếu mỗi người đều là chính mình thì bản thân điều đó đã tạo nên những khác biệt căn bản rồi. Nếu tôi khác với người khác không phải vì tôi là một “con hổ” mà vì tôi là chính tôi.

Trong chiêm tinh học, người ta nói rằng người tuổi Dần tượng trưng cho sự uy quyền và tính liều lĩnh, thích mạo hiểm, thích làm những việc động trời để khiến mọi người phải chú ý tới. Tính cách đó có đúng với anh/chị không? Và việc động trời nhất trong cuộc đời mà anh/chị đã từng làm là gì?

Nhạc sĩ NVT: Có lẽ tôi là một “con hổ dân chủ” nên không thích sự uy quyền cho lắm. Tôi hơi hiền lành và thích đối thoại hơn là áp đặt. Còn liều lĩnh và mạo hiểm thì điều đó đã được thể hiện trong những đồ án kiến trúc của tôi rồi. Kiến trúc của tôi thường phải được chấp nhận bởi các chủ đầu tư liều lĩnh và mạo hiểm hơn tôi. Việc động trời nhất mà tôi làm chưa xảy ra, có thể nó sẽ là bản thiết kế một ngôi chùa gây tranh cãi chẳng? Tôi có cách lý giải riêng của mình về kiến trúc Phật giáo.

Nhà văn NĐT: Tôi không có uy quyền, cũng không có tính liều lĩnh, và chưa bao giờ thích mạo hiểm. Tất nhiên tôi cũng thích được mọi người chú ý tới nhưng nếu đó là kết quả của những việc làm động trời, thì việc động trời nhất trong cuộc đời tôi là viết văn.

Ca sĩ TM: Tôi tự nhận mình là hổ vườn bách thú, một con hổ bị nhốt sẽ không mạnh mẽ bằng hổ rừng, vì thế cuộc đời tôi cũng chưa có việc gì đến nỗi động trời động đất, nhưng nếu có thì tôi cũng giữ bí mật riêng cho mình. Tôi vốn hiền lành, điềm đạm nhưng chưa bao giờ biết sợ bất cứ điều gì và không dễ bị bắt nạt. Tôi không ngại việc khó và sẵn sàng vượt qua tất cả, sẵn sàng chấp nhận những điều xấu nhất xảy đến với mình cũng như luôn kiểm soát được việc

mình làm.

Nhà thơ TT: Tôi thấy tôi chỉ có cái “uy quyền” lớn nhất đối với chính mình là thoải mái... buồn, thoải mái... cô độc. Sự “thoải mái” ấy trong con mắt người khác đôi khi cũng được xem là “liều lĩnh” đấy. Liều lĩnh và mạo hiểm thì thường đi đôi với nhau, và nếu tôi có làm việc gì được gọi là “khiến mọi người phải chú ý tới” thì cũng đến viết văn, làm thơ là cùng. Khi mà tiền nhân đã cảnh cáo rằng “cơm áo không đùa với khách thơ” thì làm thơ vào thời buổi này có lẽ cũng là... liều, nhưng theo tôi việc đó chưa có gì đến nỗi “động trời”. Khi nào có khả năng làm việc gì đó “động trời” chắc tôi cũng phải giấu nhem đi thôi (cười).

Chiêm tinh học cũng nói rằng trong tình cảm, người tuổi Dần sôi nổi và mãnh liệt khiến chẳng cần phải cố gắng, anh ta/cô ta cũng có nhiều người theo đuổi. Vậy còn người tuổi Giáp dần thì sao?

Ca sĩ TM: Trước thì tôi cũng được nhiều người quý mến lắm. Nhưng khi quen vợ tôi thì lúc đó tôi vẫn còn trẻ trung, mới lớn nên hoàn toàn bị động (cười), cô ấy là người chủ động.

Nhà thơ TT: Tôi vốn là người trầm lặng, thậm chí u buồn nên có lẽ từ nay cũng nên sôi nổi và mãnh liệt lên để có được sức hút như vậy nhỉ. Và tôi sẽ chờ năm Canh Dần chính thức gõ cửa mùa xuân, xem có người nào “theo đuổi” đến gõ cửa nhà tôi hay không, hi hi...

Nhạc sĩ NVT: Tôi tưởng là ngược lại mới đúng chứ. Quả thật người tuổi hổ sôi nổi và mãnh liệt nhưng chẳng hiểu sao những cô gái đẹp chẳng bao giờ theo đuổi cả mà toàn hành động ngược lại thôi. Kết quả tình ái của tôi cũng không khả quan lắm đâu.

Nhà văn NĐT: Nếu tôi hiểu không lầm thì đây là một câu hỏi về tình yêu? Vâng, để tôi nghĩ lại xem nào, thời thanh niên đúng là có nhiều người theo đuổi tôi ra phết. Nhưng tôi lại cũng đuổi theo khối những người khác. Không, tôi nghĩ lại rồi, cái sự đuổi tít vòng quanh trong tình yêu này thì tuổi nào cũng thế thôi.

Chuyển sang công việc nhé, trong 5 năm trở lại đây, thành tựu nào của cá nhân khiến anh/chị cảm thấy hài lòng nhất?

Nhà thơ TT: Tôi in tập truyện ngắn (“Đá của trăm năm” - 2006) và tập thơ (“Bay lặng im” – Giải thưởng Lá Trầu 2008), tôi nghĩ mình liều thể cũng... tạm được rồi.

Nhạc sĩ NVT: Có lẽ đó là việc lọt vào Top 10 gương mặt trẻ tiêu biểu nhất Việt Nam 2005 và CLB 100 người gây ảnh hưởng nhất tới giới trẻ Việt Nam theo sáng kiến và đánh giá của Trung ương Đoàn. Về kiến trúc, tòa nhà hiện đại và đẹp nhất miền Trung BMC Tower 17 tầng do tôi thiết kế đã được khánh thành và đưa vào sử dụng năm 2009.

Nhà văn NĐT: Ra liên tục hai cuốn tiểu thuyết, “Nháp” và “Phiên bản”, vẫn liên tục tái bản, và liên tục nhận được phản hồi từ phía bạn đọc.

Ca sĩ TM: Tôi sống thanh thản, thoải mái và quan điểm là hơi đói một chút ăn sẽ ngon miệng hơn nên trong công việc, tôi không ham số lượng mà chỉ mong chất lượng. Tôi chinh phục khán giả bằng giọng hát chứ không phải bất cứ điều gì khác. Tôi làm việc cẩn trọng hết sức có thể để tỏ lòng tôn trọng những người yêu mến mình. Đó đã là một sự hài lòng. Tôi cũng coi sự yêu mến của mọi người là một sức ép để tiến lên.

Và trong năm con hổ sắp tới, Hổ sẽ làm gì để trả nợ cho Hổ?

Nhà thơ TT:: Tôi vừa viết xong cuốn tiểu thuyết cho thiếu nhi có cái tên ngộ ngộ là “Tí Chối”. Cuốn sách mang giọng điệu hoạt kê với cái nhìn “lật ngược mọi vấn đề” của cô bé Bống 10 tuổi có biệt hiệu Tí Chối (Chối Tí). Chẳng biết có nợ nần gì với Hổ mà tôi lại một lần nữa làm cái việc “liều lĩnh” này và nó sẽ được “trình làng” ngay trong Quý I của năm Hổ 2010 (NXB Kim Đồng). Nếu khả năng mạo hiểm vẫn còn hồi sức thì tôi sẽ tiếp tục viết văn xuôi cho thiếu nhi và có thể in tập thơ thứ hai vào năm nay.

Nhà văn NĐT: Đơn giản thôi, sẽ ra tiếp cuốn tiểu thuyết thứ 5. Đây là công việc. Nhưng công

việc này mang lại rất ít tiền bạc. Tôi đi xem bói các thầy bảo tôi sẽ kiếm ra nhiều tiền vào năm tuổi. Vì thế tôi đang có một vài dự định kiếm tiền khác trong năm con hổ tới này. Nhưng tôi không thể tiết lộ ra được, chỉ biết rằng đó là những công việc lương thiện.

Ca sĩ TM: Có những người quan niệm cứ năm tuổi thì phải tránh xa, cố gắng án binh bất động mà không làm gì cả. Nhưng tôi thấy rằng mình lại rất hợp với những năm mà người khác cho là xấu. Thậm chí năm “thái bạch mất sạch cửa nhà” tôi cũng chẳng nề hà. Dường như năm càng xấu tôi lại càng sung mãn. Năm nay tôi có dự định cho ra một CD mới. Mọi việc đang trong tiến trình nhưng có thể sẽ còn thay đổi nội dung nên tôi xin phép chưa tiết lộ trước.

Nhạc sĩ NVT: Năm tới tôi sẽ sang Nhật Bản vào cuối tháng 3 và hy vọng sẽ được gặp Arata Isozaki, kiến trúc sư Nhật Bản lỗi lạc, theo lời mời của Quỹ Văn hóa Nhật Bản. Bên cạnh đó là một cuốn sách mỏng đầu tay giới thiệu tác phẩm và triết lý kiến trúc. Còn về câu chuyện âm nhạc, đầu năm 2010 có thể L'espace sẽ giới thiệu một Mini Liveshow của tôi với 5 ca khúc hoàn toàn mới.

Nguồn: Thế giới mới – Tết Canh Dần

Nhà văn Phong Điệp: Tôi chọn kiểu số đông thứ nhất

Chỉ trong vòng 13 năm, nhà văn Phong Điệp đã cho ra đời 11 cuốn sách. Đó là một con số đáng nể với bất kỳ nhà văn nào. Phong Điệp viết nghiêm túc, thái độ với nghề rất nghiêm túc. Có lẽ đó là lý do mà Ban văn trẻ Hội Nhà văn VN đã lựa chọn các tác phẩm mới nhất của chị là “Blogger” và “Kẻ dự phần” cho buổi tọa đàm ngày 21/7/2009.

Chị là người viết nhiều và khỏe, không chạy theo thị hiếu độc giả số đông, và cho đến nay đã có một vị trí trên văn đàn. Tuy nhiên, hiện đang xảy ra một tình trạng đối với nhiều người viết là có tác giả được tất cả đồng nghiệp biết đến nhưng độc giả thông thường lại hầu như không đọc (nghĩa là các nhà văn đọc của nhau), trường hợp thứ hai là các tác giả được đông đảo quần chúng biết đến nhưng người trong nghề lại không biết, hoặc biết mà không muốn đọc. Chị hướng mình theo xu thế nào?

Liệu có thể dung hoà giữa hai xu hướng ấy không? Khi xuất bản các tập truyện ngắn tôi nhận được nhiều sự hồi âm từ bạn viết và giới chuyên môn. Khi ra mắt “Blogger” tôi lại nhận được rất nhiều hồi âm từ bạn đọc mà lâu nay họ có thể đã hoặc chưa từng đọc các tác phẩm của tôi. Thậm chí có những người đã lâu không đọc, thậm chí ít quan tâm đến văn học, nhưng họ đã đọc và thích thú với “Blogger”. Vì vậy tôi không biết nếu phải phân loại một cách rạch ròi thì tôi sẽ xếp hàng bên nào đây? Vậy thì xin đi từ quan điểm cũng như nguyên tắc làm việc lâu nay đó là tôi theo đuổi những ý tưởng sáng tạo của mình một cách rất ráo, không hoặc ít bị tác động bởi số đông. Những tác phẩm – có thể được số đông bạn đọc đón nhận, hoặc bị xếp vào loại “kén” độc giả thì tôi vẫn trung thành với quan điểm sáng tạo của mình.

Có rất nhiều nhà văn nói rằng “Tôi không cần số đông”, nhưng liệu tôi có nhầm không khi cho rằng bất kỳ người sáng tạo nào đều muốn đưa con tinh thần của mình được đông đảo quần chúng đón nhận. Còn ý kiến của cá nhân chị?

Cái này thì tôi nghĩ là chị đúng. Bất kỳ người sáng tạo nào cũng muốn tác phẩm của mình tìm được độc giả, chứ không phải chỉ là tác phẩm viết cho riêng tác giả. Và quan niệm “số đông” ở đây – cũng được hiểu rất khác nhau. Có những số đông đọc một cách kén chọn và nghiêm cẩn. Có những số đông đọc vì tò mò, vì trào lưu. Nếu lựa chọn – tôi đương nhiên chọn kiểu số đông thứ nhất.

Trong tiểu thuyết đầu tay “Blogger”, chị kỳ vọng điều gì vào nó?

Tôi mong muốn thay đổi thói quen thưởng thức tác phẩm văn học ở độc giả lâu nay là tâm thế chờ được ăn những món ăn đã được bày sẵn. Tôi mong muốn thay đổi cách kể chuyện theo lối chương hồi hay trật tự thời gian, hãy lớp lang rõ ràng mà chúng ta đã quen thuộc. Tôi mong muốn thay đổi những cách nhìn nhận khác nhau về hình thức một cuốn tiểu thuyết. Chừng ấy liệu có quá nhiều không?

Ở tập truyện ngắn “Kẻ dự phần”, là cuốn sách mới nhất của chị, có một sự thay đổi nào so với các tập trước không?

Tôi đề ra nguyên tắc viết cho mình là phải tạo được sự thay đổi, vận động ở những tác phẩm xuất hiện sau. Tôi từng xoá đi nhiều truyện ngắn mà mình nhận ra rằng đang lặp lại những cái đã từng viết. Tôi từng viết “Blogger” không dưới ba lần vì thấy nó giống với những cuốn sách khác ở cách kể chuyện, xây dựng xung đột... Còn với “Kẻ dự phần” - nếu nói sự thay đổi thì có lẽ ở cuốn sách này tác giả đã “nhập thể” hơn và cũng đàn bà hơn chăng?

Trong cuộc tọa đàm các tác phẩm của chị, có rất nhiều lời phê bình nhận xét. Chị ấn tượng nhất với lời khen nào và lời chê nào?

Tôi đã nghe rất chăm chú tất cả các ý kiến nhận xét phê bình. Tôi ngạc nhiên và thấy cảm động là nhà văn Bảo Ninh đã đọc một mạch và rất thích thú với cuốn tiểu thuyết “Blogger”. Còn ý kiến của nhà văn Phạm Ngọc Tiến về việc tôi chưa quan tâm xoáy sâu vào nhân vật Nó và Bé con – là ý kiến rất thú vị, gợi ý cho tôi trong cuốn sách tiếp theo. Cách “giải mã” tác phẩm của nhà phê bình Nguyễn Hoà và nhà văn Lê Anh Hoài cũng khiến tôi tâm đắc vì nó đã điểm trúng ý đồ sáng tạo của tác giả.

Có lời phê bình nào khiến chị cho rằng mình sẽ lấy đó để rút kinh nghiệm?

Vâng, có chứ. Ví dụ những ý kiến về thủ pháp láy, lặp có phần hơi lạm dụng trong “Kẻ dự phần” và “Blogger” được một số người đề cập là những ý kiến bổ ích cho tôi.

Nhắc đến Nguyễn Ngọc Tư là nhắc đến chất Nam Bộ đậm đà, Đỗ Bích Thúy là núi rừng với những con người thuần phác. Còn nếu được gọi tên phong cách của Phong Điệp, chị sẽ tự gọi phong cách đó như thế nào?

Thực ra việc định danh một tác giả nên dành cho các nhà phê bình. Người viết làm một công việc duy nhất là sáng tạo. Tôi có thể chia sẻ những mối quan tâm của mình trong sáng tác – đó chính là đời sống đô thị hiện nay đang đặt ra rất nhiều vấn đề cần người viết phải nhập cuộc và giải mã nó. Đây cũng là đề tài tôi đã và sẽ tiếp tục theo đuổi. Câu hỏi của chị, tôi xin dùng ý kiến nhận xét của nhà phê bình Văn Giá phát biểu trong cuộc tọa đàm để trả lời: Một phong cách văn chương hiện đại, gắn với đời sống đô thị và cách tân quyết liệt.

Kế hoạch sáng tác năm sau của chị?

Sáng tác với tôi luôn là những kế hoạch dài (cười). Tôi đang dự định viết một cuốn tiểu thuyết nữa. Chắc sẽ mất vài năm. Bên cạnh đó tôi vẫn viết truyện ngắn, truyện thiếu nhi và có thể là truyện kinh dị theo gợi ý của một số người sau khi đọc “Kẻ dự phần” và “Blogger”. Rất khó để nói rằng năm sau tôi sẽ hoàn thành (đại loại) 3 truyện ngắn hay một truyện dài, phải không chị?

Nguồn: Kinh tế Đô thị (2009)

Nhà văn Xuân Thủy với "Sát thủ Online"

Là một nhà văn ngành quân đội, Xuân Thủy là một cái tên hoàn toàn lạ lẫm với dòng sách bán chạy. Nhưng mới đây người ta nhìn thấy tên anh trên bìa một cuốn sách khá hấp dẫn, với tiêu đề mà thoạt trông đã biết nội dung của nó rất cập nhật và thời thượng: “Sát thủ online”. Là tiểu thuyết tham dự cuộc thi của NXB Công an nhân dân, “Sát thủ online” dường như là đề tài hình sự và an ninh mạng lần đầu tiên được khai thác một cách chuyên sâu.

Sau cuốn tiểu thuyết “Biển xanh màu lá” với đề tài tưởng chừng không thể xưa hơn được nữa, Xuân Thủy lại quay sang đề tài mới toanh rất thời thượng này. Có khó khăn lắm không với một nhà văn ngành quân đội?

Tôi nghĩ không có sự phân biệt nhà văn quân đội hay nhà văn dân sự. Làm mới một đề tài cũ cũng khó khăn chẳng kém tiếp cận với một đề tài mới. Mỗi nhà văn khi đã lựa chọn đề tài nào đều phải lặn ngụp với nó, dầm mình trong nó thì tác phẩm mới có thể chào đời. Đó là sự khổ ải quyền rũ chứa đựng niềm hạnh phúc nghề nghiệp. Tôi viết văn nhưng cũng đồng thời là một nhà báo, vì thế tư duy báo chí cũng phần nào chi phối đến tư duy văn học. Internet là một lĩnh vực khá “nóng” ở Việt Nam với tốc độ phát triển cao trong xếp loại của thế giới và khu vực. Nó tác động rộng rãi đến các đối tượng công dân trong xã hội đặc biệt là giới trẻ. Khi các báo đưa tin kỷ niệm 10 năm Internet vào Việt Nam tôi chợt nảy ra ý định viết một cái gì đó để đánh dấu cái mốc đáng chú ý này. Và “Sát thủ online” đã ra đời.

Nghe nói đã có một nhà biên kịch có ý định dựng “Sát thủ online” thành phim?

Cũng có một vài người đặt vấn đề chuyển thể thành kịch bản để làm phim nhưng tôi chưa trả lời chính thức. Điều tôi quan tâm nhất lúc này là phản hồi của bạn đọc sau khi sách đã phát hành, bởi “Sát thủ online” trước hết là một cuốn tiểu thuyết, hãy để nó sống đời sống của một cuốn tiểu thuyết đã. Còn việc chuyển thể thành phim làm được cũng rất tốt. Nếu có tiếng nói chung với nhà sản xuất thì tôi sẵn sàng để “Sát thủ online” đến với bạn đọc qua những tập phim truyền hình.

“Sát thủ online” liệu có phải là một cuốn tiểu thuyết trinh thám?

Có lẽ sẽ thất vọng cho ai nghĩ như thế. Tôi không xây dựng “Sát thủ online” như một tiểu thuyết trinh thám. Nếu như có gì đó cuốn hút ở “Sát thủ online” thì chắc chắn đó không phải là những pha chém giết giang hồ, những hồi hộp ngộp thở. Có nhiều cách để tạo sự ly kỳ, không nhất thiết cứ phải những màn đao búa, những cảnh rình rập thót tim, những kiểu hành xử xã hội đen... mới thu hút được bạn đọc.

Ý tưởng về nhân vật Hiệp sĩ đen được anh hình thành từ đâu?

Khó có thể nói nó hình thành từ đâu. Ban đầu tôi bị tác động và ám ảnh lớn với mật độ quá dày của các vụ án do trẻ vị thành niên gây ra trong môi trường Internet. Gần như ngày nào lật các trang báo giấy, báo mạng cũng có những vụ án kiểu này. Cho đến nay thì đó đã là một hiện tượng đáng báo động. Khi bắt tay viết “Sát thủ online” tôi có suy nghĩ rằng, nhân vật của mình phải là một cậu bé có thân phận thật ám ảnh. Nhưng nếu chỉ thế thì sẽ dễ bị rơi vào khiên cưỡng. Nhân vật cần sống đời sống của nó. Mọi chuyện còn lại là do cấu trúc của tiểu thuyết và mạch truyện dẫn dụ. Cuối cùng là sự ra đời của Hiệp sĩ đen.

Khai thác những phi vụ đen trên mạng, liệu đây có phải là một chiêu hút độc giả mới?

Chúng ta thường ngỡ ngàng trước những cái mới, thiếu bình tĩnh và bị sốc vì nó. Internet là một khu vườn mới lạ, hấp dẫn và kỳ bí. Mỗi người khi bước chân vào khu vườn không có hàng rào

có tên gọi Internet cần học cách ứng xử, học cả cách tự bảo vệ mình. Về mặt quản lý xã hội, cần xây dựng một luật chơi để vận hành tốt “ngôi nhà không chủ” này. Nhưng tôi nghĩ tốt nhất là mỗi bạn đọc “Sát thủ online” hãy tự tìm lấy một thông điệp cho riêng mình. Tôi không chủ động hút người đọc bằng cách như chị nói, nhưng nếu như mỗi độc giả đủ kiên nhẫn để đồng hành cùng những trang viết của tôi đến trang cuối thì có thể coi đó là “chiêu” hút độc giả cũng được. Điều quan trọng là “chiêu” đó có thành công hay không mà thôi.

Nguồn: Nông thôn Ngày nay (2010)

Lời tác giả

Khi tôi đưa bài phỏng vấn này vào tập sách thì cũng là lúc Xuân Thủy nhận giải nhất cuộc thi “Vì an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống” (2007-2010). Còn nhớ lúc đi dự trại viết ở Nha Trang, Xuân Thủy và Nguyễn Đình Tú cùng xoay tròn mỗi người trên một cái giường, khóa cửa phòng lại ngồi viết tiểu thuyết từ sáng chí tối. Có lẽ nhiệt huyết sáng tác ngùn ngụt làm vậy nên Xuân Thủy đã được giải nhất, còn Nguyễn Đình Tú được giải nhì cho “Phiên bản”. Nhà văn quân đội biết tin mình được giải thưởng và tin vợ sinh con trai khi anh đang bị “ách” lại trong bốn tháng tập huấn lớp Bồi dưỡng kiến thức quân sự ở Ba Vì. Thi thoảng mới được về thăm vợ con một lần. Thời bình mà xa xôi cách trở như thời chiến. Tôi vẫn đùa làm vậy và Xuân Thủy lại cười hì một nụ rất đặc trưng.

Phiên bản = Bạo lực + Sex?

Nhà văn Nguyễn Đình Tú vừa ra mắt cuốn tiểu thuyết thứ tư của mình - "Phiên bản". Sau cuốn tiểu thuyết bán khá chạy là "Nháp" với những chủ đề nhạy cảm thì "Phiên bản" dường như lại được coi là hơi đậm bạo lực và sex. Có vẻ như Nguyễn Đình Tú đang làm một cuộc cách mạng với chính mình.

Dường như anh không muốn cho độc giả đọc "bản chính" mà toàn là "Phiên bản" và "Nháp", có một điều rất thú vị trong việc đặt tên hai cuốn tiểu thuyết gần đây của anh. Ý tưởng nào vậy?

Nếu đã coi tiêu đề hai cuốn tiểu thuyết gần đây của tôi là thú vị thì tốt hơn hết bạn đọc hãy cầm nó lên và đọc. Gấp cuốn sách lại, mỗi bạn đọc sẽ tự tìm ra ý tưởng của tác giả, và tôi tin điều đó còn mang lại sự thú vị hơn gấp nhiều lần. Tôi chỉ muốn nói thêm một điều rằng, "Nháp" hay "Phiên bản" không dùng để chỉ một văn bản tiểu thuyết ở dạng "bản nháp" hay "bản phụ". Hãy đặt những cái tên ấy gắn với ý tưởng, bố cục, nhân vật và những thông điệp mà cuốn tiểu thuyết cần chuyển tải. Như thế, vấn đề không còn nằm ngoài rìa của tác phẩm nữa, mà đã bắt đầu chạm đến nội dung của tiểu thuyết.

"Phiên bản" nhiều sex và bạo lực, mà trong khi đó Nguyễn Đình Tú từ trước đến giờ dường như không mấy gai góc theo cách ấy?

Có người còn đưa ra công thức rằng: "Phiên bản" = bạo lực + sex. Nói như thế e có phần hơi quá lời. Thực ra những gì trong "Phiên bản" chỉ dữ dội như chính cuộc đời này mà thôi. Phiên bản là cuốn tiểu thuyết thứ 4 của tôi, đương nhiên nó phải khác những cuốn trước, điều đó không chỉ là đòi hỏi của riêng tác giả mà chính là để đáp ứng những đòi hỏi khó tính của số đông độc giả đấy chứ.

Có người nói rằng anh quá "sốt ruột" với những cuốn sách bán chạy gần đây nên quyết tâm khiến sách của mình phải trở thành hàng hot và dường như anh đã làm được điều đó. Những cuốn sách của anh trong hai năm vừa rồi có "công thức" không vậy?

Chẳng có công thức nào cả ngoài một suy nghĩ như thế này: Hãy chạm đến vấn đề mà bạn đọc quan tâm ở thời điểm hiện nay. Ở "Nháp", đó là chuyện những sinh viên loay hoay đi tìm lẽ sống của đời mình, chuyện ngoại cảm, chuyện hôn nhân khác chủng tộc, chuyện văn hóa tính giao thời hội nhập, chuyện đồng tính... Còn ở "Phiên bản" là thế giới tội phạm đang hiện diện hàng ngày. Những vụ án lớn như Dung "hà", Minh "sút", Năm Cam từng gây xáo trộn xã hội, khiến dư luận bàng hoàng, sửng sốt. Tại sao nhà văn lại không đi vào những biến cố đó của đời sống xã hội để mà lý giải, cắt nghĩa? Lặn vào đời sống và trình ra những gì mình cảm nhận dưới một hình thức nghệ thuật nhất định thì đời sống sẽ đón nhận tác phẩm của mình thôi.

Tự anh đánh giá thì "Phiên bản" có gì khác biệt so với những cuốn tiểu thuyết trước của anh?

Khác rất nhiều, bạn đọc sẽ không còn gặp những nam nhân vật chính, cũng không có những kiểu nhân vật như sinh viên, nhà báo, người lính, cha cố, sư sãi, nhà ngoại cảm hay những trang văn hiền lành được bố cục một cách chẵn chu, kín kẽ nữa. Một thế giới mới mà người ta quen gọi là thế giới ngầm sẽ hiện lên trong "Phiên bản" cùng một bố cục mới và một giọng văn mới, tất nhiên chất chứa trong nó là những ý tưởng mới.

Vâng, nhân vật chính lần này là một nữ tướng cướp, với nhiều phiên bản trong một cuộc đời, anh có cảm thấy khó khăn khi miêu tả một cuộc sống đối nghịch trong thế giới ngầm?

Tôi từng có thời gian công tác trong một cơ quan bảo vệ pháp luật nên không mấy khó khăn khi tiếp cận thế giới tội phạm. Tuy nhiên cái khó là làm sao tiểu thuyết hóa được cái thế giới tưởng như rất xa lạ và bí hiểm này để mọi người nhận thấy thế giới đó chính là thế giới chúng ta đang sống, ở ngay bên cạnh ta, trong chúng ta và từng làm chúng ta kinh hãi nhưng lại ít dành những khoảng thời gian ngắn ngủi để nghĩ về nó.

Đọc tiểu thuyết của anh người ta dễ liên tưởng đến giới giang hồ Hải Phòng. Trong đời thực, tội phạm ở vùng đất này luôn khiến người ta kinh sợ. Anh cũng sinh ra ở vùng đất ấy, và anh muốn

lý giải về những “dị bản” này chẳng?

Tiểu thuyết không đề cập địa danh hay con người nào cụ thể ở ngoài đời. Nhưng chị vẫn nhận ra vùng đất mà tôi muốn nói tới chứng tỏ hiện thực tiểu thuyết không quá xa lạ đối với người đọc. Có nhiều lý do để tôi bắt tay vào viết cuốn tiểu thuyết này. Thường thì nhà văn bắt đầu tác phẩm của mình từ những ám ảnh. Mảnh đất và con người quê tôi để lại trong tôi nhiều ám ảnh, trong đó có cái gọi là "đặc sản giang hồ Hải Phòng". Khi mọi thứ đã chín muồi thì tôi viết. Và tôi hy vọng là nó chạm được vào sự đồng cảm của nhiều người.

Liệu anh có thiên vị và ưu ái chút nào với nhân vật nữ chính trong truyện là bà trùm của một thế giới ngầm không?

Nếu hiểu thiên vị ở đây là dành những trang văn thật đẹp và xúc động cho nhân vật chính thì có đấy. Nhưng ưu ái đến mức áp đặt một kiểu lý giải nào đó về con người thì không. Ngay cái tên cuốn tiểu thuyết đã nói lên rằng, nhà văn bất lực trước việc lý giải Con Người nên mới phải trình ra những phiên bản khác nhau để hy vọng tiệm cận được Con Người đầy thôi.

Nhà văn Ma Văn Kháng có nhận xét rằng “Phiên bản có một cốt truyện hay”. Anh nghĩ gì về lời bình luận đó của một nhà văn đi trước?

Nhà văn Ma Văn Kháng còn bình luận nhiều điều nữa sau khi ông đọc bản thảo “Phiên bản”. Tuy nhiên khi ông khen “Phiên bản” có cốt truyện hay thì tôi hơi bất ngờ và cảm thấy thích thú vì cốt truyện này hoàn toàn do tôi hư cấu lên, không có sẵn ở ngoài đời để mà "nhặt" vào tiểu thuyết. Với nhận xét này của nhà văn đi trước Ma Văn Kháng, tôi sẽ tự tin hơn để tiếp tục hư cấu lên những cốt truyện mới.

Nguồn: Tiền Phong (2009)

Lời tác giả

Nguyễn Đình Tú, không hiểu sao, có thói quen trò chuyện tỉ tê, rủ rủ, tâm tình rất giống... phụ nữ. Có lẽ vì thế mà chị em nào cũng thích trò chuyện với gã nhà văn ở Nhà số 4. Có người bảo muốn chuyện gì được nổi tiếng, cứ nói cho Nguyễn Đình Tú biết, đảm bảo chỉ đến chiều tối là tin đi khắp cả nước. Chẳng hiểu có đúng thế không nhưng tôi thấy ít ra với cái chức trưởng ban văn xuôi của một tạp chí ngành quân đội, gã nói năng cũng kín kẽ đi nhiều. Nếu quả thật gã có tật thích buôn dưa lê mà cứ phải nói năng cẩn thận thế chắc cũng lấy làm khổ sở lắm.

Trong nụ cười lặng lẽ

Nguyễn Quang Hưng cho đến giờ vẫn trịnh trọng gọi tôi là “cô” xưng “em”, chỉ là vì tôi có dạy một khóa học tiếng Anh giao tiếp cho lớp nghệ sĩ được tổ chức bên khoa Lý luận-Sáng tác-Phê bình, trường ĐH Văn hóa Hà Nội, mà nhà thơ Nguyễn Quang Hưng là... lớp trưởng. Lớp học này do một lần nhà văn Lê Anh Hoài than phiền rằng tiếng Anh kém quá, rất bất tiện trong giao tiếp, cản trở cơ hội và sự nghiệp, mới nhanh chóng hô hào được các anh chị em nhà văn, nhà thơ, nhà báo, nhà phê bình, nhạc sĩ, họa sĩ, nhiếp ảnh gia... tham dự, cũng tới vài chục người. Lê Anh Hoài chủ trì, đưa ý tưởng, đi học được buổi rưỡi. Sau 9 tháng, lớp rơi rụng dần, cuối cùng còn lại mỗi ba người, trong đó có nhà phê bình Văn Giá, trưởng khoa, chịu trách nhiệm cơ sở vật chất hậu cần và lớp trưởng Nguyễn Quang Hưng.

Lớp toàn văn nghệ sĩ nên các học viên lắm tài, hàng tuần kết thúc buổi học lại tổ chức đàn ca sáo nhị. Các học viên đều già bằng cô giáo, nhưng đàn hát pha trò nhốn nháo vẫn rất học trò. Những lúc ấy, Nguyễn Quang Hưng ngồi lặng lẽ, chỉ tham gia màn văn nghệ bằng chất giọng ấm áp. Nhìn khuôn mặt già dặn, phong cách điềm đạm, nói năng chừng mực, tôi ách chừng Hưng hơn tôi dăm bảy tuổi. Sau biết nhà thơ lớp trưởng sinh năm 1980, tôi cũng tá hỏa. Tôi bình luận câu ấy với nhà văn Cấn Văn Khánh, cô bảo “Trông Hưng trẻ không ấy mà!”. Bảo biết bao nhiêu tuổi mà trẻ. Khánh kêu “Sinh năm 75 chứ mấy!”. Thuật lại chuyện vô duyên ấy với Nguyễn Quang Hưng, Hưng cũng chỉ cười mủm mĩm, nụ cười mủm mĩm tưởng đâu chừng không ngoại cảnh gì tác động nổi mà tôi đồ rằng nếu có ngày nhận được giải Nobel thì Hưng cũng chỉ mủm mĩm như thế.

Sự già dặn, trầm tĩnh và sâu sắc so với tuổi của Nguyễn Quang Hưng không phải chỉ ánh qua nét mặt, hành vi, mà “ngấm” cả vào sở thích. Thời nay không còn mấy người trẻ thích quan họ và để ý những nét văn hóa hoài cổ, ấy thế mà nhà thơ Nguyễn Quang Hưng mê những giai điệu miền Kinh Bắc như phải bùa, mà lại mê từ thuở đôi mươi. Hưng hát hay, hát cả nhạc Trịnh, cả tiền chiến và quan họ. Công chúng ai yêu cầu thể loại gì sẽ hát nấy. Có bận giao lưu với sinh viên tại trường đại học, khán giả yêu cầu Nguyễn Quang Hưng hát. Chẳng cần nhạc phách phụ họa, Hưng hát bài “Lúng liếng”, quan họ Bắc Ninh. Hát mộc, loa kém, mic rề, ấy mà cả sân trường cùng lúng liếng với chất giọng rền và nẩy của nhà thơ. Sinh ra ở Hà Đông, nơi một bước ra phố, nửa bước vào làng, chứ đâu phải lớn lên cùng bãi lúa nương dâu đôi bờ sông Đuống của thi nhân Hoàng Cầm mà không gian Kinh Bắc tưởng tượng vẫn lung linh qua những “tóc mưa mây khói mái làng”. “Lúng liếng tháng Giêng, Mười Ba hóa khói/Ngõ làng quay quắt mưa rơi” để rồi day dứt “Quan họ ơi mưa sa lưng đồi...”. Không gian miền quê Bắc Bộ với mái đình, ngõ nhỏ đâu đâu cũng thấy. Hưng nói rằng quê ngoại anh – làng Tả Thanh Oai ở Thanh Trì – Hà Nội, nơi anh hay về và những làng quê Kinh Bắc anh đã đến cũng không khác nhau nhiều ở sự lưu giữ bền lâu những trầm tích văn hoá. Mà có lẽ chẳng câu dân ca quan họ ngấm vào nhà thơ trẻ tự lẽ nào để hồn thơ bay đi “rải cát Tiên Dung đôi bờ Thương Đuống” để mãi “mơ đêm mưa chợ vải làng Nành”.

“Mùa Vu lan” là tập thơ mới nhất của Nguyễn Quang Hưng, vấn vơ, đắm say, ngơ ngẩn, da diết cùng lễ hội, chợ phiên, quán nước, môi trầu; mơ hồ cõi dương gian quyền hòa kinh kệ. Vậy mà ở đâu cũng thấy chữ tình. “Tình” lảng đàng sương khói trong chốn mê, “Tình” mồi mòn “treo câu mạn thuyền”, “Tình” hiu hắt “nửa giường, nửa chăn, nửa chiếu”, và cả “Tình” ghen qua vị khế chua của những người chị. Trước khi ra mắt “Mùa Vu lan”, Hưng “dọa” sắp phát hành một tập thơ toàn... chị. Tưởng đùa thế, mà “Mùa Vu lan” có hẳn một phần mở đầu mang tên: Chị tưởng tượng, là những bài thơ tình dành cho “Chị”. Người làm thơ biết có tưởng tượng hay không mà da diết thế, từ lúc “Chị lớn... Tóc xanh đậm nắng/ Phố chợ bật vắng/ Nhìn đâu cũng đỏ Giao thừa”, cho đến lúc “Chị đi... thì thụt đường mưa/ Đuôi mắt nghiêng mùa núi đổ/ Lá xoáy thủng trời”, để cuối cùng “Chị về... Đường xưa lạ quen/ Bập bõm lối đầy tiếng trẻ”. Chị về mà đâu đã thấy vui. Lối đầy tiếng trẻ mà nghe sao buồn lặng...

Tôi vừa tuyển chọn một tập 99 bài thơ tình theo đơn đặt hàng, thấy khó khăn quá khi tìm những bài tình của người viết trẻ. Giờ người ta viết tình ít đi rồi, phần nhiều chỉ để ý đến cách tân và thi pháp. Tình gì thì tình vẫn cứ phải cách tân và hậu hiện đại. Thơ Nguyễn Quang Hưng

cứ giản dị như thế, thể như nghĩ gì nói nấy, đau đau, da diết và rung rung, tự bản thân xúc cảm đã là thi pháp. So với tập đầu tay “Vườn ánh sáng” in năm 2008, “Mùa Vu lan” giản dị hơn, có lẽ bởi tuyển tập in sau nhưng lại bao gồm những bài thơ viết trước “Vườn ánh sáng” gần bảy năm. Tôi vẫn cứ cho rằng, khi mới viết, người ta hay làm dáng, hay phô diễn kỹ thuật, hay cố tình triết lý, hay gồng mình lên để dàn xếp cảm xúc. Rồi đến một chừng mực nào đó, người viết sẽ tự khắc đi vào quỹ đạo của sự chân thực và giản dị, bởi suy cho cùng, đỉnh cao nghệ thuật cũng chính là sự chân thành của cảm xúc và sự giản dị của bút pháp, sự giản dị chất lọc từ những tinh túy nhất của trải nghiệm sống và viết. Nhưng có lẽ đối với “Mùa Vu lan”, quan điểm của tôi đã bị lật ngược. Những bài thơ viết từ rất sớm trong “Mùa Vu lan” giản dị và quyến rũ như một làn điệu dân ca xứ Bắc, càng nghe nhiều mới thấy thấm, thấy óng ả. Hình tượng “chị” xuất hiện khá nhiều trong thơ Nguyễn Quang Hưng, và mặc dù tác giả phủ nhận rằng chẳng có “tình chị” thật nào ở đây cả, chỉ là tưởng tượng để lấy cớ làm thơ mà thôi, cái cớ từ cảm xúc hư ảo dành cho những người bạn nữ lớn tuổi hơn. Nhưng tôi đồ rằng, nếu không già dặn trong tư duy, những “hư ảo” đó không thể sâu sắc đến thế. Hưng cũng công nhận rằng từ lúc mới độ đôi mươi, bạn bè của anh phần nhiều là những ông chú, ông bác gấp đôi, ba lần tuổi. Tư duy “vượt cấp” khiến ngay từ khi rất trẻ, người ta cũng có thể đối thoại được với những người có quỹ thời gian trải nghiệm gấp đôi mình.

Nguyễn Quang Hưng chỉ làm những điều mình thích, có lẽ đó là nguyên tắc tối thượng, chứ không gán nó với danh và lợi. Yêu những điều hoài cổ, đam mê những giá trị di sản văn hóa phi vật thể, Nguyễn Quang Hưng ôm luôn cả lĩnh vực sân khấu. Kịch bản cho vở chèo đầu tay “Giấc mộng vàng” đã lên sóng VTV1 năm 2007. Tiếp đó, kịch bản sân khấu hoá “Hơi thở của nước” do anh là đồng tác giả đã được trình diễn và truyền hình trực tiếp trong Festival Huế 2010. Tiếp xúc với Nguyễn Quang Hưng, quan sát sự điềm tĩnh của anh, cứ ngỡ rằng không biết điều gì có thể khiến con người này nổi giận. Rồi tôi cũng định viết chân dung Nguyễn Quang Hưng như thế, một người chỉ mồm mỉm, tốt bụng, chừng mực đến khó tin mà theo lời nhận xét hài hước của một nhà thơ nữ đồng nghiệp, thậm chí nếu giờ có một cô gái xinh đẹp nào đó đến tận nơi ngõ lời thì “Sau một vài giây xốn xang, choáng váng lúc ban đầu, Nguyễn Quang Hưng sẽ kịp định thần lại, tay vuốt mái tóc húi cua, lùi lại mà bảo – Thôi em ạ, rồi chúng ta cũng chẳng đi đến đâu!”. Nhưng sự quan sát của tôi cũng đôi khi nhầm lẫn. Những tưởng con người của thi ca trầm lắng, quen chịu đựng, người từ bé xa lạ với trò chơi đánh trận giả bạo lực của tụi trai nít hàng xóm mà chỉ thích chơi nhà cửa, búp bê, sẽ mặc cho sự đời biến chuyển thế nào cũng đành. Song Nguyễn Quang Hưng là người quyết liệt, đứng trước sự khó chịu và xúc phạm, thay vì phản ứng âm ỉ, anh chỉ im lặng quay mặt đi, và mối quan hệ đã cắt đứt thì rất khó lòng quay lại. Chứng kiến sự này, tôi hơi lạ. Có những gã ngang tàng ngay từ vẻ bề ngoài, hành tung bất cần thế nào cũng không đáng kinh ngạc, nhưng thi nhân dịu dàng, da diết là thế. Viết nhiều thơ tình, nhưng ngay cả đối với chữ tình, cách ứng xử của một gã trai mê điệu dân ca cũng khác. Thời đại học, có đợt Nguyễn Quang Hưng viết vài chục bài thơ tình chỉ để tặng cho một bóng hồng, rồi hàng chục vần thơ tặng cho hàng chục bóng hồng khác, có nhiều bài viết tặng mà lại... không gửi. Hỏi sao lại thế. Hưng bảo chẳng biết lúc ấy làm sao mà cứ mang tâm trạng kiêu hãnh, bất cần của một gã trai mới lớn khi mà “Chỉ có ta gặm nhấm nỗi đau khổ này một mình mà không cần em phải biết”.

“Mùa Vu lan” ra mắt vào thời điểm không phải Vu lan, cũng chẳng bài nào trong tập mang tên “Mùa Vu lan”. Nhưng có lẽ cái không gian ma mị, mơ hồ sương khói, ngập tràn day dứt, da diết, rung rung và tiếc nuối của một mùa Vu lan cách trở đã bao trùm cả tập thơ ngay cả ở những bài miêu tả lễ hội. Hồi tháng 9 năm 2011, tôi và Nguyễn Quang Hưng đều có mặt tại Hội nghị Những người viết văn trẻ tốt chức ở Tuyên Quang. Ngày cuối cùng, chúng tôi cùng 20 đại biểu khác lên một chiếc thuyền du ngoạn trên hồ Núi Cốc. Thật không may mắn, mới ra giữa hồ được mười phút, đất trời bỗng nổi gió mịt mù, mặt hồ dậy sóng, nước mưa xối xả tạt rát da thịt những hành khách đang lênh đênh trên con thuyền gỗ chòng chành, chao đảo. Người cuống quýt mặc áo phao, người liên tưởng đến những vụ lật thuyền lịch sử từng diễn ra trong lòng hồ sâu hút, người tranh thủ chụp nốt những tấm ảnh để lưu lại khoảnh khắc hiểm có, người pha trò cố át đi sự bực mình trong một chuyến đi lẽ ra đã rất vui vẻ. Cả thuyền nhộn nhịp, nhốn nháo, ồn ào, náo loạn. Nguyễn Quang Hưng vẫn ngồi yên vị chỗ cũ, lặng lẽ, không nhớ rõ có cười mỉm mỉm hay không, cứ như thể chuyện trước mắt đang chỉ là một lễ hội mơ

hồ trong giấc mộng. Sau khi thuyền dạt vào mé một hòn đảo nhỏ lúp xúp những bụi cây dại để tránh gió chờ trời êm bể lặng cập bến an toàn thì Nguyễn Quang Hưng mới nói hải hước “Tuồng phải được dạt vào một hòn đảo hoang nào đó chứ”. Nhưng ngay sau chiều hôm đó, khi về đến nhà, anh đã viết ngay bài “Một tiếng gọi”, vẫn với âm hưởng ma mị, lãng đãng khói sương, day dứt, da diết, rưng rưng và tiếc nuối trên từng giai điệu thơ của một người thi sĩ luôn ám ảnh bởi những nỗi niềm hoài niệm.

Và ngủ lại dưới nước

Mặt hồ khép như chưa từng

10 năm người người trên bờ đi mãi miết

Ngồi trên lá gió gió chờ đợi

20 năm không thấy mình lên

Chợt thấy quá lâu rồi!

...

Hoa cúc vẫn thay dưới rèm

Nước như mắt con lớn lên trong suốt

Mùa mùa cha theo mưa quanh nhà

Gọi tên con rả rích

Đứng trên vòm cây nhìn con khóc

Có lần tôi bày tỏ cái sự lo lắng trước nỗi biết đâu sẽ có ngày chẳng còn ai đọc thơ, làm thơ nữa, rồi thì ca sẽ dần dần biến mất. Giờ ngay cả ở những xứ sở của Byron, của Goethe, của Pushkin, công chúng cũng đâu còn muốn mua thơ nữa. Đáp lại nỗi “lo xa” này, tôi nhận được sự lạc quan tràn đầy của chàng thi sĩ, khi anh khẳng định rằng thơ ca có vị trí riêng của nó và sẽ trường tồn. Ngày thơ Việt Nam lần thứ 9 tại Văn Miếu, tập thơ “Vườn ánh sáng” được trưng bày tại quầy thơ. Thấy kể lại có người muốn mua sách mà tác giả lại chạy đuổi theo để... trả lại tiền. Nguyễn Quang Hưng giải thích rằng “Lần vừa rồi tôi lại không muốn bán nữa mà muốn tặng cho những ai thích. Một số cô chú cầm xem, trò chuyện mấy câu và ngỏ ý muốn mua, có người tôi hỏi sao muốn mua thì họ bảo họ thích. Nhưng tôi đều tặng. Khi đang chuẩn bị ghi tặng anh Nguyễn Xuân Diện thì “phát hiện” nhà thơ Vân Long xem một cuốn rồi chắc không nhìn thấy ai đứng đó bán, ông cầm cuốn ấy, đặt tiền xuống và đi. Tôi phải chạy theo gửi lại ông bằng được. Tôi nghĩ bán hay tặng đều giản dị thôi, năm nay có thể bán, năm sau tặng rồi năm sau nữa lại bán cũng là điều bình thường.” Chuyện hi hữu này chỉ bắt gặp ở người yêu những điều muôn năm cũ.

Nguồn: Văn nghệ (2012)

Tôi sẽ chọn tình yêu

Nhà thơ Vi Thùy Linh nổi tiếng với nhiều tập thơ, trong đó có tập thơ đắt nhất Việt Nam, các cuộc trình diễn thơ có sự tham gia của nhiều giới nghệ thuật, những chuyến lưu diễn ở châu Âu và cả những lời phát biểu hết sức thẳng thắn “không biết sợ”. Sau chuyến lưu diễn ở 7 thành phố Paris, Toulouse, Varsava, Prague... hồi tháng 12 năm ngoái, Vi Thùy Linh đã trở về và bận rộn với một số kế hoạch mới. Trong cuộc trò chuyện này, chị đã chia sẻ câu chuyện về quan niệm nghề và cuộc sống.

Chúng ta nói chuyện hơi ngược một chút nhé. Vi Thùy Linh là người có nhiều kế hoạch thú vị, chị chia sẻ kế hoạch gần nhất của mình đi.

Trong lời tựa tập thơ “Phim đôi-Tình tự chậm” và chương trình “Tháng 4 Link” năm ngoái tôi có hẹn sau một năm nữa sẽ ra mắt tập văn xuôi đầu tiên, do tôi kém tháo vát và tổ chức thời gian nên tập sách không kịp ra mắt vào tháng 4 này, chắc sang đầu tháng 6 vì tôi phải nhờ các họa sĩ tên tuổi minh họa và thiết kế cuốn sách thành giai phẩm. Tôi muốn mỗi cuốn sách của tôi đều phải sang trọng. Tôi cũng hy vọng sẽ làm được một đêm ra mắt sách chưa từng có tại Nhà hát Lớn, nơi được coi là thánh đường nghệ thuật ở Việt Nam. Nhiều người nói rằng tôi thích gây sự chú ý, ai chẳng thích nhưng mấy ai làm được. Truyền thông là sức mạnh. Tôi không nói dối hay nói sai về những việc mình làm, tôi là ai thì tôi mới mời được những nghệ sĩ lớn chứ. Trong lễ ra mắt sách của tôi sẽ xuất hiện 15 nghệ sĩ nổi tiếng nhiều loại hình. Nhạc sĩ Nguyễn Cường sẽ chơi cello, nhà sử học Dương Trung Quốc chơi clarinet. Tôi thách ai mời được họ và chờ đợi đồng nghiệp sẽ làm được một đêm như tôi ở Nhà hát Lớn. Tôi luôn muốn hướng tới những gì độc và lạ. Thương mình những lúc long đong đi lấy tài trợ và mong muốn được tưởng thưởng cho mình trong một bữa tiệc nghệ thuật như thế. Chứ mình đâu có tiền mà mời họ. Người ta lại cứ bảo tôi lôi người khác vào để làm sang. Tôi là người rất thích sang. Điều đó thì có gì sai? Sách của tôi chỉ có giá 300.000 trở lên. Tôi không cần những độc giả chê sách của Vi Thùy Linh đắt, khi chưa cầm trên tay.

Chị mới chỉ nhắc đến hình thức mà chưa nói gì tới nội dung của cuốn sách?

Tôi sẽ đưa ra một thi pháp mới về tùy bút. Tiếp đến tôi sẽ cho ra một cuốn truyện về tuổi thơ và một tập chân dung.

Có lần lật lại một tờ báo cũ, tôi thấy chị nhắc đến kế hoạch viết tiểu thuyết, kịch bản phim truyền hình và hôn lễ vào hai năm sau. Tính theo thời điểm tờ báo đó phát hành thì lẽ ra kế hoạch của Vi Thùy Linh đã phải được thực hiện vào năm chị 28 tuổi?

Những gì tôi vừa trả lời là kế hoạch chính xác, còn những thông tin kia chỉ là dự kiến chứ tôi đâu có nói chính xác về mặt thời gian. Tôi đã đổ công sức 16 năm cho thơ và bây giờ là lúc tạm dừng lại, dành thời gian cho văn xuôi. Tôi tin rằng mình có thể viết được nhiều thể loại. Kịch bản phim và tiểu thuyết sẽ làm sau khi tôi sinh con, năm 2013 hoặc 2014. Đây là kế hoạch không thay đổi. Ít nhất 5 năm nữa, khi mà độc giả thực sự hồi thúc thì tôi mới sáng tác thơ trở lại. Nếu độc giả muốn chờ tập thơ tiếp theo thì ít nhất phải sang năm 2017.

Và còn...?

Chị lại nhắc đến kế hoạch lấy chồng của tôi chứ gì. Không phải tôi không bước qua được các kế hoạch đã đặt ra. Tôi không tin lắm vào số phận, mà cũng cần phải có nhân duyên. Tôi có thể hết mình cho một tình bạn, song chỉ làm tôi tổn thương về nguyên tắc đã thống nhất thì tôi không thể chấp nhận được. Trong tình yêu thì càng như vậy. Một tình yêu đích thực và sâu sắc là phải muốn có nhau, là hôn nhân, cộng sinh và những đứa con. Tôi chưa bao giờ hứa cái gì với công chúng về hôn nhân nên rất có thể có một sự biến động nào đó xảy ra thì sao. Không biết

việc tôi lấy chồng hay chưa có làm “ảnh hưởng” ai không mà điều này nghiêm nhiên trở thành một đề tài bàn luận. Tôi có rất nhiều thứ sớm, sự nghiệp sớm, thành danh sớm thì cũng phải có một thứ muộn màng chứ. Có nhiều người bình luận rất móc máy rằng hay là chú rể đã biến mất. Giờ thì tôi lại nghĩ rằng cuộc sống của tôi như thế này thật tuyệt vời. Liệu tôi còn có thể đi nhà hát và đi xem phim nữa không, tôi có thể bỏ hết sáng tạo để hy sinh ba năm cho việc sinh con hay không. Tôi không thể làm nhiều việc một lúc hay làm nhanh được. Như nhà thơ Nguyễn Hoàng Đức mỗi tháng ra một trường ca thì tôi chịu. Tôi đồng ý với câu cách ngôn, rằng một nghệ sĩ trước 35 tuổi không khẳng định được sự nghiệp thì đừng cố nữa. Một nghệ sĩ mà nhòe nhoẹt trong dàn đồng ca thì đừng tiếp tục nữa.

Và chị đã thành danh trước 35 tuổi đấy thôi?

Tôi đã mất cả tuổi trẻ cho văn chương một cách tự nguyện nên tôi có kêu ca gì đâu. Đó chính là thành quả và sự đền đáp. Cuối năm nay tôi sẽ kết hôn. Người chồng của tôi chắc chắn phải thông minh và con nhà dòng dõi. Tôi rất mất cảm tình với những người lấy chồng lấy vợ sớm. Tuổi thanh xuân là phải được đi nhiều, phải được hiểu biết. Chứ chưa trải nghiệm, mở mang đã vội kết hôn rồi cứ loanh quanh với các nghĩa vụ giằng xé sớm quá thì còn làm được việc gì nữa.

Chị quan niệm điều gì tạo nên sự định danh cho người sáng tạo, là tôi nhắc đến danh thật ấy. Giải thưởng, sự đánh giá của giới phê bình, công chúng, số lượng sách bán chạy, mức độ quan tâm của giới truyền thông hay phải là hội viên Hội Nhà văn VN?

Điều tôi hạnh phúc nhất là sự trân trọng của các bạn nghề chứ không phải của công chúng nhất thời. Sự tăm tối của đám đông thuộc về những nhân vật gây ồn ngoài chuyên môn trên mạng một cách lá cải, rẻ tiền. Tinh tú luôn thuộc về số ít. Còn các nhà phê bình ư? Chúng ta đâu có nền phê bình văn học. Trong giới nghề, mặc dù đổ kị nhưng họ không thể không nhắc tới tôi.

Tại sao chị lại luôn nghĩ người khác đổ kị mình?

Không nghĩ, mà là không bận tâm, vẫn bị sự thực hiềm tị dai dẳng. 80% người dân Việt Nam là nông dân, căn tính nông dân và văn hóa làng có cả trong những người sinh ra, sống lâu ở thành thị. 16 năm sáng tác thì 12 năm tôi liên tục gặp sóng gió và bị dựng chuyện. Người Việt Nam rất hiếm khi biết “nâng” người khác. Và giới mà tôi kính sợ nhất chính là giới văn chương, là nơi mà phản ánh rất rõ tính tiểu nông, hần học, đổ kị. Trong Hội Nhà văn thì số lượng nhà văn nam đông hơn nhà văn nữ, mà đến ba phần tư là cấp độ đàn bà.

Vậy chị có đổ kị với ai bao giờ không?

Không. Chỉ có điều nếu tôi chơi với ai thì người đó phải “xếp” tôi ở vị trí riêng, chứ không được đưa tôi vào “hợp tác xã toàn cảnh”. Tôi là một trong số rất ít những người trong giới văn nghệ có khả năng liên tài. Đã liên tài thì không thể có chuyện đổ kị được.

Trong giới thơ trẻ, chị đánh giá cao ai không?

Thơ của Đỗ Doãn Phương được về mặt ý tứ chứ chưa dung công lao động chữ. Thơ Nguyễn Quang Hưng nhiệt thành và có tính thiện cùng sự trong trẻo, điều hiện không có nhiều. Dù thơ Hưng có hơi nệ cổ, nếu đầu tư hơn về mặt kỹ thuật và cấu trúc, sẽ cuốn hút hơn, sẽ có hơi thơ, sẽ đi được nhiều và lâu hơn. Thơ Lê Thiếu Nhơn kéo lại được sự sắc sảo, thiếu đa dạng thể loại, nhiều bài bị lẫn chất báo chí. Tôi chưa thấy sự đa thanh trong thơ Lê Thiếu Nhơn. Một số bài của Nguyễn Phan Quế Mai rất được, nhưng bị thừa chữ. Trong thế hệ nhà thơ nữ lớp trước, về nghề tôi chưa bao giờ nể Xuân Quỳnh. Tôi nể Ý Nhi.

Chị có cho mình là nhân vật được nhiều người yêu quý không?

Tôi không biết mức độ thế nào thì được gọi là yêu quý, tôi tự tin mình là người được nhiều người yêu quý. Tôi rất hạnh diện khi tôi xưng tên ra và kêu gọi một sự giúp đỡ thì không có ai từ chối. Chỉ cần nói đến Vi Thùy Linh, người ta biết tôi là nhà thơ và tin tôi.

Còn cách ứng xử của nam giới đối với chị như thế nào?

Tôi là người hình như đàn ông yêu mà đàn bà ghét thì phải.

Tại sao?

Vì tôi được hơi nhiều thứ nên đàn bà hay ghen tị. Tôi cũng không đụng chạm gì đến họ. Chỉ có điều tôi dám sống, dám làm hơn họ, và đối với một số phụ nữ thì tôi trẻ hơn họ. Đây chỉ là những người phụ nữ xoàng mới thế. Còn những người phụ nữ sáng giá thì yêu mến tôi. Tôi cũng có không ít fan nữ.

Nhà phê bình Chu Văn Sơn từng nói rằng những người bất hạnh trong tình trường lại thường làm thơ tình hay, còn ai được may mắn hạnh phúc trong tình yêu thì cố cố làm thơ, thơ cũng sẽ nhạt. Chị có cho rằng mình nằm trong quy luật này không?

Đúng là tôi từng buồn và thất vọng trong tình cảm. Nỗi buồn trong thơ không phải là nỗi buồn đoạn tuyệt. Giá trị sâu thẳm và bền vững của nghệ thuật là miêu tả, nâng đỡ, giải thoát những bi kịch của con người chứ không phải diễn đạt những hoàn lạc.

Nếu cho chị một sự lựa chọn của định mệnh, danh tiếng như bây giờ và tình yêu, chị chọn điều gì?

Bắt lựa chọn thế này rất cay nghiệt. Tôi sẽ chọn tình yêu.

Còn lựa chọn giữa danh tiếng và tiền bạc?

Danh tiếng sẽ mang lại tiền bạc. Vì những người có tiền bạc đã bỏ ra rất nhiều tiền để mua danh mà cuối cùng vẫn hiện nguyên hình là một kẻ trọc phú.

Vậy danh tiếng đã mang lại tiền bạc cho chị chưa?

Tôi chỉ khao khát sự bình yên nên tôi thấy thế là đủ. Đúng là ngay cả sự lãng mạn cũng phải duy trì bằng tiền bạc. Giờ có muốn dạo chơi một bãi biển nào đó như Nha Trang, Đà Nẵng cũng cần đến tiền. Căn cốt của người nghệ sĩ vẫn phải là sự lãng mạn tinh khiết, không kèm những điều kiện vật chất.

Tập thơ “Phim đôi – Tình tự chậm” của chị đã vào chung khảo Hội Nhà văn Hà Nội, rút cục lại không được giải thưởng. Hình như chị đã thất vọng?

Không, tôi đã quên và bây giờ khi chị nhắc đến thì tôi đành nói. Cảm xúc đầu tiên của tôi về sự thất vọng không phải vì không được giải. Vì ở đại hội Hội LHVHNT tháng 7/2011, tôi đã đề xuất và bầu cho NSUT Trung Hiếu, Nhà hát kịch Hà Nội vào Ban chấp hành với hy vọng sẽ trẻ hóa tư duy. Cũng như tôi tin vào sự thẩm định của người chủ trì như nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên, vốn được coi là cấp tiến. Nhưng trong suốt quá trình xét giải, ai cũng tin thế nào Vi Thùy Linh cũng được giải. Chỉ riêng việc tin như vậy là coi như tôi đã được trao giải rồi. Giải thưởng thơ hai năm liền đều trao cho những tác giả 60, 70 tuổi. Như vậy thì giới trẻ cũng chẳng nên cố để làm gì.

Chị nói nhà phê bình phải có con mắt tiên tri. Tôi thấy nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên đã đánh giá chị rất cao cách đây nhiều năm đấy thôi.

Phạm Xuân Nguyên có viết lời tựa cho tập “Đồng tử” của tôi từ năm 2005, nhưng tôi đã là hiện tượng từ năm 2001.

Nguồn: Người Lao động (2012)

Nhà thơ Lê Thiếu Nhơn - Giải nổi giải

Hội Nhà văn TP HCM vừa trao tặng thưởng cho tập thơ “Bản tường trình giấc mơ đi vắng” của tác giả Lê Thiếu Nhơn. Năm 2007, nhà thơ Lê Thiếu Nhơn cũng nhận được tặng thưởng cho tập thơ “Trong bóng người xưa”. Như vậy, trong ba năm anh nhận được hai tặng thưởng cho hai tập thơ in liền kề.

Hình như trong làng thơ chưa có chuyện giải nổi giải thú vị như vậy. Liệu nhà thơ có định lập cú hattrick cho tác phẩm kế tiếp?

Hơi khó trả lời đây. Thú thật, tôi cũng khao khát cú hattrick mà chị nói, nhưng thi ca không phải là thứ cứ muốn có thể gọi đến hay đuổi đi được. Từ “Trong bóng người xưa” đến “Bản tường trình giấc mơ đi vắng” phản ánh chuỗi ngày tôi nhận ra sự bất lực của thơ phú trước một đời sống ngổn ngang “sao cứ thấy bàn tay chụp giựt đè lên bàn tay cạm cũi”.

Người ta vẫn bảo: Miền Bắc là đất văn, miền Trung là đất thơ và miền Nam là... đất làm báo. Có phải vì các cây bút trong Nam làm báo rất giỏi nên đam thơ nhãng đi và anh có được cơ hội này? Thậm chí có người còn nói đùa rằng, hình như Hội nhà văn TP HCM quên mất rằng ba năm trước anh đã được tặng thưởng, nên vẫn trao tiếp?

Sự sắp xếp lại kinh tế đất nước, đã tạo ra dòng người di cư và gián tiếp vẽ lại bản đồ văn chương. Bây giờ mừng tượng “thơ Trung văn Bắc báo Nam” e rằng không còn phù hợp nữa. Còn về tặng thưởng, thì tôi tin rằng cả Hội nhà văn TP HCM và các đồng nghiệp đều đồng cảm tâm trạng đau đầu “người tốt bóng mờ bóng nhỏ vừa lằm lũi vừa vô tận trong mưa”, nên chẳng tiếc gì thêm một lần bỏ phiếu công nhận sự thao thức của tôi với xã hội hôm nay.

Và ý tưởng nào từ cái tên rất dài và hơi... khó hiểu “Bản tường trình những giấc mơ đi vắng”?

Trong thế kỷ 21 bận bịu này, tâm tư con người phong phú lắm, vì vậy khoảnh khắc lóe sáng của một bài thơ rất mong manh so với chuyển động tình cảm của người đọc. Tôi ý thức được điều ấy, và tổ chức một tập thơ sao cho độc giả khép sách lại có thể hình dung được thái độ thẩm mỹ của tác giả. Tôi tin, nếu ai đọc “Bản tường trình giấc mơ đi vắng” một cách kỹ lưỡng sẽ nhận ra ánh mắt buồn thương của một tri thức trước “thế kỷ chúng ta đang sống có giấc mơ dài hơn nước mắt”.

Anh viết không quá nhiều nhưng hình như cứ viết ra là được giải thưởng. Anh có thể kể về kỷ niệm giải thưởng đầu tiên của anh? Nếu như tôi nhớ không nhầm thì đã là một thời rất xa...

Khi còn học phổ thông, tôi đã lọ mọ viết lách, thấy ở đâu tổ chức cuộc thi cũng tham gia. Vừa có giấy báo đậu đại học thì tôi nhận được cùng lúc hai tin vui, giải nhất cuộc thi Thơ 7 Chữ của tập san Áo Trắng và giải nhất truyện ngắn Tác phẩm Tuổi xanh của báo Tiền Phong. Hai giải thưởng cùng lúc này mang lại cho tôi một... chiếc xe đạp và một ít tiền phòng thân trong những ngày đầu tiên xa nhà lên phố theo đuổi giấc mơ giảng đường.

Anh đã từng được một giải thưởng văn xuôi, sao từ đó không thấy anh viết truyện ngắn nữa?

À, mãi lo cơm áo nên không còn nhiều thời gian. Tuy nhiên, khoảng 10 năm không viết truyện ngắn giúp tôi suy ngẫm được rất nhiều điều về văn xuôi. Có lẽ sắp tới tôi sẽ viết trở lại, mà thể loại tôi chọn lựa là truyện ngắn hài hước.

Ngoài những tờ báo chính anh đang đảm nhiệm thì nhiều người còn biết đến trang web lethieunhon.com. Tôi thấy người ta tranh luận về một chủ đề gì đó trong làng văn thường bắt đầu bằng câu “Hôm nay trên lethieunhon có bài...”. Trang web của anh có vẻ như nhiều bài “độc”,

lượt truy cập tương đương một trang báo điện tử. Nhưng đây là một việc làm "cố gắng", không mang lại thu nhập. Anh nghĩ sao mà mở trang web?

Thì đúng như chị nhìn nhận. Tôi mở trang web để tập cố gắng, tập đứng mũi chịu sào, tập đối mặt thị phi, tập tôn vinh người khác...

Lập ra một trang web văn và khiến cho nó đông khách, người biên tập phải rất am hiểu văn chương thể sự ở điện vĩ mô và vi mô. Không thể không đọc nhiều mà vẫn có thể biên tập. Thời gian đâu để anh đi "săn tin"?

Đó chính là lý do vì sao tôi luôn tìm cách né tránh những chỗ tụ bọ bìa bột hay đấu láo. Ngày nào không cập nhật cho trang web, tôi có cảm giác như một người mắc nợ. Khổ, mắc nợ bạn đọc không biết mặt đôi khi còn khó chịu hơn mắc nợ tiền bạc một ai đó.

Anh đã từng nói năm 18 tuổi anh vào Sài Gòn với hai bàn tay trắng, nhưng hiện tại thì anh đã có cuộc sống vật chất khá đàng hoàng. Cơm áo gạo tiền có chi phối thi ca không?

Cái nghèo tuy không phải cái tội, nhưng cái nghèo lại đe dọa sự ngay thẳng và chà đạp sự hào hiệp. Vì vậy, tôi rất sợ cái nghèo. Từ nhỏ tôi đã biết cách nuôi cá và nuôi gà để lấy tiền ăn kem. Nhà tôi nghèo, nhưng tôi luôn là cậu học trò giàu nhất trong trường. Tôi còn nhớ rất rõ, bắt đầu năm học lớp 10 thì tôi đã có kế hoạch tài chính cá nhân. Tôi viết bài cộng tác cho báo địa phương, dài phát thanh đủ để tôi ăn sáng và mua sách vở. Thỉnh thoảng đi "buôn" một chuyến thì sắm thêm được một món tài sản...

Đi buôn ở tuổi 16? Anh buôn gì vậy?

Buôn... ế. Ba tháng hè tôi đạp xe về nông thôn mua ế mang lên thị xã bán lại. Tiền lãi tôi bỏ vào con heo đất. Khi đạp ra, số tiền dành dụm được từ buôn ế nhiều gấp hai lần lương của ba tôi. Nhờ buôn ế, tôi mới có chi tiết để viết cái truyện ngắn "Giấc mơ không có con ế nhỏ" đoạt giải thưởng đấy chứ.

Còn từ khi vào Sài Gòn...?

Lúc vác cái thùng gỗ đựng vài bộ quần áo vào đại học, tôi nói với má tôi: "Con sẽ tự lo, gia đình không phải gửi tiền". Ngày thứ ba đặt chân đến Sài Gòn, tôi đã có một cái tin in trên báo Tuổi Trẻ, được 30 ngàn đồng. Rồi tôi lang thang viết báo, viết từ bình luận cho tới chuyện cười, viết từ phỏng vấn nghệ sĩ cho đến phóng sự đường dài. Suốt bốn năm đại học, mỗi ngày mở mắt ra thì tôi biết hôm nay có một bài của mình được đăng trên một tờ báo nào đó. Trời thương, không những có thể nuôi thơ và không lụy người thân, mà khi cầm tấm bằng cử nhân thì tôi cũng mua được một căn hộ chung cư.

Vậy còn thơ thì sao, chẳng lẽ lại cứ nuôi thơ mãi. Anh có thể tiết lộ về tình hình các ấn bản thơ của anh được tiêu thụ thế nào trong suốt những năm sáng tác vừa qua?

Cho dù thơ hay cũng khó tăng, chứ đừng nói đến chuyện bán. Thế nhưng, thật sai lầm nếu nghĩ rằng nhu cầu mua thơ đã bị triệt tiêu. Hai tập thơ gần đây của tôi khi rao bán trên mạng đều phát hành được tương đối. Tất nhiên, với một sản phẩm đặc thù như thơ, bán được một phần ba đã đáng hài lòng.

Nguồn: VnExpress (2011)

Nhà thơ – nhà báo Lê Thiếu Nhơn hiện là trưởng ban thư ký tòa soạn của tạp chí Kiến thức Gia đình. Anh đã xuất bản 5 tập thơ: Bài ca phía mặt trời (1997), Dốc gió (1999), Phố tình riêng (2004), Trong bóng người xưa (2006), Bản tường trình giấc mơ đi vắng (2009); 2 tập tản văn: Những người lãng mạn giữa đô thị (2006), Người Việt biết đùa (2007); Thi ca nét đất (phê bình thơ 2011).

Bạn văn

Tôi biết Cấn Vân Khánh cũng là qua công việc. Lần đầu tiên Khánh gọi cho tôi là lúc cô đang làm tại Công ty sách Bách Việt. Cô tổ chức bản thảo và muốn chọn một số tác phẩm của tôi vào một tập sách chung. Sau đó, tôi tiếp tục gửi bản thảo tập “Điều Valse địa ngục” đến cho Khánh. Sách đã ra, tôi mời cô ăn trưa tại một quán cà phê, ngầm tỏ ý cảm ơn. Cấn Vân Khánh có dáng vóc nhỏ bé, và một sự mảnh mai quá mức. Cô ăn uống có vẻ cầu kỳ, không quá kiểu cách nhưng luôn yêu cầu phải đúng kiểu như thế. Lần đầu tiên gặp cô tại công ty, Khánh đón tiếp tôi bằng khuôn mặt tươi tắn, giới thiệu tôi với giám đốc với thái độ nhiệt tình. Nhưng khi nhận lời gặp tôi cho một bữa ăn trưa, Khánh ăn rất nhanh, nói chuyện ngắn gọn rồi nhanh chóng cáo lui, thái độ không mấy niềm nở, vồn vã. Tôi biết cô muốn mối quan hệ của chúng tôi chỉ dừng lại ở công việc, cô không quý mến tôi đến mức muốn trở thành bạn của tôi. Tuy nhiên tôi cảm thấy yêu quý cô gái này và muốn là bạn của cô ấy. Có lẽ, đây là một sự nhạy cảm cá nhân. Hàng ngày, vì lý do công việc tôi phải tiếp xúc với nhiều người và những mối quan hệ xã giao của tôi nhiều khó nhớ hết, song tôi chỉ dừng lại ở mối quan hệ ban bè thân thiết với một vài trong số ấy. Và không biết vì lẽ gì, tự nhiên tôi cảm nhận được tình bạn từ cô trong buổi nói chuyện đầu tiên hết sức tế nhị ấy.

Rất tự nhiên sau đó, chúng tôi dần dần là bạn của nhau và trở nên thân thiết. Cũng thêm một lần, tôi hoàn toàn tin rằng mọi cảm giác đầu tiên của mình thường không bao giờ nhầm lẫn. Sau này, tôi nhận ra Khánh kết bạn với những người khác hoàn toàn dễ dàng, có thể không thân đến mức chia sẻ những điều riêng tư nhưng nhanh chóng thân thiện, rất khác với thái độ ban đầu của cô mà tôi nhìn thấy. Khi đã là bạn rất thân, Khánh mới nói với tôi rằng, lần đầu tiên nhìn thấy tôi trên báo cô đã thoáng nghĩ có lẽ tôi thuộc vào nhóm phụ nữ ưa làm dáng và coi văn chương chỉ là trò vui. Có lẽ điều đó đã để lại không nhiều thiện cảm lúc ban đầu.

Trong làng văn, khá nhiều người ngạc nhiên vì làm sao chúng tôi có thể thân nhau đến thế khi mà dường như tôi và cô ấy rất khác nhau. Cũng hơn một lần, Khánh hỏi tôi rằng tại sao tôi lại tin tưởng và yêu quý cô ấy đến thế trong khi cô ấy biết tôi là người không dễ dàng kết bạn. Tôi nói đơn giản rằng vì cô ấy là người không tế nhị. Cấn Vân Khánh có tính cách khá rõ ràng, giống như thể một họa sỹ vẽ tranh biếm họa luôn cảm thấy dễ dàng khi phác thảo một khuôn mặt có những đường nét đặc biệt, thì một người viết chân dung cũng cảm thấy dễ dàng như thế khi miêu tả về cô. Cũng giống như khuôn mặt nửa già dặn nửa trẻ con mà người mới gặp rất khó đoán tuổi, sự rõ ràng của cô là pha trộn kỳ quặc giữa bản tính chín chắn, thực tế và sự ngây thơ đôi khi đến mức hồn nhiên. Có thể tôi luôn cảm thấy thú vị với bất kỳ người nào có nhiều tính cách pha trộn như thế. Cấn Vân Khánh thực tế và cẩn trọng trong nghề nghiệp, trong quan niệm sống và công việc, trong tình cảm, trong cách ứng xử với công chúng và những người xung quanh. Là người đã dẫn sâu vào nghiệp viết, tôi dễ dàng nhận thấy Khánh là một trong số không nhiều những người viết trẻ rất tỉnh táo và thực tế. Cô có thể kiểm soát bản thân mình, có thể dứt bỏ những điều bất lợi và biết đâu là điểm dừng hợp lý, cả trong cuộc sống cũng như trong công việc. Song sự ngây thơ của cô, một sự ngây thơ vô hại đôi khi cũng gây cho cô nhiều phiền nhiễu, cô ngây thơ tin rằng những người cô gặp đều tốt, ngây thơ nghĩ rằng người ta đã quý mình là phải làm theo mọi điều mình muốn (đôi khi đồng đánh giống một đứa trẻ con được nuông chiều trong một vương quốc riêng) và ít nhiều gặp phải sự thất vọng để rồi sau đó, mỗi lần gặp một trường hợp tương tự, tình huống tương tự lại trở nên cảnh giác đến mức thừa thãi. Tuy nhiên, Cấn Vân Khánh là một người mạnh mẽ, mạnh mẽ và lý trí trong cái dáng hình mảnh mai.

Cuộc sống và công việc của cô không phải lúc nào cũng suôn sẻ. Cấn Vân Khánh bắt tay vào viết từ rất sớm. Như nhiều người viết khác, cô bộc lộ năng khiếu viết từ thuở học trò và sau đó giành được giải Tuổi xanh của báo Tiền Phong cho truyện ngắn “Cao số” năm 1997. Năm sau đó, cô đã xuất bản tập truyện ngắn “Chàng hề của em” khi mới 19 tuổi, và lần lượt là Hạnh phúc mơ hồ (2005), Khi nào anh thuộc về em (2007), Người đàn ông có đôi mắt trong (2008), Đi lạc vào thế giới của anh (2009). Như vậy, có thể nói cô là người sáng tác và lao động nghệ thuật từ rất sớm, rất đều đặn, chứ không phải chỉ thành công nhờ một cuốn sách. Tuy nhiên, chỉ sau

“Khi nào anh thuộc về em” (đã được in lần thứ tư), thì tên tuổi của cô mới được khẳng định và từ đó hình thành một số lượng đông đảo độc giả trở thành fan hâm mộ của nữ nhà văn Cẩn Vân Khánh. Những tác phẩm của cô thường xoay quanh câu chuyện tâm lý với nhiều xung đột tình cảm. Cũng không ít người (thường dị ứng sẵn với khái niệm chuyện tình, chuyện sex, chuyện tâm lý) đã phê phán thể loại và đề tài mà cô đang sáng tác, nhưng cá nhân tôi cho rằng, thành công của người viết không chỉ dựa trên thể tài. Văn phong của Khánh tinh tế và mạch lạc, không câu khách rẻ tiền. Cô cũng không đi sâu miêu tả những chuyện tình dục như nhiều người vẫn đồn đại thể cho dù chưa đọc. Quan trọng nhất, cô đã xác định được đúng đối tượng độc giả của mình (những độc giả mà cho dù những câu chuyện tình có biến mất sạch trên Trái đất này thì họ cũng không thể nào hứng thú nổi với những cuốn sách hàn lâm nặng tính triết luận), và cô đã có được đông đảo độc giả ủng hộ, yêu mến. Tôi giảng dạy cho khoa PR của trường ĐH Hoà Bình, khi tổ chức cho sinh viên ngày hội sách với phần giao lưu cùng các nhà văn và nhà xuất bản, hỏi các em muốn mời nhà văn nào đến giao lưu, một số đề xuất rằng nên mời nhà văn Cẩn Vân Khánh. Tôi không nghĩ rằng có người viết nào lại không cảm thấy hạnh phúc với điều ấy.

Cẩn Vân Khánh sinh ra ở Sơn Tây. Hơn 10 tuổi chuyển về Hải Phòng sinh sống. Đang học đại học, cô bỏ ngang đi làm nhân viên văn phòng, vào Sài Gòn một thời gian rồi chuyển ra Hà Nội học đại học khi tuổi đã không còn trẻ. Năm 2009, cô tốt nghiệp khoa Lý luận – Sáng tác – Phê bình, ĐH Văn hoá Hà Nội, hoàn thiện ước nguyện về mộng văn chương. Vừa tốt nghiệp Đại học văn hóa, Khánh kết hôn, chồng cô mang quốc tịch Mỹ. Việc đoàn tụ gia đình cần có thời gian. Mang thai, có con, rồi nuôi con một mình trong lúc chờ đợi, Khánh cũng không cho đó là điều khổ sở vì dường như cô đã tìm được đúng người đàn ông mà cô cần. Cô là một người thuộc cung Xử Nữ điển hình, thích mọi sự trong khuôn khổ, ăn đúng món ấy, ngủ đúng giờ ấy, và bền bỉ trong mọi khó khăn, cực nhọc. Ít nhiều, Khánh là người kỷ tính và hay quan trọng hoá mọi vấn đề, đặc biệt là trong sức khoẻ. Dường như mọi căn bệnh trên đời đều khiến cho cô lo sợ. Có lần cô tâm sự với tôi cô mắc phải chứng rối loạn lo âu, một căn bệnh tâm lý có thể xảy ra từ một cú sốc nào đó, như mất mát người thân chẳng hạn. Những thứ bệnh nhỏ xíu hay thậm chí không phải là bệnh như tiêu hoá không tốt, hoa mắt, húng hắng ho hay dị ứng, cô đều lo lắng uống thuốc, đi khám bệnh cẩn thận và dùng thuốc đúng chỉ định của bác sĩ. Dường như tính cách này cũng lại là một sự đối lập với sự kiên định của cô. Nhiều lần, Khánh hốt hải gọi điện cho tôi và hỏi bằng giọng trình trọng, gấp gáp “Cậu có biết cách nào bẫy chuột hiệu quả không?”, “Tôi không thể nổ được xe máy. Làm thế nào bây giờ nhỉ?”, “Tôi trót uống vài viên thuốc bổ trong lúc mang thai. Liệu có làm sao không nhỉ?”. Sau khi tôi trả lời thấu đáo những vấn đề nhỏ như con kiến này, Khánh vội vã cúp máy như thể đã yên tâm giải quyết xong một sứ mệnh lớn.

Khánh là người nhạy cảm, luôn để ý đến thái độ của người khác và hay lo xa thái độ đó sẽ dẫn đến một điều gì không tốt. Sự nhạy cảm của một người viết luôn nhiều hơn mức bình thường. Tôi vốn kín đáo và ít khi thể hiện cảm xúc ngoài mặt. Tuy nhiên, nhiều lần cô vẫn gan hỏi cho dù tôi luôn giữ một thái độ phẳng lặng như mọi ngày “Cậu có điều gì không vui à?”. Thậm chí qua điện thoại, qua giọng nói không thay đổi tông độ, dường như cô cũng nhận ra điều gì đấy khác thường trong cảm xúc của tôi. Có lẽ điều đó khiến tôi dễ dàng chia sẻ và tìm thấy ở cô một tình bạn lâu dài. Ngoài những điều riêng tư trong cuộc sống, đương nhiên Cẩn Vân Khánh là bạn văn của tôi theo đúng nghĩa của từ đó. Viết xong một truyện ngắn, cô lập tức gửi cho tôi và đề nghị góp ý. Ngược lại tôi cũng vậy, thậm chí nhiều khi hồi hả gửi chỉ một đoạn vừa viết, một chương duy nhất vừa viết. Có bạn một người vừa viết, người kia lát lại gọi giục xong chưa, đến đoạn nào rồi. Khánh thường xuyên đọc của tôi, nhận xét tỉ mỉ điều gì hay, điều gì không hay. Hay ở chỗ nào, dở ở chỗ nào. Viết lách là một công việc cô đơn và độc lập. Nghề văn đông vui, hào nhoáng bề ngoài nhưng không phải dễ phân biệt những điều thật giả. Nhưng dường như tôi không cảm thấy điều này lắm khi có một người bạn song hành. Nhiều lần, Khánh vẫn là độc giả đầu tiên của tôi. Và nhiều phần sự nhận xét của cô khiến tôi cảm thấy yên tâm. Giữa chúng tôi cũng nhiều lần xảy ra tranh cãi. Một bạn tôi viết một truyện ngắn theo đơn đặt hàng của một tờ báo chuyên về hạnh phúc gia đình. Tôi đùa rằng tôi cũng có thể viết những truyện rất sex được với đầy những chuyện tình tay ba tay tư. Tôi chưa viết truyện tình yêu bao giờ và tôi muốn nhại theo giọng văn của cô để trêu bạn. Tôi viết xong truyện ngắn “Ở chỗ em nơi ấy

có mưa” ngay ngày hôm ấy. Khánh gửi lại một số câu trích cho tôi qua YM “Cậu xem này, nó giả giả thế nào ấy. Tặng cậu không hợp truyện tình yêu.” Tôi đáp lại rằng chẳng giả tí nào hết, rất sinh động, rất cảm động, rất hấp dẫn. Càng đùa, Khánh càng tưởng tôi phớt chí chuyển sang viết truyện tâm lý tình cảm thật.

Một ngày đông giá rét, lần đầu tiên giữa chúng tôi xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc giận hờn... Cũng có thể đến thời điểm nào đó, chúng tôi nhận ra sự khác biệt của nhau đằng sau những điểm chung mà chưa kịp dung hòa. Nhiều ngày sau đó, khi chúng tôi đã liên lạc lại với nhau, Khánh có nói rằng, dường như để an ủi cho cả hai, “Mọi sự diễn ra chỉ để hiểu nhau hơn thôi”. Tôi cũng nghĩ như vậy, và trong khoảnh khắc, tôi hạnh phúc khi tình bạn, thứ xuất hiện nhiều nhưng không thực sự dễ kiếm trên đời này, đã không kịp trở thành hồi ức.

Giấu được thủ phạm đến phút cuối cùng

Bộ phim “Vũ điệu tử thần” của đạo diễn Bùi Tuấn Dũng vừa xuất hiện khiến khán giả chưa kịp định thần vì những màn đuổi bắt ngoạn mục và cảnh nóng bỏng trong vũ trường thì độc giả yêu văn học đã phải “ngơ ngác” với cuốn tiểu thuyết trinh thám cùng tên của nhà văn Trần Thanh Hà. Trong khi các hiệu sách Việt Nam đang vắng bóng những cuốn tiểu thuyết trinh thám, được thế giới coi là một trong những thể loại top best-seller của văn học, thì “Vũ điệu tử thần” của nhà văn nữ từng đoạt giải nhất cuộc thi Tạp chí Văn nghệ Quân đội này quả là một tín hiệu cổ vũ cho thể loại văn học trinh thám của nước nhà.

Lần đầu tiên có một nhà văn Việt Nam sử dụng kịch bản phim để dựng thành tiểu thuyết. Trong khi người ta thường chuyển thể tiểu thuyết sang kịch bản phim thì tại sao chị lại làm ngược lại? Có phải chị dự đoán Vũ điệu tử thần sẽ rất ăn khách?

Tôi đọc kịch bản của Bùi Tuấn Dũng vào năm 2003. Kịch bản hiện đại khiến tôi rất thích. Lúc đó tôi đang có dự định nghiên cứu về tiểu thuyết trinh thám và sau đó sẽ viết thể loại này. Chúng tôi tính chuyện là tôi sẽ viết một cuốn tiểu thuyết dựa theo ý tưởng của kịch bản. Đây là cách mà ở nước ngoài đã làm nhiều, mỗi khi một cuốn sách được dựng thành phim hay một bộ phim được chuyển thành sách, nó có tác dụng PR cho nhau rất lớn. Tôi tính kỹ thời điểm ra sách phải đồng thời với thời điểm công chiếu phim, vì vậy năm 2006 khi Dũng bắt tay làm phim “Vũ điệu tử thần” tôi mới khởi đầu việc viết tiểu thuyết. Tuy nhiên công việc bị dừng nhiều lần do có những việc khác chen vào. Hai tháng trước khi phim công chiếu tôi đã phải làm việc cật lực để hoàn tất cuốn tiểu thuyết.

Ngay khi cuốn tiểu thuyết trinh thám Vũ điệu tử thần vừa phát hành, một số tờ báo đưa tin Trần Thanh Hà đã “mua” kịch bản phim của đạo diễn Bùi Tuấn Dũng để viết lại. Thực hư thế nào thưa chị?

Chắc mọi người hình dung một vụ mua bán kiểu Mỹ. Thực sự là không có vụ mua bán nào cả.

Trinh thám là một thể loại mà các nhà văn Việt Nam thường lắc đầu, cả theo nghĩa “bó tay” không viết nổi và theo nghĩa coi nó là văn học thương mại. Có phải Vũ điệu tử thần là một dẫn chứng sinh động để chị bổ sung vào luận văn đã hoàn thành với đề tài “Nhận diện tiểu thuyết trinh thám Việt Nam”?

Ở phương Tây, trinh thám là một thể loại văn học có những giải thưởng danh giá, có một lượng công chúng khổng lồ. Trước thập niên 70 của thế kỷ trước, phương Tây cũng từng có quan niệm coi trinh thám là cận văn học, nhưng ngày nay không ai nghĩ như vậy nữa. Nhiều nhà văn trinh thám được tôn vinh là bậc thầy về phân tích tâm lý. Cuốn trinh thám đình đám mấy năm gần đây “Da Vinci Code” thì đụng chạm đến một vấn đề lớn của con người là tôn giáo và lịch sử tôn giáo. Thực tế, viết trinh thám rất khó. Tôi từng viết các thể loại khác trước khi viết tiểu thuyết trinh thám. Tôi có đủ kinh nghiệm để nói rằng, nếu không có một khả năng tưởng tượng thật tốt, cộng với tư duy logic, cộng với kỹ thuật thể loại, cộng với những hiểu biết chi tiết về nghề điều tra và những gì liên quan đến tâm lý tội phạm và nghề điều tra, bạn không thể nào viết nổi một cuốn sách trinh thám. Trong khi nghiên cứu về văn học trinh thám, tôi nhận thấy ở Việt Nam có chuyện vụ án nhưng thực sự chưa có cuốn sách nào có thể coi là trinh thám đúng nghĩa. Với “Vũ điệu tử thần”, tôi có tham vọng muốn cổ vũ cho thể loại này ở Việt Nam.

Ngoài việc thay đổi nhận thức của nhiều nhà văn Việt Nam đương đại, chị còn phải đối mặt với một “phản xạ có điều kiện” của độc giả khi cứ thấy tiểu thuyết trinh thám của ta là liên tưởng đến màn điều tra tẻ ngắt của những “cảnh sát hình sự” hay các cảnh đuổi bắt phi lý giả hành động Mỹ trong nhiều bộ phim gần đây. Liệu Vũ điệu tử thần có thành công bằng con đường mà

các tiểu thuyết gia trình thám vẫn làm là vừa đảm bảo được yếu tố nghệ thuật, lại vẫn duy trì những yếu tố ăn khách?

Nói thật, nhiều người đã ngạc nhiên khi đọc “Vũ điệu tử thần”, vì ban đầu họ không tin tôi có thể kể nổi một câu chuyện hấp dẫn. Nhưng sự thật tôi đã kể một câu chuyện hấp dẫn. Bạn đọc nói với tôi họ phải đọc ngẫu nhiên bằng hết. Lỗi cuốn bằng một câu chuyện kín kẽ, kích thích trí tò mò, bẫy người đọc bằng những cú lừa ngoạn mục, những tính cách và tâm lý thể hiện ở hành vi và sự lý giải căn nguyên hành vi... đó là yêu cầu của một cuốn trinh thám. Sách của tôi, tất nhiên sử dụng nhiều yếu tố ăn khách, nhưng nó thuyết phục người đọc chủ yếu bằng một nghệ thuật trình thám điển hình.

Chị từng nói rằng “tiểu thuyết trinh thám nên hạn chế lối tả chân”, nhưng trong Vũ điệu tử thần, các địa danh lại đều là thật và được miêu tả rất cụ thể. Hư cấu dựa trên các chất liệu thật, giả dụ màn đuổi bắt trên ô tô ở công viên Bách Thảo và tên sát thủ ám sát ông bác sỹ tâm lý bằng cung tên ở vườn hoa Indra Ghandi. Nhỡ đâu người đọc sẽ bảo rằng “Đâu có nhẽ thế”?

Toàn bộ cuốn sách là một câu chuyện bịa đặt, tôi không có một nguyên mẫu nào cho nhân vật cũng như không có vụ án mẫu nào cho cốt truyện. Kỹ thuật điều tra, phương tiện điều tra, nói thật cũng là bịa nhiều. Bịa, nhưng những cái bịa đó hoàn toàn có khả năng xảy ra, không phi lý. Nhưng những địa danh là thật, mọi người có thể nhận ra bối cảnh Hà Nội hiện tại. Tôi quan niệm truyện là hư cấu. Tiểu thuyết trinh thám càng phải hư cấu, có điều hư cấu phải hợp lý, hư cấu phải tuân thủ đòi hỏi nghiêm ngặt về tính logic của thể loại. Trong “Vũ điệu tử thần”, có vài cảnh hành động. Cảnh ám sát ông bác sỹ Tâm bằng cung tên lấy từ chi tiết kịch bản. Những cảnh hành động, xét trong logic cốt truyện, và đặc biệt là logic tính cách, là hoàn toàn hợp lý. Tôi quan tâm đến tính hợp lý của tính cách và cốt truyện, vậy thôi.

Theo chị, những yếu tố nào trong Vũ điệu tử thần khiến độc giả thấy hấp dẫn ?

Trước hết, là một cốt truyện hấp dẫn, giấu được thủ phạm và các động cơ hành vi đến cuối cùng. Sau đó là tính cách nhân vật và ngôn ngữ đối thoại.

Vốn đoạt nhiều giải thưởng văn học bằng những câu chuyện dẹt dài và đầy tính nhân văn, lần này bắt tay vào lĩnh vực trinh thám, chị thấy khó nhất điều gì?

Tôi phải thay đổi về phong cách. Và phải tư duy một cách hoàn toàn lý tính.

Bao giờ chị lại bắt tay vào cuốn tiểu thuyết trinh thám thứ hai? Và liệu nhân vật cảnh sát hình sự Sang sẽ quay trở lại?

Tôi không định trở thành một nhà văn chuyên viết trinh thám. Nhưng tôi đang nghĩ đến một vụ án khác cho nhân vật Sang. Tôi có cả một đời để viết văn, vì vậy tôi phải luôn nghĩ cách để thay đổi mình.

Xin cảm ơn chị.

Nguồn: Điện ảnh kịch trường (2007)

Lời tác giả

Trần Thanh Hà là một trong số ít những nhà văn rất thức thời, tư duy rộng mở và khá năng động. Nhưng chị rất kiệm lời. Nói chuyện với chị nên chuẩn bị sẵn nhiều câu chuyện để tự... “độc thoại”. Kẻo mà không đôi bên cùng ngồi im thít thì nản lắm. Có lần tôi hỏi “Có ai bảo rằng chị ít nói không?”. Mãi sau Trần Thanh Hà mới trả lời “Có”.

Sex trong văn học, thế nào là đủ?

Bấy lâu nay người ta vẫn tranh cãi về chủ đề đang hot trên văn đàn “Sex trong văn học trẻ”. Thậm chí có nhà báo còn cho rằng chúng ta đang ở trong một nền văn học của nữ giới mà nội hàm của nó là trào lưu sex. Nhưng sex trong văn học, thế nào là đủ? Một họa sĩ vẽ bức tranh khỏa thân, một nhiếp ảnh gia chụp tấm ảnh nude, một đạo diễn tạo nên những đoạn phim nóng bỏng hay một nhà văn đề cập đến vấn đề tình dục, thấy đều nói rằng, hay ít ra muốn rằng sản phẩm của mình là nghệ thuật. Nhưng ranh giới giữa nghệ thuật và dung tục thật khó lắm thay. Nó mong manh đến nỗi thậm chí ngay cả người sáng tạo và người thưởng thức cũng khó mà định nghĩa được. Vì thế dễ hiểu người sáng tạo nghệ thuật luôn muốn thử sức và khám phá ở chủ đề này.

Trong Hội nghị Những người viết văn trẻ toàn quốc lần thứ VII tổ chức tại Hội An từ ngày 12 đến ngày 14-5-2006 vừa qua, đây vẫn là một đề tài nóng hổi. Ở hai cuộc toa đàm “Văn tôi và phê bình tôi nói gì?” và “Thơ tôi nói gì?”, câu hỏi “Tính dục trong văn học có phải là điều cấm kỵ?” đều được các nhà văn, nhà thơ trẻ nhắc đến và thẳng thắn đưa ra tranh luận. Có hai luồng ý kiến trái ngược nhau song tựu chung đều cùng một quan điểm “Phải dừng lại ở ngưỡng nghệ thuật và phải làm cho tới”. Dưới đây là một vài ý kiến của các đại biểu tham dự hội nghị lần này.

Nhà thơ Vi Thuỳ Linh

Tôi không muốn nhắc đến chủ đề này một tí nào vì bấy lâu nay người ta cứ đổ riệt cho tôi cái tiếng làm thơ khiêu dâm để đánh tôi. Thậm chí có một nhà thơ nữ bậc cao niên chưa hề cầm cuốn “Đồng tử” của tôi trên tay mà đã xếp tôi ngang hàng với nhóm “Ngựa trời” và Đỗ Hoàng Diệu trong một diễn đàn trên mạng. Tôi biết rất rõ những người sử dụng ngôn ngữ trần trụi và lợi dụng điều này để tạo sự nổi tiếng và bôi bẩn nghệ thuật. Sự cách tân của nghệ thuật phải ở ngôn ngữ và ý tưởng chứ không phải khai thác tình dục một cách bạo liệt để gây sốc. Sex, nếu có, phải là sự hoà hợp của hai người đang yêu, là khát vọng tự do. Sex, bắt nguồn từ một tình yêu bền vững để có những đứa con. Hiện nay có một lực lượng đang viết phim con heo trên giấy. Tôi cho rằng trong sự bùng nổ các hợp lưu phải có dòng chủ lưu, đó chính là những con người thực sự sáng tạo. Chủ lưu cần được phân biệt rõ vị thế, đẳng cấp chứ không thể lộn sòng được. Đối với tôi thì tình yêu với những đứa con tương lai chính là sức mạnh để tôi sáng tác. Bản chất của sáng tạo là phải mới. Muốn làm mới mình thì phải vệ sinh não và chuẩn bị đủ lực.

Nhà văn Đỗ Hoàng Diệu

Cảm nhận về sex như thế nào là tùy vào người đọc. Tôi vẫn thường nói rằng tình dục là cái tôi muốn còn khiêu dâm là cái anh muốn và anh xuyên tạc. Ở Việt Nam hiện nay thì phần lớn điều này vẫn phụ thuộc vào người đọc. Nhiều nhà báo hỏi tôi rằng phải chăng hiện đang có một trào lưu sex trong văn học và tôi trả lời rằng tôi không thấy thế, không nghĩ thế bởi vì không hề đọc thấy điều đó trong tác phẩm. Trong thế giới của hiện thực, của văn chương có cả tiên nữ và cũng có cả gái điếm. Cần nhìn nhận rằng thế giới của văn chương không phải là một thiên đường. Đó là một thực tế và tôi chỉ phản ánh hiện thực. Tình dục là điều hiển nhiên và xảy ra hàng ngày, xảy ra với bất kỳ ai. Tại sao lại coi đấy là điều cấm kỵ?

Họa Sĩ - Nhà văn Nguyễn Thị Châu Giang

Trong ngành hội họa Việt Nam hiện nay thì tôi là một trong số rất ít phụ nữ vẽ về sex và đọt triển lãm gần đây nhất, tôi cũng có vài bức tranh bị buộc phải gỡ xuống rồi đấy. Vì vậy cái ngưỡng mong manh của nghệ thuật và dung tục thật khó nói. Tuy nhiên tôi cho rằng quan trọng là sex trong văn học phục vụ cho cái gì và như thế nào. Nếu nó phục vụ tốt cho nội dung của tác phẩm hay phục vụ cho mục đích khiến xã hội tốt đẹp hơn thì cũng nên chứ. Tuy nhiên nhiều cây bút muốn làm cho mọi người chú ý đến mình nên phải dùng những chiêu thức đặc

biệt. Hiện nay rất ít người sử dụng sex như một phương tiện phục vụ nội dung tác phẩm mà lại coi đó là mục đích. Mặc dù định nghĩa sex ở mức độ nào là đủ thật khó song tôi cho rằng nếu người làm nghệ thuật có tâm huyết thì người đọc, người xem cảm nhận được ngay thôi. Còn những người làm méo mó nghệ thuật bằng cách này chỉ có thể là những kẻ khiếm khuyết về mặt tinh thần mà thôi. Họ phải tự hỏi rằng họ đang phục vụ cho chính mình hay cho số đông.

Nhà thơ Phan Huyền Thư

Văn chương là hiện sinh cộng với nhục cảm của con người. Sự đồng điệu chính là nhục cảm của văn chương hay đúng hơn thì một nửa là nhục cảm, một nửa là hiện sinh. Nếu nhục cảm bị đẩy lên cao quá sẽ thành ra trơ trẽn. Người viết cần phải ý thức được rằng sex là đối tượng hay phương tiện để truyền tải cảm xúc. Tôi chấp nhận đây là đối tượng miêu tả nhưng phải làm đến cùng. Sex chính là điểm đến, là điểm cuối cùng và phải xem sau khi đọc xong tác phẩm, người đọc có sự rung động nhục cảm hay không chứ không phải thứ triết học cao siêu. Mặc dù ranh giới giữa nghệ thuật và dung tục là rất mong manh nhưng nếu anh là người viết chuyên nghiệp thì hãy nên xác định “đối tượng” và “phương tiện” ngay từ đầu. Đừng thần thánh hoá sex mà phải làm cho nó đẹp dễ lên, chứ đừng lợi dụng tình dục. Điều cấm kỵ duy nhất chỉ là sự bất tài mà thôi.

Nhà thơ Lê Thiếu Nhơn

Cần phải hiểu sex là phương tiện truyền tải về con người chứ không phải mục đích. Sex không nằm ngoài con người nên phải để người ta thấy nhân vật như thế nào thông qua sex nếu cần phải thế. Tuy nhiên hiện nay tôi chưa thấy văn học của ta làm được điều này. Các tác phẩm của nước ngoài viết về tình dục mạnh mẽ hơn ta nhiều nhưng đâu có thấy dung tục, còn ta viết chưa đâu vào đâu cả mà đã thấy tục tĩu rồi. Đây chỉ là vấn đề tài năng mà thôi vì văn học của ta mới dừng lại ở trào lưu chứ chưa dừng lại ở văn học thực sự. Thực ra thì văn hóa Á Đông của chúng ta từ trước tới nay vẫn coi đây là chủ đề cấm kỵ, một bộ phận đã dám viết, dám khám phá, vậy là tốt rồi. Phải đi mới biết đường dẫn đến đâu chứ cứ đe net họ thì còn ai dám là người đi đầu nữa. Nhưng cũng đừng vỗ tay cho họ vì họ chưa đi đúng đường đâu. Họ vẫn chưa đạt được mức thăng hoa tình dục trong văn học.

Nhạc sĩ- Nhà thơ Nguyễn Vĩnh Tiến

Muốn trả lời câu hỏi sex trong văn học đến đâu là đủ cần phải xem cấu trúc của tác phẩm cụ thể định thể hiện điều gì, hàm chứa điều gì. Giới hạn của nghệ thuật và dung tục phụ thuộc vào tài năng nhưng nhiều người lại không biết đâu là giới hạn. Người biết dừng lại ở giới hạn là người thành công vì nếu đưa không tới sẽ là non tay, còn đẩy lên cao quá sẽ thành lỗ. Tôi ví nôm na như anh bán thịt ấy mà. Anh ta lành nghề nên người mua cần mấy lạng anh ta chặt một nhát là đủ ngay, không thừa không thiếu. Vì vậy người làm nghệ thuật cần phải biết điểm dừng, hàm lượng sex đưa vào phải khéo léo. Muốn trang bị cho mình kinh nghiệm phải xuất phát từ tri thức chứ không phải từ những cảm giác vụn vặt. Nếu theo cách thứ hai, người viết sẽ không thể đi xa được. Khách quan mà nói thì cả người sáng tạo và người thưởng thức thường cảm thụ theo văn hóa tri thức của họ.

Nhà thơ Hữu Thỉnh - Chủ tịch Hội nhà văn Việt Nam trong cuộc tọa đàm “Văn tôi và phê bình tôi nói gì” đã phát biểu: *“...Sex không phải là điều cấm kỵ nhưng khi người cầm bút đề cập đến vấn đề tình dục phải nghĩ đến hai lẽ: Thứ nhất là nếu tác phẩm cần phải có sex trong sự phát triển nội tại thì đó là điều cần thiết. Nghĩa là nếu nhân vật cần phải thế, nếu thông qua tình dục có thể lột tả được nhân vật, phục vụ cho nội dung tác phẩm thì khi đó sex là cần thiết. Thứ hai, nếu sex nói lên một điều gì đó cao cả hơn, thì đó chính là nhiệm vụ của văn học chứ không phải đời thường. Lúc này sex không phải là thứ tầm thường mà chính là nhằm tôn vinh một giá trị tốt đẹp”.*

Nhà thơ Bùi Minh Quốc - Khách mời của hội nghị - cho rằng hiện nay văn học trẻ Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung ngoài ảnh hưởng của xu hướng toàn cầu hóa, số hóa... còn là sự phản ứng những điều cấm kỵ kéo dài mấy ngàn năm qua. Và thường thì sự phản ứng hay đi liền với cực đoan. *“Ngày xưa thời của chúng tôi cầm tay nhau còn phải trốn tránh, lo rằng bị lôi ra kiểm điểm, như vậy làm sao còn dám viết ra giấy trắng mực đen. Tuy nhiên tôi cũng có nhiều văn thơ viết về sex song tôi có cách thể hiện của riêng tôi. Tôi cũng có những câu thơ về sex thế này: Hai ta trong nhau và dậy lên như sóng. Con chúng ta sẽ là biển khơi. Sex không phải là điều cấm kỵ nhưng cách thể hiện sex như thế nào lại là chuyện khác. Sex trong văn học, thế nào mới đủ? Rất nên có một diễn đàn về chủ đề này để các cây bút trẻ bình luận.”*

Thay lời kết

Trong bất kỳ chủ đề tranh luận nào về nghệ thuật, một đáp án đúng là điều không tưởng. Giá trị chân – thiện – mỹ luôn là cái đích để con người hướng tới song mọi khái niệm vẫn chỉ là tương đối. Có những thiên tài được công nhận sau vài trăm năm song cũng có những thần tượng bị xóa sổ chỉ trong tích tắc. Câu trả lời duy nhất và người trọng tài tin cậy nhất, sẽ chính là thời gian và công chúng.

Nguồn: An ninh Thủ đô (2006)

Các nhà văn và PR

Sản phẩm hàng hoá thì cần có thương hiệu và tiếp thị, còn tác phẩm văn học, nghệ thuật có nên tiếp thị hay không? Điều này vẫn gây nhiều tranh cãi và dưới đây là ý kiến của các nhà văn nữ về vấn đề này. Trong ba tháng vừa qua các nhà văn Trần Thanh Hà đã cho ra mắt cuốn tiểu thuyết trinh thám “Vũ điệu tử thần” dựa trên kịch bản điện ảnh cùng tên của đạo diễn Bùi Tuấn Dũng, Nguyễn Quỳnh Trang với tiểu thuyết “1981” và Cấn Vân Khánh với tập truyện ngắn “Khi nào anh thuộc về em?”. Họ cùng chia sẻ về chủ đề này.

Các chị mới ra mắt những cuốn sách khá ăn khách. Nhiều nhà văn bây giờ thường có kế hoạch PR và quảng cáo cho tác phẩm của mình. Chị hoặc NXB có thực hiện bất cứ tác động nào cho cuốn sách này?

Trần Thanh Hà: Có chứ, vì không có sự phối hợp của nhà sản xuất nên tôi phải tự PR cho cuốn sách của mình. Tuy nhiên vì bận rộn, nên tôi cũng chỉ PR được một cách hạn chế, chủ yếu thông qua bạn bè ở các cơ quan báo chí. Nói thực tôi rất muốn PR mạnh hơn. Nếu nhà sản xuất ý thức được vai trò của quảng cáo, tiếp thị trong việc quảng bá sản phẩm và họ chủ động lo việc này thì tốt quá. Có lẽ lần sau nếu in sách, tôi sẽ lựa chọn một nhà sản xuất có kế hoạch PR tốt.

Cấn Vân Khánh: Cuốn sách của tôi được ấn hành bởi sự liên kết giữa công ty sách Bách Việt và NXB Hội nhà văn. Trước khi cuốn sách ra mắt bạn đọc, tôi chỉ quảng bá trên blog cá nhân và sau đó khi sách đã phát hành thì một số nhà báo đưa tin bài phỏng vấn tôi. Cuốn sách của tôi thực sự chưa được gọi là có một kế hoạch PR tử tế theo đúng nghĩa của nó.

Nguyễn Quỳnh Trang: Cuốn "1981" ra đời rất lặng lẽ. Điều duy nhất mà tôi làm là post mấy chương tiểu thuyết lên blog cá nhân để các bạn của tôi xem như một sự chia sẻ. Bản thân tôi và công ty Đông A chưa hề có tác động nào liên quan đến việc PR cho cuốn sách (nhờ bạn bè trong giới viết giúp, giới thiệu sách trong mục tin tức, điểm sách... của bất cứ phương tiện thông tin đại chúng nào). Tôi cũng như anh Thắng có đồng quan điểm là cứ để cuốn sách tồn tại theo chất lượng thực của nó. Nếu nó sống được thì sẽ sống, không cần có động thái chủ quan của chúng tôi tác động vào, để "mặc cho tự nhiên". Những bài mà tôi trả lời phỏng vấn trên một số báo vừa qua là do các phóng viên sau khi đọc xong (tất cả đều tự bỏ tiền mua cuốn sách), thấy thích thì chủ động liên lạc cùng tôi. Mặt khác, tôi cũng có khá nhiều báo khác tìm đến phỏng vấn, có người bảo tôi cứ tích cực trả lời để sách bán chạy hơn, nhưng tôi vẫn từ chối khi không thích những câu hỏi hay vấn đề, quan điểm họ đặt ra. Tôi hết sức tránh có mặt trên nhiều tạp chí vì công việc của tôi là viết, viết sao cho tốt nhất ở mức độ khả năng có thể.

Chị có cho rằng việc tiếp thị các tác phẩm ra với công chúng sẽ có hiệu quả hơn cho tác phẩm của mình?

Nguyễn Quỳnh Trang: Một cuốn sách sau khi mình viết ra đã được in ấn phát hành, đến tay bạn đọc thì nó cũng nằm trong sự vận động của kinh tế thị trường. Nghĩa là cần tiếp thị, PR với mọi hình thức khác nhau. Tuy nhiên, với quan điểm cá nhân tôi, tôi cho rằng chính chất lượng tác phẩm sẽ tự làm PR cho cuốn sách đó tốt nhất. Trên thực tế, những độc giả của chúng ta rất tinh, họ ít khi chịu ảnh hưởng bởi những chuyên trang điểm sách hay giới thiệu sách (trừ bộ phận nhỏ nằm trong số những người đọc sách không thường xuyên), họ lựa sách theo thị hiếu nhu cầu của họ, sau khi đọc xong, thấy hay, họ mua tặng hay "truyền tin" cho những người thân, bạn bè cùng đọc. Và tất nhiên đó là cách "PR" thực sự hiệu quả. Với "1981" của mình, tôi nhận được nhiều tin tức phản hồi từ độc giả. Các bạn đọc liên lạc với tôi để hỏi cuốn sách bán được ở đâu, một số bạn khác thì giới thiệu giúp tôi cho người thân bạn bè hoặc mua vài chục cuốn để làm quà tặng.

Trần Thanh Hà: Nói thực, tôi cần người đọc. Tôi thấy tiếp thị làm cho công chúng biết tác phẩm của tôi nhiều hơn. Kinh nghiệm trong nghề xuất bản cho thấy, PR có thể làm tăng 50%

mức độ tiêu thụ tác phẩm. Viết sách là để chomọi người đọc, càng nhiều càng tốt, tại sao không?

Cần Vân Khánh: Việc tiếp thị tác phẩm là một điều rất tốt, ở nước ngoài các NXB còn lên cả một chiến lược quảng cáo cho các nhà văn đấy chứ. Nếu không có những giới thiệu thân thể về tác giả, tác phẩm thì làm sao bạn đọc, dù yêu sách đến đâu biết để bỏ tiền mua giữa hàng trăm đầu sách mới ra thị trường như hiện nay?

Nhưng vẫn còn rất nhiều người cầm bút cho rằng tiếp thị trong văn học là một việc làm không nên, và quan trọng nhất nên để "hữu xạ tự nhiên hương", nghĩa là khẳng định bằng tác phẩm?

Cần Vân Khánh: Trước khi cuốn sách " Khi nào anh thuộc về em" ra mắt, NXB Văn hoá Sài Gòn có in cho tôi một tập truyền ngắn có nhan đề "Hạnh phúc mơ hồ" nhưng không hề có một động thái quảng cáo nào. Và hệ thống phát hành thì hạn hẹp, đến mức cả thành phố Hà Nội có mỗi nhà sách Thăng Long bán. Tôi nghĩ chất lượng tác phẩm dĩ nhiên là quan trọng, nhưng muốn người đọc bỏ tiền mua cái gọi là chất lượng đó thì bản thân NXB và hội nhà văn phải tiếp thị và phát hành tác phẩm rộng rãi. Bản thân tôi chỉ có cách là giới thiệu trên blog cá nhân chứ tôi chưa đến mức phải đi rao bán hay chèo kéo người đọc.

Nguyễn Quỳnh Trang: Mỗi người sẽ tự lựa chọn cách tiếp thị tốt nhất của mình. Việc "không làm gì cả cho PR" cũng là một kiểu tiếp thị đấy chứ. Và tất nhiên chất lượng sản phẩm tốt là PR hiệu quả nhất rồi. Tất nhiên không phải người sáng tạo nào cũng đủ tài năng để tự tin khẳng định chất lượng sản phẩm của mình, nên họ cần những phương thức PR khác.

Trần Thanh Hà: Thương hiệu của người sáng tạo, là tên của anh ta. Cũng giống như thương hiệu hàng hoá vậy, tên nghệ sĩ ảnh hưởng lớn đến mức độ tiếp nhận của công chúng đối với tác phẩm của anh ta. Tuy nhiên, để người ta biết tới thì dễ, nhưng để một cái tên sống bền vững và luôn được công chúng quan tâm thì phải bằng vào chất lượng tác phẩm + PR hợp lý. PR quá mà tác phẩm dở thì người ta chỉ nhàm một lần, nhưng nếu tác phẩm có giá trị mà không PR thì công chúng cũng khó biết. Ngày nay có nhiều cách để tiếp thị nghệ thuật, nhưng theo tôi tiếp thị qua kênh báo chí vẫn là quan trọng nhất.

Nguồn: Kinh tế đô thị (2007)

Nhà văn Carrie Ryan - Sự lãng mạn có thể tồn tại ở bất cứ đâu

Carrie Ryan là một nữ tác giả đặc biệt khi sáng tạo ra một thế giới vô cùng khác thường trong “Rừng Răng-Tay” (sách phát hành bởi công ty Phương Đông và NXB Văn học). Cách mà chị kết hợp giữa chất lãng mạn và kinh dị trong câu chuyện của mình cũng vô cùng thú vị. Là tác phẩm được bình chọn vào danh sách của “New York Times Bestseller”, được chuyển ngữ ra nhiều thứ tiếng khác nhau ở 10 nước trên thế giới như Australia, New Zealand, Anh quốc, Đức, Tây Ban Nha và châu Mỹ La tinh, Pháp, Hy Lạp, Cộng hòa Séc, Bồ Đào Nha, Thổ Nhĩ Kỳ, tiểu thuyết “Rừng Răng – Tay” đã thu được những thành công đáng kinh ngạc cho dù tác giả của nó là một tên tuổi hoàn toàn mới. Liên tiếp theo đó, Carrie Ryan đã viết ngay phần hai của cuốn sách (phát hành vào tháng ba năm 2010 vừa rồi) và dự tính phần ba của series kinh dị này sẽ ra mắt vào mùa xuân năm 2011. Nhà văn Di Li, người đã chuyển ngữ cuốn tiểu thuyết này sang tiếng Việt có cuộc trò chuyện cùng nhà văn Carrie Ryan.

Di Li: Tại sao có một ngày chị lại cầm bút viết, Carrie?

Carrie Ryan: Lúc nào tôi cũng thích đọc sách. Tôi thích lặn vào những thế giới khác và sống cuộc đời của những người khác. Ngay từ khi còn nhỏ, tôi đã mơ ước được trở thành nhà văn nhưng điều đó chỉ trở thành hiện thực khi tôi đã tốt nghiệp trường luật và nhận ra rằng tôi cần phải sống vì lý tưởng của mình. Giờ thì tôi cực kỳ ngạc nhiên và phấn khích vì đã biến giấc mơ của mình trở thành hiện thực.

Di Li: Nghe có vẻ rất giống nhân vật Mary ở trong truyện. Và câu chuyện này được chị hoàn thành trong bao lâu?

Carrie Ryan: Tôi mất sáu tháng để viết cuốn “Rừng Răng-Tay” và bốn tháng để đọc sửa trước khi gửi nó cho người đại diện. Sau khi người đại diện của tôi đã bán thành công cuốn sách cho nhà xuất bản, tôi lại mất thêm vài tháng nữa để biên tập lại. Đại khái là tôi bắt đầu từ tháng 11/2006 với “Rừng Răng – Tay” và nó được in lần đầu tiên tại Mỹ vào tháng ba năm 2009.

Di Li: Ai là độc giả đầu tiên của cuốn sách vậy?

Carrie Ryan: Chồng tôi luôn là người đọc đầu tiên. Thực ra tôi viết cuốn này cũng là vì anh. Tôi luôn luôn tránh xem những bộ phim kinh dị và khi chúng tôi hẹn hò nhau lần đầu tiên thì chồng tôi có đề nghị tôi xem bộ phim “Bình minh của người chết”. Đó là bộ phim về zombie (thây ma sống) đầu tiên mà tôi xem và lúc đó tôi cực kỳ sợ hãi nhưng cũng không kém phần thích thú. Tôi muốn biết chúng đã tồn tại như thế nào và đó là chủ đề mà sau đó chúng tôi luôn thích đề cập đến. Trong lúc tôi đang tìm kiếm ý tưởng cho một cuốn sách mới thì anh khuyên tôi nên viết những gì mà mình yêu thích nhất. Lúc đó tôi đã nói đùa rằng đó là sẽ là thời khải huyền của zombie. Một tối nọ, trên đường từ sở làm về nhà, dòng đầu tiên của cuốn sách đã lóe lên trong đầu và tôi nghe theo lời khuyên của anh để viết về zombie. Tối nào tôi cũng đọc to lên cho anh ấy nghe những gì tôi đã viết được trong ngày. Đó là cuốn sách mà tôi luôn muốn chia sẻ với anh và anh cũng hồ hởi động viên tôi.

Di Li: Và cuốn sách dành tặng cho người bạn đời của mình lại là một câu chuyện kinh dị chứ không phải lãng mạn thuần túy?

Carrie Ryan: Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng mình sẽ viết truyện kinh dị nhưng tôi cho rằng nó mang đến rất nhiều cảm xúc. Tôi cũng thích đọc sách của các tác giả như Christopher Pike và RL Stine. Họ đã sáng tạo nên những câu chuyện kinh dị đáng kinh ngạc.

Di Li: Như vậy thần tượng văn chương của chị sẽ là...?

Carrie Ryan: Tôi chẳng thể chọn được cho mình một thần tượng đâu. Tôi yêu quý quá nhiều tác giả và không bao giờ có thể quyết định được ai là người mà tôi yêu thích nhất. Tôi thích cách hành văn của Nabokov và không gian nghệ thuật mà Scott Westerfeld và Holly Black đã sáng tạo nên.

Di Li: Cá nhân tôi thực sự kinh ngạc về thế giới của Mary, nhưng chị nghĩ sao nếu có độc giả nói rằng câu chuyện của chị có chút gì đó tương đồng với bộ phim kinh dị “Ngôi làng” của M. Night Shyamalan?

Carrie Ryan: Tôi đã thực hiện một sự so sánh kỹ lưỡng giữa tác phẩm của tôi và bộ phim “Ngôi làng” nhưng tôi cho rằng đây là hai câu chuyện khác nhau. Những con quái vật trong câu chuyện của tôi và nỗi sợ hãi mà chúng gây ra là có thật. Trong khi ngôi làng ở bộ phim kia là do những người có ý thức tạo dựng nên. Ngôi làng trong cuốn sách của tôi bắt nguồn từ những hồi ức của thế hệ trước truyền cho thế hệ sau.

Di Li: Thế giới của Mary lãng mạn nhưng cũng bí ẩn và đầy chất kinh dị. Chị có chút gì đó giống cô gái đặc biệt ấy không, Carrie?

Carrie Ryan: Tôi nghĩ là chúng ta luôn phải đối mặt với những sự lựa chọn như Mary và tất cả chúng ta đều phải quyết định xem chúng ta sẽ sẵn sàng hy sinh những gì để theo đuổi giấc mơ của mình và liệu những hy sinh ấy có xứng đáng hay không. Mary là người không bao giờ cảm thấy hạnh phúc khi chọn một cuộc sống an toàn trong ngôi làng của mình nhưng đồng thời cũng có vô số những người khác thấy thỏa mãn với cách sống ấy tại nơi mà cô sinh ra. Mỗi người có một cách lựa chọn khác nhau và tôi cho rằng phải lựa chọn luôn là điều khó khăn nhất.

Di Li: Mọi chân lý đều phải trả giá. Tôi thích ý tưởng này khi mà Mary đã mất tất cả trừ đại dương mà cô ấy tìm kiếm. Nếu chị là Mary, chị có sẵn sàng hy sinh tất cả vì sự lựa chọn của mình như cô ấy?

Carrie Ryan: Một câu hỏi vô cùng khó. Tôi cũng không biết nữa. Tôi nghĩ rằng người ta không thể biết được điều gì cho đến chừng nào chúng ta phải đối mặt với nó.

Di Li: Khi quyết định để cho Travis phải “tái sinh”, chị có chút gì đó nuối tiếc cho tình yêu tuyệt đẹp của họ?

Carrie Ryan: Tôi vô cùng tiếc nuối. Tôi cũng rất buồn khi nhận ra rằng trường đoạn đó quan trọng biết bao đối với câu chuyện nhưng tôi biết sớm muộn gì điều đó cũng phải xảy ra.

Di Li: Bất kỳ cô gái nào trên thế giới này đều có thể là Mary. Thế giới của những cây ma sống chỉ là một biểu tượng về một cuộc sống đầy những giới hạn, quy tắc, định kiến, khao khát và ám ảnh. Chị có ý muốn nhắc đến một thế giới biểu tượng có thật nào đó như vậy đang tồn tại trên nước Mỹ hay không?

Carrie Ryan: Tôi cho rằng ngay thời đại bây giờ cũng có quá nhiều điều tương tự như vậy. Và trong quá khứ, những kẻ có quyền lực đã thao túng những người không chút quyền hạn nào trong tay chỉ bằng cách bưng bít thông tin và tri thức. Vấn đề chính là nếu không có đầy đủ thông tin, người ta sẽ không thể quyết định được bất kỳ điều gì cho cuộc sống của mình cũng như thế giới xung quanh mình. Đó chính là điều mà Mary đã phải vật lộn và đấu tranh trong khi những kẻ có quyền lực là các bà xơ thì không đơn thuần giấu diếm sự thật vì ác tâm mà còn vì tình thương và nỗ lực bảo vệ sự sinh tồn của dân làng.

Di Li: Khi bắt đầu dịch cuốn sách, tôi cảm thấy vô cùng khó khăn khi phải chuyển ngữ từ “Unconsecrated” (những kẻ không được thờ cúng) mà tôi tạm dịch là “Những sinh vật của Vùng

vô định”. Chị có thể giải thích rõ hơn ý tưởng của mình khi sáng tạo nên khái niệm này?

Carrie Ryan: Thực ra thì “Những kẻ không được thờ cúng” chính là những zombie nhưng tôi muốn tạo ra một từ mà dân làng hay sử dụng để phản ánh thế giới quan của họ. Ngôi làng và cách sống của họ được định vị bởi tôn giáo và điều đó đã ảnh hưởng mọi mặt lên đời sống của họ, bao gồm cả những từ ngữ mà họ sử dụng để miêu tả thế giới xung quanh. Tôi đã quyết định chọn từ “Unconsecrated”, (chính chồng tôi là người đã gợi ý từ này) bởi vì tôi biết rằng những người làng sẽ coi zombie là một thứ ghê sợ, một thứ không đáng được tôn trọng và thờ cúng như những người đã chết khác. Tôi muốn rằng từ “Unconsecrated” được dùng để miêu tả cái nơi mà ở đó những người chết đã không còn được sự quan tâm của nhà thờ nữa.

Di Li: Cuốn tiểu thuyết không được viết theo cách thông thường của thể loại kinh dị. Nó vô cùng lãng mạn và đầy chất thơ. Có khó lắm không khi chị kết hợp hai điều tưởng chừng như rất trái ngược này?

Carrie Ryan: Mới đầu tôi thực sự không định biến cuốn sách của tôi thành một tiểu thuyết kinh dị. Tôi chỉ nghĩ về nó như một sự tồn tại trong một thế giới đầy rẫy những khó khăn thôi. Tôi thích cái ý tưởng rằng sự lãng mạn có thể tồn tại ở bất cứ đâu, thậm chí trong cả những tình cảnh khó khăn nhất.

Di Li: “Rừng Răng – Tay” là một trong số không nhiều tác phẩm mà tôi khó có thể bỏ xuống dở chừng. Khi bắt tay vào viết, chị có hình dung đến sự thành công sau này của cuốn sách?

Carrie Ryan: Khi viết “Rừng Răng – Tay”, tôi thực sự nghĩ rằng nó sẽ không bao giờ được ai xuất bản hết. Tôi còn nghĩ rằng người ta sẽ cười nhạo những thầy ma sống của tôi. Nhưng giờ thì tôi vô cùng phấn khởi khi mọi người ủng hộ nhiệt tình cho cuốn sách. Như vậy là giấc mơ của tôi đã trở thành hiện thực. Tôi cũng vẫn chưa hết ngạc nhiên rằng nó được xuất bản ở nhiều nước đến thế và tôi rất thích được ngắm nhìn những bìa sách khác nhau ở mỗi quốc gia.

Di Li: Còn về cuốn sách thứ hai “Xác chết trôi dạt”, có thành công như cuốn đầu tiên không?

Carrie Ryan: Tôi thực sự vui mừng về phản hồi của độc giả đối với cuốn “Xác chết trôi dạt”. Tôi rất thích đọc những lời bình luận của độc giả khi họ nói rằng thậm chí họ còn thích cuốn này hơn cuốn trước. Và tôi biết một điều là doanh thu của một cuốn sách sẽ nói lên độ hấp dẫn của nó.

Di Li: Và dự định về cuốn sách thứ ba? Cả ba cuốn này có liên quan gì đến nhau không?

Carrie Ryan: Tôi luôn nhắc đến cuốn sách thứ hai như là phần tiếp theo của cuốn trước bởi vì cuốn này xuất hiện thêm một nhân vật mới, là một câu chuyện độc lập nhưng vẫn tiếp nối theo “Rừng Răng-Tay” và giải đáp nhiều câu hỏi được nảy sinh. Cuốn thứ ba, “Vùng hôm tối”, có quan hệ mật thiết nhiều hơn đến cuốn thứ hai và gần như là phát triển trực tiếp từ phần kết của “Xác chết trôi dạt”.

Di Li: Chị có thể chia sẻ chút gì đó về cuộc sống của mình?

Carrie Ryan: Tôi từng là một luật sư nhưng luôn mơ ước sẽ trở thành một nhà văn chuyên nghiệp. Ngay trước khi cuốn “Rừng Răng – Tay” được xuất bản, tôi đã quyết định từ bỏ công việc luật sư và giờ thì tôi dành trọn vẹn thời gian ở nhà viết lách. Một ngày thường nhật của tôi là ngồi viết giữa hai con mèo đang ngủ và một con chó đang ngáy. Tôi yêu thích điều đó.

Di Li: Chị có biết gì về Việt Nam không?

Carrie Ryan: Tôi luôn nghe nói rằng Việt Nam rất tuyệt. Tôi và chồng đang nghiên cứu để chọn Việt Nam làm điểm đến cho tuần trăng mật của chúng tôi.

Di Li: Giờ thì chị hãy nói một điều gì đó với những độc giả Việt Nam đang cầm trên tay cuốn sách này.

Carrie Ryan: Tôi cảm thấy vô cùng may mắn khi mình lại có quá nhiều độc giả thú vị đến thế, đặc biệt là những độc giả đến từ khắp nơi trên thế giới. Cảm ơn các bạn rất nhiều.

Ý tưởng của cuốn tiểu thuyết hình thành khi người bạn đời của Carrie Ryan, một luật sư và cũng đồng thời là một nhà văn, mời cô đi xem một bộ phim về zombie. Sau đó hai người đã tranh luận về ngày tận thế và những gì còn tồn tại nếu như Trái đất này chỉ toàn là các thầy ma sống. Và chính anh là người đã khuyến khích cô hình thành nên tác phẩm này. Carrie Ryan sinh ra và lớn lên ở Greenville, miền Nam Carolina. Cô tốt nghiệp trường đại học Williams và đại học Luke chuyên ngành luật.

Nguồn: VnExpress (2010)

Rừng Răng Tay - Một thế giới kỳ lạ

Rừng Răng-Tay là một câu chuyện kỳ lạ, một thế giới kỳ lạ của thời kỳ hậu khai huyền. Ở đây, ngay từ những trang đầu tiên, người đọc đã bị cuốn ngay vào một không gian tù bức bao bọc bởi những dãy hàng rào ngăn cách ngôi làng và khu rừng Răng-Tay, những đường hầm bí ẩn trong nhà thờ và dãy mật mã để lại trên bầu cửa của cô gái xa lạ đến từ bên kia hàng rào. Nhân vật chính là Mary. Trong thế giới của cô, các xơ luôn là người hiểu biết nhất. Những Người Bảo Vệ phụng sự các xơ để bảo vệ niềm tin mà họ đã ban phát. Và Vùng Vô Định thì không bao giờ biến mất. Nhưng dần dần, Mary đã phát hiện ra sự thật. Cô đã biết được những điều mà cô không bao giờ muốn biết về các xơ và bí mật của họ, về những Người Bảo Vệ và sức mạnh của họ. Và khi hàng rào bị tấn công, cả thế giới xung quanh cô rơi vào một đám hỗn loạn, đó là thế giới của Vùng Vô Định và sự tàn nhẫn của chúng. Giờ thì cô phải lựa chọn giữa ngôi làng và tương lai của chính mình, giữa người cô yêu và người yêu cô. Cô phải đối mặt với sự thật về Rừng Răng-Tay. Liệu có tồn tại một cuộc sống bên ngoài thế giới luôn bị bao quanh bởi Thần Chết?

Đây là một cuốn tiểu thuyết thể loại kinh dị. Nhưng ngôi làng, đại dương, rừng rậm, các xơ và lũ thầy ma sống, cả không gian và thời gian nữa cũng chỉ là biểu tượng. Điều mà cuốn sách này muốn nói chính là quan niệm sống, lý tưởng sống và con đường dẫn đến cuộc sống. Nếu lý tưởng sống của ta chật hẹp thì ta đã tự khoanh vùng cho mình một không gian tù túng đến bức bối y như ngôi làng trong câu chuyện kinh dị này. Còn nếu trong lòng ta tràn ngập những con đường hút dài vô tận dù phải trải qua bao nhiêu trở ngại và định kiến thì ta đã mở ra cho mình một không gian bao la ngút ngát của đại dương.

Mary là một cái tên phổ biến của những dân tộc nói tiếng Anh, cũng như cái tên Marie của người Pháp, Maria của người Nga hay Mariana của người Tây Ban Nha. Nghĩa rằng Mary không gọi lên điều gì đặc biệt. Cô chỉ là một cô gái bình thường mà chúng ta gặp đâu đó trên đường phố ở năm châu lục, hoặc bắt gặp trong chính con người chúng ta nữa. Có lẽ không phải ngẫu nhiên mà tác giả lựa chọn một cái tên nhân vật quá giản dị, quá đơn giản, chứ không phải là một cái tên thời thượng, chí ít thì cũng là một cái tên khác người, thu hút sự chú ý như nhiều tác giả khác. Trong cuộc sống này, bất cứ cô gái trẻ nào cũng có thể là Mary. Bất cứ cô gái trẻ nào cũng có thể nuôi dưỡng một ước mơ, một khát khao khám phá về đại dương như thế. Đại dương ấy chính là bản năng khám phá thầm kín của con người về tình yêu và cuộc sống, về không gian và thời gian vô hạn định, về một thế giới rộng lớn không thu hẹp tầm nhìn và bị cản trở bởi những ràng buộc, lễ thói, nguyên tắc, đạo đức và định kiến.

Trong con người Mary tiềm ẩn hai bi kịch lớn: Một là khát khao muốn khám phá một thế giới khác cái thế giới mòn mỏi nơi cô đang sống, điều mà trong lịch sử nhiều thế hệ của ngôi làng chưa ai dám nghĩ đến, chưa ai dám tìm kiếm và thay đổi. Thứ nữa là cô không thể chia sẻ những khát khao và lý tưởng đó cho ai. Ngay cả với Travis, người duy nhất mà cô yêu, người duy nhất từng chia sẻ với Mary về đại dương thì sau đó cũng tự bằng lòng với ngôi nhà ba tầng có kho chứa thực phẩm đủ dùng cho vài năm và một không gian an toàn chật hẹp trong bốn bức tường luôn bị bao vây bởi lũ thầy ma đói khát. Cho dù anh ta còn không thể leo lên được ban công, không gian có nhiều ánh mặt trời nhất trong ngôi nhà. Rồi những người đồng hành cùng cô, những người đã chia sẻ sự sống và cái chết trên con đường mòn xuyên rừng để tìm ra một nơi an toàn cuối cùng trên thế giới cũng bắt đầu bằng lòng với một cuộc sống tạm ổn ở trên cây.

Ngoài Mary, có hai người nữa cũng mơ về một đại dương, đó là người mẹ sinh ra cô và người mà cô yêu thương nhất, Travis. Nhưng cuối cùng, Mary hiểu ra rằng đó cũng chỉ là niềm ao ước của họ, chứ họ chưa khi nào dám liều mình đi kiếm tìm một chân trời mới. Tình yêu và cuộc sống hiện tại đã là quá đủ đối với họ, cho dù đó là một cuộc sống tù túng đi chăng nữa. Còn Mary luôn lặp đi lặp lại một ý nghĩ trong đầu rằng "Như thế này là chưa đủ". Một cuộc sống an toàn với không khí để thở, thức ăn để tồn tại không đủ cho cô. Một cuộc sống có những người thân xung quanh vẫn là chưa đủ. Rồi ngay cả tình yêu, điều mà cô khao khát nhất, điều mà cô dám đi ngược lại những định kiến truyền đời của ngôi làng để giành lấy nó, thì dường như cũng

chưa đủ. Đối với cô, ý nghĩa của cuộc sống là khi cái tên của ta được nhắc đến bởi một người nào đó và sẽ là vô nghĩa khi biết rằng sẽ có ngày ta mang theo mọi thứ vào hư vô, ngay cả khi ta vẫn còn đang sống, ăn uống và hít thở. Và cuối cùng, chân lý đã được tìm thấy, đúng vào khoảnh khắc Mary cảm nhận ánh mặt trời và những cơn sóng của đại dương chồn vồn trên da thịt. Nhưng khoảnh khắc hạnh phúc tốt cùng khi cô đắm chìm vào đại dương không thể xua tan nỗi mất mát to lớn. Chân lý nào cũng phải trả giá, cho dù cái giá phải trả là tính mạng của những người thân yêu nhất, là quê hương, gia đình, là tình yêu duy nhất trong cuộc đời.

Có thể nói nữ tác giả Carrie đã tạo nên một thế giới đặc biệt, một không gian nghệ thuật hiếm gặp trong văn học. Nhưng khi chạm tay tới nó, người đọc mới ngộ ra một điều rằng, từ bấy lâu nay, có thể đâu ta vẫn tự trói buộc mình trong một ngôi làng cô lập thế này mà không hay biết. Bởi lẽ, nếu như ta chưa từng nhìn thấy đại dương, ta nào có nỗ lực đi tìm nó. Cassandra Clare, tác giả ăn khách của cuốn “Thành phố xương người” đã nhận định *“Thông minh, u ám nhưng quyến rũ, Rừng Răng-Tay luân chuyển giữa vẻ đẹp mê hồn và sự kinh dị. Thế giới của Mary là một thế giới mà độc giả không dễ gì quên được.”* Còn Melissa Marr, tác giả của cuốn “Tình yêu độc địa” cho rằng *“Mở cuốn Rừng Răng-Tay cũng giống như khám phá chiếc hộp của Pandora: Bóng tối mờ ảo và niềm hy vọng quý giá cứ thế trào ra. Đây là một cuốn tiểu thuyết tinh tế, lôi cuốn từ trang đầu đến trang cuối và đầy ma lực. Tôi say mê nó từ đầu đến cuối.”*

Nguồn: VnExpress (2010)

Nhà văn Paolo Giordano - Tất cả các nghệ sĩ đều yêu sự cô đơn

Trong tuần cuối tháng 8, độc giả Việt Nam lại hào hứng bởi một sự kiện đặc biệt là chuyến giao lưu giới thiệu sách của nhà văn Italia, Paolo Giordano. Trước giờ, đã có nhiều nhà văn nổi tiếng sang Việt Nam, nhưng có lẽ đây là lần khiến độc giả kinh ngạc nhất, bởi vì Paolo Giordano là một hiện tượng của văn học Italia, nhưng chỉ là một chàng trai trẻ măng chứ không phải một ông già đạo mạo. Nhìn trên ảnh, Giordano giống tài tử điện ảnh và ca sĩ hơn nhà văn, nhưng bên ngoài anh lại có dáng dấp của một chàng sinh viên giản dị với quần thun xanh, áo sơ mi kẻ sọc bỏ ngoài quần và khuôn mặt hiền lành. Khi khoa Lý luận-Sáng tác-Phê bình của trường ĐH Văn hóa Hà Nội báo cho tôi biết rằng tác giả của cuốn sách đang nổi đình nổi đám “Nỗi cô đơn của các số nguyên tố” sẽ đến giao lưu với sinh viên vào lúc 2h chiều ngày 27/8/2009, tôi đi rất đúng định đến tận hơn 2h mới tới nơi, vì đã từng học ngôn ngữ Ý, tiếp xúc nhiều với người Ý, biết rằng họ chẳng mấy khi đúng giờ. Y rằng đến nơi thấy báo rằng họ đã hẹn lại 2h30 vì 2h mới rời khỏi Đại sứ quán được. Tôi đoán “Họ hẹn 2h30, nhưng chắc sẽ không đúng giờ đâu”. Quả nhiên, 2h40 mới thấy Paolo Giordano xuất hiện cùng một số người khác.

Khuôn viên phòng hội thảo của Khoa LL-ST-PB nhỏ hẹp và nóng bức, tuy nhiên sinh viên vẫn kê ghế tràn qua ngoài sân để được tận mắt thấy nhà văn trẻ nhất giành giải văn học Italia Premio Strega. Ngay khi vừa nhận được micro, Paolo đã nói rằng anh chỉ đến để giao lưu, chứ không có gì để dạy dỗ hay hướng dẫn các bạn trẻ cả, vì các bạn đã có những giảng viên chuyên ngành kỳ cựu giảng dạy rồi. Paolo Giordano đang là nghiên cứu sinh ngành Vật lý lượng tử và Công nghệ, và không có gì lạ khi nhan đề cuốn tiểu thuyết gần 400 trang có cái tên rất lạ liên quan đến toán học. Trong cuốn sách này, Paolo đề cập đến một đề tài mang tính thời đại là nỗi cô đơn của những người trẻ tuổi trong kỷ nguyên của truyền hình, máy vi tính, điện thoại di động. Đây là vấn đề xã hội đang được quan tâm, thậm chí có cả những nghiên cứu đi sâu vào lối sống Emo (Emotion) của giới trẻ. Đó là một quần thể gồm những cá nhân riêng lẻ sống thu mình trong thế giới cảm xúc của mình. Họ không giao tiếp hoặc không thể giao tiếp với những người mà họ coi là không thể chia sẻ đến tận cùng trong khu vườn bí mật của tâm hồn. Đã có nhiều nhà văn trẻ xoáy sâu vào chủ đề này nhưng không phải ai cũng thành công. Hai nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết của Paolo còn bi kịch hơn, mỗi người mang trong mình một ám ảnh không thể gột rửa, và ám ảnh, bế tắc lòng trong nỗi cô đơn. Cuối truyện, tưởng rằng hai nỗi cô đơn, hai sự đồng cảm gặp nhau sẽ tạo thành một niềm hạnh phúc nhưng rồi họ nhận ra rằng số phận của họ sẽ như các con số nguyên tố kia, luôn bị chặn lại bởi một số chẵn chen vào giữa. Bi kịch vì thế được đẩy lên đến tận cùng. Paolo Giordano truyền tải ý tưởng ấy bằng một hình ảnh ẩn dụ rất lạ, rất toán học với những mạch văn chau chuốt miêu tả chi tiết mà nhà phê bình Văn Giá gọi là “cực thực”. Ông cũng nói rằng “Đã rất lâu rồi tôi mới đọc một cuốn tiểu thuyết ám ảnh đến như thế”.

“Nỗi cô đơn của các con số nguyên tố” được phát hành vào đầu năm 2008 và ngay lập tức trở thành sự kiện xuất bản tại Italia với hơn 1 triệu bản in sau khi Paolo đoạt giải. Trong buổi giao lưu, Paolo chia sẻ những suy nghĩ của mình một cách chân thật như khi người ta ngồi đàm đạo văn chương cùng nhau trong một không gian hẹp. Cũng giống như nhiều nhà văn Việt Nam, Paolo thừa nhận rằng viết lách là một công việc cô đơn, bởi vì khi đó bạn chỉ có thể làm việc một mình chứ không thể làm việc tập thể, nhưng tất cả các nghệ sĩ đều yêu sự cô độc này, và nỗi cô đơn là thứ cần thiết để người sáng tạo tồn tại. Paolo cho rằng tính cô đơn có hai mặt: tích cực và tiêu cực, vì thế, anh rất dễ dàng miêu tả nỗi cô đơn trong tác phẩm của mình. Ông Giuseppe Tidona, tùy viên văn hóa ĐSQ Italia, người đã từng theo học chuyên ngành văn học ở trường đại học nói rằng “Tôi đã đọc sách của Paolo đến hai lần, trong vòng một năm”.

Tôi cũng tin rằng, với cuốn tiểu thuyết đầu tay của mình, nhà văn trẻ Paolo Giordano đã làm được một điều mà bất kỳ nhà văn nào đều mơ ước, đấy là khiến người đọc phải chiêm ngưỡng tác phẩm của mình đến không phải chỉ một lần.

Và dưới đây là cuộc phỏng vấn ngắn với nhà văn.

Sau khi đã nổi tiếng, cuộc sống và quan niệm viết văn của anh có gì thay đổi không?

Sau khi tôi thành công với cuốn sách này thì cũng có nhiều tờ báo và tạp chí mời tôi viết các bài về phê bình văn học. Mới đầu tôi không nhận lời vì quan niệm rằng công việc của một nhà văn và một nhà phê bình là hoàn toàn khác nhau. Tôi cũng sợ rằng mình không đủ kiến thức cần thiết để nhận định các tác phẩm một cách chính xác. Nhưng sau đó tôi phát hiện ra một điều là có một cách giới thiệu tác phẩm mà chỉ có nhà văn mới thực hiện được. Đó là cách giới thiệu không hàm nghĩa phán quyết hay dở như cách của các nhà phê bình mà là cách cảm nhận một tác phẩm của một nhà văn đối với một nhà văn. Việc giới thiệu các tác phẩm nước ngoài còn giống như một sự kết nối mối quan hệ đối với các nhà văn Anh, Mỹ mà trước đây tôi mới chỉ nghe tên.

Mới chỉ đọc qua nhan đề “Nỗi cô đơn của các con số nguyên tố”, người ta thấy hai điều rõ nhất là toán học và nỗi cô đơn. Anh đã gửi thông điệp gì của mình trong nỗi cô đơn ấy?

Nỗi cô đơn tôi đã kể trong cuốn sách có tính hai mặt, đó là nỗi cô đơn mà con người ta bị đẩy vào thế như vậy. Tuy nhiên theo tôi nỗi cô đơn cũng có tính tích cực của nó vì các nhà văn đều đam mê sự cô đơn. Chỉ riêng viết văn cũng đã là một công việc hết sức cô đơn rồi, người ta chỉ có thể làm việc một mình chứ không ai viết chung cả. Vì thế, cô đơn là bản chất của nghệ sĩ và ai cũng yêu nỗi cô đơn ấy. Nỗi cô đơn đã tồn tại qua hàng ngàn năm và ngày nay, trong thời đại của vô tuyến truyền hình, internet, điện thoại di động, nỗi cô đơn vẫn không hề mất đi, nó chỉ chuyển biến ở dạng khác mà thôi. Trong cuốn sách của mình, tôi đã miêu tả nỗi cô đơn của giới trẻ. Ngày nay, người trẻ có những biểu hiện rất khác khi họ cô đơn, những căn bệnh chán ăn, những hành vi tự hủy hoại bản thân là một ví dụ.

Còn về yếu tố toán học, có ngạc nhiên quá không khi một tiến sĩ ngành vật lý lượng tử từng tốt nghiệp trung học với số điểm 100/100, tốt nghiệp đại học với tấm bằng xuất sắc và được đánh giá là sinh viên giỏi nhất khóa ở trường ĐH Turin lại trở thành nhà văn trẻ nhất lĩnh giải thưởng danh giá Premio Strega vốn chỉ dành cho các nhà văn gạo cội?

Không có bất lợi nào khi một người làm khoa học viết văn cả, thậm chí còn có lợi nữa, vì việc hiểu biết chuyên sâu về khoa học tự nhiên giúp tôi có hành trang kiến thức về một lĩnh vực đặc biệt mà rất ít nhà văn khác có. Nếu tác giả có những kiến thức đặc biệt khác với đời thường thì cuốn sách sẽ hấp dẫn hơn rất nhiều. Đọc về một lĩnh vực khác cũng giống như khi người ta đọc về một quốc gia khác vậy. Và một lời khuyên của tôi đối với các bạn trẻ là khi các bạn cầm bút viết, hãy viết về điều gì mà mình hiểu sâu nhất

Khi mới bắt đầu viết, anh có chú trọng quá nhiều đến vấn đề kỹ thuật không?

Tất cả người viết khi mới bắt đầu đều muốn tìm tòi một phong cách viết mới. Rồi trong quá trình viết, họ cũng cố tìm ra phong cách riêng cho mình, tôi cũng vậy, bằng cách cố gắng kể lại câu chuyện theo một cách đơn giản nhất. Nhưng tôi cho rằng đây là kỹ năng khó nhất, vì câu chuyện vẫn cần phải có những cao trào, nghĩa là khi anh đi từ đơn giản đến cao trào rồi lại quay trở lại sự đơn giản nghĩa là anh đã đi một hành trình gấp đôi. Trong các tác phẩm sau này, tôi vẫn sẽ theo phong cách ấy, với sự diễn đạt ngôn ngữ và nội dung câu chuyện một cách đơn giản, dễ hiểu nhất, nhưng vẫn phải giữ sự thăng hoa. Tôi ví điều này với trò chơi thả diều. Khi người ta thả diều, người ta mong cho diều bay càng cao càng tốt, nhưng dù thế nào thì dây diều vẫn cứ phải được giữ thẳng bằng dưới mặt đất.

Tình hình giới trẻ viết văn và giới xuất bản hiện nay ở Italia như thế nào?

Hiện nay ở Italia có rất nhiều người trẻ ham mê viết văn với mong muốn được trở thành nhà văn. Nhiều người nói rằng họ viết là vì đam mê, viết chỉ để cho mình đọc và chia sẻ với bạn bè nhưng tôi cho là họ chỉ nói ngoài mặt thôi, chứ ai cũng muốn tác phẩm của mình phải được đông đảo công chúng đón nhận. Vì thế, việc chọn cho mình một nhà xuất bản thật tốt là rất

quan trọng. Ngành xuất bản Italia hiện nay có một khía cạnh không được tích cực cho lắm, đó là do chạy theo nhu cầu của thị trường, họ đã bóp méo, nhào nặn và thay đổi hẳn bộ mặt tác phẩm của người viết, khiến nó có một dung mạo hoàn toàn khác. Tôi may mắn có được một nhà xuất bản thực sự hiểu tác phẩm của mình và đã giúp tôi đưa nó đến tay bạn đọc.

Vấn đề xã hội lớn nhất hiện nay ở Italia là gì và văn học đóng góp gì trong hiện tượng xã hội đó?

Vấn đề xã hội thì có nhiều và khó có thể nói điều gì là lớn nhất, nhưng tôi cho rằng một trong những vấn đề lớn là sự mất lòng tin đối với các tổ chức và mất lòng tin đối với con người, hay người ta còn gọi là sự bàng quan của xã hội. Cũng đã có nhiều nhà văn và nghệ sĩ xoáy sâu vào khoảng trống này, họ lo âu, hoảng sợ trước sự thiếu quan tâm của cộng đồng. Cá nhân tôi thì không tin rằng văn học hay bộ môn nghệ thuật nào có thể giải quyết triệt để được vấn đề xã hội này, nhưng văn học sẽ đóng vai trò giúp con người nhận thức được điều đó để có cách ứng xử cho phù hợp. Nhưng dù sao, sử dụng văn học như một công cụ tích cực để cải thiện xã hội cũng đồng nghĩa với việc chấp nhận trả giá. Ở nước tôi, từng có một nhà văn viết về các gia đình mafia ở Napoli và sau đó ông đã bị đe dọa đến nỗi cho đến giờ vẫn phải sống trong tình trạng được bảo vệ đêm ngày.

Nguồn: An ninh Thủ đô (2009)

Việt Nam toàn là những người khác thường

Trước khi cuốn “Destination Saigon” trở nên nổi tiếng trên toàn nước Úc, Walter Mason chỉ là một sinh viên học tiếng Việt. Walter Mason cũng không ngờ cuốn sách đầu tay của mình đã tạo nên một ấn tượng độc đáo trên thị trường sách Australia. Với giọng văn tinh tế và những nhận xét hài hước về đất nước và con người Việt Nam, chỉ mới phát hành hơn một tuần lễ, cuốn sách đã được NXB Allen & Unwin lên kế hoạch tái bản. Tác giả đã được mời phỏng vấn trên hầu hết những cơ quan truyền thông đại chúng ở Australia. Mặc dù đang rất bận rộn với luận án tiến sĩ về văn học Australia và cuốn sách thứ hai, Walter Mason vẫn dành riêng một cuộc trò chuyện với báo Tiền phong.

Anh sống ở Việt Nam bao lâu rồi, Walter Mason?

Trong vòng 16 năm qua tôi đã đến Việt Nam 11 lần, nhưng lần lâu nhất là 6 tháng hồi năm 1999. Khi đó tôi học tiếng Việt tại trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn TP Hồ Chí Minh. Hồi năm 2008-2009 tôi đã đi vòng quanh nước Việt để viết cuốn sách này. Năm 1996, tôi cũng mất ba tháng để hành hương đến những trung tâm Phật giáo ở Việt Nam. Còn những chuyến đi khác thì ngắn hơn, thường chỉ kéo dài từ 2 tuần đến 2 tháng.

Tại sao anh lại cho ra đời cuốn sách này?

Việt Nam giờ là một trong những điểm đến được ưa thích nhất của người Australia. Và họ thích nghe những câu chuyện về Việt Nam trong thế kỷ 21. Nhưng thực ra thì tôi chỉ muốn viết những câu chuyện của chính mình và chia sẻ một vài cảm quan mà tôi có được từ đất nước xinh đẹp của các bạn trong suốt những năm vừa qua. Tôi muốn viết về một nơi chốn mà tôi biết rất rõ và vô cùng yêu quý. Vì thế tôi muốn truyền đi một thông điệp rằng Việt Nam đặc biệt đến thế nào. Rằng chúng ta đi du lịch không phải chỉ để ngắm cảnh mà còn là nỗi lòng tay lớn để tìm hiểu thêm về những điều mới mẻ về anh em, bè bạn của chúng ta trên khắp thế giới. Rằng chúng ta có thể kết bạn với nhau dù có đi đâu trên khắp thế giới. Tình bạn ấy sẽ rất đặc biệt và lâu dài. Và tôi cũng muốn mọi người biết rằng Việt Nam có một bề dày lịch sử và văn hóa vài ngàn năm thú vị đến nhường nào, chứ không chỉ đơn thuần có mỗi chiến tranh.

Anh ấn tượng điều gì nhất về Việt Nam?

Tinh thần của con người ở đây. Họ rất tốt bụng và hào phóng, cho dù họ có sống trong hoàn cảnh nào đi chăng nữa. Tôi vẫn luôn kinh ngạc vì mọi người đã sẵn sàng chia sẻ cuộc sống với tôi, một người hoàn toàn xa lạ. Dù tôi có đi đến nơi nào trên đất nước Việt Nam thì tôi cũng gặp những con người có tính cách tò mò và phóng khoáng. Đó là một trong những tính cách rất hiếm gặp và vì thế nó trở nên quý giá.

Tính cách đặc trưng nào của người Việt mà anh nhận thấy hoàn toàn khác biệt với những dân tộc khác?

Người Việt Nam rất thật thà. Nếu bạn là kẻ béo phì thì họ sẽ nói ngay cho bạn biết điều đó. Nếu bạn có điều gì đó không ổn thì họ cũng sẽ không ngần ngại mà hỏi thẳng ngay. Đầu tiên thì tôi cũng ngại ngại rằng điều này sẽ làm tôi cảm thấy không thoải mái, nhưng rất nhanh sau đó tôi trở nên thích nghi và thậm chí còn thấy thích điều đó. Trên thực tế, tôi thấy rằng tính cách thẳng thắn này cũng rất dễ chịu.

Và điều gì khiến anh không thích ở người Việt Nam?

Ồ, bởi vì lúc ở Việt Nam tôi luôn cảm thấy như ở nhà mình nên khó có thể nói rằng mình ghét điều gì. Dĩ nhiên, vẫn có một chút khoảng cách do hiểu lầm, bởi vì tôi lớn lên ở một nền văn

hóa hoàn toàn khác. Cái điều phiền toái nhất là gì ư? Đôi khi người Việt rất hay nói “có” cho lịch sự trong khi lẽ ra họ nên nói với tôi là “không”. Sau này tôi phát hiện ra rằng nếu như họ nói “chắc chắn” thì điều đó có nghĩa là “chắc”, khi họ nói “chắc” thì điều đó đồng nghĩa với “có thể”, còn khi nói “có thể” thì rõ ràng là “không” rồi. Tuy nhiên tôi yêu thích hầu hết mọi thứ về Việt Nam, thậm chí còn cảm thấy thoải mái hơn cả khi sống ở nước mình nữa.

Anh có kỷ niệm khó quên nào ở đây không?

Nhiều lắm. Việt Nam toàn là những người khác thường và các vùng đất ở đây thì độc nhất vô nhị. Nhưng một trong những kỷ niệm dễ thương nhất là lúc tôi đi thuyền trên sông Mekong từ Sài Gòn xuống Cần Thơ. Đó có thể là một trong những chuyến đi sông nước thú vị nhất thế giới. Quang cảnh trên sông đầy những kỳ thú, ta có thể ngắm nhìn các nhà thờ, đền thờ, và những ngôi nhà chùa ra trên sông. Mọi người về nhà bằng thuyền. Họ neo thuyền vào các bến nhỏ. Đúng là một kiểu sống rất tuyệt.

Cuốn sách dường như tập trung chủ yếu vào phần tôn giáo ở Việt Nam. Chỉ riêng bìa sách thôi cũng đã nói lên điều đó. Dường như anh có hứng thú nhiều đối với tôn giáo?

Tôi rất quan tâm đến tôn giáo. Đời sống tinh thần của người Việt cũng không ngừng cuốn hút tôi. Có nhiều điều thú vị về lịch sử và văn hóa tôn giáo Việt Nam và lần nào quay trở lại đây tôi cũng khám phá thêm được điều gì đó mới. Lúc đó tôi lại thấy ngạc nhiên rằng tại sao lần trước tôi không nhận ra điều đó. Phật giáo, Thiên chúa giáo, Cao Đài, Lão giáo, Khổng giáo, Hồi giáo, đạo Hindu... Dường như các dòng tôn giáo trên thế giới đều có mặt ở Việt Nam. Một sự pha trộn thật độc đáo.

Nhiều tác giả nước ngoài cũng viết về Việt Nam. Anh có tin rằng tác phẩm của mình khác những cuốn sách khác?

Bạn biết đấy, viết về Việt Nam thì đã có hàng nghìn cuốn sách, nhưng phần lớn những cuốn sách ấy thường chỉ miêu tả về chiến tranh và lịch sử Việt Nam. Trên thực tế, có rất ít những cuốn sách về Việt Nam được viết bằng tiếng Anh theo kiểu thế này. Thành thử khách nước ngoài đến Việt Nam cứ đinh ninh rằng họ sẽ nhìn thấy một vùng đất thuộc địa Pháp bị tàn phá bởi chiến tranh, bởi vì đó là hình ảnh đã in sâu trong óc họ qua những cuốn sách và bộ phim phương Tây. Tôi viết cuốn này để nói cho mọi người biết rằng còn có một bức tranh hoàn toàn khác về Việt Nam. Đó là một đất nước năng động, thú vị với đầy những hứa hẹn về tương lai. Hy vọng là tôi đã khắc họa được yếu tố đó. Mọi người bảo tôi rằng cuốn sách này hài hước, nhiều kiến thức với tình cảm chân thành dành cho người Việt và đất nước của họ. Tôi cũng hy vọng thế. Đó chính là những gì mà tôi hướng tới.

Và kế hoạch về cuốn sách thứ hai?

Ồ, tôi đang viết cuốn thứ hai rồi. Lại là về Việt Nam. Tôi cũng hy vọng mình sẽ có cơ hội viết về Phật bà Quan âm, rằng bà đã được tôn thờ như thế nào ở Việt Nam, nhưng chắc đó là kế hoạch dành cho cuốn sách thứ ba.

Xin cảm ơn anh và chúc cho những cuốn sách của anh thành công.

Nguồn: Tiền phong (2010)

Nhà báo Valerio Pellizzari - Tôi tự hào là đồng hương của Marco Polo

Trong tuần lễ Văn hóa Italia được tổ chức tại Hà Nội từ ngày 23 đến 30-10-2005, Đại sứ quán Italia tại Việt Nam đã giới thiệu buổi nói chuyện của nhà báo Valerio Pellizzari mang tên “Người đồng hương của Marco Polo” vào ngày 23-10-2005 tại Viện Goethe và buổi thuyết trình về “Thông tin nhanh” tại Trường ĐH ngoại ngữ Hà Nội (24-10-2005). Valerio Pellizzari là khách mời đặc biệt trong Tuần lễ văn hóa này. Ông được báo giới đánh giá là một trong 20 phóng viên chiến trường xuất sắc nhất thế giới. Trong bài nói chuyện ở Viện Goethe, Valerio Pellizzari kể lại những trải nghiệm của ông trong suốt thập kỷ với tư cách là một phóng viên chiến trường và người quan sát khách quan về các mâu thuẫn trên toàn cầu.

Thưa ông Pellizzari, ông đã đi thực tế được 40 năm. Vậy ông đã ở bao nhiêu chiến trường rồi?

Tôi xin được bắt đầu với chiến trường Thổ Nhĩ Kỳ năm 1974 với những năm mồ hôi vất vả mà tôi không thể nào quên. Suốt 40 năm qua tôi có xu hướng đi từ Tây sang Đông. Tôi đã ở chiến trường Đông Dương cho đến năm 1978; ở Srilanka, Tây Tạng năm 1987; nhiều năm ở Iraq, Nam Tư khi Kosovo sụp đổ. Đặc biệt là 10 năm chứng kiến cuộc chiến tranh Việt Nam và tận mắt thấy hàng trăm ngàn người ngã xuống. Tôi cũng là một trong số rất ít phóng viên có mặt ở Kabul khi Nga đưa quân đến Afghanistan.

Ông nói rằng chính trí tò mò và sự cảm thông với con người đã thúc đẩy thói quen du ngoạn. Vậy đó có phải là điều kiện khiến ông dẫn thân vào những chiến trường nguy hiểm nhất?

Tôi chưa bao giờ hào hứng với bạo lực cả. Tôi đã có mặt trong những cuộc chiến ở Iran, Iraq và chứng kiến các loại vũ khí tối tân, đắt tiền trong khi người dân không có nước để giặt giũ, sinh hoạt, không có thực phẩm để ăn. Và trong một sự đối lập như vậy thì với bấy kỳ một con người bình thường nào cũng sẽ đẩy lên lòng cảm thông sâu sắc chứ không phải cảm hứng để khai thác các câu chuyện.

Ông có thể nhận định về sự khác biệt giữa các cuộc chiến của thập kỷ 60, 70, 80 thế kỷ trước và ngày nay?

Thật khó thu thập những thông tin cụ thể để chứng minh nhưng cá nhân tôi cho rằng cuộc chiến tranh Việt Nam là một trong những cuộc chiến lớn nhất trong thế kỷ vừa qua, bên cạnh những cuộc chiến ở Iraq và Nam Tư cũ. Tôi cho rằng đó là những vụ đánh bom ngu xuẩn với trang thiết bị tối tân nhưng có tính chất bắn thử và lạc hậu chẳng khác nào thời trung cổ. Tôi đã tận mắt chứng kiến các vụ đánh bom và bất lực khi quả bom trúng mục tiêu, tôi không hiểu điều gì đang diễn ra và diễn ra vì cái gì. Trong cuộc chiến ở Iraq, chỉ có sự hủy diệt. Một khác biệt cơ bản giữa các cuộc chiến trước kia và ngày nay là giờ thì người ta sử dụng các rô bốt để chiến đấu thay vì những con người có xúc cảm. Chỉ cần bấm một cái nút trên máy vi tính công nghệ cao là xong. Nếu tôi có thể viết một điều gì đó thì tôi muốn mọi người hãy nhớ rằng, để xây lại một ngôi nhà hay một cây cầu có thể mất vài tháng hay thậm chí mất vài năm nhưng đối với phụ nữ, trẻ em và những người bị thương trong chiến tranh thì không dễ gì hồi phục và lấy lại những gì mất mát về tinh thần và thể xác mà họ đã phải chịu đựng.

Còn những trải nghiệm của ông về Việt Nam?

Tôi cũng đã đến Việt Nam khi Mỹ vừa rút quân. Lúc đó tôi chỉ muốn xem Việt Nam sau chiến tranh ra sao. Tôi hơi thất vọng bởi dù chiến tranh không còn nhưng tôi vẫn thấy những cậu bé đến trường tay xách hộp mực làm từ vỏ bom hay các phế thải chiến tranh khác. Ngày hôm qua có một nhà báo phỏng vấn tôi về Chiến thắng Điện Biên Phủ và Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Tôi trả lời rằng anh ấy nên hỏi những người trực tiếp tham gia trận Điện Biên Phủ hơn là hỏi tôi và

tướng Giáp. Hãy hỏi những con người vô danh, không quyền lực, chưa bao giờ được lên báo chí nhưng đã từng cảm sung. Chính những con người không có quyền lực mới dạy cho tôi nhiều điều.

Vậy quan điểm của ông về nhà báo chính trị và nhà báo chiến trường?

Một người bạn rất thân của tôi luôn hỏi rằng “Tại sao ông không rời khỏi tòa soạn đó vì ngày nay thông tin là một loại sản phẩm của công nghệ chứ đâu còn liên quan đến trí tuệ nữa”. Đôi khi người ta cũng nói đùa rằng chất lượng của nhà báo đã khác xưa vì họ còn phải lò mồi ngày sản xuất ra bao nhiêu kilogam thông tin cũng như ỷ vào sự trợ giúp của các thiết bị công nghệ cao mà quên mất ý tưởng. Tôi đã có cơ hội gặp một tướng thân cận của Saddam Hudsan. Lúc đó là 4 giờ sáng và chúng tôi đã trò chuyện 3 tiếng đồng hồ. Trước đó ông này đã nói chuyện với một quan chức cấp cao của CIA và họ không hề tìm thấy thứ vũ khí hủy diệt nào. Mặc dù vào thời điểm ấy cũng có nhiều phóng viên của CNN nhưng các phóng viên chỉ truyền đi những lời nói dối. Tôi cũng đã tiếp xúc với một đạo diễn ở Ấn Độ và ông này nói rằng “Ông nhà báo ời, tôi mắc bệnh yếu tim nên mọi người khuyên tôi rằng không nên giao du với cánh nhà báo các ông quá nửa giờ. Vậy mà tôi đã nói chuyện với ông được hơn hai tiếng rồi”. Tôi luôn hãnh diện với điều đó.

Ông luôn tự coi mình là người đồng hương của Marco Polo (), nhưng nước Ý còn có những người khác, như Sophia Loren chẳng hạn?*

Tôi đã nói ngay từ đầu rằng tôi không phải là một người Italia điển hình. Tôi không thể đại diện cho ô tô Ferrari, thời trang Gucci và các biểu tượng văn hóa Italia khác. Những người Italia đi đến đâu cũng tìm kiếm món Spaghetti, khoe khoang về các cầu thủ bóng đá, các ca sĩ. Đối với tôi thì Tết Âm lịch và ngày kết thúc tháng Ramada là những sự kiện không thể thiếu trong thời gian biểu cá nhân. Tôi cảm thấy thoải mái với tất cả các loại khí hậu và thức ăn. Nhiều người hỏi tôi rằng có biết cầu thủ nọ cầu thủ kia không nhưng tôi luôn trả lời rằng tôi không biết. Và tôi luôn tự hào rằng mình là người đồng hương của Marco Polo, người du hành vĩ đại nhất mọi thời đại.

Từ năm 1980, Pellizzarri là phóng viên đặc biệt của tờ nhật báo “Il Massaggero”. Trong suốt 40 năm qua, ông đã có mặt trên khắp các chiến trường Trung Đông, Viễn Đông, Trung Á và Đông Âu. Năm 1996, ông đoạt giải báo chí Max Devid. Khả năng thấu hiểu và phân tích các sự kiện mà ông là nhân chứng khiến các phóng sự về những xung đột và thay đổi chính trị không theo mặt trái bị “thương mại hóa” của báo chí đương đại được công chúng đánh giá cao. Pellizzarri đã có thời gian dài làm phóng viên tại Đông Dương, theo dõi cuộc chiến tranh Việt Nam, Campuchia và tham gia giúp đỡ sự tái thiết đất nước sau khi Mỹ rút quân khỏi Việt Nam. Tháng 12-1978, ông đã phỏng vấn Chủ tịch Quốc hội Xuân Thủy và Thủ tướng Phạm Văn Đồng vào đêm Khơme Đỏ sụp đổ. Ông đã xuất bản được nhiều cuốn sách như “Châu Á sau trận bóng bàn” (Asia after Ping-Pong -1972), “Việt Nam không hồi ức” (Vietnam without Memory -1985), “Kabul-Kabul”-1989 và gần đây nhất là cuốn “La stanza di Ali Baba” (Căn phòng của Ali Baba) sắp được dịch ra tiếng Ả-rập. Cuốn sách này đã mở ra những góc khuất của những gì đang xảy ra ở Iraq, nơi mà ông tập trung chú ý trong vài năm qua.

Nguồn: An ninh Thủ đô (2005)

Chú thích:

Marco Polo (1254-1323) là nhà du hành người Italia nổi tiếng nhất phương Tây thời Trung đại. Cuốn sách nổi tiếng của ông viết về những trải nghiệm qua các chuyến ngao du mang tựa đề “Cuốn sách của Marco Polo” đã được dịch ra nhiều thứ tiếng.

Kỳ diệu chuyến tàu cổ tích Andersen

Từ ngày 3 đến ngày 12-10-2005, Đại sứ quán Đan Mạch đã tổ chức chuyến đi có tên gọi “Chuyến tàu cổ tích” nhân kỷ niệm 200 năm ngày sinh của nhà văn H.C.Andersen. Lúc sinh thời nhà văn hay đi du lịch bằng tàu hỏa và rất nhiều chuyện cổ tích nổi tiếng ra đời sau những chuyến đi đó. Đây chính là cảm hứng cho cuộc hành trình bằng tàu hỏa xuyên suốt từ Hà Nội – Vinh - Huế - Đà Nẵng - TP Hồ Chí Minh với sự tham gia của nhà văn Đan Mạch Peter Fogtdal, Giáo sư giảng dạy văn học vùng Scandinavia, trường ĐH Portland State, Mỹ, cùng NSUT Minh Hằng và MC Châu Anh. Báo ANTĐ đã có cuộc trò chuyện với nhà văn Fogtdal, tác giả của những cuốn sách đã được dịch sang tiếng Anh, Pháp, Bồ Đào Nha.

Thưa nhà văn, không hiểu sao tôi thường bị ấn tượng rằng các nhà văn ở quê hương của Andersen thế nào cũng viết truyện thiếu nhi. Chắc ông cũng vậy?

Tôi đã viết được 10 cuốn tiểu thuyết và bốn trong số đó là tiểu thuyết lịch sử. Cách đây ba hôm, cuốn tiểu thuyết của tôi mang tên “Le front chantilly” kể về cộng đồng người Đức ở Đan Mạch sau thế chiến lần thứ hai đã đoạt giải “Cuốn tiểu thuyết hay nhất” của các nước vùng Baltic. Hội đồng chấm giải gồm có 11 đại sứ và họ đều “bỏ phiếu” cho cuốn sách của tôi, trong đó có Đại sứ Việt Nam ở Copenhagen. Mơ ước của tôi là cuốn sách có thể được xuất bản bằng tiếng Việt để tôi có cơ hội quay trở lại Việt Nam. Thật tiếc là tôi chưa viết cuốn truyện thiếu nhi nào nhưng tôi cũng mong là viết được một cái gì đó cho các em.

Và đây là lần đầu tiên ông đến Việt Nam?

Lần thứ hai rồi. Cách đây hơn một năm tôi đã qua Việt Nam để giảng bài. Nhưng ấn tượng về chuyến đi lần này khác hẳn. Tôi được tiếp xúc nhiều với trẻ em. Vui lắm và thật tuyệt vời, tuyệt vời. Tôi đã nói liên tục không nghỉ trong suốt những ngày qua và tôi nói gì các em cũng vỗ tay. Chúng tôi đã dành hai buổi để giới thiệu thân thế, sự nghiệp của nhà văn Andersen cho trẻ em kém may mắn, một ở TP Hồ Chí Minh và một tại trường Hoa Sữa, Hà Nội vào tối 12-10. Tôi cũng muốn dành tặng lời ca ngợi tới hai cộng sự là NSUT Minh Hằng và MC Châu Anh. Minh Hằng đã đọc truyện và kết hợp diễn xuất 3 truyện cổ tích là “Chú vịt xấu xí”, “Chuyện kể về người mẹ” và “Chàng chăn lợn”. Mặc dù không biết tiếng Việt nhưng nhìn phản ứng của các em, tôi biết cô ấy đã rất thành công.

Theo cảm nhận của ông trong chuyến đi vừa qua thì mức độ quan tâm của thiếu nhi Việt Nam đối với truyện cổ Andersen như thế nào, thưa ông?

Tôi không thể chủ quan đánh giá việc này được vì không biết các em có thường xuyên đọc truyện Andersen hay không. Nhưng trong chuyến đi vừa qua, tôi rất vui khi thấy các em đặt nhiều câu hỏi về Andersen đến nỗi tôi không có đủ thời gian để trả lời nữa. Tại các buổi biểu diễn, các em cũng đội mũ và đeo khẩu hiệu trên trán có in tên các truyện của Andersen.

Văn hóa đọc ở Đan Mạch hiện nay đang ở mức độ nào, thưa nhà văn?

Ít hơn trước kia. Đương nhiên là do sự lấn át của các phương tiện nghe nhìn hiện đại như Internet, DVD phim ảnh, truyền hình... Hơn nữa sách ở Đan Mạch rất đắt, đắt hơn ở Mỹ nhiều. Tuy nhiên chính phủ Đan Mạch đã khuyến khích nhân dân phát huy văn hóa đọc bằng cách xây dựng một hệ thống thư viện hiện đại, thuận tiện cho việc tra cứu và đọc sách. Giới trẻ cũng dễ dàng truy cập Internet để tìm kiếm các tác phẩm văn học và tra cứu các DVD thay cho việc mua sách về đọc. Nỗ lực này chủ yếu thông qua các hội nhà văn. Ví dụ như gần đây, cuốn Harry Porter nhanh chóng được xuất bản đã đưa trẻ em trở lại với thói quen đọc sách.

Ông có lo lắng không khi giới trẻ ngày nay bị cuốn hút bởi những bộ phim hoạt hình và truyện

tranh Nhật Bản thay vì quan tâm đến văn học?

Tôi không lo lắng mà hy vọng giới trẻ sẽ ngày càng quan tâm đến văn hóa đọc truyền thống. Cách đây gần một trăm năm, khi điện ảnh ra đời người ta cũng lo lắng nó sẽ lấn át văn học, song thực tế đã chứng minh không phải như vậy. Tôi cũng muốn đẩy mạnh phong trào đọc truyện cổ Andersen không chỉ đối với các em thiếu nhi mà còn với cả người lớn nữa, bởi vì qua những câu chuyện của ông, người dân từ khắp nơi trên thế giới sẽ biết đến đất nước Đan Mạch nhiều hơn.

Xin cảm ơn nhà văn.

Nguồn: An ninh Thủ đô (2005)

Lời tác giả:

Đan Mạch là một đất nước lạnh lẽo, và đại sứ quán Đan Mạch nằm trên đường Điện Biên Phủ cũng lạnh lẽo không kém với một nút bấm trên bức tường trắng để có thể liên lạc với bên trong. Nhưng Peter Fogtdal là một người đàn ông thân thiện và hài hước. Anh có vẻ gì đó khác với nét đặc trưng rất khó tả của những nhà văn khác ở mọi quốc tịch. Trong cuộc trò chuyện, anh nói rằng anh chưa viết cuốn truyện thiếu nhi nào và hy vọng sắp tới sẽ có một cuốn. Tưởng nói cho lịch sự thế nhưng chỉ chưa đầy 3 năm sau, tôi đã thấy “The Tsar’s Dwarf” (Cô gái tí hon của Nga hoàng) ra đời từ NXB Hawthorne Books, Mỹ (2008) với bản dịch tiếng Anh. Câu chuyện cổ tích này kể về Soerine, một cô gái Đan Mạch bị biến thành người lùn và được dâng làm quà tặng cho Peter Đại đế và sau đó ông ta đã bị cô gái tí hon thông minh, tinh quái trừng trị.

Văn học Việt - Cái nhìn từ bên ngoài

Hội nghị quảng bá Văn học Việt Nam ra nước ngoài năm 2010 đã kéo dài trong vòng một tuần và kết thúc vào ngày 10/1/2010. Trong suốt quá trình tham gia hội nghị và trước khi lên đường về nước, các nhà văn và dịch giả nước ngoài đã bày tỏ nhiều quan điểm thẳng thắn về Hội nghị cũng như về Văn học Việt và vị trí của nó trong nền văn học thế giới. Chúng tôi đã có cuộc trò chuyện với 4 đại biểu: Nhà văn Carlos Benchetrit (Argentina), Nhà thơ Martha Collins (Mỹ), Nhà thơ Hilary Watts (Mỹ), Dịch giả Anna Gustafsson Chen (Thụy Điển) và dịch giả Günter Giesenfeld (Đức).

Quý vị đánh giá thế nào về văn học Việt Nam?

Anna Gustafsson Chen: Tôi không phải người Việt Nam và đây là lần đầu tôi đến Việt Nam, nhưng thông qua văn học Việt, tôi có thể đến thăm nhiều nơi và gặp nhiều người ở đất nước các bạn. Thông qua văn học Việt, tôi có thể hiểu được người Việt Nam nghĩ gì và cảm thấy gì. Tôi có thể biết được những điều khác biệt hay tương tự với đất nước của chúng tôi. Đọc được một cuốn sách hay luôn là điều tuyệt vời nhất.

Martha Collins: Tôi yêu văn học Việt Nam, đặc biệt là thơ, lĩnh vực mà tôi am hiểu nhất. Vì dù thế nào tôi cũng là nhà thơ mà. Lần đầu tiên tôi tiếp xúc với thơ Việt là vào năm 1993, khi Nguyễn Quang Thiều tham gia buổi hội thảo về dịch thuật mà tôi giảng dạy tại trung tâm William Joiner, nơi hỗ trợ nghiên cứu chiến tranh và hậu chiến ở Boston. Tôi đã đề nghị anh dịch ba bài thơ sang tiếng Anh. Mặc dù đã từng đọc nhiều về đất nước các bạn trong quãng thời gian tôi tham gia phản đối chiến tranh Việt Nam, ba bài thơ này đã mang lại cho tôi một cảm nhận sâu xa về văn hóa Việt Nam hơn là những gì đã từng đọc trước đó. Những năm sau này, tôi đã học tiếng Việt để hiểu về ngôn ngữ Việt và đã cộng tác với Nguyễn Quang Thiều để cho ra đời tuyển tập thơ của anh, “Những người đàn bà gánh nước sông”, vào năm 1997. Năm 2005, tôi và nhà văn Thúy Đình đã cộng tác để dịch và xuất bản một tập thơ nữa của Lâm Thị Mỹ Dạ (Cố m non), và giờ thì tôi đang cộng tác với Ngô Tự Lập để dịch thơ của anh. Nếu không đánh giá cao thi ca của các bạn thì tôi không thể làm việc này được. Trước khi tiếp cận với thơ Việt thì tôi đã dịch khá nhiều thơ từ tiếng Tây Ban Nha, Đức, Pháp và Italia. Nhưng ba bài thơ của Nguyễn Quang Thiều đã khiến tôi dành tâm sức để thực hiện một công việc rất khó khăn nhưng đầy giá trị là dịch thơ của anh.

Günter Giesenfeld: Văn học Việt Nam xứng đáng được cả thế giới biết đến và tìm đọc.

Carlos Benchetrit: Tôi mới chỉ đọc vài cuốn được dịch sang tiếng Tây Ban Nha như cuốn về đại tướng Võ Nguyên Giáp, thơ Hồ Chí Minh được dịch sang tiếng Anh và phát hành ở Tây Ban Nha. Rất hay.

Hilary Watts: Tôi thấy những tác phẩm văn học Việt mà tôi đã đọc hay biên tập rất hay, thú vị, đôi khi đầy ám ảnh và rất nhiều thông tin. Việt Nam có một bề dày lịch sử và những gì đã xảy ra vẫn là một hồi ức sống động. Các nhà thơ, nhà văn, đặc biệt là những tác giả từ những năm 1940 trở về trước đã giới thiệu với thế giới những trải nghiệm của họ về cuộc đấu tranh giành độc lập, cuộc chiến tranh với Mỹ và sự thay đổi chóng mặt của Việt Nam.

Hiện nay sách Việt có vị trí thế nào trên thị trường văn học ở đất nước các vị?

Anna Gustafsson Chen: Thanh niên Thụy Điển ngày nay thích xem ti vi và chơi game hơn là đọc sách. Nhưng cũng vẫn còn những người yêu thích văn học. Người yêu văn hóa đọc có thể gặp nhau trên mạng để thảo luận về những cuốn sách. Tôi không biết ở Việt Nam có thế hay không? Tôi để ý thấy ở Việt Nam có rất nhiều nhà thơ. Mà thanh niên Thụy Điển cũng rất thích thơ. Tuy nhiên thể loại họ yêu thích nhất vẫn là các tác phẩm trinh thám.

Martha Collins: Hồi năm 1995, tôi đã sang Việt Nam cùng Fred Marchant để thực hiện bản dịch của Nguyễn Quang Thiều. Tôi đã vô cùng kinh ngạc khi phát hiện ra rằng thơ được đánh giá cao và coi trọng đến thế nào ở đất nước các bạn. Được coi trọng hơn ở Mỹ rất nhiều. Nước

tôi người ta thích tiểu thuyết hơn thơ. Mặc dù vậy, tôi vẫn cho rằng thơ Việt sẽ được đón nhận ở Mỹ. Những cuốn sách mà tôi cộng tác dịch đã nhận được rất nhiều lời bình luận thiện chí từ các tạp chí và báo Mỹ. Sách của Nguyễn Quang Thiều cũng đã giành được giải thưởng, cả hai cuốn đều được đem giảng dạy tại trường trung học và đại học trong cả nước. Một số bài thơ của anh đã xuất hiện trong các hợp tuyển danh tiếng. Tôi nghĩ rằng giáo dục chính là chìa khóa quan trọng. Nếu sinh viên Mỹ được dạy về điều gì thì họ sẽ quan tâm hơn đến điều đó. Tôi đã phát hiện ra rằng sinh viên của tôi thích thơ Việt khi tôi giảng cho họ và kết quả là đôi khi họ quan tâm đến thơ hơn cả trước kia.

Günter Giesenfeld: Ở nước tôi, văn học Việt hầu như chưa được biết đến. Vì thế nó không thể nổi tiếng và có những cuốn sách best seller được. Chúng tôi sẽ phải quảng bá thêm nữa cho văn học Việt và đây là công việc vô cùng khó khăn. Nhưng chúng tôi vẫn đang tiếp tục. Cũng có vài cuốn sách được dịch ra tiếng Đức nhưng hầu hết là những tác giả mà người ta gọi là “phản động” đang sống ở hải ngoại. Gần đây tôi đã dịch ba cuốn: Thơ Chế Lan Viên, Thơ Nguyễn Đình Thi, Truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp. Và bên cạnh đó chúng tôi có dịch và ấn hành truyện ngắn trên tạp chí Vietnam Kurier. Ấn phẩm tháng hai này sẽ dịch một tác phẩm của nhà văn Di Li.

Carlos Benchetrit: Chỉ có vài cuốn được dịch và phát hành ở Argentina nhưng thậm chí chúng tôi còn không nhận ra sự tồn tại của chúng nữa.

Hilary Watts: Mặc dù các tác phẩm Việt Nam đã được dịch ra tiếng Anh và phát hành tại Mỹ nhưng tôi chưa nhìn thấy người bạn nào của mình đọc văn học Việt. Tôi hy vọng hội nghị lần này sẽ tạo đà cho văn học Việt tiến thêm một bước trong thị trường văn học Mỹ. Internet là một công cụ rất quan trọng. Nếu các tác giả post tác phẩm lên website của họ thì ở bất kỳ đâu trên thế giới người ta cũng có thể đọc được chúng. Tôi cũng cho rằng các bạn nên bắt đầu bằng những cuốn sách giới thiệu các tác giả tiêu biểu và đường link trang web của họ. Văn học Việt rất thú vị và giờ thì điều mà công chúng muốn biết là làm cách nào để đọc và đọc ở đâu mà thôi.

Quý vị thấy rằng Hội nghị văn học quốc tế lần này đã mang lại được những gì cho người tham dự và văn học Việt?

Anna Gustafsson Chen: Tôi nghĩ điều quan trọng nhất trong cuộc hội nghị này là các bạn đã được tiếp xúc với rất nhiều người và tạo nên những mối liên hệ để tiếp tục làm việc sau này. Điều này cũng rất tốt cho tôi nữa.

Martha Collins: Hội nghị lần này trên nhiều phương diện đã thúc đẩy văn học Việt. Nhưng có hai điều rất quan trọng đối với tôi. Thứ nhất là hội nghị cho phép các nhà văn, nhà xuất bản trên khắp thế giới gặp gỡ các nhà văn và nhà xuất bản Việt Nam. Thứ hai là chúng tôi đã phát hiện ra những quan điểm chung về nền văn học tuyệt vời của Việt Nam. Dù theo phương diện nào thì hội nghị cũng khiến cho thế giới văn học trở nên rộng lớn hơn đối với tất cả chúng ta.

Carlos Benchetrit: Sẽ có thêm nhiều cuốn sách được dịch sang tiếng Tây Ban Nha, nhưng các bạn vẫn phải đẩy mạnh thêm nữa các phương tiện truyền thông bởi vì hiện nay công chúng đang không chú ý đến sự tồn tại của văn học Việt.

Hilary Watts: Hội nghị có rất nhiều người tham dự và tôi nhận được nhiều thông tin thú vị và hữu ích.

Và những hạn chế, thưa quý vị?

Anna Gustafsson Chen: Các tài liệu không được dịch sang tiếng Anh và trong Hội nghị chúng ta không có đủ thời gian để thảo luận về các đề tài.

Martha Collins: Như tôi vừa trả lời thì hội nghị lần này các nhà văn và nhà xuất bản trên khắp thế giới được gặp gỡ, trao đổi thông tin. Tôi thì cứ ước gì có nhiều thời gian hơn nữa cho việc này, để các nhóm nhỏ có thể trao đổi được với nhau lâu hơn nữa, chia sẻ ý tưởng và các bài thơ, được gặp gỡ với những tác giả mà chúng tôi định sẽ cộng tác trong tương lai. Tôi hy vọng rằng sẽ có một cơ hội khác cho những cuộc trao đổi này. Nhưng đây rõ ràng là một sự khởi đầu

quan trọng: Tôi rất biết ơn Hội nhà văn Việt Nam đã tổ chức ra Hội nghị lần này.

Günter Giesenfeld: Tôi đã nhận được chương trình hội thảo bằng tiếng Anh từ trước. Nhưng trong Hội nghị tôi thấy chương trình cứ thay đổi liên tục. Những cái thay đổi lại bằng tiếng Việt chứ không có bản tiếng Anh. Thay đổi là chuyện bình thường nhưng chúng tôi cần văn bản tiếng Anh mới hiểu được. Cũng ít thời gian để thảo luận nữa. Hội nghị nhiều báo cáo và diễn văn quá.

Carlos Benchetrit: Những cuộc hội thảo chuyên đề nên phổ biến rộng rãi hơn nữa, ví dụ như các cuộc trao đổi giữa những chuyên gia và công chúng chẳng hạn.

Hilary Watts: Tôi mong rằng sẽ có những cuộc trao đổi tương tác hơn. Cuộc gặp gỡ các nhà văn trẻ chủ yếu chỉ là phát tài liệu tham luận chứ không có những chủ đề để tranh luận. Nếu được như vậy, các ý tưởng và chiến lược quảng bá văn học Việt ra thế giới sẽ hữu ích hơn. Tôi cũng đã nghĩ sẽ có nhiều cơ hội để nghe đọc thơ văn, vì trước lúc đến hội nghị, tôi được biết rất ít về văn học Việt. Lẽ ra tôi đã có thêm cơ hội để hiểu các tác phẩm một cách cụ thể hơn nữa.

Nguồn: Tiền phong (2010)

Hãy nhìn bằng con mắt của người Châu Á

Đó là ý kiến của nhà văn Bang Huyn Seok, Tổng Biên tập Tạp chí Văn học châu Á. Anh vừa sang Việt Nam trong chuyến đi giới thiệu số xuất bản đầu tiên của tạp chí này. Bang Huyn Seok sinh năm 1961, tốt nghiệp khoa sáng tác Trường đại học ChunGam. Trong quãng thời gian này, anh từng là Hội trưởng Hội sinh viên Hàn Quốc và tham gia phong trào đấu tranh dân chủ hóa của sinh viên chống lại chính quyền Cheon Du Hwan. Giành được nhiều giải thưởng văn học có giá trị của Hàn Quốc, Bang Huyn Seok là tiểu thuyết gia được độc giả châu Á yêu thích. Sau tiểu thuyết đầu tay ấn hành năm 1988 “Đặt bước chân đầu tiên”, Bang Huyn Seok lần lượt cho ra đời 5 cuốn tiểu thuyết khác, trong đó có những tác phẩm được đánh giá cao như “Ngôi nhà mở cửa cho ngày mai”, “Thời gian ăn tôm hùm” (đã được dịch ra tiếng Việt).

Xin chúc mừng anh và cả tòa soạn vì thành công ngoài sức tưởng tượng của Tạp chí Văn học châu Á. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy cuốn tạp chí văn học dày tới 400 trang, lại được in rất đẹp nữa. Nhưng với đối tượng là độc giả châu Á mà tạp chí in bằng tiếng Anh và tiếng Hàn, liệu có dễ quảng bá không đây?

Hiện nay chúng tôi có kế hoạch phát hành ba tháng một số và ngay số đầu tiên đã mất rất nhiều công sức rồi. Ban biên tập chỉ có bốn người và năng lực cũng không cho phép chúng tôi dịch sang tất cả các thứ tiếng châu Á. Nhưng trong tương lai tôi hy vọng ở mỗi nước, cuốn tạp chí này sẽ được dịch sang các ngôn ngữ khác nhau. Số đầu tiên được in 10.000 bản trong đó 2.000 bản được lưu hành tại Hàn Quốc và 8.000 được giới thiệu tại gần 40 cơ quan nghiên cứu châu Á và văn học châu Á trên toàn thế giới. Xin đừng nghĩ rằng chúng tôi lấy Hàn Quốc ra làm trung tâm vì chúng tôi chỉ là cầu nối giúp các độc giả châu Á hiểu về văn học của nhau, đặc biệt là cầu nối đưa văn học châu Á ra thế giới phương Tây.

Được biết tờ tạp chí chính là sáng kiến của anh. Điều gì đã tạo cho anh ý tưởng tuyệt vời đến vậy?

Mỗi lần sang châu Âu lại là một lần tôi bực mình. Tôi giận chính mình vì tại sao tôi lại biết nhiều về châu Âu đến vậy và đọc nhiều văn học châu Âu như vậy. Trước đây người Hàn Quốc chúng tôi không lấy mình làm trung tâm mà luôn đi tìm giá trị đích thực và khuôn mẫu từ phương Tây. Tôi cho rằng giờ là lúc chúng ta phải thay đổi điều này. Người châu Á nên nhìn bằng chính con mắt của người châu Á và làm thế nào đây để mọi người trên thế giới đều phải đọc được điều đó. Vì thế cuốn tạp chí đầu tiên này có chủ đề là Đọc Châu Á. Trên thực tế tôi đã nuôi ý tưởng này từ lâu lắm rồi và năm ngoái tôi có sang đây để gặp gỡ, trao đổi cùng các nhà văn Việt Nam. Họ cũng như các đồng nghiệp Palestine, Mông Cổ, Nhật Bản... đã góp ý cho chúng tôi rất nhiều. Nếu không có sự giúp đỡ về mặt tinh thần của họ và nguồn tài trợ của tập đoàn POSCO TJ Park Foundation thì cuốn tạp chí mà bạn đang cầm trên tay không thể thành hiện thực.

Anh từng là Chủ tịch Hội Nhà văn trẻ Hàn Quốc, nhưng các gương mặt trong cuốn tạp chí không được trẻ lắm?

Chúng tôi có những tiêu chí lựa chọn riêng. Các tác giả, tác phẩm đã và đang được chọn lựa không chỉ phản ánh hiện thực trong nước mà phải mang tầm châu Á. Vì thế chúng tôi không đưa tiêu chí trẻ lên hàng đầu. Các bạn có thể dễ dàng tìm thấy các gương mặt tiêu biểu của văn học châu Á trong đó như Oda Mokoto (Nhật Bản), Mo Yan (Trung Quốc), L.Ulziitugs (Mông Cổ), Alie Zein (Palestine), Eka Budianta (Indonesia) và Bảo Ninh (Việt Nam).

Tại sao lại là Bảo Ninh mà không phải là một chân dung khác?

Bảo Ninh xứng đáng là một đại diện của văn học châu Á. Tác phẩm của ông chứa đựng một

điều gì đó rất châu Á, đó là con đường mà người châu Á đã, đang và sẽ đi. Hơn nữa hiện nay ở Hàn Quốc độc giả chủ yếu mới chỉ biết đến Bảo Ninh, Văn Lê và Hữu Thỉnh. Vì vậy họ mong muốn được đọc những tác phẩm khác của các tác giả này ngoài những cuốn sách đã được giới thiệu. Trong những số sắp tới chúng tôi cũng sẽ giới thiệu các nhà văn châu Á đang được biết đến như Nguyễn Ngọc Tư chẳng hạn.

Anh thấy gì từ văn học trẻ Việt Nam?

Chính tôi phải hỏi chị điều đó chứ (cười). Chúng tôi không biết nhiều về các tác giả trẻ Việt Nam nhưng vẫn đang nỗ lực tìm hiểu thông tin từ nhiều kênh khác nhau. Mỗi lần sang đây tôi thường chỉ tiếp xúc với Bảo Ninh, Phạm Ngọc Tiến, Y Ban và Võ Thị Xuân Hà. Việt Nam có truyền thống văn học lâu đời vì vậy tôi cho rằng các tác giả trẻ sẽ có những bước tiến xa trong tương lai. Chúng tôi cũng sẽ giúp đỡ các cây bút trẻ Việt Nam bằng cách giới thiệu tác phẩm của họ trên tạp chí này và họ sẽ xích lại gần với không chỉ độc giả châu Á mà còn cả người đọc trên khắp thế giới nữa. Đó chính là nhiệm vụ của chúng tôi.

Có người cho rằng điện ảnh muốn thành công phải dựa trên một nền tảng văn học vững chãi, lại có người nói nghệ thuật thứ bảy đang “giết chết” văn hóa đọc. Quan điểm của anh thế nào khi điện ảnh Hàn Quốc đang phát triển rất mạnh và người ta biết đến Hàn Quốc qua phim ảnh nhiều hơn là văn học?

Mặc dù hai quan niệm này mâu thuẫn nhau nhưng đều đúng cả. Nếu không có một kịch bản văn học hay thì bộ phim đâu có thể thành công và ngày nay có rất nhiều sinh viên Hàn Quốc theo học ngành sáng tác văn học để viết kịch bản cho phim. Điện ảnh có thể dễ dàng được phổ cập hơn nhưng văn học lại có giá trị nghệ thuật của riêng nó nên cho dù có bị điện ảnh lấn át thì cũng không thể bị “giết chết”. Ngày nay người ta ít coi việc đọc sách là một hình thức giải trí nhưng văn học ảnh hưởng rất lớn đến nhân cách con người, vì vậy Tạp chí Văn học châu Á mong muốn được bảo vệ những tác phẩm văn học chân chính.

Vậy người cầm bút ở Hàn Quốc có thể sống được bằng nghề không?

Nhà văn thì có thể, còn nhà thơ thì không.

Nếu miêu tả Việt Nam chỉ bằng ba từ, anh sẽ nói gì?

Xin hãy hào phóng hơn, cho tôi ba câu đi. Thứ nhất Việt Nam là đất nước có lòng tự tôn cao. Thứ hai trong lịch sử các bạn không mắc nợ ai và cuối cùng tương lai đất nước các bạn sẽ xán lạn.

Xin cảm ơn anh về cuộc trò chuyện này.

Nguồn: An ninh Thủ đô (2006)

Lời tác giả:

Bang Hyun Seok nói tiếng Anh không trôi chảy, hơn nữa anh cũng ít nói. Trong khi các tác giả Việt Nam thích lấy bối cảnh New York, Paris, Seoul làm nền cho những câu chuyện tình của mình thì “Thời gian ăn tôm hùm” lấy bối cảnh Việt Nam. Cuốn sách này đã giành giải Tiểu thuyết hay nhất của Hàn Quốc năm 2003. Anh Bang cũng tặng tôi một cuốn “tôm hùm” này, giờ vẫn đang nằm trịnh trọng trên giá. Hồi đầu năm 2010, tôi có gặp lại anh Bang trong Hội nghị quảng bá Văn học Việt Nam ra nước ngoài. Đã từ lâu anh là nhân vật quen thuộc đối với các thành viên Hội Nhà văn Việt Nam. Anh vẫn kiêu lời như thế, cũng có thể anh không thích nói bằng tiếng Anh mà chỉ “nói bằng ngôn ngữ của người châu Á” chẳng?

Nhà văn Jan Cornall - Chúng ta biết về nhau ít quá

Nhà văn Jan Cornall người Australia là một nhân vật đặc biệt đa tài. Bắt đầu sự nghiệp diễn xuất vào năm 1969 trong vở “Bà mẹ ở Melbourne” với nhóm sân khấu thử nghiệm Tribe. Năm 1974, chị sáng tác nhạc và trở thành một ca sĩ thành danh ở Mỹ và Châu Âu, đã tham gia biểu diễn và thu âm cùng nhóm nhạc Latin jazz “Oregon based”. Chị cũng là người đi đầu trong việc khôi phục hình thức hài kịch phòng trà đầu thập niên 80 ở Australia. Và từ đó, chị nổi tiếng với vai trò là nghệ sĩ hài kịch. Nổi tiếng trên sân khấu và thành công trong vai trò viết kịch bản phim, kịch bản sân khấu, sáng tác thơ, Jan Cornall tiếp tục chinh phục lĩnh vực truyện ngắn và tiểu thuyết. Năm 2002, Jan đã sang Bali, một tháng trước vụ đánh bom, ở đây chị đã gặp gỡ nhiều nhà văn Bali, đã trình diễn bài thơ từng đoạt giải “Khi tôi về nhà”, và ý tưởng về cuốn tiểu thuyết “Hãy đưa tôi đến thiên đường” (Take me to Paradise) bắt đầu hình thành.

Chị đã rất thành công trong lĩnh vực âm nhạc và sân khấu. Tại sao còn lấn sân sang văn học? Chị có nghĩ rằng mình cũng sẽ thành công trong việc viết lách không?

Tôi yêu văn học, bởi vì đó là một hình thức biểu đạt mà tôi có thể thực hiện được. Tất cả những gì bạn cần chỉ là một cuốn sổ tay và một cây viết. Bạn có thể mang theo chúng ở bất kỳ đâu. Ngôn ngữ là những gì tôi luôn yêu thích. Hồi còn nhỏ, tôi cũng đã sáng tác thơ cho báo trường và sau đó là viết lời bài hát. Việc viết lách này phần nào liên quan đến sự trình diễn vì những gì tôi viết rồi cũng sẽ được trình diễn. Tôi cũng thích viết kịch độc thoại và lời thoại nên tôi đã thử viết hầu hết các thể loại như sân khấu, kịch bản phim, tiểu thuyết, bút ký, truyện ngắn, thơ và bài hát. Cũng thành công. Tôi cũng cố gắng kiếm sống bằng nghề viết nhưng dù sao tôi vẫn cho rằng viết không phải là công việc chính của tôi. Ở Australia, tôi được biết đến như là một nữ diễn viên hài kịch nhiều hơn.

Chị có thể nói qua về nguồn cảm hứng cho tác phẩm “Hãy đưa tôi đến thiên đường”.

Một người bạn của tôi, nhà thơ người Indonesia Sitok Srengenge và cũng đồng thời là người xuất bản đã khuyên tôi nên viết một cuốn tiểu thuyết lấy bối cảnh ở Indonesia. Ngay đêm hôm đó tôi đã lên sườn cho cuốn tiểu thuyết. Tôi biết rằng mình muốn viết về những trải nghiệm đầu tiên khi đến Bali. Có một chuyện thường xảy ra là nhiều phụ nữ phương Tây đã đến đây và yêu những người đàn ông bản địa, phần lớn là lái xe của họ. Họ nghĩ rằng mình đã tìm thấy thiên đường. Cuối cùng thì mọi thứ không phải chỉ toàn là hoa hồng. Những người phụ nữ ấy trở thành trụ cột kinh tế chính cho cả gia đình người đàn ông kia, đôi khi bao gồm cả bà vợ cũ của anh ta và những người thân khác nữa. Và trong cuốn tiểu thuyết này, Marilyn đã nhận ra điều đó trước khi quá muộn, rằng cô đang vương phải điều gì.

Chị muốn gửi thông điệp gì đến cho người đọc thông qua cuốn sách?

Trong này tôi muốn đề cập đến hai điều: đó là những điều cũ mòn vẫn còn tồn tại, và Bali tự bản thân nó đã trở thành một điều cũ mòn. Những người phụ nữ phương Tây vương vào lưới tình với những người đàn ông Bali (thường là trẻ hơn họ) cũng là một chuyện cũ mòn. Tuy nhiên, tôi vẫn muốn vượt qua điều đó để chỉ ra rằng mối quan hệ giữa người với người là vô cùng phức tạp, đặc biệt là khi hai nền văn hóa va chạm nhau. Sau tất cả thì chúng ta vẫn là con người. Chúng ta vẫn khao khát muốn thoát ra khỏi sự đơn điệu của cảnh sống thường ngày bằng cách cố gắng thay đổi một điều gì đó. Bali đã mang lại điều ấy cho người phương Tây và người phương Tây lại mang điều đó đến cho Bali. Đối với họ thì sự phức tạp còn nảy sinh nhiều hơn vì họ chưa nhìn thấy khoảng cách khác biệt giữa văn hóa và cộng đồng. Hầu hết đều không có cơ hội rời khỏi quê hương nên họ đành nuôi dưỡng mơ ước về một thiên đường tuyệt diệu khi kết hôn với những người phương Tây với hy vọng một ngày nào đó họ sẽ tìm được thiên đường bên trời Tây. Nhưng hiện thực cuộc sống đôi khi chẳng dễ dàng gì, đặc biệt là đối với những người nhập cư vào Australia trong vài năm trở lại đây.

Tại sao chị không viết về cuộc sống của các nghệ sĩ nổi tiếng giống như nhiều nghệ sĩ khác đã viết hồi ký về đời tư của họ? Họ có lợi thế rằng họ hiểu quá rõ về những sự thật đằng sau ánh đèn sân khấu, và điều đó dễ dàng tạo nên thành công của cuốn sách.

Tôi không viết hồi ký vì tôi nghĩ nhiều người khác sẽ làm điều đó tốt hơn tôi. Tôi muốn viết về những gì mà mình đã thực sự trải qua. Hầu hết các tác phẩm của tôi đều dựa trên hồi ức. “Hãy đưa tôi đến thiên đường” cũng dựa trên những trải nghiệm của tôi hồi còn ở Bali. Đó là chất liệu để tôi sáng tạo ra chi tiết và nhân vật Marilyn.

Chị nhận xét gì về sự giao lưu giữa các nhà văn Australia và Việt Nam?

Trong những chuyến đi, tôi để ý thấy giới văn chương ở khu vực châu Á Thái Bình Dương vẫn còn khép kín. Khó mà tìm được một cuốn sách của nhà văn Việt Nam ở Úc. Một người bạn Anh của tôi ở Malaysia đã từng cảm thấy bị xúc phạm khi người ta nói rằng “Anh không thể tìm đâu ra một cuốn sách của người Australia ở đó đâu”. Bất cứ khi nào đi xa tôi đều phải khuân hàng đồng sách từ nơi này đến nơi khác trong khi các nhà xuất bản và người bán sách thì không hề muốn động chân động tay. Ngoài một số nhà văn được mời đến dự các festival ở Australia ra thì giao lưu văn học giữa Việt Nam và các nước châu Á khác vẫn còn rất hạn chế. Cũng có vài nhà văn với tư cách cá nhân có mối liên hệ đặc biệt với Việt Nam và xây dựng một vài mối quan hệ nghề nghiệp nhưng chúng ta vẫn biết về nhau ít quá. Các tổ chức nghệ thuật Australia gần đây cũng nỗ lực xây dựng mối quan hệ với các nước châu Á, vì thế chúng ta sẵn sàng hy vọng vào nguồn tài chính và diễn đàn bàn tròn sẽ được diễn ra trong thời gian sắp tới. Tôi cũng biết cuốn “The boat” của nhà văn người Australia gốc Việt, Nam Lê rất được đón nhận ở Australia và đó cũng là tín hiệu tốt cho thấy sẽ có những nhà văn Việt được quảng bá tác phẩm nhiều hơn nữa ở Australia và thế giới trong một tương lai gần.

Chị đã đến Việt Nam bao nhiêu lần rồi và thấy không khí văn học Việt như thế nào?

Tôi mới đến Việt Nam lần đầu tiên và may mắn được gặp ba người là chị, nhà văn Trần Thị Trường và nhà thơ Nguyễn Thị Hồng Ngát. Tôi vô cùng muốn quay trở lại đây để tổ chức một hội thảo bàn tròn nho nhỏ, qua đó sẽ tiếp xúc với nhiều nhà văn hơn nữa và cảm nhận rõ hơn về giới văn chương ở đây. Tôi đang muốn viết về Marguerite Duras, vì thế rất muốn lần theo những bước chân của bà qua những nơi bà đã từng sinh sống.

Còn về cuốn sách thứ hai?

Nhiều người gợi ý rằng tôi nên viết phần tiếp theo của “Hãy đưa tôi đến thiên đường” và tôi vẫn đang suy nghĩ về việc đó. Sẽ là một khía cạnh khác nữa của câu chuyện khi mà người đàn ông Bali trẻ tuổi đến Australia để tìm thiên đường của anh ta. Vấn đề là hiện nay tôi đang quá bận rộn với công việc giảng dạy và những dự án khác. Tuy nhiên, hiện giờ tôi đang viết một tập truyện ngắn để in chung với nhà văn người Indonesian, Triyanto Triwikromo. Tôi cũng đang viết một cuốn sách khác lấy bối cảnh ở Tasmania.

Một điều gì đó về cuộc sống riêng hiện nay của chị?

Tôi sống ở Sydney, một nơi tuyệt vời dành cho những người sáng tác văn chương, vì lúc nào nó cũng sống động và rực rỡ cả ngày lẫn đêm. Mặc dù tôi thích làm việc cô đơn và độc lập nhưng ngoài lúc đó ra tôi vẫn muốn được ra ngoài shopping trong dòng người tấp nập. Còn gái tôi làm nghề thiết kế thời trang, năm nay 26 tuổi và con trai 22 tuổi thiết kế đồ họa. Nhưng hiện tại tôi sống một mình. Cuối tuần tôi tham gia giảng dạy ở trường đại học về các khóa đào tạo viết. Tôi từng tốt nghiệp trường Phật giáo Tây tạng vì thế vẫn tập thiền hàng đêm.

Xin cảm ơn chị.

Nguồn: Tiền phong (2009)

Lời tác giả:

Nhà văn Jan Cornall và nhà văn Trần Thị Trường, nhà thơ Nguyễn Thị Hồng Ngát là bạn đồng niên, cùng cầm tinh con hổ. Hôm ấy bốn chúng tôi ngồi ăn tối trên tầng thượng của tòa nhà Hàm cá mập, nơi trông ra Hồ Gươm xanh biếc. Jan rất nhiệt tình, biết tôi chuẩn bị đến Bali, bà đã tận tình giới thiệu tôi với Hội Nhà văn bên ấy. Có đồng nghiệp nào sang Việt Nam, bà cũng e-mail để giới thiệu họ đến gặp tôi. Rõ ràng là Jan đang nỗ lực bắc một nhịp cầu văn học từ bên kia biển Thái Bình Dương bằng tất cả những mối quan hệ của cá nhân mình.

Nhà văn Didier Daenickx - Tiểu thuyết trinh thám cũng phải có chất thơ

Trong triển lãm sách Pháp lần thứ 5 từ 25-10 đến 2-11-2006, nhà văn trinh thám Pháp Didier Daenickx đã đi một chặng đường dài từ Phnompenh qua thành phố Hồ Chí Minh rồi đến Hà Nội. Nhân đó, ông có cuộc giao lưu với độc giả hâm mộ “Đường du mục”, cuốn tiểu thuyết trinh thám đầu tay của Daenickx vừa được dịch sang tiếng Việt. Ngoài những li kỳ của thể loại trinh thám đặc thù ẩn náu trong từng trang sách, tác giả đã lồng ghép những bí ẩn lịch sử đen tối và tàn bạo của tội ác diệt chủng trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ hai. Khám phá ra bí mật cũng đồng thời vén lên bức màn hồi ức về nỗi đau thương của những người Di gan.

Thưa nhà văn Didier Daenickx, ông có thể nói rõ hơn về nét đặc thù của nền văn học trinh thám Pháp?

Trước hết, tôi cho rằng trào lưu văn học trinh thám Pháp đang quay trở lại Việt Nam sau một thời gian gián đoạn và tôi rất vui mừng vì điều này. Văn học trinh thám Pháp rất phong phú với nhiều thể loại và nhiều nhà văn lớn. Hiện nay có khoảng 15 nhà văn Pháp rất thành công với thể loại văn học này. Họ là những người cố gắng suy nghĩ về sự vận hành của nước Pháp đương đại thông qua tiểu thuyết trinh thám. Và cũng theo trào lưu chung, hầu hết các nhà văn này đều đề cập đến vấn đề chính trị trong tác phẩm. Từ trước đến nay, người Pháp luôn có một sự quan tâm đặc biệt với lịch sử và chính trị. Vì vậy sự hiện diện của chủ đề này trong tác phẩm cũng là điều dễ hiểu. Rất nhiều tác phẩm trinh thám của Tây Ban Nha cũng đi theo lối đi này, trong khi văn học trinh thám Mỹ lại giữ một khoảng cách nhất định đối với chính trị. Đây cũng là nét độc đáo riêng của tiểu thuyết trinh thám Pháp.

Người ta vẫn cho rằng văn học trinh thám Pháp chịu ảnh hưởng của Mỹ, ông nghĩ thế nào về điều đó?

Đúng vậy. Lịch sử văn học trinh thám Pháp đã trải dài suốt 150 năm nay nhưng nhà văn đầu tiên viết truyện trinh thám trên thế giới lại là một người Mỹ. Một người chưa bao giờ đặt chân lên nước Pháp nhưng lại chọn Paris làm bối cảnh cho câu chuyện “Vụ giết người trên phố Morgue” (The Murders in the Rue Morgue). Nền văn học trinh thám Mỹ có hàng trăm tác giả lớn, hàng ngàn tác phẩm có sức sống mãnh liệt đã và đang tiếp tục ảnh hưởng đến các thế hệ nhà văn Pháp. Điều này, chúng tôi không thể phủ nhận, đặc biệt là vào thập niên 50-60 của thế kỷ 19 khi mà văn học trinh thám Pháp vẫn còn đang non yếu và chưa được định hình rõ ràng. Thậm chí trước đây, nếu một nhà văn Pháp muốn phát hành tác phẩm của mình thì các nhà xuất bản sẽ yêu cầu ông ta lấy một bút danh khác cho có vẻ giống Mỹ, George hay Michael gì đó, và họ buộc phải chấp nhận. Năm 1841, Balzac đã cho ra đời một cuốn tiểu thuyết trinh thám nói về cuộc sống đời thường nhưng mãi đến sau này văn học trinh thám Pháp mới tìm được chỗ đứng. Trong một thời gian dài, người ta đã lãng quên nó vì sự xuất hiện của vô tuyến truyền hình nhưng giờ đây, tiểu thuyết trinh thám Pháp đang quay trở về thời hoàng kim của mình.

Ông cho rằng điều gì quyết định sự phát triển cho một nền văn học trinh thám và theo ông lý do gì khiến văn học trinh thám châu Á chưa phát triển?

Sự phát triển của thể loại văn học này luôn gắn liền với sự phát triển của các đô thị lớn. Tôi có đọc một số bài viết của các nhà xã hội học thế kỷ 19 thấy họ khẳng định rằng những người nông dân ít liên quan đến tội ác. Rõ ràng ở nông thôn bạn chẳng nhìn thấy bóng dáng một anh cảnh sát nào nhưng ở thành thị thì thậm chí ngày nay người ta còn phải gắn cả máy camera để theo dõi. Người Nhật Bản có nhiều cuốn tiểu thuyết trinh thám chất lượng cao và cuốn “Tokyo Express” là một trong những cuốn tiểu thuyết nổi tiếng nhất. Nhiều nhà chuyên môn đã nghiên cứu cuốn sách này và tìm ra một lối viết đặc thù của người Nhật. Là một đất nước có

chiều dài chỉ hơn 1.000km song là những khu đô thị khổng lồ. Điều này liên quan mật thiết đến thể loại trinh thám.

Người ta vẫn cho rằng trinh thám đơn thuần là thể loại văn học giải trí. Vậy mà ông đã gặp rắc rối với cuốn tiểu thuyết “Khúc tưởng niệm cho những người đã chết” vì liên quan đến vấn đề chính trị?

Đúng là tôi đã phải chấp nhận rủi ro vì người ta cho rằng tôi tự tuyên ngôn chính trị trong tác phẩm của mình. Trong tác phẩm này, từ một cái chết bí ẩn của cá nhân đã suy rộng ra một phần lịch sử, vì vậy nó là một sự khiêu khích rất lớn. Khi tác phẩm ra đời, người ta im hơi lặng tiếng và không một tờ báo nào nhắc đến nó. Mãi đến 8 năm sau, tờ Le Monde mới dành cho tôi nửa trang để giới thiệu về tác phẩm. Rồi sau đó một số trường học đưa tác phẩm này vào chương trình giảng dạy và họ coi đây là những kiến thức cần thiết về tình hình chính trị ở Algeria lúc đó. Nhiều người muốn phủ nhận lịch sử nhưng tôi muốn chống lại thái độ đó. Tôi luôn đề cập đến hiện thực trong tác phẩm mà hiện thực thì luôn gây tranh cãi. Tuy nhiên tôi cho rằng những gì tác giả viết ra phải được gây tranh cãi, đó chính là trách nhiệm của một nhà văn. Victor Hugo từng bị lưu đày 10 năm vì ông nhất định bảo vệ quan điểm của mình. Tôi không bị đi lưu đày nhưng luôn bị chỉ trích. Nhất thiết, văn học không chỉ đơn thuần là một hình thức giải trí mà còn là cách để thay đổi nhân sinh quan, thế giới quan của người đọc.

Và tất cả đều là chính trị?

Tôi tự gây cho mình một số khó khăn khi mỗi lần bắt đầu một tác phẩm luôn tự đặt ra câu hỏi “Mình viết trên quan điểm nào?”. Ví dụ cuốn “Đường đời của một tay đấm cẳng giữa đời thường”, tôi viết theo cách nhìn của một người ngoài cuộc. Tôi cho rằng ngay cả tiểu thuyết trinh thám cũng phải có chất thơ. Điều này phụ thuộc vào tài năng và kinh nghiệm của nhà văn, mà nhiều khi chỉ đơn giản là đổi vị trí một câu chữ.

Còn điều gì đã gây cảm hứng cho những câu chuyện tội ác trong tác phẩm của ông?

Có lần tôi xem một tập ảnh chụp tại hiện trường những vụ án giết người. Thật khủng khiếp. Tôi bị ám ảnh bởi những hình ảnh ấy.

Giờ thì ông muốn nói một điều gì đó với các độc giả Việt Nam không?

Tôi rất vui vì cuốn “Đường du mục” vừa được dịch ra tiếng Việt. Tôi không thể ngờ được rằng có một ngày tác phẩm của mình lại được xuất bản ở một nước cách Pháp đến 10.000km.

Xin cảm ơn nhà văn.

Didier Daenickx sinh năm 1949 tại Saint Denis thuộc vùng Ile de France, là một chính trị gia cánh tả và tác giả của khoảng 40 tác phẩm gồm tiểu thuyết, truyện trinh thám, tranh truyện và sách ảnh. Ông được xem như là một trong những nhà văn viết truyện trinh thám tài hoa nhất nước Pháp. Trong các tác phẩm, ông luôn gắn liền những tình tiết trinh thám với tình hình thực tế của chính trị xã hội. Là một người hoạt động tích cực trong phong trào chống phát xít, đề tài chính trị quốc tế luôn xuất hiện trong tác phẩm của ông. Daenickx đã nhận được rất nhiều giải thưởng văn học có giá trị như Populiste, Louis Gouilloux, Giải thưởng lớn văn học trinh thám, Giải thưởng Goncourt sách thanh thiếu niên. Năm 1994, Hiệp hội văn học Pháp đã trao giải Paul Féval cho toàn bộ sự nghiệp của ông. Các tác phẩm của ông đã được dịch ra 20 thứ tiếng trên thế giới. Daenickx từng nói “Viết văn với tôi là một sự ám ảnh”.

Nguồn: An ninh Thủ đô (2006)

Tất cả mọi người đều phải đấu tranh với chính mình

Sara Zarr là nữ tác giả mới xuất hiện trên văn đàn Mỹ, nhưng chị đã gặt hái được nhiều thành công với các tiểu thuyết viết cho tuổi teen. Những tác phẩm nổi tiếng hiện nay của chị là “Người yêu dấu”, “Câu chuyện của một cô gái”. Hai tác phẩm này đều được độc giả ở tuổi teen và người lớn nồng nhiệt đón nhận, đã được dịch sang tiếng Pháp và bây giờ là tiếng Việt. Dưới đây là cuộc trò chuyện giữa nhà văn Sara Zarr và nhà văn Di Li, người đã chuyển ngữ tiểu thuyết “Người yêu dấu”.

Chào Sara, chị cảm thấy thế nào nếu như nhìn thấy độc giả Việt Nam cầm trên tay cuốn “Người yêu dấu”?

Thật là thú vị khi nghĩ rằng mình cũng có độc giả từ những quốc gia khác nữa. Có một tác phẩm được dịch ra tiếng nước ngoài là một sự kiện quan trọng đối với bất kỳ nhà văn nào và tôi mong đợi sẽ nhận được phản hồi từ phía các độc giả và cả fan hâm mộ Việt Nam nữa.

Chị đã đến Việt Nam bao giờ chưa?

Chưa, tôi chưa bao giờ bước chân ra khỏi nước Mỹ. Nhưng tôi mong sẽ được nhìn thấy Việt Nam. Tôi nghe nói rằng đó là một đất nước xinh đẹp với những con người tuyệt vời.

Chị có nghĩ rằng độc giả trẻ Việt Nam sẽ thích cuốn sách này không?

Tôi hy vọng như vậy. Ở Mỹ, cả độc giả tuổi học đường và người lớn đều thích cuốn sách. Tôi đã nhận được rất nhiều e-mail của độc giả tuổi teen và tin nhắn qua blog nói rằng họ thích “Người yêu dấu”. Đó là một tín hiệu tốt, vì thế có lẽ ở Việt Nam những độc giả đã hết tuổi học trò cũng sẽ thích nó như độc giả trẻ vậy.

Tôi đã từng đi qua tuổi học trò và sau khi đọc xong cuốn sách của chị, mới thấy rằng tâm sinh lý lứa tuổi và đời sống tinh thần của thanh thiếu niên dù ở bất kỳ nơi nào trên thế giới cũng đều giống như nhau. Ý kiến của chị thế nào?

Tôi rất mừng khi nghe thấy điều đó và cho rằng có thể chị đã nói đúng. Những cảm xúc tiềm ẩn của con người đã vượt qua không gian, thời gian và những nền văn hoá. Tất cả mọi người đều phải đấu tranh với chính mình, đều phải cảm nhận nỗi đau khi bị bỏ rơi hay nhớ nhung một người nào đó khi họ đi xa.

Nhưng có một điều làm tôi băn khoăn, sex ở tuổi học đường không phải là một khái niệm quá xa lạ đối với người Việt, tuy nhiên các tác giả ở đất nước chúng tôi ít khi đề cập đến nó một cách thoải mái như trong “Người yêu dấu” (Mối quan hệ giữa Ethan và Jenna, những học sinh mới chỉ ở lứa tuổi trung học). Ở hầu hết các nước châu Á trong đó có Việt Nam, những quan hệ kiểu này thường không công khai. Chị có nghĩ rằng độc giả tuổi teen ở Việt Nam sẽ dễ dàng chấp nhận nó?

Tôi cũng không biết nữa, tôi cho rằng chúng ta sẽ sớm nhận ra điều đó thôi. Thực ra thì ở Mỹ, quan hệ tình dục ở lứa tuổi thanh thiếu niên cũng là một đề tài hết sức nhạy cảm. Những cuốn sách dành cho tuổi teen đôi khi cũng không được chấp nhận và nó sẽ bị loại khỏi thư viện trường học nếu như một bậc phụ huynh hay một giáo viên nào đó cho rằng nó có những hình ảnh quá “sinh động”. Mặc dù “Người yêu dấu” không phải là một cuốn sách như thế song tôi cũng biết rằng cho dù trên thực tế có một số thanh thiếu niên rất thoải mái trong sinh hoạt tình dục nhưng việc chấp nhận nó một cách công khai cũng là rất khó khăn.

Sau khi dịch xong cuốn sách, tôi cứ đinh ninh rằng tác giả của nó đang ở tuổi teen nhưng thật đáng kinh ngạc khi biết rằng chị là một người đã trưởng thành. Và trong một bài phỏng vấn, chị

Có nói rằng chị thích viết cho những độc giả trẻ. Các độc giả ở đây cũng tò mò muốn nghe ý kiến của chị về điều đó.

Thậm chí giờ đây khi đã bước sang tuổi 37, những trải nghiệm và cảm xúc của tôi ở tuổi học trò vẫn còn nguyên vẹn. Đây là quãng thời gian mà những thanh thiếu niên phải trải qua một bước ngoặt lớn. Đó thật sự là lúc con người ta bắt đầu định hình một tính cách mà họ sẽ chung sống suốt quãng đời còn lại. Vì thế có rất nhiều nguyên mẫu tự nhiên trong đời sống ở lứa tuổi này để các nhà văn lấy vào làm nhân vật của mình.

Vậy liệu Cameron and Jenna có thật ở ngoài đời không?

Tôi nghĩ ra ý tưởng của câu chuyện khi một người bạn thuở thiếu thời của tôi, tên là Mark, đột nhiên gửi e-mail cho tôi. Thế là sau 28 năm trời chúng tôi cũng đã tìm thấy nhau. Chúng tôi lại trở thành bạn bè và tôi tự hỏi không biết sẽ như thế nào nếu như cả hai vẫn lớn lên cùng nhau. Tuy nhiên những chi tiết về cuộc sống của Cameron và Jenna là hoàn toàn hư cấu.

Liệu Jenna (Jennifer) và Cameron có phải là những nhân vật điển hình mà chúng ta có thể tìm thấy đâu đó trong xã hội Mỹ?

Tôi không nghĩ rằng những nhân vật của tôi là điển hình bởi vì bản thân họ đã thật khác thường, nhưng họ là hiện thực. Tất cả các trường học ở Mỹ đều có những đứa trẻ không được công nhận và bị mọi người ghét bỏ vì tầng lớp xã hội mà chúng xuất thân, vì hình dáng bên ngoài, màu da, tôn giáo và các hành vi của bản thân. Vì thế cả Jenna và Cameron đều là những đứa trẻ bị bỏ ngoài rìa xã hội vì rất nhiều lý do có thực. Tôi cho rằng ở bất kỳ nơi nào trên thế giới cũng đều tồn tại những đứa trẻ như vậy.

Thế còn thời thơ ấu của chị như thế nào? Có điều gì tương tự với Jennifer?

Cũng có vài chuyện tương đồng ví dụ như tôi thường xuyên phải ở nhà một mình. Bố tôi vắng nhà suốt và chúng tôi cũng không có nhiều tiền. Nhưng tôi không cô đơn như nhân vật này. Tôi có bạn bè và một chị gái, mọi chuyện ở trường cũng rất tốt.

Trên thực tế, tính cách của chị giống Jenna Vaughn hay Jennifer Harris?

Một câu hỏi rất hay. Chị là người đầu tiên hỏi tôi câu này. Tôi nghĩ rằng cả hai. Người này cũng chính là người kia, bao gồm cả những phần sống trong quá khứ với đầy đủ nỗi đau và những khó khăn phải chịu đựng. Tất cả chúng ta đều muốn chôn vùi một số điều trong quá khứ hay một số điều nằm trong chính bản thân mình, hoặc giả bộ như chẳng có chuyện gì xảy ra, nhưng rút cục thì mọi thứ mà chúng ta trải qua cũng sẽ đồng nhất trong chỉ một con người mà thôi. Vậy thì tốt hơn hết là hãy chung sống chứ đừng cố chối bỏ chúng.

Chị cho rằng độc giả thích điều gì nhất ở cuốn sách?

Tôi nghĩ rằng độc giả thích một mối quan hệ như kiểu Jenna và Cameron. Họ sẽ thích những chi tiết về sự gần gũi và lòng trung thành cũng như sự quan tâm lẫn nhau một cách trong sáng và thuần khiết. Tôi hy vọng đó là một câu chuyện về tình bạn và tình yêu thực sự, là sợi dây gắn kết bền bỉ đối với một người nào đó trong quá khứ cho dù cả hai đã cách xa nhau.

Khi đọc một vài nhận xét của độc giả Mỹ trên mạng về cuốn này, tôi thấy họ nói rằng họ thích một mối quan hệ “no sex” (không hàm chứa nhục dục) giữa Cameron và Jenna. Chị có nghĩ về điều này nữa không?

Có rất nhiều những Jenna và Cameron như thế trên thế giới. Họ là những người bạn khác phái thân thiết nhưng lại không phải là những người đang yêu nhau. Rất nhiều mối quan hệ trong cuộc sống của chúng ta bấp bênh giữa ranh giới của tình bạn và tình yêu. Và tôi nghĩ rằng độc giả thích nhìn thấy điều đó được phản ánh trong cuốn tiểu thuyết bởi vì chính họ cũng đã từng

trải qua những ranh giới này.

Tại sao chị không viết một cái kết “có hậu” kiểu các tác giả Mỹ khác vẫn thường làm đối với những cuốn sách dành cho tuổi teen. Ý tôi là một kết cục hạnh phúc đối với Jennifer và Cameron sau tất cả những gì mà họ đã trải qua?

Cái kết của tôi không phải “có hậu” theo kiểu truyền thống, tôi cũng biết vậy, nhưng tôi nghĩ đó là một kết thúc tốt cho cả Jenna và Cameron. Tôi không cho rằng nó bi kịch. Họ có thể sẽ liên lạc với nhau sau nhiều năm nữa, sẽ động viên nhau trong cuộc sống cho dù có chia cách.

Chị nói rằng chị viết cho chính mình trong khi hầu hết các tác giả khác đều nói là họ viết là để phục vụ độc giả.

Khi tôi bắt tay vào viết một cái gì đó thì nghĩa là tôi viết cho chính tôi. Ý tôi là mình thích viết một thứ gì đó mà mình phải thích đọc trước đã. Tôi chính là độc giả đầu tiên của mình, vì thế hầu hết các tác phẩm ban đầu là để thoả mãn chính tôi. Sau đó tôi và biên tập viên sẽ ngồi lại với nhau để chắc chắn rằng độc giả cũng sẽ thích cuốn sách này.

Con đường nào dẫn chị đến với công chúng vậy?

Tôi bắt đầu viết khoảng mười năm trước đây nhưng mãi vừa rồi mới bán được cuốn sách đầu tiên. Tôi đã phải chịu đựng nhiều lời từ chối và những thất bại, nhưng tôi vẫn kiên trì học hỏi tất cả những gì có thể về công việc sáng tác, về ngành công nghiệp xuất bản và học cả cách tin tưởng vào chính bản thân mình nữa. Và sau đó, công sức của tôi đã được đền đáp.

Tại sao chị lại bắt đầu sự nghiệp sáng tác muộn như vậy, sau khi đã trải qua rất nhiều công việc khác?

Tôi đã không có đủ tự tin cho tới tận khi đã ngoài hai mươi tuổi. Tôi rất muốn trở thành nhà văn nhưng lại không cho rằng mình có thể làm được. Điều này có vẻ là mơ mộng hão huyền nên tôi đã cố gắng tìm một số công việc khác thực tế hơn. Những cơ hội để sách được xuất bản là rất thấp nên tôi e rằng mình sẽ không làm được. Nhưng có một lần tôi cũng đủ can đảm để cho mọi người xem vài thứ viết lách của mình. Tôi đã có đủ tự tin và cuối cùng thì cũng có cả một cuốn sách được xuất bản.

Chị nói rằng chị đã từng làm qua những công việc như nhân viên văn thư, đầu bếp, thợ làm bánh sandwich, thư ký trong giáo hội, điều hành văn phòng, lập mục lục, hỗ trợ huấn luyện và nhiều việc khác nữa. Nhưng cảm giác khi làm một đầu bếp và một nhà văn có khác nhau nhiều không, thưa chị?

Ở một số điểm thì có khác và một số điểm lại giống nhau. Sáng tác cũng là làm việc đầy thôi. Tôi cũng vẫn phải ngồi xuống và lao động vất vả để kiếm ra tiền. Và đôi khi công việc viết lách cũng khá là căng thẳng khi ta bị đặt ra những thời điểm phải làm cho xong, phải đi lại và xuất hiện trước công chúng. Nhưng khác ở chỗ thời gian này tôi có thể làm những công việc mà mình yêu thích và thực sự muốn làm chứ không phải làm việc vì những mục đích của người khác hay trợ giúp những người khác thăng tiến.

Thế còn về kế hoạch sắp tới đây của chị? Lại một cuốn tiểu thuyết cho tuổi teen nữa hay thể loại khác?

Tôi đã ký hợp đồng xuất bản hai cuốn sách cho tuổi teen nữa. Tôi cũng muốn viết một cái gì đó cho những độc giả đã trưởng thành. Nhưng điều này chắc chỉ có thể thực hiện được trong vòng 4-5 năm tới.

Chị có thể tiết lộ một số thông tin cá nhân về mình cho các độc giả không?

Hiện này tôi đang sống ở thành phố Salt Lake, bang Utah, cùng với chồng là một giáo viên trung học. Tôi thích nấu ăn và cũng là một con nghiện Internet.

Và bây giờ chị muốn nói gì với các độc giả Việt Nam, những người đang cầm cuốn “Người yêu dấu” trên tay và đang đọc những dòng này?

Cảm ơn các bạn vì đã đọc sách của tôi. Tôi hy vọng rằng các bạn sẽ thích nó và tôi cũng luôn mong nhận được các tin tức từ phía độc giả, vì thế, nếu các bạn muốn gửi e-mail cho tôi, hãy vào trang web www.sarazarr.com. Thật tiếc là tôi lại không biết tiếng Việt nên nếu các bạn có viết thư cho tôi, hãy viết bằng tiếng Anh nhé. Và nếu bạn có mơ ước trở thành nhà văn, thì hãy ngồi xuống và bắt đầu viết đi, rồi bạn sẽ làm được điều đó.

Sara Zarr, 37 tuổi, là một tác giả chuyên sáng tác cho tuổi học đường, cuốn tiểu thuyết đầu tay của chị “Câu chuyện về một cô gái” đã vào chung kết Giải thưởng Văn học Quốc gia và nằm trong danh sách những tác phẩm hay nhất trong năm. “Người yêu dấu” là một câu chuyện dễ thương, kể về những hồi ức tiểu học của Jennifer Harris. Sự lột xác từ một cô bé mập mạp luôn bị bạn bè chê cười thành một Jenna Vaughn xinh xắn, hấp dẫn và đầy sức sống ở tuổi 17 là một hành trình nỗ lực trưởng thành như bao thanh thiếu niên khác, nhưng rồi những hồi ức cay đắng về Cameron Quick, người bạn duy nhất thời thơ ấu đã biến mất không một lời nhắn gửi, khiến Jennifer không thể sống yên ổn với tình yêu mới của mình.

Mặc dù đoạn kết không có hậu theo kiểu truyền thống song nữ tác giả Sara Zarr cho rằng câu chuyện tình yêu của họ vẫn còn tiếp diễn, họ không gặp nhau, nhưng không có nghĩa là mọi chuyện sẽ kết thúc. “Bởi vì tình yêu, tình yêu sẽ không bao giờ chết. Nó cứ trở đi trở lại, những hồi ức lộn xộn chẳng khi nào chịu đứng yên. Có một thứ mà tôi luôn quay trở về để ngắm nhìn nó: Tôi và Cameron, cùng nằm trên mặt đất dưới bóng cây dương trong một ngày thu vàng rượi, lá cây xào xạc và rì rào như bất tận. Cameron quay sang tôi, chìa bàn tay lấm lem và nhỏ bé, tôi nắm lấy nó và cứ giữ nguyên như vậy, mãi mãi.”

Tờ My Readable Feast đã bình luận rằng “Đó là một cuốn tiểu thuyết tuyệt vời dành cho những cô gái trẻ. Ở đó cũng có các chủ đề mà người lớn cần phải quan tâm: Những đứa trẻ bị lạm dụng và sự thiếu quan tâm của bố mẹ. Cuốn sách này phù hợp cho mọi lứa tuổi”.

Nguồn: Lao động (2008)

Masatsugu Ono – Tôi không sống được bằng nghề văn

Theo lời mời của Trung tâm Giao lưu Văn hóa Nhật Bản, nhà văn Masatsugu Ono đã đến Việt Nam để chủ trì các buổi thuyết trình về Văn học đương đại Nhật Bản tại Hà Nội, Huế và TP Hồ Chí Minh từ ngày 8 đến 12 tháng 3 năm 2011. Ông là tác giả của tiểu thuyết “Trôi trên Vững” đã đoạt giải thưởng Mishima Yukio lần thứ 15 năm 2002 và nhiều tác phẩm đoạt giải khác. Nhiều nhà văn, nhà phê bình văn học và dịch giả tên tuổi đã có mặt tại buổi thuyết trình và tọa đàm của anh để cùng trao đổi về những vấn đề nổi cộm trong văn học đương đại của Nhật Bản, đặc biệt là về Haruki Murakami và Oe Kenzaburo, văn học hàn lâm và văn học giải trí.

Thưa anh Ono, bản thân tôi đọc “Trôi trên Vững” thấy không có điều gì khó hiểu nhưng chị Mory, người dịch tác phẩm của anh nói rằng truyện nhiều ngôn ngữ địa phương, khi dịch phải thay đổi cho phù hợp với tiếng Việt nên có thể bản dịch không diễn đạt trọn vẹn được ý của tác giả. Và anh cũng nói rằng điều khiến Murakami trở thành nhà văn Nhật được đọc nhiều nhất ở Mỹ và châu Âu là tính toàn cầu hóa trong tác phẩm của ông. Vậy liệu sự địa phương hóa trong “Trôi trên Vững” có cản trở con đường hội nhập của anh với văn học thế giới không?

Tôi không hiểu tiếng Việt nên không biết bản dịch của chị Mory như thế nào nhưng tôi lại cho rằng khi tác phẩm của tôi được diễn tả bằng tiếng Việt, dù không “sao y” từ bản gốc lại có một cái được, ấy là sự thấu hiểu bằng ngôn ngữ nước ngoài. Murakami được độc giả Nhật Bản ưa chuộng vì tác phẩm của ông có tính Âu Mỹ. Và được cả độc giả Âu Mỹ ưa chuộng vì ngôn ngữ của ông dễ truyền tải, không có quá nhiều đặc tính riêng về nước Nhật, độc giả ở nơi nào trên thế giới đọc cũng dễ tiếp nhận. Còn như “Trôi trên Vững” nặng tính địa phương, nhiều ngôn ngữ địa phương nên độc giả Mỹ không hiểu, không hiểu sẽ dẫn đến không ưa chuộng, vì thế cũng không được dịch.

Vậy tại sao anh vẫn đẩy tính địa phương lên cao trong “Trôi trên Vững”?

Gabriel Garcia Marquer là nhà văn nước ngoài gây ấn tượng hàng đầu tại Nhật với tác phẩm “Trăm năm cô đơn” luôn được bán chạy. Mặc dù nghiên cứu về văn học Pháp nhưng tôi rất hâm mộ Marquer. Trong các tác phẩm của mình, ông luôn viết về một vùng đất nào đó và bản thân tôi rất thích điều này. Tôi cũng thích tạo ra một vùng đất của riêng mình. “Vững” thực ra là cảm hứng từ ngôi làng Kamae-Cho, nằm ở cực nam tỉnh Oita, đảo Cửu Châu nơi tôi sinh ra và lớn lên. Nhật Bản giờ có quá nhiều đô thị. Tốc độ đô thị tăng nhanh khiến văn hóa địa phương suy thoái dần. Thành phố nào cũng nhang nhác giống Tokyo cả. Nhật Bản lại là nước có dân số già. Đặc biệt khi về quê chỉ thấy toàn các ông bà già. Nhiều trường học đóng cửa vì không có trẻ con. Người trẻ bỏ đi tìm đô thị. Các đô thị lớn bị đồng hóa và Vững trong tác phẩm của tôi là một nét địa phương hoàn toàn khác biệt.

Anh đã nói rằng nếu quá gần đối tượng sẽ khó nắm bắt được đối tượng. Bản thân anh đã quen hòa, gắn bó với vùng đất này rồi. Nhưng khi đọc, tôi lại cảm thấy như đó là con mắt quan sát tinh tế từ bên ngoài với giọng văn và những chi tiết hài hước, mà người “gần đối tượng” hẳn sẽ rất khó nhận ra nét hồn nhiên dù đang lặn vào bi kịch của những người dân quê Vững.

Cuốn tiểu thuyết này tôi viết khi đang ở Orlean. Khi ấy tôi ở rất xa quê nhà, và như vậy là tôi đang cố gắng tách rời đối tượng.

Có một câu phổ biến mà độc giả rất hay hỏi cho dù tác giả không hề thích: “Liệu câu chuyện ấy có thực hay không?”. Giờ tôi cũng muốn hỏi anh câu này, bởi vì “Trôi trên Vững” thật quá. Có những khoảnh khắc tôi hoàn toàn tin rằng những con người ấy là có thật.

Một vài hình mẫu trong tác phẩm có thể là thực, hoặc tôi được nghe người nào đó kể lại, được đọc ở đâu đó. Rồi sau tôi thay đổi, hư cấu. Tính hư cấu cũng tránh được việc độc giả cứ so sánh

nhân vật, câu chuyện và vùng đất với thực tế. Tuy nhiên, nếu hư cấu mà lại được tưởng là thật thì quả thực đây là một lời khen khiến tôi cảm thấy hạnh phúc. Rất cảm ơn chị.

Chất giả tưởng, huyền ảo xuất hiện nhiều trong các tác phẩm của Murakami. Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo Nam Mỹ cũng có mặt trong tác phẩm của anh. Có một điều tôi đã băn khoăn từ lâu, giả tưởng không phải là thế mạnh của các nhà văn châu Á, nhưng dường như điều này lại là ngoại lệ đối với văn học Nhật Bản?

Độc giả Nhật rất quan tâm đến dòng văn học giả tưởng và kỳ ảo như trinh thám, kinh dị và thần thoại nữa. Còn có hẳn các tạp chí chuyên đăng tải những tác phẩm văn học thể loại này và luôn được bán hết sạch. Lý do các nhà văn Nhật Bản mạnh về giả tưởng theo tôi có thể do họ thường xuyên đọc những tiểu thuyết nguyên bản nước ngoài nên có cảm hứng viết chẳng. Tôi chưa nghiên cứu về điều này nên không chắc được, nhưng có một điều tôi đảm bảo đây là nếu các nhà văn Nhật Bản không tiếp cận với văn học phương Tây thì chắc chắn không có những tiểu thuyết mà ngày nay các bạn đang đọc.

Sống trong một quốc gia có nền văn học rất phát triển, bản thân anh cũng ngưỡng mộ nhà văn Nhật Bản nào đó chứ?

Tôi đặc biệt thích Oe Kenzaburo*, một cây đại thụ đi trước có nhiều điều để tôi học hỏi. Oe sinh ra trên một hòn đảo hẻo lánh rồi theo học văn học Pháp tại đại học Tokyo. Tôi cũng sinh ra ở một vùng quê nghèo, nuôi mộng văn chương và cũng rời làng lên thành phố học văn học Pháp. Trong nhiều tác phẩm Oe miêu tả nặng về tính dục và bạo lực, tôi không thích khía cạnh này nhưng thích những câu chuyện của ông về ngôi làng và những cánh rừng. Người thứ hai mà tôi rất ngưỡng mộ là Nakagami Kenji. Và cuối cùng là Haruki Murakami. Để làm được như ông thực không phải dễ.

Anh thường hay nhắc đến “văn học thuần túy” và “văn học giải trí”. Nhưng thực tế chứng minh rằng có một số nhà văn sở hữu những tác phẩm văn học hàn lâm nhưng đồng thời cũng được bán rất chạy. Như Haruki Murakami và Marguerite Duras chẳng hạn. Liệu ngày nay đã qua rồi cái thời người ta cho rằng sách hàn lâm thì ít người đọc còn sách giải trí thì phi nghệ thuật, mà hai giá trị đã xích lại gần nhau. Ý kiến của anh thế nào? Anh có muốn “hai trong một” không?

Độc giả của tôi rất hạn chế. Mỗi cuốn phát hành cũng chỉ được chừng 3000 – 4000. Tôi chỉ cố gắng tìm tòi làm sao đạt được đỉnh điểm văn học thuần túy. Khi bắt tay vào sáng tác, tôi vẫn muốn viết một tác phẩm trọn vẹn đối với tôi chứ không nghĩ rằng nó sẽ bán được bao nhiêu. Còn để đạt được cả hai điều như chị nói thì thật khó. Không mấy người làm được như vậy. Vấn đề mà tôi luôn trăn trở là liệu tôi có ưng ý với tác phẩm đó hay không. Công việc sáng tạo đòi hỏi phải dồn hết mọi tâm sức vào đó, chứ không giống như các công chức ngày xách cặp đi làm. Tôi chỉ cần mình có cảm giác mãn nguyện khi viết ra được một tác phẩm ưng ý là đủ.

Các nhà văn, nhà thơ Nhật Bản sống thế nào? Và bản thân anh Ono có sống được bằng nghề không?

Có một số nhà văn sống được bằng nghề khi 400 chữ của họ được trả 300USD. Chỉ một số ít người như vậy thôi. Còn thơ thì không. Thơ ở Nhật không có độc giả. Nếu muốn in thơ thì các tác giả phải tự bỏ tiền ra in. Tôi biết mình sẽ không thể sống được bằng nghề văn nếu như không đồng thời là một giảng viên nữa, nên vẫn đành lấy nghiên cứu để nuôi văn chương thôi. Tuy nhiên công việc nghiên cứu văn học khiến tôi buộc phải đọc rất nhiều sách. Điều này cũng khiến tôi sáng tác tốt hơn.

Viết văn và phê bình thoạt nghe có vẻ như song hành với nhau nhưng cá nhân tôi cảm thấy có điều vướng mắc ở đây. Có khi nào vì cũng là một người viết mà anh mắc bệnh chủ quan khi đánh giá các tác phẩm của đồng nghiệp trong bài phê bình của mình không? Và liệu anh có sợ làm

mất lòng đồng nghiệp khi viết phê bình?

Tôi cũng thường phải viết các bài giới thiệu sách trên báo. Biên tập viên đặt hàng bảo rằng tôi không được chê tác phẩm, không được “nói xấu” tác phẩm, nên tôi toàn khen thôi (cười). Tuy nhiên họ cũng thường lựa những tác phẩm tôi thích để đặt tôi viết. Điểm yếu của tôi là không viết được truyện tình cảm nên họ cũng đâu có bao giờ đặt tôi viết bài phê bình cho tiểu thuyết tâm lý lãng mạn đâu.

Người Nhật có biết nhiều về văn học Việt Nam không, thưa anh Ono?

Hiện nay hầu như không tồn tại khái niệm văn học Việt ở Nhật Bản. Tác phẩm của Bảo Ninh đã được cho vào bộ Văn học thế giới toàn tập nhưng người đọc toàn là những nhà nghiên cứu thôi. Không chỉ riêng văn học Việt mà tình trạng văn học châu Á ở Nhật nói chung là như vậy. Khoa Văn ở các trường đại học Nhật chỉ đưa văn học Âu Mỹ vào trong giảng dạy nên bản thân sinh viên chuyên ngành còn không biết gì nhiều về châu Á. Hơn nữa ngày nay truyền hình và phim ảnh ở Nhật Bản chỉ đầy rẫy những thông tin về Âu Mỹ nên giới trẻ Nhật Bản sẽ rất khó hình dung khi đọc các tác phẩm châu Á khác. Ví dụ khi dịch tác phẩm Việt sang tiếng Nhật, thế nào người dịch cũng phải chú thích rất nhiều “nước mắm” là gì, “mắm tôm” là gì. Chỉ riêng việc thiếu thông tin về văn hóa thôi cũng đã cản trở sự tiếp nhận của người đọc rồi. Ở Nhật Bản, chỉ văn học Mỹ mới phổ biến thôi, còn văn học Pháp, Đức hầu như không được dịch sang tiếng Nhật. Vì vậy nếu văn học Việt muốn được quảng bá ở Nhật thì theo tôi cách tốt nhất nên được dịch sang tiếng Anh. Nó nổi tiếng ở Anh, Mỹ trước đã rồi thế nào cũng được dịch lại sang tiếng Nhật (cười). Mà hiện nay, ở nước tôi chỉ có vài ba người dịch văn học Việt sang tiếng Nhật.

Còn bản thân anh đánh giá thế nào về văn học Việt?

Tôi thật sự cảm thấy xấu hổ khi sang Việt Nam thuyết trình, giao lưu và tọa đàm mà lại không biết gì về văn học Việt, chẳng nói được câu nào về văn học Việt. Trước giờ tôi chủ yếu chỉ đọc và nghiên cứu văn học Pháp. Sau chuyến đi lần này, tôi rất muốn được đọc tác phẩm văn học của các bạn. Murakami và nhiều dịch giả khác đã chinh phục một số lượng tác phẩm khổng lồ đến từ Âu Mỹ. Nhưng tôi cho rằng thế hệ sau cần phải chinh phục dòng văn học dịch từ châu Á nữa. Trong văn học thì mọi quốc gia đều bình đẳng. Quốc gia nào cũng có những tác phẩm hay và nét độc đáo riêng.

Tôi không biết liệu ở Nhật Bản có các trường đào tạo viết văn hay không?

Có vài trường đại học mở khoa sáng tác. Nhưng tôi chưa thấy ai tốt nghiệp các khoa sáng tác ở Nhật Bản mà lại trở thành nhà văn nổi tiếng cả.

Và các tác phẩm tiếp theo của anh cũng vẫn là về “Vũng” chứ?

Tôi bắt đầu viết về các vùng đất khác rồi. Tôi cũng rất quan tâm đến vấn đề di dân và tị nạn trong những tác phẩm sắp tới.

Xin cảm ơn anh Ono và chúc cho chuyến đi của anh thành công tốt đẹp.

Chú thích

Oe Kenzaburo, nhà văn Nhật đoạt giải Nobel năm 1994

Nguồn: Văn nghệ trẻ (2011)

Sinh năm 1970, Masatsugu Ono đã hoàn thành luận án tiến sỹ Nghệ thuật và Khoa học ở ĐH Tokyo, tiến sỹ Văn học của ĐH Paris, là nhà phê bình, dịch giả, phó giáo sư Khoa Văn học, ĐH Meiji Gakuin. Ngoài “Trôi trên Vũng”, các tác phẩm tiêu biểu của anh còn có “Chiếc xe buýt

mini”, “Ven rừng”, “Mênh mông hơn cả đêm đen” và “Ngôi mộ vùi trong nước” đoạt giải thưởng Cây bút trẻ của báo Asahi lần thứ 12 năm 2001. Cho đến nay, Masatsugu Ono đã hai lần được đề cử cho giải thưởng Akutagawa, một trong những giải thưởng văn học danh giá nhất ở Nhật Bản. Những bài phê bình sắc sảo của anh về các nền văn học đương đại khác cũng xuất hiện thường xuyên trên các tờ báo, tạp chí và các trang tin điện tử.

Lời tác giả:

Masatsugu Ono có nụ cười phá lên rất hồn nhiên. Tôi gặp anh trong cuộc tọa đàm với 10 nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình dịch giả trẻ Việt Nam tại Viện Văn học. Thấy mọi người vừa gặp nhau đã tay bắt mặt mừng, hỏi han thân thiết, Ono ngạc nhiên lắm. Anh bảo ở Nhật Bản, các nhà văn chỉ biết đến tên nhau thôi chứ không chơi bời qua lại với nhau thế này. Ấy là Ono còn chưa biết các “nhân sĩ Bắc Hà” giờ vẫn còn thói quen con cò con kê ngoài quán xá hết giờ này sang giờ khác để đàm đạo về văn chương cứ như dăm thế kỷ trước vậy.